

PETER  
MAY

# PHONG TỎA<sup>?</sup>

LOCKDOWN

*Tiểu thuyết trinh thám*

— Người dịch —

Nguyễn Văn Nhật và Nguyễn Thuận Phác



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

EBOOK@VCTVEGROUP

Peter May

**PHONG TỎA**

• **Lockdown** •

Nguyễn Văn Nhật, Nguyễn Thuần Phác *dịch*  
Nhà xuất bản Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh 2021

*“Đây là vi rút cúm tồi tệ nhất mà tôi từng biết... Chẳng còn nơi nào để chúng ta trốn được nữa cả.*

Robert Webster - nhà vi rút học  
St. Jude Childrens Research Hospital  
Memphis, Tennessee, Mỹ

## LỜI NÓI ĐẦU

Vào năm 2005, khi phát hiện rằng tôi không thể nào tìm được một nhà xuất bản cho *The Blackhouse* (tạm dịch Ngôi Nhà Đen), hoặc cho quyển truyện đầu tiên trong loạt truyện Enzo của mình, *Extraordinary People* (tạm dịch *Người Phi Thường*), tôi đã bắt đầu nghiên cứu về một quyển tiểu thuyết trình thám lấy bối cảnh là trận đại dịch cúm gia cầm.

Vào lúc bấy giờ, các nhà khoa học đã dự đoán rằng cúm gia cầm, hay H5N1, có nhiều khả năng trở thành trận đại dịch kế tiếp. Trận dịch Tây Ban Nha năm 1918 đã giết chết ở nhiều nơi trên khắp thế giới khoảng từ hai mươi đến năm mươi triệu người, và cúm gia cầm - với tỉ lệ tử vong khoảng sáu mươi phần trăm hay cao hơn - đã được dự báo vào lúc ấy là sẽ vượt qua con số trên với một khoảng cách đáng kể.

Đã tìm hiểu kỹ về cúm Tây Ban Nha trong lúc viết *Snakehead* (tạm dịch *Cá Lóc*), một đầu sách trong loạt truyện trình thám lấy bối cảnh Trung Quốc của tôi, cúm là một chủ đề tôi đã thành thạo. Nhưng sự thành thạo đó chẳng chuẩn bị cho tôi đi đâu gì từ những tìm hiểu của tôi liên quan đến H5N1, cũng như những nỗi kinh hoàng mà một trận đại dịch cúm gia cầm có thể bộc phát trên thế giới. Tôi bắt đầu nghiên cứu cẩn thận về những hỗn loạn mà nó sẽ có thể gây ra, và xã hội như ta đang thấy có thể bị tan rã nhanh chóng đến mức nào. Tôi chọn London làm bối cảnh cho truyện của mình, nơi bắt đầu bùng phát cơn đại dịch, một thành phố bị phong tỏa hoàn toàn. Trên nền của bối cảnh đó, những mẫu xương của một đứa trẻ bị sát hại đã được phát hiện tại một công trường nơi các công nhân đang hối hả xây dựng một bệnh viện dã chiến. Viên thám tử (quen thuộc) của tôi, Jack MacNeil, được yêu cầu đi điều tra, ngay cả khi chính gia đình anh ta đã bị nhiễm virus.

Suốt sáu tuần lễ gần ngủ miệt mài làm việc cả đêm, tôi đã viết xong quyển *Phong tỏa*. Quyển sách không hề được xuất bản. Các biên tập viên Anh Quốc trong thời điểm đó nghĩ rằng những đi đầu mô tả của tôi về thành phố London bị vây hãm bởi kẻ thù vô hình H5N1 là không thực tế và

chẳng bao giờ có thể xảy ra - bất kể thực tế là tất cả những nghiên cứu của tôi chỉ ra rằng đi đầu đó hoàn toàn có thể. Thế rồi một nhà xuất bản Hoa Kỳ mua loạt truyện Enzo, và những truyện trinh thám về Trung Quốc của tôi lần đầu tiên được xuất bản ở Hợp chủng quốc. Sự tập trung của tôi chuyển sang bờ bên kia Đại Tây Dương, *Phong tỏa* đã được ký thác vào một thư mục trong tài khoản dịch vụ lưu trữ trực tuyến Dropbox của tôi, nơi tác phẩm vẫn còn đấy, đến tận bây giờ.

Khi viết những dòng chữ này, tôi đang ng ồi bó gối tại nhà ở Pháp, bị cấm ra khỏi nhà trừ những trường hợp đặc biệt. Một con coronavirus mới, Covid-19, đang tàn phá thế giới này, và xã hội như ta biết đang nhanh chóng thay đổi. Ngay cả với một tỷ lệ tử vong chỉ là một phần của cúm gia cầm, các chính trị gia đang phải chiến đấu để kiểm soát sự hỗn loạn và sự hoảng hốt mà Covid-19 đang truyền đi trên toàn thế giới. Sự tương đồng với *Phong tỏa* thật đáng sợ. Vì vậy dường như đây là dịp mở lại thư mục Dropbox đầy bụi bặm và khai thác bản thảo cũ kỹ kia để chia sẻ với bạn đọc của tôi - dù chỉ để khiến tất cả chúng ta nhận ra thực sự mọi chuyện có thể tồi tệ đến mức nào.

**Peter May**  
Pháp, 2020

## DẪN TRUYỆN

Tiếng thét của cô vang vọng khắp vùng bóng tối sau khi khó khăn lắm nó mới bật ra được khỏi cái cuống họng đã bị co thắt lại vì sợ hãi. Tiếng thét ấy, run rẩy theo nỗi kinh hoàng mà chính cô cảm nhận được, đủ làm cho lông tóc dựng ngược trên cánh tay hay vai gáy của bất kỳ người nào biết nghĩ đến người khác. Thế nhưng những bức tường dày của ngôi nhà cổ này bao bọc lấy nhau quanh nỗi sợ hãi của màn đêm để bảo đảm rằng chỉ những cái tai đã điếc trước cảnh ngộ của cô mới nghe được tiếng thét ấy.

Y nguyên rửa, rút lên và khắc nhỡ trong bóng tối, giận dữ và thất vọng. Cô có thể nghe tiếng y trên những bậc thang và biết rằng y muốn làm hại cô. Người đàn ông mà cô đã biết rõ và đã tin tưởng, kể cả đã thương yêu. Cô chìm vào trong sự mơ hồ của chính mình. Làm sao mà điều đó có thể xảy ra được? Cô nhớ lại sự đùng chạm nhạt nhẽo khi bàn tay y đặt lên vầng trán nóng bỏng của cô suốt những ngày dài bị hành hạ bởi cơn bệnh. Trong ánh mắt của y cũng có chút thương hại. Nhưng ánh mắt ấy giờ đây cháy bỏng sự giận dữ và hiểm độc.

Cô nín thở. Y đã leo lên một cầu thang khác. Y nghĩ cô vẫn còn trên tầng thượng và cô lén rời khỏi phòng đọc sách để thấy được cái bóng của y trên các bậc thang khi y tiến lên đến tầng áp mái. Thế rồi cô quay lại và vội vàng đi xuống, đôi chân nhỏ nhắn rón rén bước trên tấm thảm dày tới chỗ ánh sáng lọt qua cửa sổ lắp kính màu chiếu xuống sàn của gian phòng chính. Những ngón tay tuyệt vọng nắm lấy và xoay tay nắm cửa. Nhưng cửa ra vào đã bị khóa. Không có lối thoát.

Cô lạnh cóng cả người khi nghe tiếng y gầm rống từ trên tầng thượng của tòa nhà. Y biết rằng y đã mất cô. Trong một khoảnh khắc, cô ngần ngại. Những bậc đá đi xuống tầng hầm bắt đầu từ phòng tắm bên dưới cầu thang. Nhưng cô biết nếu đi xuống đây thì cô sẽ bị mắc kẹt. Ở đó chỉ có một cái máng trượt cũ kỹ dùng để chuyển than dẫn đến một khoảng hành lang

giữa những căn nhà; và mặc dù có thân hình nhỏ nhắn, cô cũng không đủ nhỏ bé để lách người qua khoảng trống ấy.

Cả tòa nhà rung chuyển với những bước chân của y trên các bậc thang và cô quay lại trong hoảng loạn chỉ để thấy rằng mình phải đương đầu với một bé gái. Một con ma trong một bộ váy ngủ màu trắng mái tóc đen cắt ngắn, cặp mắt hình trái hạnh đào mở to và đen nhánh, gương mặt bệch phẫn. Hình ảnh của đứa trẻ gây nên nỗi sợ hãi xuyên qua người cô như những lưỡi nhọn của con dao vẫn chờ đợi cô, trước khi cô nhận ra rằng chẳng qua đó là cô đang phản ứng với sự suy nghĩ của chính mình mà thôi. Sự sợ hãi đã làm cho cô không thể nhận biết đúng sự vật.

“Choy!”, cô nghe y gầm lên trong khu vực cầu thang, và chợt nhớ đến người phụ nữ đầu tiên đã hướng dẫn y và cô đi thăm toàn bộ ngôi nhà này vài tháng trước. Bảng điều khiển đặt âm tường của phòng ăn rộng lớn ở ngay trước mặt. Một căn phòng mà họ chưa hề sử dụng. Một căn phòng luôn sôi sục trong một bóng tối ngọt ngào, ánh mặt trời lúc ban ngày và những ngọn đèn lân lượt chiếu qua những vết tưa ra quanh mép những bức rèm. Nhân viên hãng bất động sản đã dờn chỗ một chiếc bàn nhỏ để đỡ bỏ bảng điều khiển và để lộ một cửa ra vào nằm phía sau. Một cánh cửa cũ kỹ sơn trắng với cái tay nắm tròn mà cô đã mở vào vùng bóng tối phía bên kia. Vùng bóng tối ẩm ướt, lạnh lẽo, bụi bặm của một căn phòng gạch nhỏ, nơi từng có một gia đình gồm sáu người đã thu mình trong màn đen để trốn tránh những cuộc thả bom.

Choy không hình dung được bà chủ nhà có ý nói về điều gì khi bà dùng từ “blitz” nhưng cô đã được nghe nói rằng khi những chiếc máy bay thả bom của Đức hoàn tất cuộc tấn công London, chúng chuyển hướng bay về phía Nam và trút tất cả lượng bom dư trong khoang tàu xuống khu vực bất hạnh này. Rồi khi còi báo động vang lên, dân chúng nhón nháo như bầy chuột chạy vội vào “những chiếc bẫy chuột bằng gạch” của họ để nghe ngóng, để thấp thỏm chờ đợi và để cầu nguyện trong tâm tối. Choy lại nghe y gào thét gọi tên cô lần nữa, hết như tiếng còi báo động của hơn nửa thế kỷ trước, tiếng thét khiến cô nháo nhác chạy vội vào căn phòng phía trước.

Vội vàng, cô đẩy trượt chiếc bàn nhỏ qua một bên và dò dẫm để tháo bớt những vật ẩn giấu trên tấm bảng điều khiển màu xanh sẫm. Tấm bảng quá nặng, đôi bàn tay nhỏ bé của cô phải vật lộn để nạy cho nó rời ra. Cô có thể nghe thấy tiếng y trên đầu cầu thang tầng trên, thế rồi có tiếng bước



chân của y trong phòng ngủ chính ở ngay phía trên. Cô kéo lệch tấm bảng điều khiển qua một bên rồi đẩy mạnh cánh cửa. Nó mở vào một vùng tối om om, một luồng không khí lạnh lẽo và ẩm thấp bao bọc khắp người cô. Cô bước hẳn vào bên trong rồi kéo tấm bảng điều khiển trở về chỗ cũ. Từ phía trong, cô không thể nào gắn chặt nó lại mà chỉ cầu nguyện để y đừng phát giác. Cô đóng cửa lại, mọi ánh sáng đều tắt ngấm. Cô ngồi xồm trên mặt đất rồi vòng cả hai tay ôm lấy đầu gối cho có chút hơi ấm. Chung quanh cô thật lạnh, thật tối tăm và thật cùng quẫn.

Không hề có lối thoát. Cô không thể tưởng tượng làm thế nào mà sáu con người có thể ép chặt vào nhau trong khoảng không gian này. Thật là vượt ngoài sức tưởng tượng điên rồ nhất của cô để biết người ta có cảm giác như thế nào khi nghe tiếng bom rơi khắp chung quanh rồi tự hỏi liệu mình có phải là người kế tiếp hay không. Thế nhưng cô không cần tưởng tượng để hình dung về người đàn ông mà giờ đây cô đang nghe tiếng bước chân trên những bậc thang hay ánh sáng lấp lánh trên lưỡi dao mà cô biết chắc y đang mang theo. Nhà nuôi trẻ mồ côi ở Quảng Đông là một ký ức xa vời, đưa trẻ lúc ấy là cô, một con người khác trong một cuộc đời khác. Chỉ trong sáu tháng mà quá nhiều điều đã thay đổi, thế nhưng dường như vẫn có một điều gì đó vĩnh cửu, và cuộc đời khác kia chẳng qua chỉ là cái bóng của một giấc mộng.

Cô thở hắt hơi, gập gáp và ồn ào một cách bất thường. Nhưng hơn cả điều đó, cô có thể nghe thấy y đang có mặt ở sảnh trước. Những bước chân nặng nề trên sàn gỗ. Sự giận dữ trong giọng nói khi y gọi tên cô lần nữa. Rồi lại im lặng. Sự im lặng khiến từ khoảnh khắc này đến khoảnh khắc khác dường như kéo dài hàng nhiều giờ đồng hồ. Cô vội nín thở, càng lâu càng tốt, vì cô tin chắc rằng y sẽ nghe thấy, vẫn là sự im lặng. Thế rồi cô thở hắt hển khi nghe tiếng võ của tấm bảng điều khiển ở mặt ngoài của cánh cửa. Tim cô đập mạnh đến nỗi cô có cảm tưởng ai đang đâm vào ngực mình.

Tay nắm cửa xoay. Cô ép sát người vào tường khi cánh cửa từ từ mở ra. Ánh sáng từ gian sảnh hắt bóng y lên khuôn cửa sau lưng y. Cô có thể thấy hơi thở của cô, đọng thành sương trong làn không khí lạnh, được rọi vào bởi cùng luồng ánh sáng ấy. Y từ từ cúi xuống rồi vươn tay về phía cô. Cô không thể nhìn thấy mặt y nhưng có thể nghe được tiếng cười mỉm của y.

*“Hãy lại đây với ba nào”, y dịu dàng lên tiếng.*

# CHƯƠNG MỘT

## I

Những người bạn của Công viên Đức Tổng Giám mục - những người còn sống - đang khắc ra máu. Những ai đã qua đời hẳn là đang quay trở lại một phần của họ. Bao nhiêu năm có kế hoạch cẩn thận nhằm bảo tồn mảnh đất nhỏ bé thân thiện này cho dân cư hạt Lambeth đã bị quét sạch bởi chỉ một đạo luật khẩn cấp của Nghị viện. Một lá cờ được treo lơ lửng trong bóng tối bên trên những tháp canh có bố trí lỗ châu mai của tòa cung điện. Ngài Tổng Giám mục vẫn đang ở trong cung điện. Nhưng vì những chiếc xe ủi đất đã bắt đầu hoạt động từ lúc năm giờ, chỉ sau sáu tiếng đồng hồ nghỉ ngơi ngắn ngủi, có vẻ khó có khả năng là ngài còn đang ngủ. Cũng không có vẻ như những vị tiền nhiệm của ngài, những người đã hiến mảnh đất công viên này cho cư dân của hạt, đang nghỉ ngơi trong bất cứ hoàn cảnh nào giống như là sự an bình.

Những ngọn đèn hồ quang soi sáng cả công trường. Đường đi của xe bánh xích đã cày xới tung tóe và làm lớp đất mặt bị ngậm nước trên khắp vùng đất nơi trước đây trẻ em thường chơi đùa, tiếng vọng của những giọng nói trẻ thơ nay chìm ngấm bởi những tiếng động ầm ầm của máy móc. Những thanh hàng rào bao quanh sân bóng đá và sân bóng rổ đã bị tháo rời ra rải quãng đi. Tàn tích còn lại của những chiếc xích đu, những giàn xà vận động dành cho trẻ em được chắt đóng bên cạnh những tòa nhà bỏ hoang ở mặt tây của công viên chờ được dọn sạch. Khối nhà vệ sinh cổ xưa, đã có kế hoạch cải tạo thành khu giải khát, cũng đã bị ủi sập. Thời gian là vấn đề cốt yếu. Hàng trăm người đã được chỉ định phục vụ cho công việc này. Các ca làm việc kéo dài mười tám tiếng đồng hồ. Chẳng ai phàn nàn. Lương tiền hậu hĩ, mặc dù chẳng biết tiêu tiền ở đâu.

Họ đi đi lại lại dưới ánh đèn, chẳng ai nói với ai câu nào. Những hình nhân trong bộ quần áo bảo hộ toàn thân và nón bảo hộ màu cam, đeo mặt nạ chống độc màu trắng. Người nào người nấy tuân thủ những chỉ thị cho riêng mình - và giữ khoảng cách với người khác. Thuốc lá vẫn được hút thông qua chỗ phần vải mỏng của những chiếc mặt nạ chống độc, để lại những vết tròn vì ố nicotine, và có một lò than được giữ cháy âm ỉ để thiêu hủy những đầu mẩu thuốc lá. Sự nhiễm trùng rất dễ lây lan.

Ngày hôm qua họ đã đào những hố móng. Hôm nay, những chiếc xe tải mang máy trộn đang âm ỉ kéo đến theo từng đội để lấp móng bằng bê-tông. Một chiếc cần cầu khổng lồ đã có mặt trên công trường, sẵn sàng kéo lên và di chuyển những thanh đà thép vào vị trí. Một phái đoàn thuộc ủy ban khẩn cấp đã đi bộ từ Westminster đến vào buổi chiều hôm trước để quan sát, với hy vọng và cả lo sợ, sự hủy hoại cố ý mà họ đã phê chuẩn trong nỗi tuyệt vọng. Khẩu trang vải trắng che đi khuôn mặt của họ nhưng vẫn không giấu được nỗi băn khoăn trong ánh mắt. Những người này cũng chỉ quan sát trong im lặng.

Bỗng một giọng nói cất lên át cả tiếng trộn xi măng và tiếng rào rào của những chiếc máy đào. Một hình nhân giơ tay lên trong bóng tối, kêu gọi ngừng lại. Ông ta cao, mảnh khảnh và trông có sức khỏe, ngẩng chên vênh trên mép một miệng hố sâu chừng ba thước ở góc tây bắc. Chiếc máng dẫn bê-tông đang vạch một đường cong rộng thì đột ngột dừng lại. Chỉ một khoảnh khắc nữa là cái máng trút đổng bùn lầy nhầy màu xám trong lòng máng vào lòng đất. Người đàn ông lom khom trên mép hố nhìn chằm chằm vào lòng hố tối đen. “Có cái gì đó ở dưới ấy”, ông ta gào lên; ngay lúc ấy người quản đốc công trường giậm dũ sải những bước dài băng qua bùn đất tiến về phía người đàn ông.

“Chúng ta không có thì giờ cho việc này. Tiếp tục đi!” Ông ta quơ bàn tay có đeo găng dày về phía người đàn ông đang nắm cần điểu khiển máng bê-tông. “Đẩy nó xuống.”

“Đừng, chờ đã.” Người đàn ông cao gầy nhún mình vượt qua mép hố rồi nhảy vào hố, biến mất khỏi tầm nhìn.

Viên quản đốc ngược mắt nhìn trời. “Chúa cứu vớt chúng con. Mang đèn lại đây!”

Một nhóm đàn ông chen chúc quanh miệng hố khi một chiếc giá ba chân lắc lư và một ngọn đèn nghiêng xuống. Người đàn ông cao gầy ấy cúi

người xuống một thứ gì đó bé nhỏ u ám. Ông ta ngược lên nhìn những gương mặt đang ngó chăm chăm vào mình rồi che mắt trước ánh sáng chói lòa của ngọn đèn. “Một cái túi du lịch chết tiệt”, ông ta nói. “Một cái túi du lịch bằng da. Một thằng khốn nào đó nghĩ rằng chúng ta đào cái hố này chỉ để cho nó có chỗ đổ những thứ rác rưởi của nó.”

“Thôi nào! Ra khỏi đây ngay đi”, viên quản đốc quát lên. “Chúng ta không được phép chậm trễ.”

“Có gì trong đó vậy?” Người nào đó kêu lên.

Người đàn ông cao gầy ấy lấy tay áo quẹt mồ hôi trán rồi gỡ một chiếc găng tay ra để mở khóa kéo của chiếc túi. Cả đám đông cúi xuống sát hơn để cố nhìn xem cho rõ. Thế rồi người đàn ông ấy nhảy ngược về phía sau như thể ông ta chạm phải sợi dây đang dẫn điện, “Lạy Chúa tôi! Cái gì vậy?”

Họ có thể thấy thứ gì đó màu trắng, thứ gì đó bắt sáng. Người đàn ông cao gầy lại ngược lên. Ông ta thở hển hển, những hơi thở ngắn, và toàn bộ màu sắc trôi sạch khỏi gương mặt vốn sẵn nhợt nhạt vì thiếu ngủ. “Ôi Chúa tôi!”

“Cái quỷ gì vậy?” Viên quản đốc đã mất kiên nhẫn.

Người đàn ông trong miệng hố thận trọng cúi xuống chiếc túi du lịch lần nữa. “Một đống xương”, ông ta nói với một giọng khàn đục vì xúc động, tuy nhiên tất cả bọn họ đều nghe rõ. “Xương người.”

“Làm thế nào anh biết đó là xương người?” Một người nào đó trong nhóm lên tiếng hỏi. Giọng người này oang oang như thể vì bị kích động.

“Bởi vì có một cái hộp sọ ngược nhìn tôi.” Người đàn ông cao gầy cũng quay cái hộp sọ của mình nhìn lên, và dường như da mặt của ông ta bị kéo ra thật căng. “Nhưng cái hộp sọ này nhỏ. Quá nhỏ để là của một người trưởng thành. Nó chỉ có thể là từ một đứa trẻ.”

## II

MacNeil đã ở một nơi nào đó rất xa. Một nơi nào đó anh không nên có mặt. Một nơi nào đó ấm áp, tiện nghi và an toàn. Nhưng có một sự day dứt kỳ lạ ở sâu trong tâm trí anh, một cảm giác bồn chồn vì một điều gì đó bị lãng quên, một điều gì đó bị bỏ lỡ. Và rồi anh đã nhớ lại, với một sự bắt đầu đầy khó chịu, rằng anh đã không làm việc cả nhiều tháng rồi. Làm sao anh có thể quên được chứ? Nhưng trước đó anh đã làm việc rồi mà, anh biết thế! Anh đã có được sự hồi tưởng mơ hồ ấy. Ôi, Chúa tôi, anh sẽ giải thích việc đó thế nào đây? Làm sao anh có thể nói cho họ biết anh đã ở đâu, hay tại sao vậy? Ôi trời! Anh cảm thấy nôn nao.

Anh nghe tiếng điện thoại reo và biết rằng đó là họ. Anh không muốn nhắc máy. Anh có thể nói điều gì? Họ đã trả lương cho anh suốt thời gian này, thế mà thậm chí anh còn chẳng bận tâm đến chuyện phải trình diện. Hẳn là phải có những người khác bao biện phần việc của anh. Để lấp đầy những phiên làm việc của anh. Chắc là họ giận dữ, kết tội. Thế rồi chuông điện thoại lại reo, và anh vẫn không muốn trả lời. “Câm đi!” anh nạt chiếc điện thoại. Nó chẳng thèm quan tâm đến anh, mỗi tiếng reo như một mũi dao đâm vào tim anh. Nó sẽ tiếp tục đâm vào tim anh cho đến khi anh nhắc cái ống nghe lên. Mồ hôi tươm ra khắp trán. Có điều gì đó đang bám lấy anh. Và anh càng cố gắng để giải thoát mình thì nó càng bám chặt.

Anh lảo đảo, co kéo, phản đối và cuối cùng tỉnh giấc thờ ờ hờ hững, trừng trừng nhìn lên trần nhà bằng đôi mắt mở to sợ hãi, mái tóc cắt ngắn của anh ướt đẫm trên chiếc gối kê đầu. Những con số điện tử 06:57 chiếu sáng trải dài phía trên. Đó là thứ duy nhất mà anh đã mang theo từ nhà. Một món quà của Sean. Một chiếc đồng hồ báo thức chiếu những hình ảnh hình ảnh ngoại lên trần nhà. Không cần phải ngoái đầu lại để xem đồng hồ trong suốt những giờ mất ngủ. Luôn luôn có trên bầu trời chiếc đồng hồ lớn ấy để nhắc người ta rằng thời gian có thể trôi đi chậm đến mức nào.

Tất nhiên, anh biết rằng thực sự Sean không phải là người đã mua chiếc đồng hồ này. Martha biết rõ anh ưa thích những vật dụng tiện nghi lặt vặt của mình như thế nào. Nhưng chính Sean là người đã có niềm vui của việc tặng anh món quà đó. Niềm vui hồn nhiên mà dường như chỉ một đứa trẻ mới thấy có ngu ngốc gốc từ hành động cho đi cũng thật như nỗi hoan của việc thụ nhận.

MacNeil gỡ mình ra khỏi tấm khăn trải giường đã ướt đẫm mồ hôi và vung cả đôi chân qua mép giường. Không khí lạnh bao trùm lấy anh. Dậy

thôi nào! Chuông điện thoại vẫn tiếp tục reo. Và, giống như trong giấc mơ, anh biết nó sẽ không bỏ đi. Vươn tay đến chiếc tủ cạnh giường, anh nhấc ống nghe điện thoại. Đôi môi còn mím chặt, anh ậm ừ, “Nghe!”

“MacNeil này, tôi hy vọng là anh đang tỉnh táo.”

Nhắc đầu lười ra khỏi vòm khâu cái, MacNeil cảm nhận được hương vị Whisky vẫn còn nồng nặc trong hơi thở. Anh cựa nhử trong mắt. “Tôi không sẵn sàng trong mười hai tiếng đồng hồ nữa.”

“Này nhóc, hãy có mặt ngay bây giờ. Ca làm việc gấp đôi. Tôi đã hình dung rằng anh có thể chấp nhận được vì hôm nay là ngày cuối cùng của anh. Hai người khác của tôi đang có mặt tại chỗ.”

“Đồ chết tiệt!”

“Đúng là đồ chết tiệt. Có kẻ nào đó đổ rác vào sân sau của chúng ta và tôi chẳng còn ai khác để gửi đến!”

MacNeil nằm ngửa đầu lại và lơ lơ nhìn vào chiếc đồng hồ tuyệt vời trên bầu trời. Dù sao thì anh cũng chẳng biết làm gì khác để tiêu phí nốt mười hai tiếng đồng hồ kế tiếp. Anh chẳng bao giờ ngủ được khi trời đã sáng. “Có vấn đề gì vậy?”

“Một đồng xương. Một đám công nhân trên công trường tại Công viên của Đức Tổng Giám mục tìm thấy chúng ở dưới đáy một hố móng.”

“Nghe như họ cần một anh chàng chuyên gia khảo cổ chứ không phải là một tên cóm!”

“Đồng xương ấy nằm trong một túi du lịch bằng da, mà hôm qua thì chưa có.”

“Ái chà!”

“Tốt nhất là xuống thẳng đó đi. Ngài Bộ trưởng quát tháo rầm trời vì họ phải ngừng công việc. Gói ghém vụ này cho lẹ nghe! Tôi cũng chẳng cần đến cái vụ chết tiệt này đâu.”

MacNeil cau mày vì tiếng “cách” của điện thoại vang vào tai. Laing đã gác máy.

Trong phòng tắm ngang đầu cầu thang, MacNeil lục lọi sâu vào những suy nghĩ trống rỗng của mình trong lúc đánh răng. Bàn chải răng của những người khác nằm chen chúc nhau trong một chiếc ly sứ có hoa văn đựng bàn chải và kem đánh răng. Anh luôn giữ những vật dụng cá nhân trong phòng

riêng và không bao giờ đùng vào thứ gì ở phòng tắm công cộng. Đến mức anh còn xịt rửa những chiếc vòi nước trước khi sờ vào chúng. Anh cần cạo râu. Và một vài giờ ngủ nướng có thể giúp cải thiện những vết quầng thâm bên dưới cặp mắt. Tuy nhiên chẳng có đi đâu gì sẽ xóa bỏ được những hư hại trong vài tháng qua. Chiếc mặt nạ chống độc ép quá sát đã khắc dấu trên một gương mặt chưa đến tuổi bốn mươi. Đó không phải là một hình ảnh mà anh quan tâm để phải nhắc đi nhắc lại.

Anh miết chặt lưỡi dao cạo lướt qua bộ râu rậm rạp đen sì mọc quanh cằm và nghe có người đang kích động ở phòng kế bên. Anh chàng môi giới bán xe. Ngày đầu khi MacNeil nhận một căn phòng ở đây, người chủ nhà, hiện còn sống dưới tầng trệt, đã giới thiệu với anh một bản danh sách theo thứ tự những người bạn trọ. Một viên bác sĩ đã ly dị, bị cấm hành nghề, thường có thể cung cấp thuốc men cho hầu hết những người bệnh. Một con người có ích cần có chung quanh khu dân cư, nhất là trong những ngày này. Anh chàng môi giới bán xe. Đứng tính, người chủ nhà nghĩ vậy nhưng không sẵn sàng chấp nhận như vậy. Có hai viên chức của liên hiệp công nhân đường sắt, thực ra hiện nay người ta không gọi như thế nữa nhưng anh không thể nhớ được rằng bây giờ họ gọi là gì. Một người từ Manchester còn người kia từ Leeds, và họ từng có thời gian làm việc ở văn phòng của ủy ban đi đầu hành liên đoàn ở London. Liên đoàn này đã có một sự sắp xếp lâu dài ở đường Baalbec. Trong ngôi nhà này chỉ có một người phụ nữ. Cô ta hơi bốc mùi và trông cứ như người chết, người chủ nhà quả quyết rằng cô ta chơi hàng trắng. Nhưng cô này thanh toán tiền nhà rất đúng hạn, vậy thì ông là ai mà bày đặt lên giọng phán đoán cô ấy.

Đó là một bộ sưu tập kỳ lạ của loài người bị đặt nhầm chỗ, sống bên lề xã hội ở một loại khu vực tranh tối tranh sáng nơi mà người ta không sống chẳng chết mà chỉ tồn tại. Khi anh đến đây lần đầu tiên - có phải thực sự cũng mới chỉ năm tháng thôi? - MacNeil đã có cảm tưởng như kẻ ngoài cuộc. Một kẻ nào đó nhìn vào. Một quan sát viên. Anh chẳng thuộc nơi này, và cũng sẽ chẳng ở lại. Nhưng tất cả đám người ở đây đã phải nghĩ về đi đầu đó một lần nữa. Và nay, cũng như họ, anh đã không thể thấy lối ra. Anh không còn là kẻ ở ngoài nhìn vào mà là kẻ ở trong nhìn ra.

Anh đã chọn khu vực này bởi vì anh cảm nhận đó là một nơi mà anh có thể mang Sean đến. Nó không phải là một khu ổ chuột. Ở đây vẫn còn một chút ý thức về sự nhã nhặn mặc dù hơi mờ nhạt. Highbury Field nằm ở



cuối con đường. Một nơi mà anh và Sean có thể cùng đá banh, dắt chó đi dạo - nếu hai bố con anh có một con chó. Một số những tên đường cũng vậy, chứa đựng ý nghĩa của những tổ ấm. Aberdeen, Kelvin, Seaforth, Fergus. Có một đi đâu gì đó quen thuộc và gọi lên sự an ủi, trong những âm hưởng của một xứ Scotland mà anh đã rời bỏ từ lâu. Có một hồ bơi chỉ cần đi tới một chút từ Highbury Corner. Người chủ nhà đã nói với anh rằng hồ bơi ấy từng được mở cửa tùy theo thời tiết. Nhưng một thế hệ kém dày dặn hơn đã xây những bức tường bao quanh hồ bơi rồi lợp lên bên trên đó một lớp mái. Lại thêm một nơi nữa mà anh và Sean có thể trải qua - nên nói là gì nhỉ? - những thời khắc thân mật giữa cha và con. Và MacNeil đã tưởng tượng mình sẽ mua cho cả hai cha con những tập vé theo mùa để đến xem đội bóng Các Pháo Thủ tại sân vận động Emirates.

Nhưng mẹ của Sean đã từ chối, không đồng ý cho cậu bé đi xuyên qua thành phố để đến tận Islington. Đi đâu đó quá nguy hiểm. Có lẽ phải chờ đến lúc tình trạng khẩn cấp này chấm dứt.

MacNeil mặc áo choàng rồi kéo cao cổ áo. Bộ trang phục của anh cần được ủi cho thẳng thớm, hơn nữa, chiếc sơ mi trắng của anh hơi bị sờn quanh mép cổ áo. Chiếc khuy áo trên cùng cũng đã bị đứt cho nên anh phải thắt thật chặt chiếc cà-vạt để giấu đi. Anh đeo găng tay vào rồi hấp tấp đi xuống cầu thang đến gian tiệp sảnh hẹp ở tầng trệt. Đã có lúc, mới chỉ một tháng trước đây thôi, người chủ nhà thường đi vòng quanh tòa nhà thò đầu vào từng phòng để chào buổi sáng. Nhưng nay thì chẳng ai nói chuyện với ai. Tất cả đều quá sợ hãi.

### III

Khi đóng cửa, MacNeil đã có thể nghe được tiếng chuông điện thoại phòng mình reo lên ở tầng thượng của tòa nhà. Anh không muốn nói chuyện lại với Laing cho nên anh vội vàng lôi chiếc điện thoại di động của mình ra rồi bấm tắt nguồn.

Không khí trong chiếc xe của anh lạnh như đá khi anh ngó vào sau tay lái. Tuy không có sương giá nhưng hơi nước ngưng tụ cũng đã làm mờ

tấm kính chắn gió. Anh khởi động máy quạt gió và lái xe xuống đường Calabria. Đài phát thanh đang phát đi một tuyển tập những bản nhạc thịnh hành từ năm ngoái. Chẳng ai đưa ra bất kỳ một tin tức mới nào trong suốt hai tháng qua. Nhạc liên tục chuyển từ khúc hát này đến khúc hát khác, và MacNeil cảm thấy hài lòng vì sự vắng mặt của những gã DJ thiếu chất xám, tào lao, thường chiếm trọn những tần số sóng phát thanh buổi sáng sớm. Anh đã bỏ lỡ bản tin lúc 7 giờ 30.

Như mọi khi, tuyến đường đi vào thành phố được định đoạt bởi những trạm kiểm soát của quân đội. Một số khu vực hoàn toàn bị cấm, kể cả đối với người như anh. Có những đường ranh đòi hỏi phải có giấy phép đặc biệt mới được qua. Anh cho xe chạy xuống phía nam đến tận Pentonville, rẽ theo hướng tây đi dọc đường Pentonville để vào đường Euston. Bấy giờ đã gần 7 giờ 45 và không gian tràn ngập một thứ ánh sáng xám đang cố gắng vượt lên bằng cách đẩy đám mây xám bạc ở dưới thấp có vẻ đang lướt qua đỉnh những tòa nhà chọc trời ở phía xa. Trong một đời sống khác, xe tắc-xi, xe buýt và hoạt động giao thông giữa nội thành và ngoại thành sẽ làm nghẽn những con đường giao thông huyết mạch của thành phố, chẳng khác gì chất béo làm xơ vữa động mạch. MacNeil vẫn không thể nào quen được với những con đường vắng vẻ. Có một sự yên tĩnh khủng khiếp trong ánh sáng của buổi sáng sớm này. Anh vượt qua một chiếc xe chở lính, những người lính đeo mặt nạ phòng độc và kính bảo hộ đăm đăm nhìn ra từ phía sau những tấm vải bạt màu kaki che bên ngoài, trông giống những người lính lạnh lùng ở trong một bộ phim chiến tranh giữa các vì sao, ôm những khẩu súng trường mà tất cả đám họ cũng bị buộc phải thường xuyên sử dụng.

Bấy giờ vì đang là ban ngày, đang có sự giới hạn lưu thông đối với xe thương mại và xe của tư nhân, với giấy phép cần thiết để được di chuyển quanh những khu vực đã được xác định trước trong thành phố, được theo dõi bởi máy quay phim hay vệ tinh. Sự kiểm soát hết sức nghiêm ngặt quanh vùng trung tâm thành phố, nơi mà hầu hết những vụ cướp bóc từng xảy ra. Chính phủ đã sử dụng hạ tầng cơ sở của trạm thu phí chống ùn tắc cũ để giám sát và kiểm soát tất cả mọi xe cộ đi ra đi vào khu vực ấy. MacNeil lái xe chạy chậm chậm dọc theo khu vực giới hạn ở phía bắc, vượt qua trạm Euston vắng lặng trước khi quẹo sang phía nam để vào đường Tottenham Court, nơi một máy quay đã ghi nhận bằng số xe của anh

và chuyển ngay thông tin ấy về hệ thống điện toán trung tâm. Nếu không có giấy phép, có nhiều khả năng là anh sẽ bị chặn lại trong vòng vài phút.

Những con đường mua sắm của thành phố trông giống như một bãi chiến trường. Những cửa hàng nếu trước đây các cửa kính chưa bị đập vỡ thì nay đang được đóng kín lại bằng ván dày. Xúc những chiếc xe bị ăn trộm cháy rụi nằm rải rác bên lề đường, những mảnh vụn và rác rưởi của một xã hội đã có thời văn minh vương vãi khắp những con đường đổ nát. Tàn tích của một đêm bạo lực khác. Nhà hát Dominion, đối diện với nhà ga tàu điện ngầm trên đường Tottenham Court, chỉ còn trơ cái khung cháy đen. Mỗi khi trời mưa, không khí vẫn nặng nề mùi của những thứ đã bị đốt cháy thành than khi vở kịch cuối cùng được diễn tại đây bị tấn công, vở *The Death of a Salesman*. Cũng vậy, nhà hàng McDonald đã bị hủy hoại toàn bộ từ bên trong. Thịt bò băm viên nướng vỉ bị nướng quá lâu. Cửa hàng cung cấp dụng cụ tình dục Harmony đã bị đập phá nhiều lần đến nỗi những người chủ không còn bận tâm đến việc che chắn cho nó nữa, và biểu tượng một người phụ nữ quyến rũ đầy nguy hiểm ăn mặc hết sức thiếu vải trong trang phục bằng da màu đen vẫn bĩu môi thách thức khi MacNeil lái xe đi qua.

Xa hơn về phía nam, vở kịch *The Mouse Trap* cuối cùng đã chấm dứt chuỗi trình diễn phá kỷ lục của nó, và Nhà hát St. Martin, với tất cả những ngọn đèn neon bị đập vỡ và rút ra khỏi các bức tường, trông thật buồn thảm và nhếch nhác.

MacNeil bị chặn lại ở một trạm kiểm soát quân đội đặt tại Rap xiếc Cambridge. Mặc dù đã quen với biện pháp này, nhưng anh không bao giờ có thể cảm thấy thoải mái khi nửa tá những khẩu súng trường bán tự động chĩa vào đầu mình. Một người lính ủ rũ trừng mắt nhìn anh từ phía sau chiếc mặt nạ chống độc của y, giữ khoảng cách và với lấy giấy tờ của anh bằng đôi bàn tay đeo găng cao su. Người lính nhanh chóng trả lại những giấy tờ ấy, nóng lòng thoát khỏi chúng, như thể bằng cách nào đó những giấy tờ ấy cũng bị nhiễm khuẩn - đi đâu rất có khả năng xảy ra.

MacNeil tiếp tục lái xe xuống đến đường Charing Cross, qua Quảng trường Trafalgar và vào Whitehall. Ở đây có nhiều hoạt động hơn, một cơ quan dân sự vẫn hoạt động theo một kiểu cách như thể chính phủ đang tìm cách đối phó với một xã hội tan rã. Đàn ông cũng như đàn bà đều đeo mặt

nạ chống độc đi ra đi vào các hành lang quyền lực với cùng những cảm giác tuyệt vọng âm ỉ đã bám chặt hầu hết những người sống ở thủ đô.

Khi đến gần dòng sông, anh thấy khói đen đang bốc lên bầu trời buổi sáng nắng nê từ bốn ống khói của Nhà máy điện Battersea cũ. Một biểu tượng mạnh mẽ hơn về sự bất lực của con người khi đối mặt với thiên nhiên không tha thứ mà anh không thể tưởng tượng được. Đến bây giờ đã có bao nhiêu người chết? Năm trăm nghìn? Sáu trăm nghìn? Hay hơn nữa? Dù sao thì cũng không ai tin vào những con số. Chẳng có cách nào để xác minh. Nhưng ngay cả trong niềm lạc quan nhất của họ, những đi ều mà chính phủ đưa ra hầu như không thể hiểu được.

Bản tin lúc 8 giờ chuyên chở câu chuyện đã được lặp đi lặp lại suốt đêm. Nhưng đây là lần đầu tiên MacNeil nghe bản tin này, và những gì nghe được đã mạnh mẽ tác động đến anh. Ngay sau nửa đêm, các bác sĩ tại Bệnh viện St. Thomas đã thông báo về sự qua đời của Thủ tướng. Hai trong số những người con của ông cũng đã chết, và phu nhân Thủ tướng vẫn đang trong cơn nguy kịch. Tình trạng sức khỏe của Thủ tướng là nghiêm trọng chẳng có gì bí mật. Nhưng nếu nhân vật quyền lực cao nhất của đất nước mà cũng có thể dễ dàng bị thần chết tóm cổ như vậy, thì những người còn lại có cơ hội gì?

Với giọng điệu gây ấn tượng, người đọc tin cho biết đang có những dấu hiệu cho thấy một cuộc tranh giành quyền lực có thể xảy ra giữa Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Tài chính để kiểm soát đảng. Phó Thủ tướng, một kẻ xấu xa mà MacNeil chẳng bao giờ ưa, có ưu thế, vì ông ta sẽ tự nhiên tiếp nhiệm quyền Thủ tướng - ít nhất là tạm thời. Mặc dù vậy, MacNeil không hiểu nổi tại sao ai cũng muốn thế, xét trong hoàn cảnh đó. Dường như có những người không thể cưỡng lại sự quyến rũ của quyền lực. MacNeil lặng lẽ hy vọng rằng ngài Bộ trưởng Tài chính sẽ thắng trong cuộc tranh giành quyền lực này. Đối với anh, dường như người đương nhiệm tại số 11 đường Downing rõ ràng là nhạy cảm hơn, một người đàn ông thông minh và có lương tâm.

Khi xe vượt cầu Westminster, lúc qua một trạm kiểm soát quân đội khác, anh liếc về phía tây để thấy mặt tiền mười một tầng của Bệnh viện St. Thomas vươn cao từ Bờ Nam sông Thames. Ở đâu đó đằng sau khối bê-tông và những tấm thủy tinh, người đã từng đi ều hành đất nước này đang nằm chết. Lạnh lẽo và bất lực, bị lây nhiễm bởi chính những người

con của ông ấy. Xa xa ngoài kia, ba cụm kiến trúc nguyên thủy còn lại của bệnh viện, được gọi tên là thứ Sáu, thứ Bảy và Chủ nhật đang là chỗ phải chen chúc của những bệnh nhân, anh biết, còn ngặt nghèo hơn. Có lẽ nếu bốn cụm kiến trúc khác không bị phá hủy bởi cuộc oanh tạc Blitz của Đức quốc xã, hẳn là không cần thiết phải xây thêm khu bổ sung trong công viên ở phía bên kia đường giữa tình trạng khẩn cấp này.

# CHƯƠNG HAI

## I

MacNeil dừng chiếc Ford Focus của mình ngay trạm xe buýt đối diện với khoa tai nạn và cấp cứu ở đường Lambeth Palace, nhưng chắc chắn rằng không chiếc nào trong số bốn chiếc xe buýt chạy trên tuyến này bị cản trở.

Những cánh cổng và rào chắn ở lối vào Công viên Đức Tổng Giám mục đã bị phá hủy để tạo lối đi cho các thiết bị nặng do các nhà thầu mang vào. Anh nhận ra những chiếc xe không gắn phù hiệu của các điều tra viên pháp y thuộc các phòng thí nghiệm của Sở Khoa học Pháp y mặc dù họ đi bộ thì có thể nhanh hơn, vì phòng thí nghiệm chỉ cách một đoạn ngắn dọc theo con đường hẹp ở cuối phía nam công viên.

Sở Khoa học Pháp y đã buộc phải rút nguồn lực của mình về một cơ sở trung tâm sau lệnh phong tỏa thủ đô, và đã củng cố phòng thí nghiệm Khoa học Pháp y Cảnh sát Đô thị trước đây nằm ở đường Lambeth, làm tâm điểm cho hầu hết các hoạt động phục vụ y tế và khoa học theo yêu cầu của cảnh sát. Ngay bây giờ, các sĩ quan mà họ đã gửi đến đang đứng quanh chờ MacNeil.

MacNeil khảo sát sự tan hoang của công viên, những cỗ máy quái dị đứng im lìm giữa những tàn dư bị xé toạc của những gì từng là một ốc đảo nhỏ màu xanh lục giữa một biển bê-tông và thủy tinh. Hàng trăm công nhân trong bộ áo liền quần màu cam đặc biệt của họ đứng rải rác theo nhóm, nói chuyện và hút thuốc.

Trong ánh sáng của buổi sớm mai đầy sương mù, một nhóm người trông có vẻ ma quái trong trang phục bảo hộ và mặt nạ Tyvek màu trắng tụ tập quanh miệng một cái hố mà lẽ ra bấy giờ đã được lấp đầy bằng xi măng. Một người đàn ông mặc đồ com-ple, khoác một chiếc áo lông lạc đà dài đến đầu gối và đội mũ bảo hộ màu trắng, khéo léo chọn lối đi tránh bùn

ngay khi MacNeil đến gần. Ông ta đeo mặt nạ bằng vải cô-tông trắng loại đờng phục, cũng như MacNeil, rồi thình lình dừng lại ngay bên cạnh anh. “Có phải ông là Thanh tra MacNeil?”

MacNeil giữ khoảng cách, thận trọng nhìn ông ta: “Tôi đây! Nhưng ai hỏi tôi vậy?”

“Derek James. Tôi đến từ văn phòng Phó Thủ tướng. Ông thông cảm nếu tôi không bắt tay ông.”

“Ông muốn gì?” MacNeil chưa bao giờ chậm chạp trong việc đi thẳng vào vấn đề.

James nói với một sự sắc bén nhất định, “Tôi muốn đưa công trường trở lại hoạt động ngay.”

“Chúng ta càng sớm chấm dứt câu chuyện này thì tôi càng sớm hoàn tất những gì tôi phải thực hiện và sẽ không còn làm phiền đến ông nữa.” MacNeil vượt qua mặt ông ta, hướng đến chỗ nhóm người trông có vẻ ma quái đang tụ tập.

James lẽo đẽo đi theo anh, vẫn cẩn thận giữ cho đôi giày của mình không bị dính bùn. “Tôi không nghĩ rằng ông hiểu rõ vấn đề, ông MacNeil ạ! Công trường này đang được thực hiện theo một nghị định khẩn cấp của Quốc hội. Hàng triệu bảng Anh đang được đổ vào đề án này. Có một thời gian biểu nghiêm ngặt. Một sự chậm trễ có thể trả giá bằng nhiều mạng sống.”

“Có người đã chết rồi đó, ông James ạ.”

“Đi đâu đó có nghĩa là họ đã ở ngoài tầm giúp đỡ. Những người khác thì không.”

MacNeil dừng bước và quay lại đối mặt với người đàn ông đến từ Bộ, ông này lập tức chùn người lại, dường như sợ MacNeil có thể phả hơi vào mình. “Xem nào! Mọi người ở đất nước này đều có quyền được hưởng công lý. Dù còn sống hay đã chết. Đó là công việc của tôi. Để thấy rằng công lý được thực hiện. Và khi tôi xong việc của tôi, ông có thể lo cho việc của ông. Cho đến lúc đó, đừng đứng trước mặt tôi.” MacNeil quay lại và lê bước qua vũng bùn đến những người đàn ông trong bộ Tyvek. “Chuyện gì xảy ra ở đây vậy?”

“Cái túi đây xương, Jack à!” một người trong đám trả lời, giọng anh ta bị nghẹt lại bởi mặt nạ. “Họ chỉ mới vừa khai quật ngày hôm qua. Hẳn là ai

đó đã vút nó đem trước.” Người đàn ông đưa mắt nhìn quanh hàng trăm khuôn mặt đang quan sát họ từ xa. “Và những gã này muốn chúng ta ra khỏi đây ngay lập tức.”

“Mọi việc đều phải chờ đúng thời điểm của nó.”

Một người khác trong bộ đồ Tyvek đưa cho MacNeil một đôi dép bọc giày bằng nhựa. “Này, tốt hơn ông hãy mang những thứ này vào, ông bạn.”

MacNeil tròng lớp dép nhựa vào đôi giày rồi chăm chăm nhìn xuống hố. Có một bóng người lom khom dưới đáy hố. “Ai dưới đó vậy?”

“Bạn cũ của ông.”

MacNeil đảo mắt. “Ái chà! Chết tiệt”, anh hạ giọng, thì thầm. “Tom Bennet!”

Anh chàng chuyên viên pháp y cười toe toét đằng sau chiếc mặt nạ, làm nó kéo căng trên gương mặt anh ta.

MacNeil buộc chặt đôi găng tay cao su vào rồi đưa một tay ra. “Giúp tôi xuống đó với!”

Đó là một chiếc túi thể thao đất tiền mang nhãn PUMA trên mặt. Tom đang dùng đôi tay đeo găng mở miệng chiếc túi ra và ngược lên khi MacNeil nhảy xuống bên cạnh anh ta. “Đừng đến gần tôi”, Tom nói. “Không bao giờ anh biết được mình có thể nhiễm cái gì.”

MacNeil tỉnh bơ. “Cái gì trong đó vậy?” anh hỏi.

“Bộ xương của một đứa trẻ.”

MacNeil nghiêng người để nhìn vào. Những mẫu xương trông rất trắng, như thể chúng bị phơi ra dưới ánh mặt trời; một bộ sụn tập đáng buồn về những mẫu những mảnh của những gì đã từng là một con người. Anh chùn người lại trước một mùi thối như thịt thối trong tủ lạnh cả tháng sau khi đã quá hạn sử dụng.

“Mùi của cái quái gì vậy?”

“Đống xương này đây.” Một đường nhăn chung quanh cặp mắt của nhà nghiên cứu bệnh học trẻ tuổi thú nhận thái độ thích thú của anh ta trước điếu mà MacNeil cảm thấy ghê tởm.

“Tôi không biết rằng xương lại nặng mùi đến vậy.”

“Ồ, vâng. Hai, thậm chí ba tháng sau khi chết.”

“Vậy là đến gần đây, đứa trẻ này vẫn còn sống?”



“Rất gần đây, tôi có thể nói như vậy, dựa trên mức độ hôi thối mà đồng xương này mang lại.”

“Vậy đi đâu gì đã xảy ra với lớp thịt bọc bên ngoài?”

“Có kẻ nào đó đã bóc thịt ra khỏi xương. Sử dụng một số dụng cụ cắt khá sắc bén.” Tom nhắc ra một cái xương ống chân dài, khéo léo đặt trên cả hai bàn tay. “Xương đùi đây. Phần lõi của bắp đùi dành cho anh đây. Anh có thể nhìn thấy những đường rạch để lại trên xương bởi con dao, hoặc bất cứ thứ gì hắn ta đã sử dụng. Những vết cắt sâu và rộng, vì vậy nó phải là một dụng cụ nặng.”

MacNeil nhìn vào các vết cắt và đường rãnh trong khúc xương ấy, hầu hết đều chạy song song và bắt đầu cắt vào ở một góc, như thể từ một chuyển động chặt ngang lặp đi lặp lại. “Thế này thì chẳng phải là một tay chuyên nghiệp ư?”

“Tôi không biết loại người nào có thể được mô tả là chuyên gia trong việc cắt thịt từ xương, nhưng đó là một việc khá tàn bạo.” Tom dùng một ngón tay dài và thanh tú vạch xung quanh phần giống củ hành lồi ra ở đầu khớp xương. “Anh có thể thấy những dấu vết nham nhở mà chúng đã tạo ra khi tìm cách tháo khớp nối, cũng như những phần còn sót lại đã khô đi của mô và dây chằng mà chúng không thể gỡ sạch hết được.”

MacNeil nhìn vào cái túi một lần nữa rồi cẩn thận nhắc ra một thứ trông giống như phần cong của một cái xương sườn nhỏ. Anh nghe thấy đầu lên nhìn mảnh xương với vẻ tò mò, lướt những ngón tay chạy dọc theo vòng cung màu trắng nhẵn nhụi của nó. “Làm thế nào mà chúng có thể giữ đồng xương này sạch như vậy?”

Tom nhún vai. “Cứ rửa sạch thôi; có lẽ vậy! Thỉnh thoảng tôi cũng thực hiện như thế khi tôi muốn làm sạch một cái hộp sọ. Đun sôi nó với một ít chất tẩy và bột giặt.”

“Đi đâu đó vẫn không khử hết mùi à?”

Tom làm ra vẻ nhăn nhó với sự thú vị một lần nữa. “Tuy vẫn sẽ bị thối, cho dù anh có nấu chín nó hay không.”

MacNeil nhét mẫu xương sườn ấy vào lại trong cái túi du lịch rồi đứng dậy. Anh nhìn lên những khuôn mặt đang nghiêng người để cố nắm bắt câu chuyện, rồi nhìn xuống Tom. “Ông bạn có thể nói gì về giới tính không?”

“Không phải là lúc này. Nhưng tôi xác định được tuổi là ở đâu đó trong khoảng từ chín đến mười một.”

MacNeil gật đầu với vẻ suy nghĩ, rồi tự hỏi làm sao người ta thực hiện được một cuộc khám nghiệm tử thi với một bộ xương đã bị tháo rời từng mảnh.

Gần như đọc được suy nghĩ của MacNeil, Tom đứng lên bên cạnh anh và nói, “Đương nhiên, tôi không thể thực hiện bất kỳ một kiểu khám nghiệm tử thi thực sự nào. Tất cả những gì tôi có thể làm là trải đồng xương này ra và tìm kiếm manh mối.” Một sợi tóc vàng lóng lóng bị cuốn vào phần nhựa đàn hồi trên chiếc mũ trùm chống thấm của Tom cùng đôi mắt xanh màu ngô biếc của anh ta cứ chăm chăm nhìn thẳng vào mặt MacNeil đến nỗi người đàn ông lớn tuổi hơn phải ngoảnh đi chỗ khác. “Tất nhiên”, Tom nói, “tôi không phải là một chuyên gia về việc gì xảy ra ở đâu. Tôi có thể phân loại các mẫu xương sườn, nhưng không theo đúng thứ tự. Tôi có thể phân biệt được những mẫu xương ngón tay, nhưng không nhất thiết mẫu xương nào phải thuộc về bàn tay nào. Về điều này, chúng ta thực sự cần một nhà nhân học.”

MacNeil miễn cưỡng tiếp xúc với ánh mắt của nhà nghiên cứu bệnh học, “Điều đó có phải là vấn đề không?”

“Cô ấy bị ốm.”

“Ồ!”

“Nhưng tôi có thể đánh giá tổng quát, phát hiện bất kỳ tổn thương xương nào quan trọng và các bộ phận bị thiếu, phục hồi mô từ tủy và cung cấp một số hiểu biết về độc chất học.” Anh dừng lại. “Tôi đề nghị chúng ta đưa Amy vào. Cô ấy giỏi về xương sọ và đã thực hiện nhiều công trình về việc nhận diện con người.”

MacNeil cảm thấy trái tim mình lỡ một nhịp đập trước việc nhắc đến tên cô, và anh tự hỏi liệu gương mặt mình có thể hiện điều đó không. Một chút đỏ mặt, có lẽ. Anh cảm nhận được Tom đang quan sát mình thật kỹ, như thể tìm kiếm một dấu hiệu nào đó, nhưng nếu anh có hơi đỏ mặt thì điều đó cũng không bị tiết lộ trong ánh mắt của mình. “Chắc chắn, nếu đó là những gì ông bạn nghĩ”, MacNeil nói. Anh quay đi và đưa tay ra để được giúp đỡ.

“Cẩn thận”, Tom nói nhanh. “Có người cho rằng thật nguy hiểm khi quay lưng lại với tôi.”

MacNeil từ từ quay đầu lại nhìn anh. Một cái nhìn giận dữ, nguy hiểm, không cần lời.

Tom mỉm cười. “Anh đúng là người có quá nhiều nam tính.”

Sự im lặng bao trùm trên công trường, giống như một màn sương mù thấp. Thực sự thật là dị thường, ở đây, ở ngay trung tâm thủ đô. Không có tiếng ồn giao thông, không có tiếng nói cất lên trong giao tiếp thông thường hoặc giải trí, không có tiếng gầm rú của động cơ phản lực khi những chiếc máy bay lượn quanh Gatwick hoặc Heathrow. Chỉ có những tiếng kêu ai oán của bầy hải âu bay lên cửa sông để thoát khỏi thời tiết bão tố ở Biển Bắc, những mảnh vỡ của vòng lượn trắng trên đầu, vì cả thế giới này như bầy kền kền đang chờ cái chết.

Cái chết đã đến, nhưng không còn gì trên đồng xương này để nhặt ra.

MacNeil nhận biết tất cả những khuôn mặt đang theo dõi mình. Người đàn ông đến từ Bộ bước ra, khoanh tay trước ngực. “Thế nào?”

“Tôi muốn tất cả mọi người rời khỏi công trường”, MacNeil nói. “Chúng tôi sẽ niêm phong để tiến hành lục soát.”

Vị viên chức của Bộ nghiêng đầu sang một bên. Chỉ có đôi mắt của ông ta tiết lộ sự tức giận, “Sẽ có rắc rối đấy.”

“Sẽ có rắc rối nếu có ai không chấp hành đi đâu đã được yêu cầu.” MacNeil cất cao giọng để mọi người trên công trường có thể nghe rõ “Đây là một hiện trường án mạng.”

## II

“**A**nh nói cái quái gì với thằng cha ấy vậy?”

“Tôi nói với ông ta rằng đó là một hiện trường án mạng và chúng tôi sẽ lục soát công trường.”

Laing nhìn anh một cách ngờ vực. “Xem nào, anh có nói cái quái gì đi nữa thì thằng cha đó cũng khá là giận dữ. Anh có biết loại đê tiện nào đang

tấn công tôi ngay lúc này không?”

“Tôi có thể tưởng tượng được.”

“Anh có thể à?” Laing nhìn đồng hồ rồi cầm bộ điều khiển từ xa bật chiếc TV được đặt trên tủ hồ sơ. “Anh biết đấy, khi tôi từ Glasgow xuống đến thủ đô ba mươi năm trước, tôi nghĩ rằng tôi đã bỏ những chàng cao bồi như anh lại đằng sau. Ở đây, mọi người cư xử tốt hơn; biết ý tôi là gì không?”

“Vâng, họ đe dọa ông một cách lịch sự hơn.”

Laing trừng trừng nhìn anh. “Tôi hoàn toàn không bao giờ tưởng tượng được là mình có thể bị ám ảnh bởi một kẻ khó dạy đến từ Cao nguyên ngay khi tôi đang mong muốn được nghỉ hưu.” Ông ta mở to âm thanh tivi lên. Họ đang tường thuật lại về cái chết của Thủ tướng, và rõ ràng Laing muốn nghe đi đầu đó.

MacNeil nhìn thoáng bức ảnh đóng khung của viên Chánh Thanh tra Hình sự và bà vợ được đặt trên kệ sách phía sau bàn làm việc. Họ là một cặp vợ chồng kỳ quặc. Laing xuất thân từ trường phái cảnh sát cũ vốn thuộc tầng lớp lao động ở Glasgow. Ông ta hay chửi thề, thích kể những câu chuyện tiểu lâm thô lỗ, nhưng mạnh dạn xông xáo. Ông ta thích chải tóc bằng sáp hiệu Brylcreem rồi xoa dấm thuốc dưỡng da hiệu Old Spice lên đôi má sáng bóng nhẵn nhụi nhưng đầy những đường gân li ti vì uống nhiều rượu. Người ta đánh hơi được ông ta trước khi trông thấy ông. Ngược lại, bà vợ của ông ta là một phụ nữ quý phái, là con gái của một vị bác sĩ ở Chelsea, ưa thích nhạc kịch và nhà hát, giảng dạy tiếng Anh và kịch nghệ tại Đại học Queen Mary ở London. Họ sống trong một ngôi nhà thuộc dãy phố biệt thự ở đâu đó về phía tây thủ đô. Laing là một người không giống ai trong nhóm những người thân quen của bà vợ. MacNeil không có ý niệm về việc bà vợ của Laing đã thấy được gì ở ông ta, nhưng dù sao thì bà ấy cũng đã góp phần làm nổi bật những ưu điểm của chồng mình. Nhiều người vẫn đối xử như vậy với người khác. MacNeil ngẫm nghĩ, trong khi có thể Martha không khơi gợi những đi đầu tồi tệ nhất ở anh, chắc chắn cô ấy đã không làm lộ ra phần tốt nhất. Anh ghen tị với quan hệ vợ chồng của Laing.

Anh liếc qua cánh cửa mở vào phòng đi đầu tra. Chỉ có hai viên cảnh sát hình sự đang có mặt trong ca trực cùng với vài người mặc đồng phục và nhân viên hành chính. Đại dịch cũng đã gây thiệt hại lớn ở đây.

Có đi đâu gì đó trên kênh tin tức đã thu hút sự chú ý của anh, và anh quay lại thấy một hàng người mặc com-ple màu sẫm ng ồi phía sau một chiếc bàn đang l ần b ần nói gì đó vào máy vi âm. Bọn họ đều đeo mặt nạ, cũng như các nhà báo đang liên tục đưa ra những câu hỏi. Giữa bàn là một người đàn ông có khuôn mặt đã trở nên quen thuộc trong vài tháng qua, kể cả đằng sau chiếc mặt nạ. Người này có đôi mắt to, đen bên dưới đôi lông mày đen rậm tương phản với mái tóc vàng được cắt theo kiểu lính thủy và đeo cặp kính hình bầu dục gọng bạc có phong cách riêng. Người này nói tiếng Anh bằng một giọng mượt mà có chút âm hưởng nước ngoài mà không thể xác định được ngu ồn gốc. Người này tên là Roger Blume, và là bác sĩ phụ trách Lực lượng đặc nhiệm Đại dịch FluKill của Stein-Francks.

“Đồ hút máu chết tiệt!” Lời nói của Liang phản ánh cụ thể ý nghĩ chưa nói ra của MacNeil, “Tôi thấy giá cổ phiếu của họ đang tăng trở lại.”

Stein-Francks là công ty dược phẩm có trụ sở tại Pháp mà loại thuốc chống vi-rút của họ, FluKill, đã được Tổ chức Y tế Thế giới - trong thời gian dẫn đến đại dịch - chọn làm sản phẩm đi đầu trị duy nhất vì phương thuốc này được coi là có hiệu quả nhất đối với bệnh cúm gia cầm, nếu căn bệnh này có khả năng truyền nhiễm từ người sang người. WHO cũng đã cảnh báo rằng một tình huống như vậy là không thể tránh khỏi. Kết quả là những quốc gia trên thế giới có đủ khả năng đã đặt những đơn hàng trị giá hơn ba tỷ rưỡi euro. Chỉ riêng nước Anh đã mua gần mười lăm triệu liều thuốc để đi đầu trị cho một phần tư dân số. Nhân viên y tế và nhân viên thực thi pháp luật là những người đầu tiên nhận được nó. Đó không phải là một liệu pháp. Đi đầu tốt nhất có thể được hy vọng là một sự cải thiện các triệu chứng và rút ngắn quá trình cảm cúm khiến khả năng sống sót cao hơn. Và với tỷ lệ tử vong gần tám mươi phần trăm thì bất cứ đi đâu gì có thể cải thiện khả năng sống sót của người ta đều có nhu cầu rất lớn.

Cuộc họp báo của Stein-Francks là để thông báo về sự tăng cường sản xuất FluKill nhằm đáp ứng các yêu cầu gia tăng. Một nhà báo hoài nghi trong nhóm các phóng viên đang hùng hổ sẵn tin đã hỏi Tiến sĩ Blume rằng liệu sự gia tăng sản xuất này có liên quan gì đến thông báo của một số nước đang phát triển rằng họ đã dự định sản xuất dạng dược phẩm không có tên thương mại của họ. Blume dễ dàng loại bỏ đi đâu ám chỉ rõ ràng ấy, rằng công ty của ông chỉ quan tâm đến việc duy trì sự độc quyền của mình.

“Chúng tôi có một cơ sở hoàn toàn mới ở Pháp, được thiết kế riêng để sản xuất FluKiir, ông ta nói. “Nó sẽ đi vào hoạt động trong tuần tới. Cơ sở này đã được lên kế hoạch trong một thời gian dài. Vì vậy, đây không phải là động thái vội vàng để chống lại các đối thủ cạnh tranh. Chúng tôi có thể sản xuất thuốc nhanh hơn và hiệu quả hơn bất kỳ ai khác. Và chúng tôi có tất cả các quy trình kiểm soát chất lượng tại chỗ để đảm bảo hiệu quả của nó.”

“Vắc-xin của các ông đã không được chứng minh là thực sự có hiệu quả.” Giọng điệu của nhà báo ấy phản ánh cảm giác phần uất chung trên khắp đất nước rằng bất cứ ai cũng đang tìm cách kiếm lợi từ thảm họa.

“Một vấn đề hết sức đáng tiếc”, Blume nói. “Không phải vì bất kỳ lý do thô bỉ hay thương mại nào, mà bởi vì những mạng sống có thể cứu được.”

“Vậy tại sao nó không hiệu quả?”

Một giọng nói khác bật ra lời buộc tội.

“Vì chúng ta đoán sai”, Blume thản nhiên trả lời. “Cúm gia cầm đã có từ lâu, nhưng mãi đến năm 1997 chúng ta mới xác nhận trường hợp mắc bệnh đầu tiên ở người. Vào trường hợp ấy, vi-rút đã được truyền từ chim sang người. Nhưng kể từ thời điểm đó, vấn đề chỉ còn là thời gian trước khi vi-rút của chim kết hợp với vi-rút cúm ở người, khiến nó có thể lây truyền từ người sang người. Chúng ta đã biết, khi điểu đó xảy ra thì loài người sẽ gặp rắc rối lớn. Một trận đại dịch là không thể tránh khỏi, và gần như chắc chắn sẽ tồi tệ hơn trận cúm Tây Ban Nha năm 1918. Trận cúm ấy đã giết chết năm mươi triệu người. Vì vậy, lần này cuộc đua để tìm cách đánh bại trận dịch ấy đã diễn ra trước khi nó bắt đầu.” Ông ta đưa một bàn tay ra phía sau vuốt mái tóc lỏm chớm. “Cùng với nhiều người khác, chúng tôi đã cố gắng tạo ra trong phòng thí nghiệm một thứ gì đó nhằm nhắc nhở hệ thống miễn dịch, giống như một loại bệnh cúm gia cầm có thể lây sang người. Và do đó tạo ra một vắc-xin. Điều đó liên quan đến việc trộn lẫn và kết hợp các gen từ vi-rút cúm gà H5N1 với một loại vi-rút cúm thông thường ở người. Vì mục đích đó, chúng tôi đã chọn chủng H3N2, loại đứng sau các đợt dịch cúm ở người gần đây nhất.” Vị bác sĩ lắc đầu. “Mục tiêu là để thay thế tám gen của mỗi con vi-rút, từng gen một, bằng tám gen từ con vi-rút khác, để xem những sự kết hợp nào sẽ tạo ra các phiên bản dễ dàng lây lan giữa con người. Vấn đề là với hơn hai trăm năm

mười sự kết hợp có thể có, việc chọn chính xác sự kết hợp đúng cũng giống như thắng được trong một cuộc chơi xổ số.”

“Nhưng ông nghĩ rằng ông đã thực hiện được đi ầu đó.”

“Đúng vậy. Bởi vì khi con vi-rút thật thực sự xuất hiện, chúng tôi phát hiện rằng chúng tôi đã tạo ra thứ gì đó gần như giống hệt. Vấn đề là sự khác biệt chỉ vừa đủ đến mức hệ thống miễn dịch không bị lừa, và chúng tôi biết rằng sẽ phải mất tới sáu tháng để đi ầu chỉnh cho đúng.”

“Vậy có ai ở Stein-Francks đưa ra một lời giải thích hợp lý về việc tại sao đại dịch đã bắt đầu ở London mà không phải là ở châu Á?”

“Đó không phải là công việc của chúng tôi.” Blume trả lời trôi chảy. Nếu ông ta có phát hiện thái độ chống đối đến từ những người đặt câu hỏi, ông ta cũng đã lờ đi. “Đó là đi ầu mà quý vị cần phải hỏi Cơ quan Bảo vệ Sức khỏe.” Ông ta dừng lại. “Nhưng quý vị không cần phải là người thật sự thông minh để hình dung được rằng chỉ cần một cá nhân bị nhiễm bệnh từ Thái Lan hoặc Campuchia, bay đến London, Nữ Ước hoặc Ba Lê, thì quý vị đã gieo được mầm bệnh. Trong thời đại hiện đại của du lịch hàng không, chúng ta thực sự sống trong một ngôi làng toàn cầu. Và chúng ta đã tạo ra các vườn ươm hoàn hảo để nhân giống và truyền bệnh, trên xe buýt, trong máy bay và ở tàu điện ngầm mà chúng ta đi trên đó. Chính chúng ta đã là một kiểu thảm họa nhân loại đang chờ để xảy ra.”

Bản tin đã trở lại với trường quay bằng những tin tức nóng hổi về sự phát triển trong cuộc đua để lấp đầy khoảng trống quyền lực do cái chết của vị Thủ tướng để lại. Nhưng đến lúc này thì Laing đã mất hứng thú và tắt ti-vi.

Ông ta xoay người trên ghế và nhìn MacNeil với vẻ suy đoán. “Anh là một thằng ngốc chết tiệt, đúng vậy. Rồi bỏ vào lúc này à! Anh là một gã cóm tốt...” Ông ta lưỡng lự. Lời khen trở nên miễn cưỡng. Một đi ầu gì đó ông ta không muốn thừa nhận. “Một vài năm nữa, anh có thể ng ồi vào chỗ của tôi.”

“Đến lúc đó gần như Sean đã hoàn tất việc học.” MacNeil lắc đầu. “Không có cơ hội thứ hai với những đứa trẻ. Người ta không thể quay ngược đồng hồ trở lại thời thơ ấu.” Anh nhìn ra ngoài, vượt qua Laing, ra ngoài cửa sổ, đến đường Kennington bên dưới. Các cửa hàng và nhà hàng đối diện dần cảnh sát. Cửa hàng Khóa và Chìa Trafalgar, Nhà hàng

Perdoni, Nhà tạo mẫu tóc Quý ông Peter, Nhà hàng Imperial Tandoori. Tất cả đều quen thuộc với anh hơn với con trai của mình. Anh đã dành nhiều thời gian hơn trong nhóm người của Laing, vì Chúa!

Laing nói, “Tôi sẽ yêu cầu anh trả lại FluKill trước khi anh xong việc vào ngày mai.” MacNeil nhìn ông ta. “Cho tôi xin lỗi, Jack ạ. Anh không còn ở ti ên tuyến. Hoặc ít nhất, anh sẽ không có mặt ở đó.”

“Cũng được.”

Laing vỗ hai lòng bàn tay lên bàn. “Anh có hai giờ để rà soát công trường đó trước khi tôi gửi máy đào trở lại.”



# CHƯƠNG BA

## I

Việc sắp đặt lại các thành phần của một con người vào đúng vị trí ban đầu của chúng cũng giống như một trò chơi ghép hình. Amy ngửi đó phà hơi thổi vào tấm vải cô-tông ngọt ngào của chiếc mặt nạ và ngửi thấy mùi thối rữa bốc lên từ mặt bàn ngay phía trước. Cô nhớ lại lần đầu tiên cô thực sự tái tạo một khuôn mặt. Sự việc ấy xảy ra ở Manchester. Cô đã lên tận đây bằng tàu hỏa và ở lại với những người thân. Người phụ nữ ấy đã chết gần ba tháng trước. Hộp sọ của bà ta đã được đun sôi từ từ trong nước có pha chất tẩy sạch và một ít chất tẩy trắng nhưng nó vẫn bốc mùi đến mức Sở Khoa học Pháp y phải thuê cho cô một phòng khách sạn để làm việc. Họ không muốn Amy làm thối inh cả phòng thí nghiệm hoặc văn phòng làm việc của một ai đó.

Ban quản lý khách sạn đã nghi ngờ tất cả những nhân viên cảnh sát mặc thường phục thoát đến thoát đi, đậu những chiếc xe không gắn phù hiệu cảnh sát ở phía trước, tìm người phụ nữ Trung Hoa trẻ tuổi ở phòng 305. Có lẽ họ ngờ vực có một số hình thức hoạt động mại dâm nào đó. Trong mọi trường hợp, người hầu phòng, cũng là phụ nữ, đã không ngớt phàn nàn về mùi hôi này và Amy đã được yêu cầu rời đi.

Tom đã bày chiếc túi đựng xác trên mặt bàn, che lại bằng một miếng vải sạch và tập hợp những chiếc xương theo vị trí cơ thể học sơ bộ của chúng. Anh ta gom xương bàn tay và xương bàn chân vào thành những đống nhỏ. Xương sống được anh ta chia ra thành vùng đầu cổ, vùng ngực và vùng thắt lưng, nhưng các mảnh xương không được đặt theo đúng thứ tự của chúng. Cả những chiếc xương sườn cũng vậy. Amy mỉm cười khi nhìn thấy sơ đồ bộ xương mà Tom đã ghim vào tường. Xương chưa bao giờ là sở trường của anh ta. Ngay từ ngày đầu ở trường y, anh ta đã quan

tâm nhiều hơn đến các cơ quan nội tạng, hệ thống tim mạch, não bộ. Nhưng một điều gì đó về bộ khung của con người đã thu hút Amy. Dù sao chăng nữa, chính là chung quanh cấu trúc ấy mà mọi thứ khác đã được dựng lên. Cuối cùng, có lẽ đó cũng chính là những gì đã dẫn cô đến với răng.

Cô bắt đầu cẩn thận tái tạo đôi bàn tay. Đôi bàn tay nhỏ bé của một đứa trẻ. Ở người trưởng thành có tất cả 206 chiếc xương thì hơn một nửa trong số đó nằm ở bàn tay và bàn chân. Nhưng có đến 350 chiếc xương ở trẻ vị thành niên. Một số xương hợp nhất khi chúng lớn lên. Amy không rõ lắm bao nhiêu xương có thể có ở đứa trẻ đặc biệt này, nhưng cô tin chắc mình sẽ phát hiện ra bất kỳ thứ gì có thể thiếu.

Cô ngược lên, cùng với nửa tá người khác, khi cánh cửa ra vào bật mở và Zoe bước vào. Tất cả bọn họ đều biết cô đã đứng trên các bậc thềm ở phía trước, kể cả trước khi họ ngửi thấy mùi khói thuốc lá từ cô.

“Mặt nạ!” Có ai đó kêu lên. Cô nàng đã quên kéo mặt nạ trở lại vị trí cũ.

“Ồ! xin lỗi.” Zoe kéo mặt nạ lên che kín miệng và mũi. “Quý vị phải biết là quý vị chỉ có thể bị lây nhiễm khi sờ vào thứ gì đó mà một người nhiễm bệnh đã sờ vào”, cô nàng nói. “Miễn là không có ai hắt hơi vào mặt quý vị.” Zoe là một nhà vi trùng học có học vị sau đại học được đào tạo về pháp y tại Sở Khoa học Pháp y và là người thích khoe khoang. Thế nhưng, đến lúc này thì còn ai mà không biết đến những đặc tính truyền nhiễm của vi-rút cúm nữa. Đó là lý do khiến chính phủ đã phải đưa ra các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn việc ấn loát và phân phối báo giấy. Giấy là một phương tiện mang mầm bệnh hoàn hảo. Các ấn bản thông tin được cầm bằng tay bởi một người nhiễm bệnh sẽ truyền bệnh cho người đọc khác. Một khi đã khu trú trên tay, con vi-rút có thể xâm nhập hệ thống cơ thể con người thông qua thực phẩm, hoặc chỉ cần bằng việc dụi mắt. Vào lúc này, tin tức chỉ được phổ biến bởi hệ thống phát thanh, truyền hình và mạng thông tin toàn cầu internet.

Zoe lảng vảng bước đến tận bàn của Amy để nhìn vào bộ xương.

“Chỉ là một đứa con nít à?”

“Vâng.” Amy bực mình vì có sự xen ngang nhưng vẫn giữ được sự bình tĩnh. Bấy giờ thì cô đã có thể ngửi thấy mùi thuốc lá. Điều đó còn khá

hơn cái mùi cơ thể ôi thiu luôn bám quanh người Zoe như một đám mây mỏng khi cô nàng còn sống chung với bạn trai. Cô nàng từng thừa nhận đã có lần phải tìm kiếm trong giỏ quần áo chờ giặt một thứ gì đó để mặc tạm khi chiếc tủ kéo quần áo của cô ta trống rỗng. Rõ ràng Zoe nghĩ đó là một giải thoát thú vị. Thế nhưng đối với tất cả những người khác, đi đâu đó đủ giải thích cho cái mùi cơ thể của cô nàng. Cũng may là mọi thứ đã được cải thiện kể từ khi cô nàng chuyển về ở với bố mẹ. Có vẻ như hiện nay bà mẹ của Zoe đang phải giặt giũ giúp cô con gái.

Zoe liền thoáng, “Chị có biết không, người ta đang hướng đến việc sản xuất hàng loạt một loại mặt nạ mới sẽ thực sự tiêu diệt mọi mầm bệnh khi một người nhiễm bệnh hắt hơi hoặc ho. Loại mặt nạ này có hàng ngàn lỗ thông hơi nhỏ li ti cho phép thở được, vì vậy nó không phải ngược hơi thở vào mặt mình. Nhưng ở đây còn có một chút khôn ngoan - các lỗ thông hơi đều được tẩm thuốc sát trùng sẽ khử trùng mọi khí thải đi qua. Khôn ngoan chứ, hả?”

“Thế cơ à!” Amy đang cố gắng sắp xếp lại khối xương của bàn chân phải.

“Chị có biết trong một cái hắt hơi có chứa bao nhiêu giọt nước không?”

“Hàng triệu.”

“Đúng vậy, và mỗi một giọt đều mang vi-rút. Giống như một bình xịt bị nhiễm bệnh. Chúa ơi, chị có vui không khi họ phát cho chúng ta một li ều FluKill?”

“Hãy hy vọng là chúng ta không bao giờ phải sử dụng nó.” Amy chỉ muốn bảo cô nàng đừng làm phiền nữa, nhưng cô không phải là một người khiếm nhã. Bất ngờ, vị cứu tinh của cô xuất hiện.

“Này Zoe, ở đây không có việc gì cho cô làm hay sao?”

Tom ném cho Zoe một cái nhìn đầy vẻ kiêu kỳ khi anh ta bước đến phía sau Amy khiến cô nàng này tặc lưỡi với vẻ cáu kỉnh.

“Thưa vâng, tiến sĩ.” Cô nàng vùng vằng ra khỏi phòng thí nghiệm.

Amy nhìn Tom mỉm cười tỏ vẻ biết ơn, “Xin chào!”

Tom hạ giọng, “Cô nàng này chuyên gây rối, loại người như vậy đó.”

Amy nhướn mày, “Anh cũng sẽ biết sớm thôi.”

Tom mím môi, “Không phải loại rắc rối ấy.” Anh nhìn bộ xương. “Cô đã tiến bộ đến đâu với đứa trẻ chưa biết của chúng ta.”

“Đang biết thêm chút ít về cô bé ấy.” Amy nói.

“Cô bé à?”

“Đúng vậy! Bé ấy là một bé gái. Nhưng hẳn là cô bé này đã không sống được lâu đến như vậy nếu như bộ xương của cô bé nằm theo thứ tự mà anh đã bày ra.”

Anh cười toe toét với vẻ nham nhở, “Tôi mà; tôi quan tâm đến xác thịt nhiều hơn.”

Amy hoàn tất việc ghép hình của bàn chân phải. “Nói về đi đâu gì khác đi, Harry *thế nào rồi?*”

Tom ngược mắt nhìn lên trần nhà, thở dài kiêu cách. “Cô biết rồi mà, tôi phung phí đời mình trong việc say mê những gã trai thẳng, và kẻ đờng tính đầu tiên đáp ứng tình cảm của tôi lại là sinh vật bừa bãi nhất trên cõi đời này. Và cô còn lạ gì tôi nữa. Một thằng đàn ông đơn thân.”

Amy nói một cách chắc chắn “Đi đâu tôi biết là anh và Harry không phải là một cặp được tạo ra trên thiên đường.”

“Đúng là như vậy... luôn có một đứa cà chớn nào đó xen vào giữa chúng tôi.”

Amy không thể cưỡng lại một nụ cười. Tom đã khiến cô cười từ giây phút họ gặp nhau ở trường y gần mười hai năm trước. Thật kỳ lạ, cuộc gặp gỡ đầu tiên của họ là trong lớp cơ thể học, và Tom đã đưa ra một số nhận xét tục tằn về sự hấp dẫn không thể cưỡng nổi ở vị giáo sư. Mặc dù họ đã đi theo các chuyên ngành hầu như hoàn toàn khác biệt, họ vẫn là bạn bè của nhau trong suốt quá trình đào tạo và cả sau đó nữa. Amy không hề có một ý niệm là làm sao cô có thể sống sót qua những tháng ngày khủng khiếp sau vụ tai nạn mà không có anh. Theo nghĩa đen, Tom là người bạn tốt nhất mà một cô gái có thể có. Cũng vì vậy mà cô đã chịu đựng tất cả những điểm yếu cũng như tâm tính thất thường của anh và để cho anh ngủ trên chiếc trường kỷ trong căn hộ của mình khi anh và Harry xích mích. Mà là chuyện thường xuyên.

Cô vẫy tay chùng chùng hướng về chiếc bàn bên cạnh, “Anh có thể lấy giúp tôi tấm biểu đồ nha khoa ở trên chiếc bàn đó không?”

“Tự mình lấy đi, cô bé.”

Cô đưa mắt nhìn anh; cùng lúc, Tom nghiêng đầu nhường mảy về phía cô; cô thoáng nghĩ, trông anh mới ưa nhìn làm sao. Và thật là lãng phí. Mái tóc bù xù màu vàng rơm ấy, lại còn đôi mắt xanh nhạt ấy. Đó là tính cách của anh, không bao giờ chiều chuộng cô. Anh luôn yêu cầu cô tự làm mọi việc. Anh không phải là nô lệ của cô, và cô không phải là người tàn tật. Chính sự thúc ép của anh về vấn đề đó khiến cô trở nên độc lập như bây giờ. Cô nắm lấy bộ điếu khiến đặt trên tay vịn bên phải của chiếc ghế xoay rồi chuyển hướng và tự đẩy mình đi tới chiếc bàn kê bên đẽ lấy tấm biểu đồ.

Bên kia căn phòng có tiếng hắt hơi khiến tất cả những cái đầu đầu hướng về phía Zoe. Trong những ngày này, mọi người đều quá nhạy cảm ngay cả với tiếng sụt sịt nhẹ nhất. Một tiếng hắt hơi cũng đủ để làm tim ngừng đập. Zoe giơ một lên tay ra vẻ xin lỗi và cười toe toét. “Không sao cả. Tôi nói thật đó. Tôi chẳng bệnh hoạn gì cả. Đó là vì con mèo của ông bà già tôi. Quả thực, tôi dị ứng với nó.”

## II

Cả một khu vực giữa con đường và cái hồ móng nơi tìm thấy chiếc túi xách đã được chia thành các ô vuông. Các dải nhựa trắng mịn được căng ra giữa những cây cọc ngắn, trông cứ như những đường biểu thị vĩ độ và kinh độ trên một tấm bản đồ. Quanh vành đai khu vực lục soát, dải băng dính cảnh báo hiện trường tội phạm màu vàng và màu đen xen kẽ dập dờn theo từng cơn gió lạnh thổi xuống từ hướng sông.

Một nhóm sáu người mặc đồ phục Tyvek mang giày bột và mũ nhựa di chuyển từ ô vuông này sang ô vuông khác, mỗi người được giao trách nhiệm một phạm vi lục soát riêng, từng vật phẩm nhỏ được tìm thấy từ bùn đất đều được đặt cẩn thận vào trong một chiếc đựng túi vật chứng bằng nhựa của từng phạm vi riêng.

Đám công nhân của công trường đứng rải rác trong công viên thành các cụm nhỏ màu cam. Những chiếc xe tải chở xi măng đã biến mất, và cả một

hệ thống máy móc xây dựng đứng thờ ơ, im lìm, chờ đợi với sự ngưng đọng của chúng.

Vị viên chức của Bộ ngồi ở băng sau chiếc xe BMW màu đen đậu trên vỉa hè bên cạnh bệnh viện, hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, cửa sổ hạ xuống, quan sát họ qua từng đám khói thuốc bay ra. MacNeil có thể cảm nhận được sự tức giận của nhân vật này từ nơi anh đang ngồi trên một chiếc thùng rác có bánh xe đã được lật ngược, bên cạnh sân bóng rổ cũ. Viên quản đốc bần chần đi đi lại lại bên cạnh vị thanh tra hình sự. Người quản đốc nói, “Vấn đề là tiền thưởng của chúng tôi, ông bạn ạ. Lý do duy nhất để chúng tôi ở đây, đánh đổi cả mạng sống lẫn thương tật, là chỉ vì tiền. Và đi đâu đó lại phụ thuộc vào việc đạt được các mục tiêu.”

“Mục tiêu gì?” MacNeil hướng ánh mắt lãnh đạm về phía ông ta.

“Bảy ngày.” Viên Quản đốc lắc đầu. “Trước đây tiến độ công việc đã được kiểm soát chặt chẽ. Nhưng nay thì...”

MacNeil nhún vai. “Mấu chốt là gì khi đặt ra các mục tiêu không thực tế như vậy?”

“Có phải tôi đặt ra những mục tiêu ấy đâu, ông bạn. Trong thời gian dịch SARS bùng phát, người Trung Quốc đã xây dựng cả một bệnh viện trong vòng một tuần. Vì vậy, nhiều người của ta đã suy nghĩ, tại sao chúng ta không thể làm được như vậy? Mà chúng tôi đâu có xây dựng hẳn một bệnh viện ở chỗ này. Chỉ là một phương tiện tạm thời đáp ứng cho sự quá tải. Một không gian người ta có thể sưởi ấm, một không gian có thể chứa được những chiếc giường bệnh. Một nơi để người ta chờ chết.”

“Vậy thì nó có thực sự đáng đùng tiền không?”

“Chà, ngay bây giờ chúng tôi chẳng có bất kỳ cách nào khác. Thế nhưng họ đang đối xử tốt với chúng tôi mà, phải vậy không nào? Rất nhiều thanh niên từ bên ngoài đường cao tốc vành đai thủ đô London (M25) vào đến tận đây. Và kể từ khi họ tuyên bố lấy đường vành đai làm giới hạn bên ngoài, chúng tôi biết rằng nếu chúng tôi vào bên trong, chúng tôi sẽ không được phép ra ngoài nữa. Ông biết mà, đi đâu này thật đáng sợ, cứ như chuyện xảy ra trong phim ảnh vậy. Chỉ cần nhìn thấy tất cả lính tráng với súng ống kia, trên những chiếc cầu và cả những cầu vượt nữa.”

“Vậy các ông ở lại tại đâu?”

Viên quản đốc cười thềm. “Đó là một phần của thỏa thuận. Tất cả các khách sạn du lịch lớn đều không có khách. Cho nên chúng tôi có được những phòng riêng của mình, các bữa ăn được chế biến sẵn cho chúng tôi vào tất cả mọi giờ. Tôi cùng một số nhân viên thân cận nghỉ ở khách sạn Ritz. Có những người khác ở bên khách sạn Savoy. Và chúng tôi phải ở lại đó cho đến khi tình trạng khẩn cấp đã qua đi.” Một sự phiền muộn làm hồng nụ cười của ông ta và viên quản đốc nhớ lại rằng mình có từng mất nhìn MacNeil. “Giả sử chúng tôi đạt được mục tiêu của mình, vậy đó.”

Ở đằng xa, một tiếng còi của xe cứu thương chọc thủng bầu không khí lạnh lẽo thánng Giêng. Lại thêm một nạn nhân. Lại một chiếc giường nữa đang cần đến. Mọi bệnh viện trong thành phố đều chật cứng, nhưng dù sao đi nữa thì tỷ lệ tử vong cao còn có nghĩa là lúc nào cũng có sẵn giường bệnh trống.

Bệnh tật đã làm giảm nhân số của mọi tổ chức đến gần ba mươi phần trăm. Nhân viên y tế là những người có rủi ro lớn nhất và chịu thương vong cao nhất. Mặc dù đã có FluKill. Đã chẳng còn ai đi làm nữa. Chỉ có một số ít cửa hàng được mở ra trong vòng vài giờ mỗi ngày. Không có phương tiện giao thông công cộng. Các sân bay đã bị đóng cửa vô thời hạn. Nền kinh tế của thủ đô đang rơi tự do, và phần còn lại của thế giới đã sẵn sàng làm bất kỳ việc gì có thể để giúp thành phố này ngăn chặn bệnh tật. Biện pháp chủ yếu là cấm tất cả mọi hoạt động vận chuyển vào và ra khỏi Vương quốc Anh. Tất nhiên, đó chỉ là vấn đề thời gian trước khi con virus này càn quét khắp thế giới. Nhưng nếu việc ngăn chặn sự lây lan có thể kéo dài đủ để sản xuất được thuốc chủng ngừa...

MacNeil thở dài và cảm nhận được những giọt nước mưa đầu tiên rớt vào mặt khi anh ngược lên nhìn về hướng đám mây xanh xám gần như đang bay là trên đầu.

“Jack.”

Anh quay đầu về phía một nhân vật trong bộ đồng phục Tyvek đang vượt qua những vết lổp xe đã cắt sâu trong bùn.

“Chúng tôi đã thực hiện xong.”

MacNeil kiểm tra thời gian. Họ chỉ cần ít hơn hai giờ quy định. “Có phát hiện được gì không?”

Người nhân viên pháp y ấy giơ lên một túi nhựa trong suốt, và MacNeil nhìn thấy trong đó một mảnh vụn màu hồng nhạt. “Có thể là một cái gì đó. Có thể chẳng là gì cả.”

“Cái gì vậy?”

Viên sĩ quan đưa nó cho anh. “Phần còn lại của một tấm vé tàu điện ngầm. Ngoài giờ cao điểm, vé một ngày. Hiện chưa thể đọc được ngày trên tấm vé này; mà chúng ta cũng chỉ có thể trích lục được cái gì đó dựa trên sọc từ tính mà thôi.”

MacNeil cầm lấy cái túi, đưa nó ra ánh sáng. Chi tiết in trên tấm vé đã mờ, bị nhòe bởi nước mưa và tất cả hầu như đã bị bùn xóa sạch. Một góc của tấm vé cũng đã bị xé rách hẳn. Đã gần tám tuần kể từ khi người ta đóng cửa hệ thống tàu điện ngầm. Nếu đây là tất cả những gì họ phải dựa vào để tiếp tục đi điều tra, họ sẽ chẳng thể nào đi xa được. Anh trả cái túi lại cho viên sĩ quan pháp y rồi nhảy xuống từ chỗ đang ngồi trên chiếc thùng rác có bánh xe. Quay sang viên quản đốc công trường, anh bảo. “Hãy cố mà xây cái bệnh viện của ông đi.”

### III

Amy dùng lưng bàn tay lướt nhẹ trên bề mặt nhẵn nhụi của chiếc hộp sọ ấy và cảm thấy có một sự thương cảm kỳ lạ đối với cô bé này. Không có dấu hiệu nào của sự hư hại. Không kể đến sự tổn thương mà thiên nhiên đã bắt phải hứng chịu ở hàm trên. Chẳng có cách nào để xác định nguyên nhân tử vong, trừ khi phần mô liên quan được Tom phục hồi có thể hé lộ một loại chất độc nào đó. Amy ngờ rằng đó là điều không thể xảy ra. Tại sao người ta lại phải đầu độc một đứa trẻ? Một sinh vật nhỏ bé, xương cốt mỏng manh như thế này? Bé gái này cực kỳ dễ bị tổn thương trước sức mạnh của một người trưởng thành, hoàn toàn không có khả năng tự vệ để chống lại sức mạnh ấy. Việc kẻ nào đó đã giết bé gái này là điều không có gì để nghi ngờ. Nhưng vì lý do nào khác mà họ phải cầu viện đến chuyện rắc rối là róc hết thịt ra khỏi bộ xương của đứa trẻ rồi thủ tiêu bằng chứng? Thế nhưng, đã đi đến tận cùng tất cả những điều phiền phức ấy, rồi sau đó lại



chỉ vút bỏ đồng xương ấy trên một công trường xây dựng, thì quả là sơ suất kỳ lạ. Nhưng chuyện đó là để người khác lo. Tất cả trọng tâm và sự thành thạo của Amy là bắt đầu cố gắng nhận dạng bé gái này. Để mang đứa bé ấy trở lại cuộc sống theo cách có thể đưa cơ quan đi đâu tra tìm đến đúng kẻ giết người.

Amy nhìn vào hai hốc mắt trống rỗng và biết rằng những hốc mắt ấy đã từng chứa đựng một đôi mắt nâu huyền long lanh. Cô biết rằng làn da đầu này đã từng nuôi dưỡng một mái tóc dày màu xanh đen. Nhưng mái tóc ấy dài đến mức nào thì có lẽ bây giờ không thể nào biết được. Amy dùng các ngón tay vuốt dọc theo xương gò má trái xuống đến tận xương quai hàm, được nhận ra bởi sự biến dạng của phần xương quai hàm và nụ cười méo mó từng có lúc là đặc trưng của đứa trẻ.

Cô nhận ra Tom đang khom người cúi xuống bên cạnh mình. Khuôn mặt anh áp sát vào mặt cô. “Đừng để ý nhé, *người vợ* đang đến kìa.”

Amy ngược mắt lên và thấy MacNeil đang bước ngang qua phòng thí nghiệm. Cô nhìn anh một cách bình thản, và tự hỏi làm thế nào cô có thể nghĩ về anh nếu cô chưa từng biết đến anh. Anh rất cao - đặc điểm nổi bật nhất của anh. Nhưng không gầy. Anh đã được kiến tạo thật cân xứng. Điệu đó khiến anh là một người đàn ông to lớn. Chắc chắn anh không có được cái vẻ ưa nhìn theo kiểu quy ước, nhưng đôi mắt màu xanh lá cây lốm đốm cam của anh chứa đựng một sự ấm áp lạ thường. Có vẻ mái tóc cắt quá ngắn như vậy không hợp với anh, nhưng có một điều gì đó thực sự nổi bật trong chòm tóc lốm đốm bạc ở cả hai bên thái dương. Trang phục đồng bộ của anh quá chặt trong khi chiếc áo khoác của anh lại quá lớn; và nói chung, ở anh có một vẻ gì đó nhếch nhác. Amy còn nhận ra rằng một bên dây giày của anh chưa được buộc chặt. Thế rồi cô còn thấy rằng đôi giày của anh phủ đầy vết bẩn, cũng như anh đã để lại một vệt bùn khô nhỏ sau bước chân. Tom đã gọi anh là *Người vợ*. Tất nhiên, Tom không thích anh vì anh nghĩ rằng MacNeil thuộc lớp những người không ưa kẻ đồng tính.

Amy không thể nhớ lại về lần đầu tiên cô để mắt tới MacNeil, vì vậy giờ đây cô không thể nào tưởng tượng lại được ấn tượng ban đầu. Vẫn còn những khoảng trống nhỏ kỳ lạ trong ký ức của cô từ trước vụ tai nạn. Những điểu nhỏ nhặt từng làm cô thất vọng, đôi khi đến mức phải ứa nước mắt. Thế nhưng chỉ khi cô ở một mình. Tom sẽ không dây dưa với sự

thương hại bản thân. Mà bây giờ anh đang đứng bên cạnh cô, hai tay khoanh trước ngực, giống như người giám hộ và bảo vệ của cô, xương quai hàm bạnh ra hướng về phía MacNeil, gần như thách thức anh này dám có thái độ thô lỗ đối với người bạn nhỏ bé tội nghiệp bị thương tật của mình. Nói cho cùng, chính anh là người đã mang lại cho cô công việc ở đây sau khi cô không thể tiếp tục như trước.

MacNeil dừng lại trước bàn, phớt lờ anh ta và nhìn vào bộ xương của đứa trẻ. Rồi anh nhìn sang Amy mơ hồ gật đầu tỏ vẻ cảm ơn. “Vậy cô có thể cho tôi biết đi đâu gì?”

“Thực ra là khá nhiều đấy.” Amy lại tập trung sự chú ý của cô vào đứa trẻ. Cô đưa mặt lưng của những ngón tay của mình lướt qua phần trán của bộ xương sọ, như thể đứa trẻ vẫn còn cảm nhận được. “Bé gái này thực sự là một linh hồn tội nghiệp.”

“Làm thế nào cô biết nó là một bé gái?”

“Làm thế nào tôi biết cô ta là một bé gái.” Amy sửa lưng anh, như thể đứa trẻ có thể bị xúc phạm khi được mô tả là nó. “Không hề có một yếu tố duy nhất để kết luận”, cô nói. “Đúng hơn, cả một sự góp nhặt của những chỉ dấu, và một chút bản năng.”

MacNeil nói, “Chúng ta hãy dẹp bản năng của cô qua một bên và hãy bám sát vào sự thật.”

Amy không hề bối rối. “Được chứ. Chỉ sự thật mà thôi. Nữ giới thường có các bó cơ nhỏ hơn, kém phát triển hơn nam giới.” Cô dùng một đầu ngón tay lướt dọc theo một chiếc xương đùi. “Anh có thể thấy khá rõ các đường vân ở đây cung cấp những mối liên kết cho các cơ và gân.” Cô di chuyển ngón tay lên vùng chậu. “Xương chậu của nữ giới được tạo ra để đáp ứng nhu cầu sinh con và có một số đặc điểm giúp phân biệt với nam giới. Đáng chú ý là hông rộng hơn.”

MacNeil cho phép hõ ức kéo căng đôi môi của mình ra thành một nụ cười mỉm. Anh nhớ đến việc mẹ anh - khi suy tính rằng cô con gái nhà hàng xóm có thể trở thành vợ tương lai của con trai mình - đã mô tả cô gái ấy là có cặp hông thuận tiện cho việc sinh nở.

Amy đưa mắt nhìn lên và bắt gặp một thoáng nụ cười của anh. “Anh thấy đi đâu này thú vị à, ngài thanh tra MacNeil?”

“Không đâu, thưa cô Wu.”

Cô nhìn anh thật lâu trước khi trở lại với đồng xương trên mặt bàn. “Ngoài diện mạo tổng quát chung, còn có một số phép đo có thể tiến hành trên vùng xương chậu để giúp xác lập giới tính. Chủ yếu là sự khác biệt về tỷ số giữa chiều dài của xương mu và đốt háng, thường được gọi là chỉ số đốt háng-xương mu.”

“Tất nhiên là anh sẽ quen với chỉ số đốt háng-xương mu này.” Tom nói xen vào, một nụ cười trêu chọc làm hếch lên các góc của chiếc mặt nạ.

“Đúng là như vậy”, MacNeil trả lời. Rồi quay lại với Amy, “Vậy là cô đã tiến hành những phép đo ấy?”

“Thưa anh vâng.”

“Thế kết quả ra sao?”

“Tự thân những số đo ấy không cho phép đi đến kết luận. Xét cho cùng, cô bé ấy vẫn chỉ là một đứa trẻ, và ở tuổi ấy, những đặc điểm giới tính vẫn chưa được phát triển đầy đủ. Nhưng chỉ số đo được có xu hướng cho ta nghĩ đến nữ hơn là nam.” Cô nhặt lấy chiếc hộp sọ của đứa trẻ lên và nhẹ nhàng đặt nó vào lòng hai bàn tay chụm lại. “Chiếc hộp sọ này thường là một chỉ dấu tốt hơn. Trước hết, nó nhỏ hơn đi đâu ông mong đợi ở một bé trai. Các phần lồi ra của xương chũm và xương chân mày ở nữ giới không lộ rõ, trong khi đó hốc mắt và xương trán lại tròn hơn.” Cô vạch ra những đường cong có liên quan ấy để minh họa cho quan điểm của mình. Rồi cô nhìn thẳng vào mắt MacNeil. “Tôi có khoảng chín mươi lăm phần trăm chắc chắn rằng đây là nữ.”

“Thế còn năm phần trăm kia?”

“Bản năng. Thế nhưng anh đã bảo tôi loại đi đâu đó ra khỏi phương trình này rồi mà.”

MacNeil mỉm cười. “Đúng là tôi đã nói như vậy. Cô có thể cho tôi biết thêm đi đâu gì khác không?”

“Tôi có thể nói với anh rằng có lẽ đứa trẻ này đến từ một trong những quốc gia đang phát triển nghèo hơn, và cô bé ấy có hai đặc điểm nhận dạng rất đặc biệt.”

MacNeil ngạc nhiên đến mức sửng sốt. “Làm thế quái nào mà cô có thể nói được tất cả những đi đâu đó từ một đồng xương?”

“Bởi vì cô ấy thành thạo đối với công việc cô ấy đang làm, thưa anh MacNeil”, Tom lại xen vào, rõ ràng rất tự hào về sự tinh thông của cô.

“Amy từng là một trong những bác sĩ nha khoa pháp y giỏi nhất ở London trước khi...” Anh đã bắt đầu tuôn trào trước khi có thể tự ngăn mình lại, và sự do dự của anh chỉ làm người ta thêm chú ý, “... trước khi xảy ra tai nạn.” Anh vội vàng bổ sung. “Cô chẳng bao giờ đánh mất những kỹ năng đó.”

Lời khen của Tom làm Amy đỏ mặt khiến cô càng tập trung hơn vào chiếc hộp sọ. “Anh xem, đây là chủng Mongoloid. Tôi biết rằng nói như vậy thì không đúng đắn về mặt chính trị, nhưng những thuật ngữ này không liên quan gì đến vấn đề đó. Sọ người thuộc các chủng hoặc Negroid, hoặc Caucasoid, hoặc Mongoloid.”

Tom nói “Tôi vẫn luôn nghĩ rằng *Caucasoid* nghe giống như một người máy làm vệ sinh trong những bộ phim *Chiến tranh giữa các vì sao*.”

MacNeil không hưởng ứng câu bình phẩm ấy, tiếp tục hỏi Amy. “Vậy Mongoloid là gì, có phải châu Á không?”

“Vâng, đúng vậy”, Amy nói. “Người Eskimo, người Nhật Bản, người Trung Quốc... tất cả đều thuộc chủng Mongoloid. Đó cũng là cách mà tôi mô tả chính mình.”

MacNeil nhìn thẳng vào đôi mắt xếch có hình hạnh nhân và đôi gò má cao của cô, cùng với nét thanh tú của quai hàm và vầng trán phẳng, nghĩ rằng anh cảm thấy thích hợp hơn để mô tả cô là xinh đẹp. Mái tóc đen dài óng mượt của cô được bới ngược từ đỉnh đầu ra phía sau và buộc thành lọn ở gáy, phần còn lại xoa trên trán xuống đến gần lông mi. Ngược lên và phát hiện MacNeil đang nhìn mình chăm chăm, đôi mắt của cô lập tức chuyển hướng để quay lại với đứa trẻ.

“Thế nhưng thực sự là bộ răng mới cho chúng ta biết nhiều nhất về cô bé này. Các nét đặc trưng thuộc chủng Mongoloid của hộp sọ chưa được bộc lộ nhiều ở một người còn rất trẻ, nhưng những người thuộc chủng Mongoloid thường có răng cửa hàm trên mang hình lưỡi xẻng.” Cô lần lượt chỉ vào từng chiếc răng có thể nhận biết được. “Lại nữa, vòng đỉnh răng phồng ra nhiều hơn, và cũng vậy, răng cửa thường có chân răng ngắn hơn.”

“Vậy làm sao cô biết rằng cô bé này không có hoàn cảnh giống như cô? Có nguên gốc Trung Quốc, hoặc châu Á, nhưng sinh ra và được nuôi dạy ở Anh?”

Amy mỉm cười. “Bởi vì hàm răng của cô bé rất hoàn hảo”, cô nói. “Bé này chưa từng được xử lý gì về răng. Không có một chút nào cả. Không cần đến việc đó. Không dùng đường trong khẩu phần ăn hàng ngày, một cái miệng được miễn nhiễm với sâu răng. Một điếu hết sức bất thường đối với một đứa trẻ mười tuổi ở Anh.”

“Đứa bé này mười tuổi à?”

Amy gật đầu. “Đúng vậy.”

“Có biên độ sai lệch không?”

“Cộng hoặc trừ ba hoặc bốn tháng. Sự phát triển của răng là một dấu chỉ rất chính xác.”

MacNeil ngẫm nghĩ trong giây lát về những điếu quan trọng mà chuyên viên nha khoa pháp y này đã nói với mình. “Cô có nói cô bé này có hai đặc điểm hình ảnh rất đặc biệt.”

“Đứa bé là người châu Á, tất nhiên. Và nói như vậy tôi không có ý đề cập đến người Ấn Độ hay người Pakistan. Giống người Trung Hoa hơn. Tôi biết anh nghĩ rằng tất cả chúng tôi đều giống nhau, vì vậy trong mắt anh, có lẽ đứa bé này trông cũng chẳng khác biệt gì với tôi khi ở cùng độ tuổi. Ngoại trừ một đặc điểm có tính thuyết phục cụ thể.” Cô dừng lại, mặc kệ cho MacNeil nôn nóng chờ đợi để nghe xem đó là gì. “Đứa bé này có tật hở hàm ếch rất rõ rệt”, Amy nói. “Ít nhất, đó là điếu anh biết rằng nó là gì. Chúng tôi gọi đó là một sự biến dạng bẩm sinh của vòm miệng.” Cô xoay chiếc hộp sọ về phía MacNeil và lật nó ra sau để anh có thể nhìn thấy nó rõ hơn. “Một khiếm khuyết nghiêm trọng ở hàm trên - mảng xương có nhiệm vụ giữ những chiếc răng trên. Sự biến dạng có thể hoặc là không đáng kể, hoặc cực độ như trong trường hợp này. Nó có thể là một chi ấu, hoặc hai chi ấu. Trường hợp này là một chi ấu. Anh có thể nhìn thấy sự dịch chuyển cực độ của những chiếc răng ở phía trước của hàm trên.” Amy nhìn MacNeil. “Tôi e rằng đây là một cô bé trông hết sức khác biệt. Bé gái này khiến ai cũng phải quay đầu lại nhìn. Và có lẽ cô bé đã có một thời gian thực sự khó khăn với những đứa trẻ khác ở trường.”

Bản nhạc điện tử *Scotland the Brave* phát ra không hợp lúc từ đâu đó sâu trong nếp gấp chiếc áo khoác của MacNeil. Anh mò mẫm lôi trong túi ra chiếc điện thoại di động và cho cả phòng thí nghiệm được nghe trình diễn đầy đủ đoạn nhạc chuông của mình với âm lượng cao nhất. Trước đó,

khi tắt máy, anh đã thấy rằng có hai cuộc gọi nhỡ. Cả hai đều từ Martha. Cô đã để lại nhiều tin nhắn, nhưng anh chưa đọc. Màn hình cho anh biết cũng lại là cô ấy. Anh ngắt cuộc gọi mà không trả lời rồi nhét điện thoại vào túi.

“Vây là một cuộc gọi quan trọng đấy nhỉ.” Tom nói.

MacNeil nhanh chóng loại bỏ tình thế khó xử của mình. “Bà xã tôi.”

“Ái chà! Lệnh bà”, Tom tiếp. “Người mà mệnh lệnh chắc chắn phải được tuân thủ.” Anh dừng lại. “Hoặc là không.”

MacNeil nói với Amy, “Cô sẽ viết cho tôi một bản báo cáo trước khi cô đi chứ?”

“Tất nhiên.”

Anh gật đầu. “Cảm ơn.” Thế rồi anh bước ra cửa, hai tay đút trong túi áo khoác. Tom quan sát anh rời đi với thái độ khinh khỉnh rõ rệt. “Cô là thiên tài thu ần khiết”, Anh nói với Amy, “và tất cả những gì anh ta có thể nói chỉ là *cảm ơn*.”

“Tom này, tôi chỉ làm công việc của mình mà thôi. Còn khi anh ấy làm công việc của anh ấy, có lẽ không có nhiều người còn nói được như vậy.”

Tom tỏ ý không bằng lòng. “Anh ta là một thằng ngốc. Có trời mới biết phụ nữ nhìn thấy ở anh ta đi đâu gì.”

“Anh muốn nói về vợ của anh ấy à?”

“Có lẽ cô ta đã kiếm được một cây gậy chống của người mù.”

“Họ đã ly thân.”

Tom nhìn cô, ngạc nhiên. “Xem nào! Chẳng phải cô chỉ là một kho thông tin thú vị. Làm thế quái nào cô lại biết được đi đâu đó?”

Amy đỏ mặt. Cô nhún vai và quay trở lại với đồng xương để che giấu sự bối rối của mình. “Tôi không biết. Chỉ là những đi đâu tôi được nghe nói, vậy thôi.”

## CHƯƠNG BỐN

Pinkie thường mơ về mẹ mình. Hắn biết bà ấy là mẹ hắn, vì trong những giấc mơ, hắn vẫn gọi bà ấy như vậy. Nhưng thực sự bà ấy trông không giống như người phụ nữ mà hắn nhớ từ thời thơ ấu. Đó là điếu luôn làm hắn thất vọng khi tỉnh giấc. Pinkie thường thấy thực tế đáng thất vọng. Hắn thích nghĩ rằng thời gian tỉnh thức của hắn thực ra là những giấc mơ, và những giấc mơ của hắn là có thật. Bằng cách đó hắn có thể làm bất cứ điếu gì hắn thích; và khi hắn ngủ thiếp đi, xem nào, chẳng có điếu gì xảy ra. Đó là một cách tuyệt vời để đối phó với những sự việc kỳ lạ làm hắn hài lòng. Những sự việc mà người khác có thể không hiểu.

Ngay lúc này hắn trở lại trong ngôi nhà của ông bà mình. Điếu này đã là sự thật. Hắn nhớ rất rõ ngôi nhà ấy. Tất cả những đêm ở đấy trôi qua trên chiếc ghế sofa trong căn phòng phía trước. Mùa đông thì lạnh cóng. Mùa hè thì nóng bức và ngột ngạt. Và cái kệ sách cao kê sát bức tường phía xa, ở cuối chiếc ghế sofa nơi chiếc gối của hắn được đặt ở đấy. Hắn không thể nhớ hết những buổi sáng mà hắn thức dậy sớm trước tất cả mọi người, nằm đó ngắm nghía những quyển sách xếp hàng dọc kệ sách ở ngang tầm mắt. Những quyển sách có tựa đề khó hiểu và tuyệt vời - *Eyeless in Gaza*, *Cloud Howe*, *For Whom the Bell Tolls*. Được viết bởi những người có những cái tên kỳ quặc nhất - *Aldous Huxley*, *Lewis Grassic Gibbon*, *Ernest Hemingway*. Lay Chúa, ai mà lại được gọi là *Aldous* chứ?

Đã phải mất một thời gian dài, có lẽ là hai năm, trước khi hắn cả gan nhẹ nhàng rút lấy một quyển sách từ cái kệ ấy rồi cẩn thận mở ra xem những trang giấy đã ngả vàng. Ông nội của hắn dạy tiếng Anh tại một trường trung học phổ thông ở địa phương, cho nên trên kệ sách ấy đã có đủ các loại sách. Quyển sách mà hắn rút ra đầu tiên ấy có tựa đề là *Brighton Rock* được viết bởi một người mang tên là *Graham Greene*. Hắn chỉ có ý định đọc câu đầu tiên. Câu đầu tiên ấy đã kéo dài thành một đoạn, rồi thành một trang. Thế rồi đến một trang khác. Trong vòng một năm, hắn đã đọc mọi cuốn sách trên chiếc kệ ấy. Nhưng nội dung của quyển sách đầu

tiên đã luôn ở lại với hắn. Một sự tối tăm kỳ lạ về câu chuyện ấy, mở màn một kỷ nguyên trước thời đại của hắn, vượt ngoài sự hiểu biết của hắn. Và một nhân vật chính, hay đúng hơn là nhân vật phản diện, là kẻ mà ngay lập tức đã có được sự đồng cảm của hắn. Một tên cướp vị thành niên. Pinkie. Sắt đá, nhẫn tâm, quý quyết. Rất hấp dẫn. Hư hỏng, lẽ tất nhiên, thế nhưng không phải tất cả chúng ta đều như vậy cả hay sao?

Ngay lập tức hắn chọn lấy biệt danh ấy cho chính mình. Pinkie. Và đòi hỏi những đứa trẻ khác ở trong trường phải gọi hắn đúng như vậy. Chưa bao giờ hắn nghĩ rằng sự đòi hỏi của hắn có vẻ lỗ bịch đến thế nào đối với đám trẻ ấy, hoặc đi đâu đó nghe có vẻ ngớ ngẩn ra sao. Bởi vì đối với hắn, cái tên ấy đồng nghĩa với cá tính ấy. Và đó chính là cá tính mà hắn muốn có. Mới đầu, sự đòi hỏi ấy đã gây ra cả một niềm vui cuồn cuộn nhiệt, nhưng niềm vui đó nhanh chóng dừng bật. Không một đứa trẻ nào dám cười nhạo Pinkie lần thứ hai.

Ngay lúc này, mẹ hắn đang cúi xuống trên giường ngủ của hắn. Hắn đã có thể ngửi thấy mùi nước hoa của bà, cảm nhận được sự ấm áp khi gò má của bà áp vào mặt hắn. Thế rồi sự dịu dàng của đôi môi và hơi thở ngọt ngào của bà thốt ra những lời thì thầm *ngủ ngon nhé, con trai; ngủ sâu nhé, con trai*. Thế rồi điện thoại reo, và trước sự phiền muộn của hắn, bà nói, *Mẹ phải nghe điện thoại đã, rồi bà đi khỏi*. Dù sao chẳng nữa thì kẻ quỷ quái nào lại gọi điện thoại vào giờ ấy? Tại sao bà không thể cứ để mặc cho nó reo? Thế nhưng, đi đâu đó đã xảy ra như vậy. Chuông điện thoại liên tục reo. Cho đến lúc Pinkie phải thì thầm thốt ra một câu chửi thề rồi lăn qua chộp lấy chiếc điện thoại đặt trên chiếc bàn cạnh giường ngủ. Giấc mơ đã biến mất. Hắn đã trở lại trong thế giới tỉnh thức.

“Ông muốn cái quỷ quái gì vậy?”

“Một ngày mới an lành nhé, Pinkie. Hy vọng là tôi đã không đánh thức chú em.”

Pinkie phải hít vào một hơi thật sâu để giữ được bình tĩnh. Lại công việc làm ăn rồi. Hắn nhận ra ngay giọng nói ấy. Giọng điệu hòa nhã mà đơn điệu đến lạ lùng của ngài Smith. Hắn nghĩ rằng mọi việc đã hoàn thành. “Không đâu, tôi đã thức sẵn”, hắn trả lời rồi nói tiếp, “Nhưng xin lỗi, tôi đang bận chút việc.”

“Pinkie à, tôi đang gặp rắc rối.”



Pinkie không thể tưởng tượng vấn đề có thể xảy ra là gì. “Chuyện gì vậy?”

“Người thanh niên mà chú em giới thiệu cho tôi... anh ta đã không tuân theo đúng chỉ thị.”

“Ý ngài là gì?”

“Tôi muốn nói rằng anh ta đã không giải quyết dứt khoát đống xương. Anh ta đã vứt chúng trên một công trường xây dựng. Và hiện nay cảnh sát đã phát hiện.”

“Đồ chết tiệt!” Pinkie cảm thấy cơn giận đã làm căng những bắp thịt ở vùng cổ và hai vai của hắn. Thằng nhóc con khốn nạn đó! “Ngài muốn tôi khử nó à?”

“Tôi muốn chú em tiếp tục kiểm tra rồi báo cáo rõ chuyện gì đã xảy ra, Pinkie ạ. Hãy bảo đảm rằng đống xương ấy không đưa họ đi đến bất kỳ chỗ nào. Chú em hiểu ý tôi chứ? Hãy làm bất kỳ việc gì cần thiết để dọn dẹp sạch sẽ tất cả mọi chuyện.” Giọng điệu của ngài Smith nghe có vẻ rất bình tĩnh, nhưng Pinkie biết rằng không phải như vậy. Hắn đã chứng kiến khuynh hướng dễ dàng nổi nóng của ông ta, biết rằng ông ta có khả năng về những đi đầu mà Pinkie không bao giờ có thể nghĩ đến. Sự thật, Pinkie có chút sợ hãi đối với ngài Smith.

“Tôi sẽ đi lại như thế nào đây?”

“Chú em có thể lấy xe của tôi. Nó có giấy phép để đi đến bất kỳ nơi nào.” Có một khoảng lặng ở đầu dây phía bên kia. “Tôi nghĩ rằng tôi đã tìm ra một biện pháp để theo dõi bất kỳ tiến bộ nào mà cảnh sát có thể đạt được. Bằng cách đó, chúng ta sẽ biết chính xác những gì chú em có thể phải làm.”

“Tại sao chúng ta không loại bỏ đám cảnh sát ấy đi?”

“Không, không”, ngài Smith nói nhanh. “Nếu có bất cứ đi đầu gì xảy ra với nhân viên đi đầu tra, đi đầu đó sẽ chỉ thu hút sự chú ý. Và đó là đi đầu cuối cùng chúng ta muốn.”

# CHƯƠNG NĂM

## I

Trên đường Tooley, Amy lái xe về phía Đông bằng chiếc Toyota nhỏ bé màu vàng của mình. Đó là chiếc xe sản xuất theo khái niệm phúc lợi của nhà sản xuất động cơ Nhật Bản, đã đi đầu chinh phục đặc biệt để chứa được chiếc xe lăn của cô. Một sự sắp xếp thông minh với cửa xe phía người lái có thể trượt ra phía sau và một đoạn dốc mở rộng có thể nâng lên hạ xuống để đẩy cô vừa vặn ngả vào sau tay lái. Có được thiết kế này không rẻ chút nào - không hề có bất cứ phụ tùng nào dành cho người khuyết tật đã được thực hiện - nhưng khoản tiền bõ thường đã cho phép cô tự trang bị để có được một cuộc sống bình thường như đi đâu cô có thể tạo ra.

Lúc này, việc đi lại đã dễ dàng hơn vì đường phố hầu như vắng lặng. Chẳng phải là cô liêu lĩnh ra đường nhiều hơn trong thời buổi này.

Vượt qua một đoàn xe hộ tống gồm toàn những chiếc xe quân sự đang âm thầm lao về phía tây, cô liếc mắt nhìn lên phía bắc hướng về con sông và những đường cong nghiêng của tòa lâu đài bằng kính và thép vốn là tòa Thị chính. Viên Thị trưởng từng nói, tất cả những tấm gương ấy nên được xem là biểu tượng cho sự minh bạch của chính phủ. Ngày nay người ta có thể nhìn thấy mà chẳng thèm quan tâm. Bởi vì ở đây chẳng còn ai. Những lời hứa hẹn không thành thật chẳng đi tới đâu. Đối với tất cả những kế hoạch của họ, chưa bao giờ họ tưởng tượng được bất kỳ chuyện gì ở quy mô này.

Cô quẹo về phía bắc trên con đường Ba Cây Sồi, nơi có lẽ hồi trước ba cây sồi kia đã mọc lên ở đây. Nhưng chúng đã biến mất từ lâu. Trên đường Gainsford, cô quẹo vào bãi đậu xe nhiều tầng rồi lái xe theo đường dẫn để lên đến chỗ đậu xe của mình ở tầng hai. Đã có lúc, đó là nơi duy nhất mà cô có thể đến, và đi đâu đó khiến cô luôn luôn phải phó mặc cho sự

định đoạt của chiếc thang máy. Nếu thang máy hoạt động thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng nếu nó không hoạt động thì cô thực sự gặp rắc rối. Hôm nay, chiếc thang máy rần rần chạy xuống tầng trệt mà chẳng gặp trở ngại nào và cô băng qua lối đi có rải sỏi đến cổng vào cầu cảng Butlers and Colonial, một tập hợp những tòa nhà mới xây và những kho hàng đã được chuyển đổi công năng chung quanh một quảng trường có nhiều lối vào. Tiếng rên rỉ phát ra từ chiếc động cơ điện gắn trên xe lăn của cô có vẻ quá ồn ào trong cái ngày vẫn còn u ám này, một luồng ánh sáng xanh kỳ lạ thu hút tất cả mọi màu sắc từ khối gạch màu mật ong. Không một bóng người nào được nhìn thấy. Trước kia, ở một thời quá khứ, những con đường, những ngõ hẻm và cả những tòa nhà này vẫn căng phồng sức sống. Những công nhân bốc xếp ở bến tàu, những người giữ kho, những công nhân bốc xếp ở nhà kho. Tàu thuyền đi ngược từ cửa sông lên đến tận vùng ngập mặn của London để bốc dỡ các mặt hàng thực phẩm và hương liệu xa lạ từ những vùng xa xôi trên khắp Đế quốc Anh. Những chiếc cầu nối có dầm bằng kim loại lao đi theo những góc độ khác thường trên bầu trời giữa những nhà kho cao chót vót. Một cánh cổng khổng lồ hình vòng cung nhìn ra sông Thames, nơi công nhân đứng xếp hàng mỗi ngày với hy vọng kiếm thêm được vài giờ công nhật. Bảy giờ đó là những ngôi nhà của các cư dân thuộc thành phố phục hưng ấy, những người có khả năng trang trải cho những ngôi nhà ấy, được phục vụ bởi những quầy rượu vang và những nhà hàng sành điệu khiến cho những con đường rải sỏi ấy trở nên sống động. Sự im lặng thật là kỳ lạ. Không một tiếng vang nào của quá khứ còn vọng lại.

Amy gác đoạn thang dốc của chiếc xe lăn lên cửa trước căn hộ của cô rồi mở khóa cửa để vào nhà. Nơi đây trước kia đã là một nhà kho chứa hương liệu. Bà chủ nhà lớn tuổi, người đã bán cơ ngơi này cho cô, nói với cô rằng bà đã đi khắp tòa cao ốc này, với nón bảo hiểm trên đầu, trước khi công trình chuyển đổi công năng của tòa nhà này được tiến hành. Bà ấy nói, “Đây là cả một thiên đường đó, cô bạn nhỏ ạ! Toàn bộ khu vực này sức nước mùi đình hương.”

Căn hộ nằm ở tòa nhà ba tầng và Amy sở hữu hai tầng trên cùng. Hoàn toàn không thực tế đối với một người phải ngồi xe lăn, nhưng cô đã quyết định rằng sẽ không hy sinh bất kỳ điều gì trước tình trạng khuyết tật của mình. Nếu như cô có đủ tiền trước vụ tai nạn, hẳn là cô sẽ yêu thích được

sống ở một nơi như thế này. Đến khi cô đã có đủ khả năng trang trải cho cuộc sống, cô cũng quyết định không thực hiện bất kỳ một thỏa hiệp nào. Thế là cô đã trang bị thang máy trên cả hai khoang cầu thang và đặt ở mỗi tầng một chiếc xe lăn. Cô ngủ ở tầng đầu tiên và sinh hoạt trên tầng thứ hai, một không gian rộng lớn thoáng đãng giữa những thanh ràn mà cô đã chia nhỏ ra bởi đồ đạc và những kệ sách. Trong góc ở ngoài xa, cô có một nhà bếp không bị chia cắt bởi tường hay vách ngăn, và trên bức tường phía sau, những chiếc cửa sổ kiểu Pháp dẫn ra một bao lơn kim loại hình vuông, là nơi mà vào mùa hè cô có thể ngồi ở đó để đọc sách và tắm nắng.

Amy chuyển từ chiếc xe lăn qua chiếc thang nâng dưới cùng. Cô đã phát triển được sức mạnh ở hai bàn tay để tự nâng mình lên, mặc dù trong cái bộ khung mảnh dẻ của cô cũng chẳng có nhiều sức nặng là mấy. Đôi khi cô vẫn thấy chiếc thang nâng này di chuyển chậm đến đáng chán. Hôm nay, cô chỉ việc nhắm mắt lại và trôi lên cùng với nó, nâng niu cái gói nhỏ trong lòng. Đó là một buổi sáng mang lại đau thương. Nhận ra mình có sự đồng nhất với nạn nhân của một vụ giết người là một trải nghiệm không gì có thể sánh nổi. Nhưng một điều gì đó liên quan đến cô bé đáng thương này đã khiến cô xúc động theo một cách mà cô không tin là có thể xảy ra được. Cô nghĩ đến tất cả những thi thể mà cô từng xử lý, những cái đầu mà cô đã mang về nhà để tiếp tục những phần việc còn dang dở, và cái cách mà cô luôn luôn có thể tách mình ra khỏi thực tại không dễ chịu về trách nhiệm mà cô phải thực hiện. Cho đến tận hôm nay. Có điều gì đó liên quan đến tập hợp những mảnh xương nhỏ này mà trong chừng mực nào đó vẫn chứa đựng thần thức của đứa trẻ. Amy phát hiện rằng điều đó không bình thường, và khi cô nâng chiếc hộp sọ giữa đôi bàn tay, hầu như cô có thể thề rằng cô cảm nhận được sự sợ hãi của đứa trẻ đang truyền qua xương vào tận da thịt của chính cô.

Tất cả cửa ra vào trên tầng một đã đóng kín, và chỉ có chút ánh sáng lọt vào được từ cửa trước lan dần qua bóng tối. Lơ lửng trong không khí phảng phất một mùi là lạ; nhưng Amy đã bị phân tâm, đặt gói hàng xuống để có thể di chuyển đến chiếc xe lăn ở đầu cầu thang, nên cô không hề nhận ra mùi đó. Cô không bận tâm đến bóng tối. Đôi lúc cô ngồi hàng giờ trong khi đèn đóm tắt hết và giả vờ rằng điều này chưa từng xảy ra. Rằng cô sẽ chỉ quyết định bật đèn rồi đứng dậy và thực hiện quyết định đó.

Cô hướng mình đến chân cầu thang thứ hai và dừng lại trong sự bối rối bất ngờ, không nhận ra cái bóng đang di chuyển qua bóng tối phía sau cô. Bước thang máy không có ở đó. Cô ngẩn cổ để nhìn lên và thấy rằng nó đang ở tận đầu cầu thang. Sao lại có thể như vậy? Buổi sáng nay khi rời nhà, cô đã hạ nó xuống mặt sàn. Ngay khoảnh khắc đó, cô nhận ra mùi hương phảng phất còn sót đã lảng tránh cô chỉ vài giây trước, tim cô thất lại. Đúng lúc ấy, một bàn tay vòng ra từ phía sau bịt lấy miệng cô. Cô cố gắng hét lên nhưng không thể hở môi, và sức mạnh ở cánh tay từ phía sau đã nắm chặt lấy cô tại chỗ. Cô đưa hai tay lên túm lấy tay áo khi kẻ tấn công cô lặng lẽ di chuyển chung quanh để nhắc cô lên và kéo cô ra khỏi chiếc ghế.

Amy hoàn toàn bất lực, đôi chân lơ lửng vô dụng. Cô chỉ còn có thể ôm chặt lấy hần khi hần băng qua đầu cầu thang rồi đá tung cánh cửa vào phòng ngủ của cô. Chỉ trong ba giây chần, hần đã đến được chiếc giường và đặt cô nằm xuống giữa đống chăn nệm. Hần nhắc tay ra khỏi miệng cô. Cô hét lên “Đồ khốn!” rồi vươn tay ra tóm lấy cổ hần, kéo hết sức mình cho đến khi hần đổ nghiêng về phía cô, và bằng đôi môi của mình, cô tìm được đôi môi của hần.

Khi họ rời nhau ra, cô thở hồng hộc trong khi kẻ tấn công cười toe toét với cô. “Em thật xuất sắc”, anh nói.

Cô không thể cưỡng lại một nụ cười, “Em chỉ làm công việc của mình mà thôi, ngài thanh tra hình sự ạ.”

Anh lại hôn cô, lần này thật nhẹ nhàng, rồi rẽ mái tóc của cô ra hai bên để khỏi che đôi mắt. Đôi mắt đen thật đáng yêu. Anh nhìn cô chằm chằm, đầy ngưỡng mộ và khao khát. “Tiến sĩ Bennet sẽ nói gì nếu anh chàng ấy có thể nhìn thấy chúng mình như bây giờ?”

Một thoáng suy nghĩ lướt qua gương mặt cô. “Anh ấy ghét chuyện này. Anh ấy vẫn nghĩ rằng anh là loại cảnh sát sẽ đánh bất cứ người nào chỉ vì kẻ ấy đàng tính?”

“Đôi khi anh cũng chẳng bận tâm đến việc phải chỉ trích anh chàng ấy. Nhưng không phải vì anh ta đàng tính. Mà chỉ vì anh ta thực sự là một thằng nhóc khó ưa.”

Cô đẩy anh ra. “Anh ấy là bạn em, Jack à. Người bạn tốt nhất của em trên khắp thế giới này. Em đã chẳng thể nào sống sót được trong suốt hai

năm rưỡi qua nếu không có anh ấy.”

MacNeil hít một hơi thật sâu và cẩn thận chọn lời. “Anh biết chứ. Nhưng nay em đã có anh.”

“Được bao lâu? Chẳng nào mà sự mới lạ này trở nên hao gầy đi chẳng?”

“Đừng có ngờ ngẩn như vậy. Em biết anh cảm nhận về em như thế nào mà.”

“Em biết em muốn anh cảm nhận về em như thế nào. Em chỉ không chắc là đã bao giờ anh thực sự nói với em.”

“Vậy thì hãy để anh bày tỏ cho em thấy. Anh không bao giờ khéo nói cả.” Anh cúi xuống để hôn cô lần nữa. Ban đầu cô chống cự. Cô không thích tình trạng hai người đàn ông trong đời cô lại mâu thuẫn với nhau đến mức cô phải giữ bí mật của người này với người kia. Mà có phải là họ cạnh tranh với nhau đâu. MacNeil dùng lưỡi buộc đôi môi của Amy hé ra, và cuối cùng cô chịu khuất phục, niêm đam mê dâng trào trong một cơn thủy triều bất ngờ.

Khi người ta nói với cô rằng có nhiều khả năng cô không bao giờ đi lại được nữa, cô đã nghĩ đến sự kết thúc đời sống tình dục của mình. Tuy sống của cô không hề bị cắt đứt mà chỉ bị thương tổn. Cô cũng luôn kiểm soát được bàng quang và ruột. Nhưng cô chỉ không biết rằng liệu mình còn có cảm giác gì hay không ở bên dưới đó nữa. Cho đến lần đầu tiên ấy với MacNeil. Và nó đã luôn luôn giống như lần đầu tiên ấy. Đầy đau đớn, niêm vui, và nước mắt. Và cho đến tận lúc ấy, cô chưa bao giờ tin tưởng hoàn toàn vào những lý do của anh. Tại sao một người đàn ông to cao khỏe mạnh như MacNeil lại quan tâm đến một cô gái Trung Hoa nhỏ bé không thể đi lại được như cô. Nhưng anh đã rất dịu dàng với cô đến nỗi ngay lập tức, cô biết rằng thật khó để hiểu về anh hơn là những gì cô đã cảm nhận được từ ban đầu. Một người đàn ông phức tạp, cả nể, chu đáo, mang đầy trong lòng những cảm xúc ức chế do thẩm nhuần nền giáo dục của Giáo hội Trưởng lão Tin lành. Chẳng phải anh là người có thành kiến với kẻ đồng tính mà anh chỉ ngượng ngùng trước mọi sự phô trương về tính dục. Trong khi đó Tom lại phơi bày tình trạng đồng tính luyến ái của mình như một thứ huy hiệu.

MacNeil cởi áo sơ mi rồi tuột từng chiếc giày của Amy, trước khi cởi áo và bộ váy đen dài của cô. Thế rồi anh đột ngột dừng lại. “Chúng ta không nên làm chuyện này”, anh nói. “Anh có thể lây cúm cho em. Anh bị phơi nhiễm nhiều hơn em.”

“Vậy thì ngay bây giờ chúng ta cũng có thể dừng sống nữa; bởi vì dù sao mình cũng sẽ chết.” Amy ngược lên nhìn thẳng vào mắt anh, “Và nếu chúng ta không sống được một cuộc sống thú vị khi còn có thể, thì chúng ta sẽ chết mà chưa từng được sống.”

## II

Chiếc xe tải Mercedes màu trắng chạy rầm rập về phía đông trên đường Aspen. Con đường hai làn xe đã bị bỏ hoang. Chiếc xe tải chạy qua phía dưới con đường sắt Docklands Light, và mặt nước màu xám chì của bến West India tràn ra tương phản với những vũng đậu tàu bằng bê-tông suốt dọc mạn nam của con đường. Có đám mây trên đầu càng lúc càng mỏng manh hơn và làn không khí lạnh lẽo của buổi sớm mai tràn ngập một thoáng nhìn ướt át của làn ánh sáng vàng vọt nhạt nhòa.

Pinkie cảm thấy khó chịu trong bộ đồng phục không vừa với mình, nhưng lại có cảm giác an toàn trong tình trạng ẩn danh mà chiếc mặt nạ phòng độc và cặp kính bảo hộ che kín hầu hết gương mặt đã mang lại cho hắn. Hắn kéo vành lưỡi trai của chiếc mũ bóng chày xuống thấp che cặp mắt, và không ngớt cẩn thận quan sát những người lính đến gần khi hắn rẽ phải và lao nhanh xe vào lối dẫn lên cầu North Bridge bên cạnh chợ cá Billingsgate. Có khoảng hai chục hay hơn một chút những người lính đã đóng quân ở đây tại nơi nay trở thành một doanh trại bán thường trực, một phòng tuyến với những tay súng bắn tỉa ở phía bên kia sông. Đây đó là những chiếc xe bọc thép và hàng rào kẽm gai. Hắn dừng xe và hạ kính cửa sổ xuống. Gió vẫn mang theo mùi tanh cá mặc dù những đoàn tàu cá đã không được phép ra khơi từ nhiều tuần qua. Mùi hôi thối đã thấm vào kết cấu của toàn thể khu vực này.

Người lính dẫn đầu tiến lại một cách thận trọng, chìa vũ khí vào cửa sổ phía tài xế. Anh ta giơ một bàn tay ra để xem xét giấy tờ của Pinkie, chỉ nhìn lướt qua rồi sau đó trả lại. Anh ta vung khẩu súng trường trong khoảng không. “Tháo mặt nạ ra.”

Tim Pinkie như thất lại. Hắn không nghĩ họ sẽ yêu cầu đi đầu đó. Hắn giơ mũ bóng chày xuống và bỏ mặt nạ ra.

Người lính nhìn hắn với vẻ nghi ngờ. “Charlie đâu?”

“Bệnh rồi”, Pinkie nói. Và hắn thấy người lính hầu như vô tình lùi lại một bước.

“Anh có tiếp xúc với anh ta không?”

Pinkie lắc đầu. “Không biết người ấy. Họ giao cho tôi công việc khác.”

Người lính có vẻ nhẹ nhõm. “Đeo mặt nạ lại.” Sau đó anh ta quay lại la lớn về phía những người lính công binh đứng cạnh rào chắn, “Cho anh ta qua.” Thế là những người lính cuốn những cuộn dây thép gai lại để tạo một lối đi qua cây cầu.

Pinkie kéo mặt nạ vào chỗ và gài số một. Chiếc xe tải gầm gừ rồi chồm lên thẳng tiến về phía cây cầu. Ở phía bên kia sông, những tòa nhà chọc trời bằng kính nổi lên trong màn sương. Biểu tượng của các công ty tiết lộ quyền sở hữu. The McGraw-Hill Companies. The Bank of America. Pinkie đưa cặp mắt lo lắng lướt dọc theo đường chân trời, cố gắng phát hiện những tay súng bắn tỉa mà hắn biết rằng đang chìa những khẩu súng trường nhắm vào mình. Nhưng hắn không phát hiện được gì. Hắn lái xe chậm chậm lên đoạn đường dốc, lướt qua một chốt gác sơn xanh không có người rồi dừng xe trước cây cầu. Cây cầu đã được nâng lên từ bờ nam theo một góc khoảng bốn mươi lăm độ. Nó được thiết kế để cho các tàu lớn đi qua bên dưới nó, nhưng nó đã tạo ra một rào chắn rất hiệu quả. Ai đó, ở đâu đó, đã đi đầu khiến một chiếc đòn bẩy, và cây cầu bắt đầu hạ xuống chậm chạp cho đến khi một lần nữa nó trở thành một con đường đi về phía nam băng qua dòng nước vào Cầu tàu Canary, và qua khỏi đó là Đảo Chó.

Pinkie cẩn thận đi đầu khiến chiếc Mere trắng từ từ tiến sang bờ bên kia, và qua chiếc gương chiếu hậu hắn thấy cây cầu bắt đầu được nâng lên. Hắn liếc nhìn vào bộ nhớ tạm trên bảng đi đầu khiến. Toàn bộ con đường và các điểm dừng để nhận và trả hàng hóa hay hành khách đều được đánh dấu



cụ thể. Hắn sẽ phải tỉ mỉ tuân thủ những chỉ dẫn ấy để tránh làm dấy lên sự nghi ngờ. Hắn đã biết có những trạm kiểm soát khác ở Trafalgar Way và Westferry Road, bên dưới Vòng xoay Bank Street. Lối ra của hắn trên chặng trở về là qua trạm kiểm soát ở Đại lộ West India, hướng đến Vòng xoay Westferry. Nhưng cho đến lúc đó, hắn ở trong vùng đất không người. Một hòn đảo tự cách ly vì kiểm dịch ngay giữa lòng khu vực Đông London.

Pinkie vẫn tự hỏi tại sao vùng đất này được gọi là Cù lao của Những con chó, trong khi thực tế nó đúng là một bán đảo, một đoạn uốn khúc sâu trong dòng sông. Cho đến bây giờ, hắn mới nhận ra rằng đoạn uốn khúc ấy đã bị cắt đứt một cách có hiệu quả từ bờ bắc bởi một mạng lưới của những cầu tàu và những thủy đạo được xây dựng để phục vụ cho những gì từng là bến cảng bận rộn nhất trên thế giới. Hình như đó là nơi Henry VIII dùng để nuôi bầy chó của mình, vì vậy mà thành tên. Ít nhất, đó là những gì mà Charlie đã nói với hắn, ngay trước khi Pinkie nhẹ nhàng đẩy sâu mảnh thép không gỉ lạnh lẽo dài một tấc rưỡi vào giữa những chiếc xương sườn của Charlie. Nó là một thằng bé ngoan. Thật đáng tiếc là nó đã phải chết.

Pinkie quay đầu xe về phía nam, qua Quảng trường Canada hướng đến Jubilee Place, dọc theo những hẻm vực của mặt đường nhựa - giữa các kiến trúc cao chót vót. Không có dấu hiệu của sự sống, không một bóng người nào trên đường phố. Canary Wharf giống như một thị trấn ma. Đối diện nhà ga tàu điện ngầm, bức tượng của một sinh vật không đầu không hoàn chỉnh, nửa người nửa ngựa, nằm bên cạnh sáu thân cây trụ lá, đăm đăm vọng về đông hướng đến hình dạng mờ nhạt nhưng đặc biệt của Mái vòm Thiên niên kỷ nằm trên bờ bên kia của con sông. Một pho tượng bán thân không có cánh tay nằm lệch nghiêng theo một góc bên dưới bụng ngựa, một cái đầu được đặt gọn vào một hốc ở bên sườn. Pinkie tự cho phép mình nhếch một nụ cười. Vậy mà họ bảo đây là nghệ thuật?

Hắn cho xe queo phải tại Phố Bank, trước mặt hắn là nhịp chính của cây cầu kim loại sơn màu xanh giúp cho con đường sắt Docklands Light vượt sông, giữa một bên là Canary Wharf và bên kia là Heron Quays. Ở đây không có bằng chứng nào về sự phá hoại các công trình văn hóa đã làm tàn lụi trung tâm thành phố. Không có gì cần phải đóng ván để được che chắn. Các cửa hàng và nhà hàng đã đóng cửa, nhưng vẫn được phơi bày ra với cuộc sống. Nhà hàng Ốc sên và Rau diếp. Trung tâm mua sắm Jubilee Place. Bất cứ ai không thuộc về nơi này, bất cứ ai có thể là kẻ mang vi-rút,

đều có khả năng bị bắn ngay khi được nhìn thấy. Vì vậy, không ai dám mạo hiểm ra ngoài, ngay cả các cư dân, bởi vì các câu hỏi chỉ được đặt ra sau đó - bấy giờ thì sẽ là quá muộn.

Pinkie thoáng thấy một chuyển động trong lúc hoàn toàn không để tâm. Một chiếc xe đẩy dùng vận chuyển dụng cụ chơi golf, sơn trắng, đi đều khiển bởi một người đàn ông mặc đồng phục xanh, khẩu súng trường nhô cao ở bên cạnh. Nó chỉ như một tia chớp nửa trắng nửa xanh rồi biến mất nhanh chóng hóa thành một bãi bốc dỡ hàng hóa tối tăm. Nhiều người trong số những nhân viên an ninh đầu tiên ở đây đã tham gia ủy ban trật tự và đã trưng dụng những chiếc xe đẩy như vậy.

Điêu bí ẩn lớn là ở đâu ra mà họ đã có được những khẩu súng ấy. Nhưng những nhân vật giàu có và quyền lực đã sống ở đây. Và nơi mà tiền bạc và cuộc sống bị đe dọa thì mọi thứ đều có thể xảy ra.

Điểm dừng đầu tiên là một bãi đậu xe dưới lòng đất ở phía nam quảng trường. Pinkie rẽ xuống đoạn đường dốc rồi lái xe vào một khu vực đậu xe vắng vẻ, ẩm đạm bao phủ toàn bộ các dấu chân của tòa nhà. Một kết cấu mái che thấp được nâng đỡ bởi những thanh dầm kim loại. Có một vài chiếc xe đang đậu nhưng không có dấu hiệu của sự sống. Tất nhiên, hẳn biết chắc chắn là phải có người đang theo dõi. Hẳn dừng xe và để động cơ chạy không tải, nhả xuống mở tung các cửa ở phía sau của chiếc xe tải. Nửa giờ tiếp theo được dành để bốc những chiếc hộp được phân phối cho điểm dừng này lên một cầu nâng đi đều khiển bằng khí nén, sau đó hạ cầu nâng này xuống đất và dỡ những chiếc hộp ấy xuống sàn bê-tông. Pinkie khỏe mạnh, nhưng đó là một công việc khó khăn, và cuối cùng, toàn thân hẳn ướt đầm mồ hôi. Không có gì trên các hộp để chỉ ra những thức bên trong, nhưng hẳn tin chắc đó là thực phẩm đóng hộp. Có tới hai mươi phương tiện mỗi ngày thực hiện việc đi lại, vận chuyển hàng hóa tiếp tế cho gần hai mươi lăm ngàn người sống trên đảo.

Khi hẳn chuyển đến chiếc hộp cuối cùng cho điểm phân phối này, một cánh tay trần rơi ra từ mộtช่อง hộp ngay phía sau. Cánh tay Charlie bị khóa ở một vị trí mang lại ấn tượng rằng thằng bé đang nắm giữ một quả bóng cricket mà ai đó vừa ném ra. Có những vết máu ở phần cẳng tay. Pinkie nhanh chóng đá văng nó ra khỏi tầm mắt và liếc nhìn xung quanh để xem liệu ai đó đang quan sát có thể thấy điếu ấy không. Thế nhưng hẳn vẫn không thấy ai. Hẳn chuyển dịch một số những chiếc hộp để bảo đảm

rằng Charlie không còn xuất hiện ngoài ý muốn nữa, sau đó nhảy xuống để đóng những cánh cửa nặng nề lại, cẩn thận giấu giếm cái xác chết ấy khỏi những cặp mắt tò mò.

Trời nóng và bên trong chiếc mặt nạ thật là ngọt ngào. Mồ hôi chảy cả vào hai mắt. Hẳn nặng nhọc quay trở lại buồng lái. Như thế này là sẽ tiếp tục một vài giờ lê thê.

### III

Amy nằm ngửa nhìn lên sàn nhà. Chân phải của cô giơ lên và dựa vào vai MacNeil. Anh quỳ ngay phía trước và đôi bàn tay to lớn của anh không ngừng xoa bóp dọc theo những cơ thuộc phần bắp chân của cô, những ngón tay bè bè mạnh mẽ bấm sâu vào thịt. Anh xoa bóp chung quanh đầu gối rồi đi lần xuống bắp đùi bằng những nhịp vuốt dài dứt khoát. Amy ước gì mình có thể cảm nhận được sự việc ấy. Thật là điếu kỳ lạ nhất, biết rằng mình đang được đụng chạm mà chẳng có chút cảm giác nào! Cô tự hỏi, liệu có khi nào cô quen được với tình trạng này không.

Thỉnh thoảng cô nghĩ rằng mình vẫn có ấn tượng rất mơ hồ về cảm giác tê tê buồn buồn ở hai bàn chân và đã hy vọng cảm giác ấy tràn ngập trở lại. Có thể một ngày nào đó sự sống sẽ trở lại với đôi chân của cô. Có thể một ngày nào đó cô sẽ lại bước đi được như xưa. Các bác sĩ đều nói rằng không. Nhưng vào những ngày lạc quan, cô sẽ tự nhủ rằng các bác sĩ cũng có thể nhầm lẫn. Thế rồi vào những lúc bi quan, cô sợ rằng những cảm giác tê tê buồn buồn ấy chỉ là điếu bịa đặt do trí tưởng tượng của cô mang lại. Chỉ là một ước muốn.

Nhưng đối với MacNeil, điếu ấy không phải là vấn đề. Tất nhiên là cô sẽ đi lại được như xưa. Vấn đề là cô phải giữ cho các bắp thịt mạnh mẽ và dẻo dai. Sẽ là một chuyện cực kỳ tệ hại nếu để cho các bắp thịt bị teo lại. Chính vì thế, anh đã dành ra hàng giờ để xoa bóp cho đôi chân của cô, thực hiện các bài tập cơ theo từng nhóm, uốn đôi chân của cô ở phần đầu gối và mắt cá. Gập vào duỗi ra, gập vào duỗi ra. Dường như anh có sự kiên nhẫn không bao giờ hết. Hai người không trò chuyện với nhau trong các buổi tập

ấy. Anh xoa bóp trong im lặng trong khi cô hưởng thụ sự tĩnh lặng mà trước đó cô chưa bao giờ được biết. Đôi khi cô nhắm mắt lại và chỉ trôi đi, đầu cô trống rỗng. Những lúc khác, cô cứ mặc cho tâm trí của mình trải ra hàng loạt những sự việc đang làm cô bối rối, những khó khăn trong công việc, sự bất hòa với người em ruột của cô. Thường thường, cô sẽ tìm được những câu trả lời, hoặc những giải pháp từng phần, hoặc sự an ủi trong tư tưởng, đi đầu trước đó chưa bao giờ xảy ra với cô.

Hôm nay cô đã phá vỡ quy ước không nói ra của họ về sự im lặng. Cô lên tiếng, “Em đã mang cô bé về nhà.”

“Ai?” MacNeil nhăn mặt và dừng giữa một nhịp vuốt.

“Lyn!”

“Lyn là ai vậy chứ?”

“Đưa bé gái với cái môi chẻ.”

MacNeil nghiêng người về phía trước nhìn thẳng vào mặt cô. “Em đang nói về việc gì vậy, Amy.”

“Rằng đó là cái tên em dùng để gọi cô bé ấy, Lyn. Cô bé ấy phải có được một cái tên, mà em vẫn thích đó là Lyn. Em có một người chị em họ ở Hồng Kông tên là Lyn, và em cũng thường ước muốn cha mẹ em gọi em như vậy.”

“Anh vẫn thích em là Amy.” MacNeil trả lời. Anh đã bắt đầu lại với việc xoa bóp cái chân của cô. “Em có ý gì khi bảo em đã mang cô bé ấy về nhà?”

“Em sẽ làm việc với cái đầu của cô bé. Một sự tái tạo. Đầu đó sẽ giúp biết được cô bé ấy trông giống cái gì, có phải vậy không nào? Cô bé ấy rất khác biệt với môi trên bị biến dạng. Rất dễ dàng nhận biết. Em nghĩ vậy.”

“Ý em là em đã mang chiếc hộp sọ ấy về đây?”

Amy gật đầu.

“Nó có bốc mùi không?”

“Cũng chút chút. Nhưng em sẽ làm việc trước những chiếc cửa sổ kiểu Pháp ở tầng trên. Anh biết mà, ở đó có một khoảng bao lơn nhỏ nhìn xuống khu vườn. Miễn là trời khô ráo, em sẽ mở toang các cửa sổ và mọi chuyện sẽ đầu vào đấy.” Cô chống khuỷu tay để nhắc mình lên. “Đỡ em dậy rồi em sẽ chỉ cho anh thấy.”

MacNeil thích khoảng không gian ở chỗ cao nhất của căn nhà này. Ở đây có chỗ để thở, và cảm giác về độ cao cũng làm cho hoàn cảnh được cải thiện. Đã không thể có nhiều khác biệt hơn đối với cái chỗ vừa là phòng khách vừa là phòng ngủ nhỏ bé ngọt ngào của anh ở Islington. Anh giúp Amy đặt một chiếc bàn ngay trước những cửa sổ kiểu Pháp rồi nhặt nhanh những nguyên vật liệu mà cô đã cất giữ trong một chiếc tủ trưng bày được kê sát tường. Trước đó, anh chưa bao giờ thấy cô đang đắp nặn trên một chiếc hộp sọ, và đã từng sửng sốt trước một dãy những chiếc đầu người đứng xếp hàng trên kệ nằm ở giữa chiếc tủ trưng bày. Một người đàn ông hói đầu, một người đàn bà trẻ, một cậu con trai, hai người phụ nữ lớn tuổi hơn, một người đàn ông không hoàn chỉnh với một tổn thương nghiêm trọng trên đầu.

Cô tập hợp chung quanh mình nào là sách, nào là biểu đồ, những mẫu chốt để kết nối, những thỏi đất sét bằng nhựa dẻo để nặn... MacNeil thích thú quan sát cô đặt hộp sọ lên một cái bệ, khéo léo đi đầu khiến chiếc xe lăn vào vị trí thích hợp nhất để thực hiện công việc. Với những chiếc cửa sổ đã được mở toang, tình trạng bốc mùi cũng không quá tệ.

“Em sẽ xây dựng một gương mặt trên chính cái hộp sọ này à?”

“Không. Em sẽ thực hiện một khuôn đúc bằng thạch cao cho phần sọ, sau đó lại tạo một khuôn đúc cho xương hàm dưới bằng một loại chất dẻo tổng hợp có thể biến thành hợp chất cao phân tử nhờ các phản ứng xúc tác trong điều kiện không gia nhiệt. Chúng ta không muốn hủy hoại những gì có thể là bằng chứng.”

Anh quan sát với sự say mê trong lúc cô thực hiện những công việc chuẩn bị.

“Làm thế nào em biết được gương mặt này trông giống cái gì chỉ từ chiếc hộp sọ này? Ý anh là tất cả những gương mặt ấy đều giống nhau, có phải vậy không?”

Amy cười ngặt nghẽo, “Giống hệt như người Trung Quốc, chứ gì?”

MacNeil cảm thấy gương mặt của anh ửng lên, “Em hiểu được ý của anh.”

Cô gật đầu, vừa cười vừa nói, “Em sẽ khoan một số những lỗ nhỏ tại ba mươi bốn điểm quy chiếu chung quanh chiếc hộp sọ này, sau đó, em sẽ dán những mẫu chốt nhỏ bé bằng gỗ vào các lỗ khoan ấy, có đường kính chỉ là

hai ly rượu. Những mẫu chốt này đã được đánh dấu ở độ sâu mô mềm trung bình, phù hợp với một thang đo được xác định bởi một chuyên gia có tên là ngài Helmer, người đã tính toán chúng từ những phép đo siêu âm tiến hành trên người sống. Vì vậy, chúng khá là chính xác. Kế đó, em sẽ tạc khuôn mặt, áp dụng đi đầu mà người ta gọi là phương pháp Hoa Kỳ. Đó là một quy trình mang tính khoa học chứ không phải nghệ thuật. Người ta nối những độ sâu mô trung bình ấy bằng những dải đất sét dẻo để nặn với chiều rộng khoảng năm li, xây dựng thực hiện quả những lớp bắp thịt dưới da. Răng và xương hàm sẽ quyết định hình dạng của cái miệng, và đặc biệt là cái môi chẻ. Hình dạng của sống mũi được quyết định bởi kích thước của những chiếc xương thuộc vùng mũi. Có những biểu đồ và những số đo để định hình đường cong của mí mắt, và tất nhiên, chúng tộc sẽ đóng góp một phần vào đi đầu ấy.”

“Ở đâu ra mà em học được tất cả những chuyện này vậy?”

Amy nhún vai, “Em vẫn luôn luôn quan tâm đến nó. Nhưng sau tai nạn, đó là một trong số khá ít những việc mà em không cần đến chân cũng vẫn thực hiện được. Lại nữa, em có được rất nhiều sự giúp đỡ từ vị thầy cố vấn của em tại Hiệp hội Nhận diện Nhân dạng Anh quốc.”

MacNeil vẫn biết rằng Amy là một thành viên của Hiệp hội Nhận diện Nhân dạng Anh Quốc. Đó là một hiệp hội học thuật bán chính thức của các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau về kiến thức pháp y chuyên môn, từ các nhà bệnh lý học và cảnh sát đến những luật sư và nha sĩ. Nhưng anh không biết một chút gì về những vị cố vấn. “Em có một vị thầy cố vấn à?”

“Đúng vậy. Chẳng có gì là bất thường đối với những nhà thực hành chuyên môn lớn tuổi, thường là những vị đã về hưu, nhận bảo trợ cho những người thực hành trẻ tuổi hơn. Vị cố vấn bảo trợ cho em là một nhà nhân học về hưu, tên là Sam. Em và vị này giao tiếp với nhau qua thư điện tử và nhắn tin trực tuyến.”

Anh quan sát công việc của cô trong một thời gian, kinh ngạc trước sự khéo léo của những ngón tay dài và thanh tú của cô. Cô có được nước da màu ngà hơi xanh xao đẹp nhất, đôi môi của cô hơi cong lên theo cái cách lúc nào cũng như phảng phất một nụ cười, phản ánh một tính khí đã từng được thử thách nhiều bởi chấn thương và bị kịch. Anh chỉ muốn nâng cô lên và giữ lấy cô, sở hữu cô, thu hút cô vào với mình. Trước đây, anh chưa

bao giờ có cảm tưởng giống như vậy đối với bất kỳ người nào khác. Anh ngạc nhiên, đến mức là bị choáng váng, trước những tình cảm mà cô khơi gợi được ở anh. Những tình cảm mà chưa bao giờ anh nghĩ là mình cũng có.

Điệu nhạc *Scotland the Brave* lại vang lên chói tai trong túi áo của anh. Anh lôi chiếc điện thoại di động ra và liếc nhìn vào màn hình. Màn hình hiện lên, MARTHA, và anh đã định tắt nó đi.

“Có phải cô ấy không?”

Anh ngược lên và thấy Amy đang nhìn anh vẻ nghiêm nghị. Anh gật đầu.

“Vậy thì anh nên trả lời đi.”

Có đi đâu gì đó về ánh nhìn trong đôi mắt của cô khiến anh cảm thấy mình có chút sai trái trong việc đã dành cả một buổi sáng chỉ để tránh trả lời cuộc điện thoại này. Anh nhấn vào chiếc nút màu xanh, “Cô cần gì vậy, Martha?”

“Nhân danh Chúa Cha, anh ở đâu vậy Jack? Tôi đã cố gắng liên lạc với anh hàng giờ đồng hồ rồi.”

Trong giọng nói của cô ấy cho biết có một đi đâu gì nghiêm trọng vừa xảy ra. “Có chuyện gì bất thường à?”

“Là Sean.” Anh nghe giọng của cô vỡ vụn.

“Con làm sao?”

“Nó bệnh rồi, Jack à!”

## IV

Đi lái xe ngoặt về phía tây-nam chạy dọc theo đường Manchester, vượt qua nhà thờ Giáo hội Christ và St. John với St. Luke. Xuyên qua những khoảng trống trong những ngôi nhà, và bên ngoài hàng cây trong Island Gardens, hẳn có thể nhìn thấy cặp mái vòm sinh đôi của trường Cao đẳng Hải quân Hoàng gia cũ thuộc Viện Đại học Greenwich ở phía bên kia dòng sông. Làn không khí lạnh, bốc lên từ mặt nước xám xịt lờ mờ, bị che trong

màn sương mỏng. Qua khỏi ga đường sắt Docklands Light, hấn cho xe quẹo trái vào Ferry Street, lập tức lượn sang phải rồi vượt qua Cầu lạc bộ Chèo thuyền Poplar, đi dọc theo một con đường có những căn hộ gạch đỏ mới xây nhìn xuống dòng sông Thames.

Quán rượu Ferry House ở góc đường đã đóng cửa, nhưng cổng vào Quảng trường St. Davis vẫn mở. Charlie đã nói với hấn rằng nó thường vào đây để tạm nghỉ khi đã quá mệt mỏi vì công việc, và nếu có bất kỳ người nào canh gác thì họ cũng chẳng phản đối. Pinkie lái xe thẳng vào trong quảng trường, vượt qua nhà hàng Thái Elephant Royale. Những khối căn hộ sáu tầng mọc lên khắp chung quanh với những bao lơn sơn trắng và những chiếc cửa sổ kiểu Pháp. Có luồng ánh sáng nào đó đã mang lại màu xanh cho hồ nước và đài phun nước ở trung tâm quảng trường. Bờ sông phía quảng trường đã mở ra một tầm nhìn ở phía bên kia những bãi bùn đến tận Greenwich. Ở đó, ba chiếc cột buồm của con tàu lịch sử Cutty Sark vươn lên trên tất cả mọi thứ khác.

Pinkie đã dành ra mười lăm phút để bóc dỡ những chiếc hộp, cẩn thận quan sát bất kỳ dấu hiệu của sự sống ở bất kỳ chiếc cửa sổ nào nhìn xuống quảng trường. Hấn là phải có hàng tá những cặp mắt nhìn hấn chăm chăm, nhưng hấn chẳng thấy gì cả. Hấn tự hỏi không biết những chiếc hộp này được phân chia như thế nào? Không biết họ nhận được từng chiếc hộp một hay từng cặp? Có một bảng phân công nào không? Làm thế nào họ dàn xếp các tranh cãi? Hấn không thể tưởng tượng được cuộc sống của họ như thế nào; nhưng mặc dù không thấy được họ, hấn cũng có thể cảm nhận được nỗi sợ hãi của họ. Điêu đó có mặt trong không khí, trong sự im lặng của họ, và trong sự tuyệt đối vắng mặt bất kỳ một dấu hiệu nào của đời sống con người.

Hấn kết thúc việc xuống hàng và khóa hấn chiếc xe tải lại rồi tà tà đi dạo hướng về lối đường đi bộ sát bờ sông, lấy gói thuốc lá trong túi ra. Nhưng hấn cũng chưa có ý định hút thuốc lá. Ở phía bên trái, một cánh cửa dẫn tới hành lang của Consort House, có đánh số từ tám tới bốn mươi hai. Hấn ngẩng dựa vào bức tường bên cạnh mái vòm một lát, rồi rút ra một điếu thuốc lá. Hấn đưa cặp mắt nhìn vẫn lơ đãng dọc theo hàng mái nhà đối diện. Hoặc là ngay bây giờ, hoặc là không bao giờ. Hấn biết sẽ có người nhìn thấy hấn xâm nhập, nhưng ai sẽ là kẻ ngăn chặn hấn. Trừ khi những người đó có súng. Và những người nào sẽ mở cửa nhà họ, hoặc chịu khó hỏi thăm



về người phụ nữ lớn tuổi ấy? Tất cả bọn họ đều quá sợ hãi. Hắn bóp nát điều thuốc lá chưa hút rồi đứng lên và ném nó ra xa. Hắn kéo cửa ra và bước vào bên trong, chờ một viên đạn bắn vào sau lưng. May mà đi đầu đó không xảy ra. Trong hành lang, hắn hít một hơi thật sâu rồi theo thang máy lên đến tận tầng trên cùng. Bước vào gian sảnh hắn nhanh chóng đưa mắt lướt qua những con số trên những ô cửa. Số 42A nằm bên cạnh bức tường phía xa. Hắn nhanh chóng di chuyển dọc theo cửa sổ ở cuối hành lang và liếc mắt nhìn qua bên kia sông. Một bầy hải âu đuổi nhau sát mặt sông, nhào lên lộn xuống kêu inh ỏi trước khi bay vút về phía chân trời rồi vượt ra khỏi tầm nhìn của hắn. Hắn biết người phụ nữ lớn tuổi sẽ không ra mở cửa, và việc đá bật cánh cửa ra sẽ tạo ra nhiều tiếng ồn. Nhưng hắn đã có sẵn một kỹ năng khác. Hắn lấy từ trong túi ra một xâu nhựa mỏng manh có treo sẵn những lá kim loại mảnh mai rồi xem xét tỉ mỉ chiếc ổ khóa trước khi rút ra một lá.

Gian sảnh ngay phía sau cánh cửa được trải thảm làm giảm tiếng động gây ra bởi những bước chân của hắn. Hắn nhẹ nhàng đóng lại cánh cửa phía sau lưng rồi cẩn thận bước sâu vào gian sảnh hướng về phía ánh sáng mặt trời đang chiếu ra từ căn phòng ở cuối sảnh. Hắn dừng lại trước cánh cửa phòng mở sẵn, nép sát vào bức tường rồi nghiêng đầu về phía trước để nhìn vào trong. Đó là một căn phòng rộng, thoáng có nhiều cửa sổ nhìn ra dòng sông Thames và những cánh cửa ở những khoảng sân trống trong nhà mở ra một bao lơn hẹp. Các bức tường treo đầy tranh ảnh và những tấm hình chụp gia đình có đóng khung. Đồ dùng bằng gỗ trong nhà đóng theo kiểu cổ vuông vức cứng chắc khiến cho căn phòng dường như trở nên chật chội hơn nhưng lại có vẻ ấm cúng thế nào ấy. Pinkie thích cái cảm giác ấy. Hắn đã có thể được sống ở một nơi tương tự. Căn phòng gợi cho hắn nhớ đến ngôi nhà của ông bà hắn. Có đi đâu là các cụ chẳng bao giờ có khả năng trang trải cho một cuộc sống như ở nơi đây.

Hắn nghe được âm thanh léo nhéo phát ra ở phía sau góc cửa, và hắn rón rén bước sâu vào một bước để xác định xem đó là cái gì. Một người phụ nữ luống tuổi tóc bạc búi lại phía sau ót có thả một mớ tóc lòa xòa trước trán xuống đến tận mắt đang ngời trước một chiếc bàn làm việc, những ngón tay đang múa với sự thành thạo do thực hành nhiều trên bàn phím của một chiếc máy điện toán cá nhân. Cặp kính đeo mắt có gọng kim loại mỏng mảnh được đẩy ngược lên trán, bên cạnh bà ta là một chiếc bàn

phủ đầy giấy tờ. Bà ta có cả một quang cảnh tuyệt vời nhìn ra dòng sông. Thế nhưng cặp mắt của bà ta chăm chăm nhìn vào màn hình. Thật là phí phạm. Pinkie thầm nghĩ. Sao mà người ta dành quá nhiều thời giờ cho những chiếc máy điện toán!

Hắn bước thẳng vào gian phòng, lên tiếng “Xin chào.”

Người phụ nữ già nua ngược lên, hoảng hốt, cặp mắt xanh xuyên thấu nhìn hắn chăm chăm trong một sự ngỡ ngàng lo sợ, “Gì vậy?... Anh là ai?”

Pinkie mỉm cười. Bà cụ làm cho hắn nghĩ đến bà nội của mình. “Người cứu rỗi của cụ đây, thưa cụ.” Hắn rút nhanh khẩu súng được che dưới bộ quần áo trùm kín người, nòng súng được nối dài với một ống hãm thanh, rồi bắn một phát súng duy nhất. Phát súng tạo ra một chiếc lỗ nhỏ tròn trịa trên trán bà lão, nhưng vết thương trở ra thì thật ghê gớm. Bà lão ngã người ra phía trước, mặt úp xuống trước, máu tuôn ra ướt đầm tẩm thắm. Pinkie nhăn mặt khó chịu. Hắn không muốn để lại một sự lộn xộn. Sạch sẽ. Gọn gàng. Đó là những đức tính mà mẹ hắn không ngừng nhắc nhở hắn. Chân thực, tử tế, trung thành. Chu đáo. Nếu một công việc đáng được thực hiện, nó đáng được thực hiện trọn vẹn. Đừng bao giờ bắt đầu một công việc gì mà anh không thể hoàn tất.

Hắn bước ngang qua gian phòng để nhìn vào những tấm ảnh gia đình được treo trên tường. Đó chính là bà cụ. Vị nữ Chúa. Người đứng đầu của cả gia đình. Con cháu vây quanh. Sung sướng và hớn hờ. Pinkie cảm thấy một nỗi buồn thoáng qua, rằng chính hắn là kẻ đã phá tan tất cả những điếu ấy. Thực sự đó là điếu đáng tiếc.

Có âm thanh như tiếng đứa trẻ khóc làm hắn giật mình. Hắn quay lại, giương khẩu súng lên, để thấy một con mèo đen có đeo yếm và vớ trắng đang đánh hơi trước cái đầu của người chủ đã chết của nó. Nó biết có điếu gì không hay đã xảy ra, nhưng không biết đó là điếu gì. Pinkie cất khẩu súng đi. “Coi nào, con mèo này.” Hắn nói, “Bây giờ thì ai sẽ cho mày ăn đây!”

Đáp ứng giọng nói của Pinkie, con mèo bước lại gần hắn, đuôi vênh lên, chót đuôi hơi cong lại. Pinki cúi xuống bồng con vật lên, nó nằm yên trong đôi cánh tay của hắn như nằm trong chiếc nôi, đưa bụng ra để được hắn vuốt ve với sự dịu dàng. Nó là một con mèo già đã quá quen với sự đối xử của loài người. Hầu như tiếng gừ gừ của nó đang nghẹn lại.

Pinkie mang con mèo vào gian bếp, đặt nó trên một chiếc bàn, loại dùng để bày thức ăn chờ nấu nướng, trong lúc hấn lục lọi trong chiếc tủ trưng bày để tìm thức ăn cho mèo. Thức ăn ở bên dưới chiếc chậu rửa chén. Hấn mở ra hai lon và dốc sạch vào hai cái đĩa. Chỗ thức ăn này đủ cho con vật già nua khốn khổ này cặm cụi được một thời gian. Con mèo cong lưng lên vục đầu vào đĩa thức ăn trong lúc hấn nhẹ nhàng đưa mấy ngón tay vuốt dọc theo xương sống của nó. Hấn lẩm bẩm, “Con mèo tội nghiệp, con mèo già tội nghiệp.”

# CHƯƠNG SÁU

## I

Tất cả đều quen thuộc đến mức buồn chán - nơi mà họ đã cùng nhau mua bằng tiền tiết kiệm của anh và tiền được thừa kế của Martha. Ngay cả như thế thì cũng còn khoản tiền trả góp đến mức lụn bại mà anh vẫn phải thanh toán. Nó là một căn nhà tầng trệt khiêm tốn chỉ có hai phòng ngủ, phần dưới thấp của một ngôi nhà liên kế hiện đại nằm trong vùng ngoại ô Forest Hill đầy bóng mát ở phía nam London, ít nhất thì cũng còn có một khu vườn ở phía sau dành cho Sean, và MacNeil cũng có thể lái xe tới Lambeth chỉ trong vòng hai mươi phút nếu không phải trong giờ cao điểm.

Họ đã đến ở đây, người mẹ, người cha, đưa con mới chào đời, với tràn trề những niềm hy vọng. Nhưng tám năm trôi qua, ngày nay con đường này chỉ còn là một sự nhắc nhở đau đớn về việc làm thế nào mà tất cả những mơ ước của họ đã trở thành con số không. Một nơi chốn đầy ám ảnh bởi thất bại.

Nó chưa bao giờ là một cuộc hôn nhân được thực hiện trên thiên đường. Anh mới chỉ hai mươi bảy tuổi khi lần đầu tiên đến London, một gương mặt mới và chất phác đến từ một công việc ở vùng nông thôn thuộc hạt Inverness. Sở Cảnh sát Thủ đô là một thách thức, và thành phố lớn như London là cả một cuộc phiêu lưu. Ngay tháng đầu tiên anh đã gặp Martha. Tại một bữa tiệc của cảnh sát. Lúc bấy giờ cô đã đến cùng với một viên cảnh sát hình sự, nhưng đó là một mối quan hệ đã dẫn đi đến chỗ kết thúc. Ngay lập tức, cô và MacNeil đã thu hút nhau. Tình dục là sức mạnh thúc đẩy đằng sau mối quan hệ của họ. Họ đã lao vào với nhau trong bất cứ cơ hội nào có được, ở bất cứ nơi nào có điều kiện thích hợp. Họ đã thuê một căn hộ tầm thường nhỏ bé ở Lewisham và hầu như suốt ngày chỉ nằm trên giường, ăn kem, làm tình hoặc uống rượu say. Đó là một cuộc sống điên

dại có nhiều tình huống thay đổi bất thường, không có một chút trách nhiệm, hoàn toàn tránh né mọi suy nghĩ về tương lai.

Thế rồi một ngày, cô bảo với anh rằng cô có thai, vậy là cuộc sống của họ hoàn toàn thay đổi.

Cả hai người đều không thể nào biết được tại sao đi đầu đó đã xảy ra. Họ cũng có phòng ngừa trước. Nhưng sự thật sờ sờ ra đấy. Cô rất muốn có con, nhưng bấy giờ chưa phải lúc. Cô đưa đề nghị phá thai, nhưng MacNeil không muốn nghe đến đi đầu đó. Bản thân anh không hề có niềm tin tôn giáo, nhưng cha mẹ anh đã suốt một đời là những thành viên của Giáo hội Tự do Scotland, và mặc dù anh không hề tin vào Thượng đế của họ, thì hệ thống đạo đức của họ cũng đã ăn sâu trong tâm hồn anh. Cuối cùng, anh đã thuyết phục được cô từ bỏ ý định ấy. Nhất là cái ngày mà Sean ra đời, cô ôm đứa bé trong hai cánh tay, không thể ngăn được dòng nước mắt đang tuôn tràn trên gương mặt. Và qua làn nước mắt ấy cô đã thấy người chững to lớn mạnh mẽ dân Scotland của mình cũng đang khóc.

MacNeil dừng xe ở chân con đường rồi khóa lại. Đi đầu mà trước kia chỉ là một vòm cửa ra vào thì nay đã được chia làm hai, một sơn màu hạt dẻ, một sơn trắng. MacNeil leo lên những bậc thềm, tim thất lại vì sợ hãi. Chỉ hai từ thôi là tất cả những gì còn lại trong cuộc sống của anh hầu như đã hoàn toàn bị hủy hoại, Sean bệnh.

Martha ra mở cửa trước khi anh lên đến nơi. Anh sửng sốt vì diện mạo của cô. Gương mặt của cô trắng nhợt như không còn chút máu, những vết quầng thâm lộ rõ dưới cặp mắt mệt mỏi. Trông cô lo âu và căng thẳng, có vẻ già đi rất nhiều so với lần gần đây nhất anh gặp. Phải chăng thực sự mới chỉ là một tuần lễ? Lúc ấy hoàn toàn không một chút dấu hiệu nào cho thấy có đi đầu gì đó không ổn đối với Sean. Các trường học đều đã đóng cửa, và hai mẹ con Sean hoàn toàn không có hoặc có rất ít tiếp xúc với bất kỳ người nào. Nhân danh Chúa, làm thế nào mà thằng bé lại nhiễm bệnh? Đó là tất cả những gì anh có thể nghĩ ra để chất vấn cô. Và đã có nhiều hơn một gợi ý về một lời trách móc.

“Tôi không biết.” Cô lắc đầu, và anh nghe được sự tuyệt vọng trong giọng nói của cô. Hai người cùng vào nhà. “Có thể là từ anh. Mẹ con tôi không hề đi đâu cả. Có thể anh đã mang mầm bệnh trong người.”

MacNeil cố ngậm miệng và giữ được sự bình tĩnh, ngăn chặn cơn giận đang bốc lên, “Vậy thằng bé đâu?”

“Ở Nhà Vòm. Tối qua tôi gọi cho bác sĩ. Gần bốn giờ sáng nay, nó khạc ra đờm. Tôi không thể tin rằng nó diễn biến nhanh đến vậy. Mới sáng sớm là xe cứu thương đã đến.” Cô nhìn chăm chăm vào mặt anh, vẻ kết tội, “Tại sao anh không trả lời điện thoại của tôi?”

“Cô không cho tôi nhiều lý do để tôi muốn trò chuyện với cô trong những ngày này.” Anh đưa mắt ngó quanh phòng khách. Thật là bẽ mặt. Bộ đồng phục đội bóng đá Arsenal của Sean đang được phơi cho khô trên giá phơi quần áo. Bộ đi đầu khiến trò chơi điện tử của thằng bé nằm cạnh máy truyền hình. Giọng MacNeil dịu lại, “Anh đang làm việc.”

“Tất nhiên là anh đang làm việc”, Martha không thể giấu được nỗi cay đắng trong giọng nói của mình. “Phải chăng lúc nào anh cũng làm việc?”

Anh nhìn thẳng vào cô và cảm thấy cùng sự sai quấy quen thuộc ấy. Anh biết rằng cô có lý do. Sau khi sanh con, cô không còn quan tâm đến tình dục nữa. Và trong một chừng mức nào đó, họ chẳng có gì nhiều để trò chuyện với nhau. Khoảng thời gian rảnh rỗi ít ỏi có được, anh dành cho Sean, và dường như đi đầu đó khiến cô không hài lòng. Càng lúc cô càng có vẻ xa cách. Anh cũng ngày càng dành nhiều thời gian hơn cho công việc. Không khí trong nhà thật ngột ngạt. Anh chỉ muốn rời khỏi nhà, đến bất cứ chỗ nào cũng được, trừ ở tại đây. Người ta vẫn bảo, “Lấy nhau hấp tấp thì hối hận dài dài.” MacNeil nhún vai, “Anh xin lỗi. Tình cảnh vừa qua quả là quá sức chịu đựng của em, khi chỉ có một mình.” Anh bước tới gần cô hơn với ý định quàng tay qua ôm lấy cô, một sự an ủi muộn màng.

Cô giơ một bàn tay lên ngăn lại, “Đừng!”, cô nói. “Nếu Sean đã bị nhiễm, thì tôi cũng có thể.”

Anh lập tức lục lọi trong túi áo khoác rồi lôi ra một lọ nhỏ đựng những viên thuốc mà anh đã được cấp phát vào lúc tình trạng khẩn cấp mới bắt đầu. Thứ mà họ đã muốn thu hồi vào buổi sáng nay. Anh đưa lọ thuốc ra, “Này, em cầm lấy.”

“Gì vậy?”

“Đó là thuốc FluKill. Chúng đã được cấp phát cho toàn thể cảnh sát.”

“Thế lúc anh cần thì sao?”

“Anh không quan tâm. Đây này, anh muốn em có sẵn thuốc. Giữ lấy đi.”

“Anh chỉ phải dùng thuốc này nếu anh bị nhiễm.”

“Được rồi, nếu bị nhiễm thì dùng thuốc này càng sớm càng tốt. Đây.” Anh bắt cô nhận lấy lọ thuốc.

Cô nhận lọ thuốc, nhìn vào nhãn hiệu rồi lại nhìn MacNeil. “Thật đáng tiếc là anh không có nhà khi Sean cần đến những viên thuốc này.”

Câu nói gây nhức nhối. Nhất là bởi vì đi đầu đó quá bất công. “Em chính là người muốn anh phải rời đi.”

Cô bỏ lọ thuốc vào túi của mình. “Có thể sau này tôi sẽ dùng đến chúng.” Cô dừng lại, “Anh có thể đưa tôi đến Nhà Vòm được không? Tôi không có giấy phép lái xe trong thành phố. Mà hiện nay không thể kiếm được taxi.”

Anh gật đầu. “Họ nói thế nào?”

“Về việc gì?”

“Cơ may của con.”

Cô nhìn anh, “Họ chẳng nói gì cả. Họ không có nhiệm vụ. Mọi người đều biết tỷ lệ sống sót như thế nào.” Cặp mắt cô ầng ậng nước. Cô cắn chặt môi dưới để kiềm chế đến nỗi nó bật máu.

MacNeil không dám tiếp xúc với cái nhìn chằm chằm của cô. Anh đau đầu ngó xuống tấm thảm rồi hồi tưởng anh và đứa con trai đã từng chiến đấu với nhau kịch liệt đến thế nào trên đó. Hồi đó Sean mới được ba tuổi, hai cha con cùng xem lại bộ phim cổ điển của Clint Eastwood The Good, the Bad, and the Ugly trên tivi. Người ta không thể tưởng tượng được những lời lẽ nào của nhân vật sẽ in vào đầu một đứa trẻ. Trong phim, Eli Wallach mắng Eastwood là “đồ gấp đôi lần tởm.” Ngày hôm sau, khi MacNeil và Sean chơi đánh trận giả, thằng bé thành lính hét vào mặt MacNeil, “mày là đồ gấp đôi lần tởm” khiến MacNeil và Martha đã có cả nửa tiếng đứng hờ trong trạng thái hết sức phẫn khích vì buồn cười.

“Vậy thì tốt hơn mình nên đi đi.”

Có vẻ hầu như ngoài đường tươi tắn hơn, mặc dù ánh sáng vẫn còn lờ mờ và đi đầu trước hết là ngoài trời còn lạnh hơn trong nhà. Thế nhưng khi trong nhà đã u sầu buồn bã đến vậy, người ta có cảm tưởng ra được bên ngoài là vui vẻ.

MacNeil thấy những tấm màn cửa vội vàng buông xuống trong lúc anh giữ cửa xe mở sẵn chờ Martha. Hàng xóm hẳn là đã thấy xe cứu thương

đến để mang Sean đi. Nhà MacNeil bây giờ đã là những kẻ ngoài lề xã hội, những kẻ bị bệnh hủi như trong thời trung cổ. Chẳng ai sẽ đến gần họ.

## II

Họ lái xe bên dưới lối vào ở phía nam để đến đường hầm Blackwall rồi chọn lối tắt ra Millennium Way. Ở phía trước mặt, họ có thể thấy mái vòm giống như chiếc lều treo lơ lửng từ cấu trúc thượng tầng của những cột thép nghiêng ra ngoài ngụy trị cả một vùng đất hoang là vùng North Greenwich. Con đường hai làn xe đưa họ đi ngược lên qua một vùng cảnh quan công nghệ bỏ hoang để tới một khu vực đậu xe gần nhà ga xe điện ngầm và trạm xe buýt. Xe điện ngầm và xe buýt đã không hoạt động từ vài tuần lễ nay nhưng bãi đậu xe đã đầy đến mức tràn cả ra ngoài. Những người lính có đeo mặt nạ ở lối vào vây họ đến; MacNeil lái xe vượt qua hàng dãy những chiếc xe cứu thương đến một dãy hàng rào sơn xanh đã được dựng lên bao quanh tòa Nhà Vòm - công trình xây dựng thiên niên kỷ tốn kém hàng tỷ bảng Anh của những kẻ điên rồ, sau cuộc sống ngắn ngủi của nó với tính cách là nơi tổ chức một buổi hòa nhạc, cuối cùng họ cũng đã tìm được cho nó một công dụng. Họ chất đầy nơi này những người bệnh và những kẻ sắp chết. Diện tích sàn rộng lớn của tòa kiến trúc này đã được phân chia như tổ ong bằng những tấm vách ngăn, và hàng ngàn giường bệnh có xe đẩy đã được chuyển vào để giải tỏa áp lực cho những bệnh viện trong thành phố. Một đoàn những chiếc xe cứu thương và xe cung cấp y cụ đứng thành hàng, dọc theo những cây cột của trạm xe buýt.

MacNeil dừng xe trên dải đất giữa hai làn đường trước vòng xoay ở cuối con đường rồi cả hai người vội vàng leo lên đoạn dốc và đi xuyên qua một cổng vào ở khu có dựng những hàng rào bằng ván. Trên suốt con đường được lát nhựa đỏ chạy vòng quanh tòa nhà vòm, có đầy những chiếc xe đậu ngang dọc và những nhân viên y tế đi đi lại lại. Cả một sự hỗn độn. Không hề có một tấm bảng thông báo nào để hướng dẫn khách, bởi vì khách là đi đâu không được mong đợi. Martha và MacNeil không hề có một ý niệm nào về việc phải đi theo lối nào hay phải hỏi thăm ai. Cũng không



hề có nhân viên an ninh và chẳng ai thèm nhìn đến họ lần thứ hai khi họ bước vào một vùng không gian rộng lớn mênh mông được quây bằng những tấm vải bạt có tráng nhựa dẻo.

Sự ồn ã lấp đầy bầu không khí ở nơi đây thật là khủng khiếp. Tiếng gầm của những chiếc máy sưởi cho cả khu vực này chụp xuống từ trên đầu. Hàng ngàn giọng nói cất cao lên át cả những âm thanh của người bệnh. Tiếng hắt hơi, tiếng ho, tiếng rên rỉ và cả tiếng nôn ọe. Một chiếc giường bệnh có gắn bánh xe được đẩy qua bởi những y công mặt mày nhợt nhạt trong bộ trang phục rộng thùng thình. Người trẻ tuổi nằm trên chiếc giường bệnh đó đã chết, chỉ được phủ sơ sài bằng một tấm khăn trải giường loang lổ vết máu và những chất từ trong dạ dày của người ấy nôn ra, đôi mắt trừng trừng nhìn vào khoảng không. MacNeil thấy muốn bệnh. Đứa con trai của anh cũng đang nằm ở đâu đó tại nơi này. Trong cái địa ngục này. Nếu thằng bé sắp chết, tốt hơn anh nên mang nó về nhà để được chết ở đấy. Anh nắm lấy cánh tay của một nữ y tá nhưng cô ta quay nhìn về hướng khác. “Có gì vậy?” Anh có thể nhìn thấy sự mệt mỏi tận cùng trên gương mặt tối sẫm của cô ta, cặp mắt lơ đãng như người bị bệnh đục thủy tinh thể. Cô ta quá đau khổ vì cơn mệt chết người nên thiếu sự nhẫn nại trước những người có vẻ sống động.

“Con trai tôi đang nằm ở đâu đó trong này. Thằng bé được mang vào trại sáng nay.”

Một khoảnh khắc nhân tính lóe lên giữa sự mệt mỏi của cô. “Hãy bước ra ngoài và đi theo con đường vòng đến cổng C. Những bệnh nhân mới được đưa vào đều nằm ở đó.” Thế rồi cô quàng quả bước đi, biến mất trong cái tổ ong ấy.

MacNeil nắm lấy cánh tay của Martha rồi họ thoát ra ngoài để hưởng một vài khoảnh khắc ngắn ngủi được thở hít không khí trong lành và cảm nhận một chút khuây khỏa trước những âm thanh của những người sắp chết. Họ chạy dọc theo chu vi tòa nhà vòm, hết xô đẩy người này lại đâm sầm vào người kia khi họ vượt qua đám công nhân, những người không ngớt quát sau lưng họ trong sự giận dữ. Nhưng bấy giờ đã có một sự khẩn cấp của việc phải tìm được đứa con của họ. Những chiếc cửa ra vào có hai cánh mở rộng tại cổng C; họ chạy vội vào để phát hiện một bàn giấy tiếp nhận nơi có hồ sơ của những người bệnh được lưu trữ trong một chiếc máy vi tính. Một người nữ y tá lớn tuổi ngồi ở một bên chiếc bàn giấy

thận trọng ngược lên nhìn họ từ sau chiếc mặt nạ. “Tôi có thể giúp gì cho ông bà?”

“Con trai của chúng tôi vừa được đưa vào đây hồi sáng nay.” MacNeil trả lời, “Cháu tên Sean MacNeil, được tám tuổi.”

“Ở đây chúng tôi không có phương tiện phục vụ khách đến viếng. Xin lỗi nhé”, người y tá trực trả lời nhưng không có vẻ gì xin lỗi cả. “Chúng tôi có một số điện thoại khẩn cấp. Tổng đài có người trực suốt ngày trong cả tuần.”

Trên mặt bàn giấy có một kẹp hồ sơ ở phía sau chỗ bà ta đang ngồi, có bình đồ của sàn chứa giường bệnh với tên của những người bệnh được ghi bằng bút chì. Ngay lập tức, MacNeil không nhận thức được vì sao người ta lại ghi tên bệnh nhân bằng bút chì, bởi vì như vậy thì những cái tên ấy rất dễ được xóa đi rồi được thay bằng những cái tên khác. Nếu đã nghĩ đến điều ấy, hẳn là anh đã hiểu được ý nghĩa của việc mà bệnh viện làm, xét về số lượng bệnh nhân được đưa đến. Thay vào đó, bằng bản năng, MacNeil vươn tay ra và chụp lấy chiếc kẹp hồ sơ ấy.

“Coi kìa.”

Người y tá cố gắng giựt lại nhưng MacNeil đã mang kẹp hồ sơ ra khỏi tầm với của bà ta. “Tôi sẽ gọi cảnh sát.” Có một thoáng kích động len vào giọng nói của người y tá.

“Tôi chính là cảnh sát đây.” MacNeil trả lời. Anh nhanh chóng đưa mắt nhìn khắp lượt tấm bình đồ giường bệnh. Quá nhiều tên đến mức anh không thể nào nắm bắt hết được. Sàn chứa giường bệnh được chia thành nhiều khu vực, và có gần chục trang giấy nằm sau trang giấy đầu tiên của chiếc kẹp hồ sơ. Anh nói với Martha, “Anh không thể tìm thấy tên của con”; đã có một chút hoang mang trong giọng nói. Anh tiếp tục lật qua các trang giấy.

Người y tá thở dài sườn sượt rồi nhanh chóng lướt những ngón tay của mình trên bàn phím của chiếc máy vi tính, thế rồi bà ta đưa tay ra nhận lại chiếc kẹp hồ sơ từ MacNeil. Bà ta tìm thấy tên của Sean ở trang thứ ba. “Khu vực 7B”, bà ta nói, “Cứ đi theo những mũi tên được vẽ trên sàn. Số bảy được vẽ bằng sơn vàng.”

Sean nằm ở một tiểu khu thuộc khu vực số 7 cùng với ba đứa trẻ khác. Sean cũng như hai đứa trẻ kia đang được truy tìm huyết tương. Hai bên má

của Sean có những vết đỏ có lẽ vì sốt, nếu không thì đứa trẻ trông thật là nhợt nhạt. Những tấm khăn trải giường ướt sũng và nhàu nát bọc quanh tấm thân đau đớn như bị tra tấn của thằng bé. Đứa trẻ nữa có vẻ tỉnh táo nữa có vẻ vẫn hôn mê, bị hành hạ bởi những cơn ho bất chợt không thể kiểm soát được. Vợ chồng MacNeil có thể nghe được tiếng lục đục của chất lỏng trong phổi và cổ họng của con mình. Một vị y sĩ mặc áo choàng trắng đeo găng tay chặn họ lại không cho họ tiến đến gần hơn. “Ông bà làm cái quái gì ở đây vậy?”

“Đấy là con trai tôi.” Martha nói, giọng cô khản đục nghe như tiếng thì thầm đến nỗi cô phải đằng hắng rồi lặp lại lớn hơn một chút.

Viên y sĩ mệt mỏi nhìn về phía Sean rồi nhún vai, “Tôi xin lỗi.” Ai cũng chỉ biết xin lỗi. “Các ông đang làm gì cho thằng bé vậy?” MacNeil cất tiếng hỏi.

Viên y sĩ lấy chiếc kẹp hồ sơ treo ở chân giường bệnh của Sean rồi lướt nhìn vào tấm biểu đồ. Anh ta thở dài, “Chúng tôi đã tăng cường steroid cho cháu. Bệnh tình của cháu đang tiến triển theo mô hình thông thường. Cháu đang phát triển tình trạng ARDS.”

“Đi đâu đó có nghĩa là gì vậy?” Martha hỏi trong lúc nắm chặt lấy cánh tay người chồng đã ly thân.

MacNeil biết rõ đi đâu ấy có nghĩa là gì. Ngay khi tình trạng khẩn cấp được ban bố, mọi sĩ quan cảnh sát đã được hướng dẫn cụ thể về những triệu chứng và quá trình diễn biến mà hầu như chứng bệnh cúm này luôn luôn diễn ra. Cơn bệnh sẽ bắt đầu, như mọi trường hợp cúm khác, với triệu chứng đau nhức toàn thân, sốt, sưng họng và ho khan. Thế rồi cơn bệnh diễn tiến thật nhanh thành ra một tình trạng suy giảm chức năng hô hấp với sự tiến triển không thể thay đổi được, được gọi là Adult, hay Hội chứng Suy giảm Hô hấp Cấp tính, viết tắt theo tiếng Anh là ARDS. Triệu chứng ban đầu giống sưng phổi, nhưng không phản ứng với các loại thuốc kháng sinh và kháng khuẩn. Anh biết rằng việc sử dụng đến steroid là biện pháp cuối cùng, nhưng ngay cả trong trường hợp ấy vẫn không có khả năng làm dừng lại sự sưng tấy cấp tính, dẫn đến tình trạng rò rỉ chất đạm, gây xơ hóa và cuối cùng là cái chết.

“Đi đâu đó có nghĩa là tất cả chỉ tùy thuộc vào việc con trai của ông bà khỏe mạnh đến thế nào...” viên y sĩ nói, “... hệ thống miễn nhiễm của

cháu bé có hiệu quả đến mức nào trong việc chống chọi lại với hội chứng ấy.”

MacNeil đăm đăm nhìn đứa con trai bé nhỏ đang đau khổ vật lộn với bệnh tật trên giường. Đứa trẻ quá nhỏ bé và rất dễ bị tổn thương. Những người đàn ông trưởng thành còn đang chết vì căn bệnh cúm này. Những người đàn ông to lớn, mạnh mẽ, dẻo dai mà còn bị đốn hạ như những cọng rơm trong cơn gió mạnh. Một đứa trẻ như thế có được hy vọng gì? Anh nhắm mắt lại, cảm thấy tràn ngập một cảm giác bất lực. Anh chính là người cha của đứa bé, lạ Chúa! Anh được cho là người bảo vệ đứa trẻ ấy, giữ cho nó được an toàn, nhìn thấy nó lớn lên thành một người trưởng thành. MacNeil lại mở mắt ra khi anh nghe tiếng đứa con trai của mình đang bị co thắt bởi một cơn ho gáy ỏi mưa không dứt, và anh cảm thấy nước mắt đang ứa ra, “Bao lâu?”

Viên y sĩ nhún vai. Anh ta, cũng giống như người cha của đứa trẻ, chẳng có khả năng để làm được bất cứ điều gì cho thằng bé. Anh ta nói, “Nếu cháu nó chịu đựng được thêm một giờ nữa, có thể cháu nó có một cơ may.”

### III

**R**a đến bên ngoài, MacNeil kéo chiếc mặt nạ qua một bên rồi hít vào sâu trong buồng phổi một hơi dài luồng không khí lạnh lẽo tháng Giêng. Anh đặt tay trên vai Martha và cảm thấy toàn thân của cô run rẩy vì sự thẫn thức đang cố kiềm hãm. Họ bước đi như trong cơn mộng du giữa mọi hoạt động đang diễn ra, hầu như không biết gì về thế giới ở chung quanh. Ngược lại qua cổng và đi lên xuống đến Con đường Thiên niên kỷ. Ở phía xa của con đường có nhiều tấm bảng quảng cáo, và hai người đi xuyên qua một khoảng trống; một bảng hiệu vẽ một bàn tay chỉ về hướng Khách sạn Ven đường Thiên niên kỷ cách đó chừng hai trăm mét là nơi có sẵn chỗ nghỉ ngơi và thực phẩm. Nhưng tất cả những gì họ đã gặp chỉ là sự hoang tàn. Những tòa nhà đổ nát đã được bịt kín bằng những tấm ván ép che lại. Một khoảng đất trống vương vãi những đồng đồ nát, cỏ dại và các loại cây leo

mọc chen giữa những khe nứt của mặt đường tráng nhựa. Một cây cột điện rỉ sét ngã xuống, nghiêng theo một góc không thể nào tưởng tượng được. Những ụ to tướng gom tụ đất đào được chắt thành từng đống rải rác dọc theo bờ tường của Bến Quân nhu. Bấy giờ đây cũng là một giấc mơ thiên niên kỷ vĩ đại. Âm đạm, hoang tàn, phá sản. Một phản ánh buồn về đời sống của chính họ. Một cuộc hôn nhân tan vỡ. Một đứa con đang bay lượn ở một nơi chốn không tồn tại nằm giữa sự sống và cái chết.

Những tòa nhà chọc trời của Bến Hoàng Yến xuyên thẳng qua màn sương ở phía bên kia những vòng lặp phản chiếu giữa dòng sông. Những công trình báo hiệu, hoặc những gì mà các kiến trúc sư của những tòa nhà ấy từng hy vọng, cho một thời đại mới của sự thịnh vượng và sự phục hưng. Thế nhưng trên thực tế, cũng vô hồn như những kẻ đã cố gắng xây dựng chúng, chúng đang bị bỏ hoang, bị rình rập trong sự sợ hãi.

Một âm thanh nghe như một tiếng nổ giòn giã vẳng qua từ bên kia sông, vang vọng theo dòng thủy triều đang rút chậm chạp và buồn thảm. Martha ngẩng đầu lên như một con thú đánh hơi trong không khí. Bản năng, chứ không phải sự quan tâm, đã gợi nên câu hỏi của cô. Bà chẳng hề để ý đến câu trả lời. Đó chỉ là có lý do để lên tiếng “Chuyện gì vậy?”

“Có lẽ là tiếng súng.”

Cô cau mày “Ai bắn vậy?”

Câu trả lời của MacNeil cũng chỉ là máy móc. Giống như Martha, anh cảm thấy cần phải nói, cần phải tìm được những lời nào đó để lấp đầy khoảng trống mà nếu không thì họ lại chìm vào những suy tư không mong muốn. “Đảo Chó đã bị phong tỏa hoàn toàn. Không thể có cúm trên hòn đảo ấy, cho nên một đám người có súng và được sự tài trợ rất nhiều tài chính đang tìm cách bảo đảm rằng không một ai có thể mang cúm vào đây.”

“Họ làm được đi đâu đó sao?” Martha không thể tin được. Trong một khoảnh khắc, cô quên mất tại sao họ lại có mặt ở đây lúc bấy giờ.

“Có vẻ là như vậy. Ai muốn rời khỏi đó thì cứ việc, nhưng không ai có thể trở lại. Có một tình trạng bế tắc với quân đội, và có vẻ chính phủ đã thoái lui trước sự đối đầu. Thịnh thoảng cũng đã có một vài cuộc chạm súng. Nhưng anh nghĩ rằng đó chỉ là chuyện làm bộ. Nếu có người nào thực sự bị bắn, anh đoán rằng họ sẽ gửi quân đội đến đó.”

Đã có thêm một tiếng nổ giòn giã khác, thế rồi lại im lặng. Sự im lặng này chỉ bị phá vỡ bởi tiếng rì rầm chậm chạp của một chiếc tàu kéo đang kéo theo một mảng những chiếc Container sơn vàng xuôi dòng sông.

Hai người chậm chạp đi bộ bên nhau mà không nói với nhau lời nào trong vài phút. Thế rồi MacNeil lên tiếng. “Hôm nay là ngày cuối của anh.”

Anh có cảm tưởng cô quay mặt về phía mình nhưng anh không muốn nhìn thẳng vào mắt cô. “Ý anh là gì?”

“Anh đã nộp đơn xin nghỉ. Anh sẽ kết thúc nhiệm vụ vào bảy giờ sáng ngày mai.”

“Tôi không hiểu.” Anh nghe được sự bối rối trong giọng nói của cô.

“Không hiểu về điều gì? Anh từ bỏ nhiệm vụ.”

“Tại sao?”

“Bởi vì em đã phải trông nom Sean. Bởi vì anh biết nếu anh không sắp xếp thời gian để trông nom con vào lúc này thì chẳng bao giờ anh có thể thực hiện được việc ấy.”

Trong một lúc lâu, cô không nói gì. Thế rồi cô lên tiếng, “Thật là đáng tiếc là anh đã không nghĩ đến việc thực hiện điều ấy sớm hơn.”

“Đừng tiếp tục phản ứng theo kiểu ấy nữa.” Anh để cánh tay của mình rời khỏi vai cô và cảm thấy cơn giận như mọi khi lại kéo đến. Điều đó luôn luôn như vậy khi họ tranh cãi với nhau. “Bây giờ anh không còn muốn làm việc nữa. Sean là vấn đề duy nhất thực sự đáng kể.”

Cô rút cánh tay của mình ra khỏi tay anh rồi nắm chặt lại, “Anh có lý. Tôi xin lỗi. Có thể nếu chúng ta cùng nghĩ đến Sean nhiều hơn và bớt nghĩ về mình, mọi chuyện có lẽ đã đổi khác.”

Khác biệt đối với Sean, chắc chắn là như vậy, anh nghĩ. Thế nhưng anh vẫn ngờ rằng như vậy liệu anh và Martha có hạnh phúc hơn không. Nếu không vì sự có mặt không mong đợi của Sean, mối quan hệ của họ cũng đã tan vỡ và mỗi người cũng đã đi một đường. Anh tự hỏi, bao nhiêu cặp từng bị mắc kẹt trong những cuộc hôn nhân không có tình yêu chỉ vì một đứa trẻ được hoài thai trong sự bất cẩn? Và điều đó là sự bất công đến như thế nào đối với đứa trẻ? Tất cả những gì mà Sean đã đòi hỏi ở họ chỉ là tình yêu thương của họ. Và trong khi họ đã cho đi cái tình yêu ấy, điều ấy không bao giờ là không có điều kiện. Và nay khi đứa trẻ đang nằm chờ

chết, thì tất cả những gì họ để lại chỉ là sự nuối tiếc và niềm ân hận. Người nào cũng đáng trách như nhau.

“Thế anh sẽ làm gì?” Martha hỏi, “Làm gì để sống.”

MacNeil lắc đầu. Đó chính là điều mà anh muốn tránh né. “Anh chưa có ý tưởng nào về việc ấy.”

“Có lẽ.” Cô đột nhiên lên tiếng, “có lẽ nếu Sean - nếu thằng bé qua khỏi - có lẽ chúng ta nên nghĩ về việc dành cho nó một cuộc sống khác. Vì nó.”

MacNeil chán chường nhìn đăm đăm qua làn sương mùa đông lạnh cóng và có cảm giác đang rơi vào không gian trong tình trạng phi trọng lực. Anh nói, mà chính anh không tin đi đâu mình nói “Có lẽ là chúng ta cũng nên như vậy.”

## IV

Amy chuyên con trở lên bản danh mục các lệnh khiếu thả xuống trên màn hình máy vi tính của mình và chọn lệnh *Gửi thông tin tức thời*. Cô đã chọn Sam trong danh mục những người bạn nhận thông điệp của mình. Cô gõ nhanh.

*- Sam, tôi đang nghĩ đến việc yêu cầu họ thử lấy mẫu DNA từ mô mà Tom đã phục hồi được từ tủy của đồng xương ấy. Ông nghĩ thế nào?*

Cô gõ vào phím nhập văn bản rồi gửi bản thông điệp ấy đi. Chiếc máy tính phát ra tiếng kêu ro-ro. Cố quan sát cửa sổ trên màn hình máy tính để chờ đợi thông điệp trả lời của Sam. Cô đã chọn một tấm ảnh chân dung làm biểu tượng đại diện, nó sẽ xuất hiện trên màn hình máy tính của Sam cùng với bức thông điệp của cô. Vì một lý do nào đó Sam đã chọn làm ảnh đại diện một tấm hình màu của một con vẹt. Amy đã luôn nghĩ rằng mình sẽ phải hỏi về ý nghĩa của tấm hình đại diện ấy nhưng rồi cô cứ quên mất trong lúc trò chuyện - nếu việc nhắn tin trực tuyến có thể được gọi là cuộc đối thoại. Chúng đã diễn ra nhanh hơn việc gửi thư điện tử, nhưng không ràng buộc như một cuộc gọi điện thoại thông minh. Bạn có thể chỉ cần để mặt cửa sổ mở và trở lại với nó để chấp nhận một cuộc trò chuyện khi bạn

muốn. Cô đã có nhiều cuộc nói chuyện với Sam trong ngày hôm ấy, cung cấp cho nhà nhân học về hươu này sự mô tả tường tận về bộ xương ở Công viên Những người bạn của vị Tổng Giám mục. Một tiếng kêu ro-ro khác báo Amy biết có tin phản hồi từ Sam.

- *Tại sao?* là câu trả lời.
- *Tại sao về DNA, hay tại sao tôi đang hỏi ông?*
- *Về DNA.*

Những cuộc trao đổi của họ thường có đặc trưng của một thái độ suồng sã theo kiểu trẻ con, cách thức thực duy nhất mà họ có trong việc thể hiện tình cảm với nhau của hai người chỉ gặp nhau trên tầng trời. Nhưng ngày hôm nay Sam có vẻ cáu kỉnh. Những ngón tay của Amy lướt nhanh trên bàn phím.

- *Chỉ có một cơ may rất nhỏ là đứa bé gái này có thể có trên cơ sở dữ liệu về DNA.*

- *Nếu đứa trẻ này đến từ một quốc gia đang phát triển như cô nghĩ thì điều đó khó có thể xảy ra.*

- *Đúng là như thế, nhưng chúng ta sẽ ân hận nếu như đứa bé này có sẵn trên cơ sở dữ liệu về DNA. Chính ông đã dạy tôi đừng bao giờ bỏ qua những điều hiển nhiên mà.*

- *Kết quả từ tủy có lẽ sẽ khá thấp đấy.*
- *Chúng ta có thể lấy tủy từ tủy răng của đứa trẻ được mà.*
- *Tôi nghĩ rằng cô có ở đó cái hộp sọ của đứa trẻ.*
- *Ồ, tiếc quá! Tôi cũng vậy. Xương thì có. Tôi có thể yêu cầu Tom cắt một mẫu sụn chêm ở xương đùi. Thực tế là có lẽ anh ấy đã thực hiện việc đó để lấy tủy.*

Có một lúc im lặng kéo dài. Amy nhìn chăm chăm vào con trỏ cứ nhấp nháy vô hồn trước mắt cô trên màn hình. Thế rồi,

- *Tôi cho là cũng đáng để thử đấy. Lại một lúc im lặng. - Vậy Tom có yêu cầu thực hiện một thử nghiệm nào khác nữa không?*

- *Tôi không biết, nhưng có lẽ là về độc chất học.*
- *Việc đó sẽ không mang lại điều gì nhiều lắm đâu. Kết quả định tính hơn là kết quả định lượng. Nếu có sự hiện diện của chất độc đi nữa, thì đó*



*cũng chỉ là dấu vết mà thôi. Chẳng có cách nào để biết được ở mức độ nào.*

Amy gật đầu trước màn hình như thể Sam thấy được động tác đồng ý của cô. Cô biết rằng Sam có lý. Và đó chính là đi đầu gây thất vọng. Chẳng biết vì lý do gì, người ta có cảm tưởng họ phải có khả năng nói được nhiều hơn về một người dựa vào bộ xương của người ấy.

*- Được rồi, Sam ạ. Cảm ơn nhé. Nói chuyện lại sau!*

Amy nhìn xuyên qua căn phòng hướng đến phần khuôn đúc mà cô đã thực hiện cho cái hộp sọ của Lyn. Ngay cả khi không có lớp da thịt để mang lại điểm nhấn cho nó thì cái phần hở vòm miệng ở hàm trên vẫn là một sự biến dạng đáng kể, làm dịch chuyển vị trí của những chiếc răng lẽ ra phải được giữ theo một hàng thẳng và đều đặn. Cô nắm lấy chiếc cần đặt bên phía tay phải trên chiếc xe lăn của mình rồi đẩy chiếc xe lăn lướt êm trên sàn đến tận chiếc bàn đặt cạnh cửa sổ. Cô đã khoan lỗ và dán chặt những cây chốt vào đúng vị trí. Và lúc này, khi keo đã khô, cô có thể bắt đầu thiết lập những lớp cơ có thể sẽ mang lại sự xác định và một cá tính cho gương mặt này. Cô đã bắt đầu chuẩn bị những dải nhựa dẻo, nhưng cảm giác thất vọng của cô vẫn không biến mất.

Đó chính là loại cảm xúc mà cô nhận biết thường xuyên nhất, và đi đầu đó thường dẫn đến cơn trầm cảm. Nó đến từ tình trạng không có khả năng thực hiện công việc của cô, những công việc mà cô đã được huấn luyện để thực hiện, những công việc mà cô ngày càng yêu thích hơn. Trong khi bộ não của cô vẫn sắc bén trong trẻo, những ngón tay của cô vẫn không bị mất đi bất kỳ một kỹ năng nào, khả năng vận động bị hạn chế của cô có nghĩa là cô không còn có thể thực hiện toàn bộ những chức năng của một chuyên gia nha khoa pháp y mà cô đã từng làm. Có những việc cô chỉ không thể nào thực hiện được từ một chiếc xe lăn. Tất nhiên, cô vẫn có công việc giảng dạy, nhưng đấy không phải là đi đầu mà cô thực sự đã từng yêu thích. Cô ghét sự thương hại mà cô nhìn thấy trong ánh mắt của người khác. Ở một mức độ nào đó, nó làm giảm đi giá trị của những đi đầu cô phải nói.

Cô đã viết một số bài báo và đã công bố một số công trình nghiên cứu. Cô đã cung cấp sự tư vấn và dịch vụ góp ý cho FSS, và những ý kiến của cô đã được trưng cầu nhiều hơn một lần bởi các sĩ quan đi đầu tra thuộc lực lượng an ninh bên ngoài Sở Cảnh sát Thủ đô. Đến mức cô đã bắt đầu trở thành chuyên gia phân tích vết bầm trên cơ thể cả của người sống lẫn

người đã chết. Những dấu vết công cụ, người ta gọi chúng như vậy - những dấu vết để lại bởi một chiếc nhẫn trong một vụ giết người, những vết bầm gầy ra bởi khóa thắt lưng trong một vụ cưỡng hiếp, những tổn thương do đâm chém gây ra trong một cuộc chiến. Những nguyên lý phân tích là đồng nhất đối với việc phân tích các vết cắn, vốn đã luôn luôn là một trong số những chuyên môn của cô, và đi đâu đó có thể thực hiện được trên một chiếc xe lăn. Thế nhưng, những hạn chế của cô vẫn làm cô thất vọng.

Thế nhưng cô cũng vẫn cố gắng không chịu nhượng bộ sự tự thương thân. Đi đâu này chỉ là quá dễ dàng. Và thế là cô cởi bỏ tâm trạng thất vọng của mình rồi đặt dải nhựa dẻo đầu tiên vào vị trí ngang qua xương gò má của chiếc hộp sọ. Ấy là khi suy nghĩ đó lần đầu tiên đến với cô; và cô tự hỏi tại sao trước đó cô lại không nghĩ đến điều ấy.

Cô với lấy chiếc điện thoại và tìm số nhà Tom, rồi lắng nghe tiếng chuông điện thoại reo ở đầu dây bên kia.

“Gì vậy!” Tom không có vẻ hài lòng.

“Phải Tom đó không?”

“Trời ạ, Amy, Tôi vừa mới chợp mắt được một chút. Đã có một ca làm việc dài và tôi phải trở lại làm việc vào lúc bảy giờ tối nay.”

“Xin lỗi, tôi không nghĩ thế. Có thể nói chuyện chút được không?”

Tom dùng tay chặn ống nói và có một cuộc trao đổi không nghe được giữa anh với một giọng đàn ông khác. Thế rồi bàn tay anh buông ống nói ra. “Bây giờ không phải là thời điểm thích hợp.”

“Vậy thì tôi sẽ gọi lại sau.”

Thế nhưng anh đã dụ giọng: “Có gì quan trọng không?”

“Chuyện này có thể chờ được.”

Cô nghe anh thở dài thậm thụt. “Này, khỉ thật, tôi tỉnh lại rồi. Cô có thể nói chuyện với tôi được rồi đấy.” Giọng anh nghe có vẻ mơ hồ, rồi anh ta nói, “Tôi vẫn nghe đây. Tôi chỉ đi làm một tách trà thôi mà. Công việc với chiếc hộp sọ tới đâu rồi?”

“Vẫn tiến triển tốt.”

“Đã mang lại gương mặt cho đứa bé chưa?”

“Coi nè, thôi đi. Tôi đâu có nhanh tới mức vậy. Mới có vài tiếng đồng hồ thôi mà.” Cô ngừng lại. “Tom này, anh đã yêu cầu thực hiện những thử nghiệm nào đối với tủy của bộ xương này vậy?”

Anh chửi rủa vì làm rơi một món đồ sành sứ nào đó, “Chết tiệt!” Lại có một cuộc trao đổi thì thầm khác, thế rồi, “Cô biết đó, cuối cùng tôi đã không nghĩ rằng công việc đó là xứng đáng, Amy ạ. Tôi cho rằng lĩnh vực độc chất học không giúp đưa đến kết luận chính xác đâu.”

“Đó cũng là điều Sam đã nghĩ.”

“Cô đã thảo luận việc này với Sam à?”

“Đúng. Vậy có ổn thỏa không?”

“Tôi nghĩ thế.”

“Chúng tôi nghĩ chúng ta có thể lấy một mẫu DNA từ chất tủy ấy.”

“Điều này có thể được. Mặc dù vậy tôi không chắc nó có ích đến mức nào, trừ khi chúng ta có cái gì đó để so sánh với nó.”

“Nhưng tôi có một suy nghĩ khác”, Amy nói. “Chúng ta có thể tiến hành một cuộc thí nghiệm về vi khuẩn học. PCR [Phản ứng chuỗi Polymerase]. Tìm xem có phải đứa bé đã bị cúm hay không.”

“Một nửa mẫu máu trong thành phố này nhiễm cúm.” Tom không có vẻ có ấn tượng với suy nghĩ của cô.

“Đúng, nhưng đó có thể là thứ đã giết chết đứa trẻ này.”

“Thế thì tại sao không có ai cố gắng che giấu điều đó?”

Amy nhún vai một mình. “Tôi không biết.” Cô nói, “Điều này chỉ có vẻ như là một điều gì đó mà chúng ta nên biết. Tôi muốn nói rằng thông tin mà chúng ta đang có được từ một bộ xương quả thực là rất giới hạn. Tốt hơn chúng ta nên tìm ra bất kể những gì mà chúng ta có thể phát hiện được.”

Cô lại nghe anh thở dài. Rồi lại một quãng im lặng. “Nói cho bạn biết vậy thôi. Tại sao bạn không gọi Zoe và yêu cầu cô ta làm việc này? Ít ra thì cũng có chút việc nào đó cho con chó nhỏ ấy làm, thay vì cứ đứng hút thuốc lá trên các bậc thềm cả ngày.”

## V

Càng lúc càng mạnh, đón lấy luồng không khí ẩm ướt và lạnh lẽo từ cửa sông rồi mang theo lên thượng nguồn vào tận trung tâm thành phố.

MacNeil và Martha lại quay trở về đi quanh vành đai Tòa nhà Mái vòm. Đã trải qua cả một tiếng đồng hồ đằng đằng, thế rồi MacNeil lại bày việc để cả hai người chờ thêm mười lăm phút nữa. Chẳng có lý do gì để phải quay trở lại quá sớm. Nhưng nói cho cùng, đó chỉ là cách trì hoãn việc phải nghe những thông tin mà họ không muốn nghe. Không biết là còn có hy vọng.

Một nhóm binh sĩ, súng trường ôm sát vào ngực, đi vượt qua mặt họ theo hàng đôi, những cậu trai trẻ măng với những đôi mắt sợ hãi giấu sau những chiếc mặt nạ phòng độc của quân đội đã được thiết kế cho một cuộc chiến tranh sinh học tại Iraq nhưng đã không bao giờ trở thành thực tế tiếp theo sự thất bại trong việc tìm ra các loại vũ khí giết người hàng loạt. Xa hơn một chút ở khu vực quanh con đường chạy suốt chu vi tòa nhà mái vòm, gần vài chiếc cổng bên ngoài những cổng thuộc tòa nhà mái vòm, họ có thể thấy những chiếc xe tải màu đen không mang biển số xếp hàng dài chờ đưa những người chết đến những trung tâm xử lý chính thức. Những nhà hỏa táng được đi đầu hành bởi hội đồng trên khắp thành phố đã quá tải, thế nên chính phủ đã phải thiết lập những phương tiện khẩn cấp để giải quyết số lượng thi thể tồn đọng ngày càng tăng. Cụ thể là đã có hàng ngàn thi hài chờ được mai táng mỗi ngày mà không có nơi nào để tạm an trí. Mối đe dọa sức khỏe nảy sinh nếu các thi hài không được xử lý thích hợp trong vòng hai mươi bốn giờ đồng hồ. Đám tang tại gia đình là đi đầu không thể. Ngay cả những dịch vụ tôn giáo mang tính tưởng niệm cũng không được phép cử hành vì nguy cơ lây nhiễm tại các cuộc tụ họp công cộng. Chính phủ đã hứa các hoạt động truy điệu sẽ được cử hành vào một ngày về sau. Và vì ngay cả thủ tục đau buồn ấy vẫn chưa thể hoàn tất, sự đau khổ giữa những người thân với nhau hầu như không thể chịu đựng được.

Cánh cửa đôi tại cổng C vẫn mở rộng. Một y tá khác ngẩng sau chiếc bàn giấy ban nãy nhưng bà ta đang bận rộn trao đổi với một nhóm hộ lý cho nên không nhìn về hướng Martha và MacNeil vừa bước qua. MacNeil dẫn Martha vượt qua cả một mê cung, đi theo những mũi tên sơn vàng dưới sàn

cho đến khi họ vào được tận khu 7B. Những chiếc giường bệnh vẫn đầy bệnh nhân. Bốn đứa trẻ. Nhưng Sean không có mặt trong đám ấy.

Martha nắm chặt lấy cánh tay MacNeil, “Thằng bé đâu?”

MacNeil trông thấy một viên y sĩ ở khu vực lân cận. Anh ta đang thay ống truyền dịch trên cánh tay của một bé gái. Đó không phải là viên y sĩ trẻ mà MacNeil đã có dịp hỏi thăm ban nãy. Anh nắm lấy tay người y sĩ: “Đứa con trai h ồi nãy nằm ở giường bên phải của khu 7B này hiện ở đâu?”

Viên y sĩ giật cánh tay của mình ra, bực mình vì hành vi hung hăng của MacNeil. Anh ta ngoái lại nhìn thoáng qua lối đi giữa những hàng giường bệnh, “Có phải thằng nhỏ tóc đen không?”

“Phải.”

“Nó chết r ồi.”

## CHƯƠNG BẢY

MacNeil đứng bất động trong phòng ngủ của con trai, nhìn qua cửa sổ ra khu vườn phía sau hướng về chỗ đặt chiếc ghế xích đu mà chính tay anh đã lắp ráp rồi đổ bê-tông để cố định nó trên nền cỏ. Anh còn có thể nghe được tiếng Sean rú lên vui sướng khi anh đẩy chiếc xích đu càng lúc càng lướt lên cao hơn, vừa phấn khích vừa sợ hãi. *Đừng đừng lại nghe ba. Đừng đừng lại!*

Một chuyến tàu điện âm âm vượt qua con đường ở bên dưới khu vườn, bên ngoài dãy hàng rào cao bằng gỗ, chuyển động của nó làm căn nhà rung rinh. Đã có một điếu gì mà thậm chí họ còn không nhận ra.

MacNeil buông tấm màn cửa xuống rồi quay trở lại với căn phòng. Những tấm áp-phích của các cầu thủ thuộc đội Arsenal được dùng để trang hoàng cho các mặt tường, một tấm khăn choàng nửa đỏ nửa trắng vắt ngang thành ghế đặt cạnh giường, những lá cờ đuôi nheo rủ xuống từ một sợi dây giăng ngang sát trần phòng. Anh có thể nghe được tiếng thút thít của Martha ở phòng bên cạnh, đột nhiên anh đá vào quả banh của Sean văng đến tận bức tường cuối phòng trong một sự chán nản cực độ. Quả banh bật lại đập vào chiếc tủ có ngăn kéo, làm rơi một bức hình có đóng khung chụp ảnh của cả gia đình. Mặt kính của khung hình vỡ tan. MacNeil cúi xuống nhặt bức hình lên và lấy tấm ảnh ra khỏi chiếc khung hình đã bị vỡ. Họ đã cho phóng to bức ảnh này từ một cảnh chụp được trong một kỳ nghỉ của cả gia đình ở Costa Brava. Cả ba người trong ảnh đều cúi mình trên bãi cát, đằng sau là cả một bãi biển đông người, ánh sáng mặt trời chói lọi xuyên suốt cả một vùng biển xanh ngút mắt. Họ đã đưa máy ảnh, nhờ một cô gái trẻ chụp cảnh ấy, và hóa ra đó là tấm ảnh đẹp nhất về gia đình mà họ từng có được. Một khoảnh khắc hạnh phúc đã được ghi lại mãi mãi. Và bây giờ đã mất hẳn.

Anh ngẩng lên xuống trên mép giường của Sean, cầm tấm ảnh trong tay và lần đầu tiên sau một thời gian quá dài, anh nghĩ về cha mẹ mình. Không rõ vì sao, việc mất đi đứa con trai duy nhất đã khiến lòng oán hận của anh đối

với cha mẹ mình có vẻ chỉ là đi đầu vô nghĩa và đại dột. Tất cả chúng ta chỉ có một cuộc đời, và cuộc đời ấy lại quá ngắn ngủi để phung phí vào những chuyện chỉ có tính cách hủy hoại như sự buồn giận.

Hết lần này đến lần khác, anh đã tự nhủ rằng đi đầu ấy không phải là lỗi của mình, nhưng anh biết rõ, anh đã không làm gì để mang lại sự gần gũi giữa cha mẹ anh với anh. Anh chưa bao giờ gần gũi với cha mẹ mình, và anh chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại thăm hỏi từ London. Và những lần gọi điện thoại ấy luôn luôn chỉ một giọng điệu. Những lời gây tổn thương được che giấu. Các cụ nói, thật dễ chịu biết bao khi được nghe giọng của anh, trong khi ý của các cụ là tại sao đến tận bấy giờ anh mới nghĩ đến các cụ. Đặc biệt, mẹ của anh là bậc thầy trong việc đưa ra những lời chỉ trích cay độc với một nụ cười nam bạc.

Khi Martha cho anh biết rằng cô đã có thai, anh đã trì hoãn việc thừa chuyện ấy với cha mẹ. Anh biết rằng các cụ sẽ không chấp nhận. Các cụ còn không biết rằng anh đã chung sống với ai đó. Trong thế giới của các cụ, tình dục trước hôn nhân là một trọng tội. Và anh càng lần lữa trong việc thú nhận, vấn đề càng nặng nề thêm. Cho đến lúc anh quyết định không thổ lộ đi đầu gì trước đám cưới. Anh và Martha đã đăng ký kết hôn tại một văn phòng hộ tịch ở London cùng với một vài người bạn trong vai những người làm chứng.

Cuối cùng, khi anh bắt buộc phải báo cho các cụ biết, bố mẹ anh đã cảm thấy bị xúc phạm nặng nề. Không chỉ bởi vì những giao ước hôn phối của anh không được thực hiện trước Thượng đế, mà vì các cụ đã không được chứng kiến. Đến đám cưới của con trai mình mà các cụ cũng không được mời. Thế rồi các cụ được biết về đứa trẻ sắp ra đời, cứ thế suy ra, rõ ràng đó là giọt nước làm tràn ly.

Anh mới chỉ đưa Martha và đứa bé về Bắc có một lần duy nhất. Một chuyến đi mà chỉ nghĩ tới là anh đã kinh hãi, và tất nhiên chẳng phải là không có lý do. Bầu không khí thật là khủng khiếp. Trong khi xoắn xuýt vào vấp với đứa cháu nội trai, cha mẹ anh đã lạnh nhạt đối với anh và thực sự là có thái độ xem thường Martha. Vào ngày cuối cùng trước khi rời đi, anh đã nói thẳng với các cụ những nhận xét của mình trong lúc Martha đã đẩy chiếc xe nôi của thằng bé ra ngoài. Một cuộc đối đầu đau đớn, gay gắt, gai góc trong đó những đi đầu chưa được nói hết hầu như còn tể hơn những gì đã được thổ lộ. Từ đấy, anh chưa bao giờ trở về nhà.

Giờ đây, khi ngã trên chiếc giường của đứa con trai mà nó sẽ không bao giờ ngủ trên đó nữa, lần đầu tiên anh nghĩ đến cha mẹ mà không bị sự buồn giận làm ảnh hưởng. Anh nhớ lại những sự kiện mà anh đã quên bằng. Những sự kiện của thời thơ ấu. Những tiếng cười, những sự nuông chiều, cảm giác an toàn. Anh luôn luôn cảm thấy yên tâm khi được ở với cha mẹ, được bảo vệ trong một tình yêu chân thực, mặc dù nghiêm khắc và có lẽ thiếu một sự ấm áp. Tình cảm ấy rất đúng phong cách của người Scot, rất đúng phong cách của tín đồ Giáo hội Trưởng lão. Người ta có thể cảm nhận được sự thương yêu, nhưng người ta không được phép thể hiện nó ra.

Anh lấy chiếc điện thoại di động từ túi áo khoác ra và khởi động máy. Có tiếng bíp và điện thoại cho biết anh có mấy tin nhắn chưa đọc. Anh không cảm thấy cần phải đọc ngay những tin nhắn ấy. Thay vào đó, anh lướt tìm theo trí nhớ cho đến lúc anh thấy được số điện thoại của cha mẹ mình. Lẽ ra anh phải biết số điện thoại ấy, nhưng anh lại không. Thực ra cũng có một yếu tố khác trong sự xa cách của họ. Cha mẹ anh đã dời nhà sau khi anh bỏ đi, và anh có bao giờ nghĩ rằng căn nhà mới ấy là nhà của mình đâu. Ngôi nhà nơi anh đã trưởng thành mới là nhà của anh, và anh chỉ nuôi dưỡng một sự bức tức nhỏ nhất trước việc cha mẹ anh đã bán căn nhà ấy đi.

Anh lặng người lắng nghe trong lúc tiếng chuông điện thoại reo tại một ngôi nhà cách xa nơi anh đang ở hơn sáu trăm dặm, ở một thời gian khác, một thế giới khác. Anh cũng không hoàn toàn chắc chắn rằng tại sao anh lại cảm thấy cần phải gọi điện thoại cho cha mẹ, nhưng anh cứ gọi. Có lẽ anh chỉ muốn được cuộn mình lại vào thời thơ ấu một lần nữa, được bảo vệ nhờ được cách ly với thực tại, thoát khỏi mọi trách nhiệm. Người trả lời điện thoại là cha của anh. Rất đúng nghi thức, rất chính xác, lặp lại ngay đây đủ số điện thoại của mình.

“Ba ơi, con là Jack đây.”

Có một lúc im lặng ở đầu dây bên kia. Thế rồi, “Xin chào, Jack. Chúng tôi có được sự hân hạnh nào đây?”

“Ba ơi, Sean chết rồi!”

Lần này, sự im lặng hầu như vô tận. Thế rồi cuối cùng anh nghe được tiếng thở dài và chậm của cha mình. “Ba sẽ gọi mẹ con”, ông cụ trả lời bằng một giọng thật nhẹ nhàng.



Phải mất hơn một phút trước khi mẹ anh đến nghe điện thoại, và anh nghe được sự run rẩy trong giọng nói của mẹ mình khi bà cụ thốt lên, “Trời ơi, con trai tôi..” Nghe tiếng mẹ, những giọt nước mắt lăn dài trên gương mặt MacNeil.

Martha đang ở trong phòng khách khi anh rời khỏi phòng ngủ. Qua ánh mắt nhìn của cô, anh biết cô có thể nhận ra là anh vừa khóc.

“Anh nói chuyện với ai vậy?”

“Ông bà nội của Sean.”

Anh nhận ra nét khó chịu trên gương mặt cô “Rồi ông bà nội nói gì?”

“Cũng chẳng có gì.”

“Chứ không phải các cụ cho rằng đó là cách Thượng đế trừng phạt chúng ta hay sao?”

Anh quay mặt nhìn về hướng khác, “Không.” Họ đứng đó một lúc lâu chẳng ai nói với ai câu nào. Thế rồi anh lên tiếng, “Anh phải đi.”

“Công việc, phải vậy không?” Giọng nói của cô còn hơn là một lời kết tội.

“Một bé gái đã bị sát hại.”

“Con trai của anh cũng đã chết đấy, Jack ạ.”

“Anh chẳng thể nào làm khác được. Đến mức anh cũng chẳng tìm được ai để lên án về chuyện ấy.”

Cô đứng khoanh tay trước ngực, hầu như không còn kiểm soát. Thế rồi nước mắt, từ cặp mắt đỏ hoe đã ùng ục, lập tức trào ra.

“Hãy ở lại đây”, cô yêu cầu.

“Anh không thể.”

“Không được.”

Anh lắc đầu. “Anh không thể đâu, Martha ạ. Anh cũng không chắc có ý nghĩa gì hay không.” Anh gạt cô qua một bên rồi tiến về phía cửa trước. Bất chợt, anh dừng bước và quay lại hỏi, “Em cần gì nữa không?”

Mọi căng thẳng ở cô bỗng giãn ra và hầu như cô hoàn toàn rũ xuống, “Có lẽ không.”

“Hãy dùng FluKill đi”, anh nói thêm, “Đến ngày mai anh mới phải trả lại cho họ.”

Cô lấy lọ thuốc trong túi ra rồi nhìn một lúc lâu. Thế rồi cô quay vào trong nhà đi sỏi bước vào phòng tắm ở cuối hành lang. Cô đẩy tung cánh cửa ra rồi mở nắp chai thuốc, dốc ngược những gì chứa trong lọ vào bồn cầu. Ngược mắt nhìn lại MacNeil với vẻ thách thức, cô nói, “Tôi chẳng quan tâm gì với cái thứ FluKill chết tiệt này. Tôi mong mình sẽ nhiễm nó. Tôi mong mình sẽ chết đi cho rồi.” Và cô nhấn cấn mở nước, tống hẳn đi mọi hy vọng cứu chữa.

# CHƯƠNG TÁM

## I

Vành tai, hay phần ngoài cùng của tai, là những đặc điểm cuối cùng được thêm vào cho sản phẩm tái tạo của Amy cố gắng đạt tới mức gần đúng như gương mặt của đứa trẻ mà cô gọi nó là Lyn.

Cái miệng đã lấy của cô nhiều thời gian nhất. Thông thường, điểm nối giữa răng nanh và răng tiền hàm đầu tiên sẽ xác định các vị trí của khốe miệng. Mỗi vành môi sẽ có chiều cao tương đương với lớp men răng của những chiếc răng cửa ở hàm trên và hàm dưới. Nhưng trong trường hợp này, tình trạng hở hàm ếch đã làm biến dạng xương hàm trên đến mức mà Amy đã buộc phải hết sức tưởng tượng, vượt ngoài mọi kinh nghiệm có sẵn, để làm mất đi sự biến dạng của vành môi trên.

Cô đã dành hơn một giờ đồng hồ để xử lý việc này, mãi mê đến mức chỉ tới khi cô lùi ra xa để khách quan nhìn lại tác phẩm của mình, cô mới cảm thấy hoàn toàn choáng váng vì sự xấu xí của nó. Nó thật là nhẫn tâm. Và nếu trước đó cô đã có sự đồng cảm với đứa trẻ ấy, thì nay trái tim của cô lại càng thổn thức vì thương cảm đứa bé.

Thật nhẹ nhàng, cô đặt những mô mềm của hai tai vào vị trí. Không hề có một gợi ý nào trên hộp sọ có thể giúp người ta xác định được kích cỡ của đôi tai. Mũi vẫn là chi tiết hướng dẫn chung cả cho độ dài lẫn vị trí của hai tai, mặc dù đi đâu đó vẫn chỉ có thể là một sự ước chừng. Còn độ dài và kiểu tóc thì vô phương, kể cả chỉ là phỏng chừng. Amy biết rằng mái tóc của Lyn phải có màu sắc và độ dày tương tự như mái tóc của cô, nhưng ngắn hay dài, thắt thành bím hay bỏ đuôi gà, thì là những đi đâu có lẽ chẳng bao giờ biết được.

Amy vẫn luôn để tóc dài. Đó là một mái tóc đẹp, vừa mượt vừa đen bóng, và cô không ngớt tự hào về đi đâu ấy. Cho đến khi có một khoảnh

khắc ngu ngốc của thái độ ta đây vì say tại một bữa tiệc ở trường y, khi cô đã mang cái thái độ ta đây ấy vào đầu mình để cắt cho mái tóc của mình vừa ngắn đi vừa lỏm chỏm. Chính tay cô. Đó là một thảm họa. Sáng hôm sau thức giấc, còn choáng váng nhưng đã tỉnh táo, đủ để cô trông thấy mình trong gương mà hết hồn. Cô đã khóc suốt gần một giờ trước khi ra ngoài kiếm mua một bộ tóc giả dài và đen. Nhưng mái tóc giả ấy không bao giờ được đặt vào đúng vị trí, và cuối cùng cô đành chấp nhận chịu đựng vài tháng trời cho đến khi mái tóc thật của mình mọc dài trở lại.

Cô vẫn cắt mái tóc giả ấy ở nơi nào đó phía sau chiếc tủ quần áo trong phòng ngủ của mình ở tầng dưới; thế rồi khi cuối cùng cô đã cố định xong hai bên tai cho tác phẩm mô phỏng của mình, cô đã dùng thang máy xuống tầng dưới tìm bộ tóc giả. Cô ôm chặt bộ tóc giả vào lòng khi đi đâu khiến chiếc xe lăn ra khỏi phòng ngủ thì trông thấy MacNeil đứng trên đầu cầu thang.

Thoạt tiên cô đã sửng sốt khi trông thấy anh, thế rồi lập tức biết được đi đâu tệ hại nhất.

“Ồ, Jack...”

“Đừng đến gần hơn”, anh nói, “Có thể anh đang mang mầm bệnh. Anh chỉ... coi nào. Anh đã không thể nào nói với em qua điện thoại.”

“Jack. Em không biết phải nói gì.” Trông anh hoàn toàn suy sụp. Như một cậu con trai bé nhỏ. Một người đàn ông to lớn đã bị biến đổi bởi thảm họa.

“Chẳng có gì để nói cả.”

Quả tình anh nói đúng. Không có đủ lời thích hợp để diễn tả được tình cảm của cô. Cô muốn thể hiện cho anh biết cô có cảm tưởng thế nào, để tỏ lòng quan tâm đến anh, đi đâu duy nhất có thể thực hiện để mang lại một chút an ủi. Nhưng thật là rõ ràng, ngay cả qua ngôn ngữ cơ thể của anh, rằng anh không muốn cô đến gần anh một chút nào.

“Anh đã nói cho Laing biết chưa?”

Anh lắc đầu. “Ông ấy đã gửi nhiều tin nhắn cho anh qua thư thoại trong suốt ba tiếng đồng hồ gần đây.” Anh nhìn đồng hồ đeo tay. “Anh thực sự cần phải đi ngay bây giờ.”

“Anh không nghĩ tới vấn đề trở lại với công việc à?” Cô bàng hoàng.

“Ở đây có việc gì khác để anh làm đâu, Amy? Anh cần một sự tập trung. Một đi đâu gì đó dừng mọi suy nghĩ của anh lại, một lý do để tiếp tục.” Anh ngược mắt nhìn lên cầu thang. “Em hoàn tất công việc của mình chưa?”

“Mới chỉ xong phần thô ban đầu. Em đang thử bộ tóc giả của em lên đứa bé ấy.” Cô đưa mái tóc giả lên. “Anh có muốn xem qua không?”

Anh đứng tại chỗ cách xa phòng áp mái nhất để quan sát khi Amy cúi xuống đặt bộ tóc giả lên cái đầu mà cô đã tạo ra đang nằm trên chiếc bàn gần cửa sổ. Cô đã bỏ ra cả một phút để sắp xếp, đi đầu chỉnh trước khi cô cảm thấy thật sự hài lòng, thế rồi chiếc mô tơ điện gắn trên chiếc xe lăn của cô lại rền rĩ và đẩy cô qua một bên, làm lộ ra đứa trẻ.

Chỉ trong một thoáng MacNeil đã bị choáng váng bởi sự biến dạng thật sinh động của vành môi trên, thế rồi ánh mắt của anh hướng ra ngoài tiêu điểm ấy để thấy toàn thể gương mặt của đứa trẻ. Một gương mặt đầy nét thơ ngây và trẻ trung. Tròn trịa hơn gương mặt của Amy, vầng trán phẳng hơn, có lẽ là thuộc một chủng tộc đặc biệt. Và ở một mức độ nào đó, Amy đã mang lại cho đứa bé sự sống, nắm bắt được tinh thần của nó từ nơi nào đó trong số tất cả những mẫu xương kia. Những mẫu xương mà anh đã lượm lặt trong một cái túi du lịch tại một công viên ở London vào buổi sáng sớm. Bây giờ Sean vẫn còn sống, và MacNeil đã có được lý do để suy nghĩ thật cẩn thận rồi tự mình quyết định việc gì cần phải làm trước. Bây giờ thì anh biết rằng anh chỉ muốn phát hiện được kẻ đã sát hại đứa bé gái này hơn bất kỳ việc nào khác trên đời.

Khi MacNeil bắt đầu rời đi thì chuông điện thoại của anh reo. Anh liếc qua màn hình và thấy đó là cuộc gọi từ Phil, viên sĩ quan Hiện trường Tội phạm, người đã cho anh thấy tấm vé xe điện ngầm ở chỗ công trường xây dựng Công viên Đức Tổng Giám mục. Anh tiếp nhận cuộc gọi.

“Jack, tôi đã gọi cho văn phòng, nhưng họ cho biết anh đã không có mặt ở đó suốt vài giờ đồng hồ.”

“Có chi vậy, Phil?”

“Chúng tôi đã nắm được ngày hết hạn của mã vạch trên tấm vé. Có lẽ nó chẳng có ý nghĩa đáng kể nào. Đó là ngày mười lăm tháng Mười. Chỉ vài tuần trước lúc xảy ra tình trạng khẩn cấp.”

MacNeil cũng không thể nghĩ rằng ngày ấy có thể có liên quan gì. Anh ngược nhìn lên để thấy Amy đang quan sát anh từ đầu cầu thang. “Có phải chuyện đó không?”

“Ồ, không. Bọn anh đang xoay xở để làm hiện rõ một phần của một vân ngón tay cái lên trên bề mặt của tấm vé. Đủ để so sánh nếu chúng ta có thể tìm được một mẫu. Bọn anh đang thực hiện việc này thông qua AFIS.” Dường như có quá nhiều đi đầu để thắc mắc rằng một phần vân tay ngón cái được hồi phục từ một tấm vé xe điện ngầm đã bị quăng bỏ cách đây ba tháng rồi lại được tìm thấy trên một công trường xây dựng sẽ có thể dẫn người ta đi đến đâu. Nhưng nếu chủ nhân của dấu vân tay ấy đã có mặt trong máy điện toán, Hệ thống Nhận diện Vân tay Tự động toàn quốc sẽ làm cho chúng khớp với nhau khá là nhanh.

MacNeil gác máy và mở cửa. “Jack à.” Tiếng gọi của Amy làm anh quay lại ngay ngưỡng cửa. Gương mặt cô hằn lên nét âu lo. “Hãy sử dụng thuốc FluKill ngay đi. Đừng chờ đến lúc phát hiện anh đã có triệu chứng.” Anh gật đầu, “Tất nhiên rồi.” Anh quay đi.

“Anh Jack.” Giọng của cô nghe thật khẩn thiết và anh quay lại lần nữa. “Hãy hứa với em.”

Anh thở một hơi dài. Anh ghét phải nói dối với cô. “Anh hứa.” Ra đến bên ngoài, anh nhìn lên bầu trời tím bầm và xám ngắt đang rắc lên mặt mình những hạt mưa li ti. Anh nhớ lại lúc đã đứng như trời trồng trong hành lang căn nhà khi Martha trút hết những viên thuốc vào bồn cầu. Người ta cho biết hai mươi lăm phần trăm dân số sẽ nhiễm cúm. Trong số đó, từ bảy mươi đến tám mươi phần trăm sẽ chết. Anh lại đang trực tiếp phơi ra trước nguồn nhiễm ấy, và những cú đánh bõ chẳng bao giờ có được sự tốt đẹp nào.

## II

Amy lái chiếc xe lăn vượt qua khoảng không rộng lớn của sàn căn phòng khách áp mái của cô, tiếng rền rĩ của động cơ điện đi đầu khiến chiếc xe xuyên thủng sự im lặng đầy phiền muộn và thương cảm. Nếu có chẳng,

đám mây đã dày lên và buổi chiều dường như tối hơn. Nhưng cô không thể đối mặt với ánh sáng chói chang của đèn điện.

Ánh sáng ban ngày từ cửa sổ chiếu vào tạo ra những cái bóng kỳ lạ trên gương mặt được tái tạo của Lyn, làm cho nó sống động hẳn lên theo một cách mà chẳng hiểu sao khi ánh sáng phủ đầy lên nó lại không mang lại được một hiệu ứng tương tự. Và từ những cái bóng ấy, hình như đứa bé gái ấy đang chòng chọc nhìn về phía Amy. Từ một khoảng cách, mái tóc kia trông như thật. Chỉ có lớp nhựa dẻo trộn bột màu mới tiết lộ sự thực rằng đó là một cái đầu được nặn lên từ những chất liệu vô hồn. Amy cảm thấy bất lực để làm được hơn như vậy. Cô đã trả lại cho đứa trẻ gương mặt, chứ không phải là danh tính, của nó; và hơn thế nữa thì cô bất lực. Bị giam hãm trong chiếc xe lăn đang khi những người khác cố gắng tìm kiếm kẻ giết đứa trẻ này.

Cô tự hỏi, liệu mọi chuyện giữa cô với MacNeil có trở lại như cũ hay không. Sự đau buồn có thể khiến người ta thay đổi, mang lại cho họ những vết sẹo không thể cứu vãn được. Đặc biệt, đó lại là việc mất một đứa con. Thế rồi lại còn một khả năng hết sức thực tế là hoặc một trong hai người, hoặc là cả hai người, có thể bị quật ngã bởi chứng cúm này. Bị nhốt ở đây trong cái kho ngà của mình, nơi không khí tràn ngập mùi quế và mùi đinh hương, thật dễ dàng để cô quên rằng trong cái thế giới thật ngoài kia, cái thế giới đầy đủ năng lực cơ thể, người ta đang chết ở mức hàng ngàn. Ở mức hàng chục ngàn.

Tiếng chuông báo hiệu ở cửa trước cắt đứt sự im lặng và khiến cô giật mình. Trong một khoảnh khắc, cô đã nghĩ có thể đó là MacNeil trở lại, rằng có thể anh quên đi điều gì. Thế rồi cô nhớ ra ngay rằng anh có chìa khóa và không cần phải nhấn chuông. Cô lăn chiếc xe đến chỗ có đặt điện thoại gọi cửa rồi nhấn ống nghe lên: “Ai vậy?”

“Tom đây.” Anh đã được biết mặt mã để đi qua những lớp cổng bên ngoài.

“Cứ vào đi.”

Cô nhấn nút đi lên khiên và chờ một lát để anh mở cửa. Thế rồi cô nghe tiếng anh đang bước trên cầu thang. Sau cùng, khi anh xuất hiện từ khoang cầu thang để tiến vào tầng áp mái, trông anh có vẻ xanh xao và mệt mỏi.

“Có gì rắc rối à?” Amy hỏi với vẻ quan tâm.

“Ồ, thì cũng như mọi khi.”

“Lại Harry à?”

“Ấy là bởi vì tôi có những ca đêm vào lúc đó. Chỉ là hắn đã cố gắng nhưng vẫn không thể ở nhà một mình. Tôi vẫn lo về AIDS, nay tôi còn phải tự hỏi chẳng biết hắn có thể mang thêm cái của nợ nào về nhà nữa.”

“Thế anh ta đi đâu?”

“Ồ, có trời mới biết. Hắn có nói tôi nghe đâu. Bọn này đã có một trận cãi nhau kịch liệt sau cuộc điện thoại của cô, và chẳng có cách nào tôi ngủ lại được.”

“Vậy kia à. Tôi xin lỗi”, Amy trả lời, bỗng nhiên tràn đầy cảm giác sai quấy. “Đó là lỗi của tôi. Lẽ ra tôi không nên gọi điện thoại về nhà anh.”

Tom khoát tay với thái độ thô bạo, “Vụ này còn âm ỉ nhiều ngày. Chắc chắn nó có lúc bùng nổ.” Anh đi ngang qua nhà bếp, “Được chẳng, nếu tôi tự làm cho mình một chút trà?”

“Cứ tự nhiên.”

“Cô cũng dùng một tách chứ?”

Cô lắc đầu, “Không, cảm ơn.” Cô lặng lẽ quan sát lúc anh tự sửa soạn trà cho mình trong một vẻ lặng lẽ, ừ ừ thật là kỳ lạ. Thế rồi, ly trà trong tay, anh băng qua đến cạnh cửa sổ để nhìn kỹ vào cái đầu. Anh đứng đó, nghiêng đầu theo một góc, nhìn chăm chăm một lúc vào tác phẩm của Amy. Thế rồi cuối cùng anh thốt lên, “Trời ạ, đứa bé thật là xấu xí.”

Amy cảm thấy có một nhu cầu phòng thủ không thể giải thích được, “Không, đứa bé này không xấu xí. Ở đứa bé này có một đi ầu gì đó thật là đẹp. Thực ra là thanh thoát nữa kìa. Nếu có ai đó biết quan tâm đến cách tiêu tiền, họ đã có thể sửa chữa vành môi ấy, hoặc ít ra là cải thiện nó. Anh phải nhìn thấy được cái lúc trước đó.”

Tom nhìn cô với sự tò mò. “Nó chỉ là nhựa dẻo”, anh kết luận, “Đứa bé này không thật.”

Amy nhận ra một tính cách đối kháng lạc lõng trong giọng điệu của anh, “Đứa bé này đã từng có thật.”

Tom tr ần ng ầm nh ắm nh ắp ly trà, không rời mắt khỏi Amy cho đến khi cô cảm thấy lúng túng trước cái nhìn chăm chăm của anh. Thế rồi Tom bật ra, “Vậy chớ hắn làm gì ở đây.”



“Hắn là ai?”

“Ồ, cố lên chứ. Cô biết tôi muốn nói đến ai rồi mà. MacNeil. Tôi thấy hắn rời khỏi chỗ này.”

Amy cảm thấy mặt cô hơi ửng lên. “Anh ấy đến để xem cái đầu này.”

“Thế à? Vậy hắn là hắn cũng nghĩ rằng đứa bé này đẹp, phải vậy không?”

“Đừng lơ bịch như vậy.”

“Coi kìa. Như vậy tôi là kẻ lơ bịch à? Bắt đầu từ lúc nào thì cái đám sĩ quan cảnh sát ấy kéo nhau đến nhà cô để xem các công trình tái tạo gương mặt của cô nhỉ?”

Amy không trả lời.

“Sáng nay tôi đã lấy làm lạ khi dường như cô biết tất cả về việc hắn và vợ hắn đã ly thân.” Anh ta dừng lại. “Đi đâu gì đang diễn ra vậy, Amy?”

Cô không muốn nói dối anh ta, “Đi đâu đó không phải là việc của anh, Tom ạ!”

“Amy, hắn là tên người vợ. Một tên người vợ to lớn ngu xuẩn ghét chuyện đờng tính. Tôi không thể tin được rằng cô lại có quan hệ với hắn.”

“Sao lại không tin?”

“Coi nào, trước hết, bởi vì cô chưa bao giờ nói với tôi. Tôi vẫn nghĩ tôi được coi là người bạn thân nhất của cô.”

“Đúng vậy.”

“Rõ ràng nay không còn như vậy nữa.”

“Lúc này anh thực sự lơ bịch rồi đó.”

“Tôi ấy à?” Tom ra vẻ vênh vênh váo váo với sự phẫn nộ. “Làm sao mà cô lại nghĩ rằng chúng ta có thể sống chung với nhau chứ, hả Amy. Cô, tôi và tên người vợ ấy?”

“Anh ấy không như những gì anh nghĩ về anh ấy.” Amy biết rằng tất cả mọi chuyện đã vượt ra khỏi tầm kiểm soát của cô.

Tiếng cười ử rũ bật ra khỏi đôi môi của Tom. “Ồ, tất nhiên hắn không giống như vậy.”

“Anh ấy không như vậy. Anh ấy không phải là kẻ kỳ thị người đờng tính luyến ái. Anh ấy không ghét bỏ gì anh, anh ấy chỉ không hiểu được

anh, thế thôi. Có thể nói được rằng anh ấy còn có chút sợ hãi về anh.”

“Ồ, đúng vậy, hẳn run lên vì sợ đấy.”

Đến lúc này thì Amy bắt đầu tức giận. “Anh bị ám ảnh quá mức với khuynh hướng tình dục của mình, Tom ạ, và anh để cho đi đầu đó xác định tất cả những gì là anh. Anh là một kẻ đờng tính nam và anh tự hào với đi đầu đó, muốn cả thế giới đều biết - đó là đi đầu vĩ đại. Nhưng anh đẩy đi đầu đó vào mặt người ta mà không nhận thức rằng việc này có thể khiến cho người ta cảm thấy bị đe dọa hay bị bối rối tới mức nào. Đặc biệt là đối với một người đàn ông nhà quê là tín đồ của Giáo hội Trưởng lão xuất thân là dân vùng cao của xứ Scot.”

Tom nhìn trừng trừng vào mặt Amy, đầy giận dữ. “Cô đã nói dối tôi”, anh thốt lên, hoàn toàn không kiểm soát được mình.

“Tôi không nói dối. Tôi chỉ không nói cho anh biết mà thôi.”

“Đó nghĩa là nói dối bằng cách bỏ sót. Bạn bè với nhau người ta không xử sự như vậy. Bạn bè với nhau người ta nói với nhau tất cả mọi thứ.”

“Và anh sẽ phê chuẩn, phải vậy không?”

“Không, tất nhiên tôi sẽ không.”

“Vậy thì, nói theo cách khác, tôi không thể có được một mối quan hệ nào mà không có sự ưng thuận của anh?”

“Trời ạ. Hẳn là một tên người vượn. Cô thấy được cái chết tiệt gì ở hẳn? Và để cho vấn đề được rõ hơn nữa, hẳn ta thấy được cái chết tiệt gì ở cô?” Câu nói ấy đã vọt ra khỏi cửa miệng anh ta trước khi Tom kịp dừng lại.

Amy trở nên nhợt nhạt hẳn đi, toàn thể thế giới của cô tập trung vào một điểm máu chốt cam lạnh tràn đầy sự tổn thương đến nỗi phải mất một lúc lâu cô mới có thể cất tiếng. “Ở một con bé què quặt, ý anh là vậy chứ gì? Anh ta thấy gì ở một con bé què quặt?” Giọng nói của cô thật nhỏ nhẹ, thật điềm tĩnh.

Gương mặt của Tom đỏ bừng lên. “Không”, anh hấp tấp trả lời, “Không, đó hoàn toàn không phải là ý của tôi.”

“Tôi nghĩ, tốt hơn anh nên ra về”

“Amy...”

“Về đi. Xin vui lòng. Hãy về đi trước khi hoặc anh hoặc tôi nói thêm một điếu gì khác.”

Có vẻ như Tom đã nhận thức được rằng không còn đường lui. Ít nhất là ngay lúc này. Mọi cây cầu đã bị giạt sập. Anh đặt chiếc ly lên mặt bàn. “Tôi xin lỗi, Amy”, anh lắp bắp. “Xin lỗi là tôi đã đến.”

### III

Cái đêm mà họ gặp nhau, hay ít nhất, cái đêm mà tất cả mọi chuyện bắt đầu, không ai ngạc nhiên hơn Amy về cái cách mà sự việc đã diễn tiến. Họ đã gặp nhau vài lần ở phòng thí nghiệm, và cô cũng đã biết rằng có một vài hình thức kình địch nào đó giữa MacNeil và Tom, nhưng lúc bấy giờ cô chẳng có một ý niệm nào về sự thể là thế nào. Cô cũng chỉ mới vừa thực hiện một số công việc với tính cách cộng tác viên tự do cho FSS, và MacNeil thì cũng chỉ như mọi nhân viên cảnh sát khác. Một anh chàng người gốc Scot to lớn lẫm lẫm, đối xử với cô như thể cô không hề hiện hữu. Cho đến cái buổi đi chơi tối của văn phòng.

Chính Tom là người đã thuyết phục cô tham gia. Có một người nào đó sắp thôi việc, và họ đã đặt một phòng trong một quán rượu ở Soho để tổ chức một bữa tiệc chia tay. Amy cũng đã được thuyết phục bỏ xe hơi ở nhà để có thể uống rượu, và bởi vì lúc bấy giờ hầu hết xe tắc-xi ở London đều đã trang bị cầu nổi để đưa xe lăn vào xe, cô chẳng còn luận cứ nào để từ chối, không tham dự.

Cô vốn là người nhút nhát và luôn có ý thức về bản thân. Cô cũng chỉ mới làm việc tại Lambeth Road được vài tuần và không quen biết nhiều, cho nên trong suốt phần đầu của buổi tối hôm ấy cô đã bám lấy Tom. Thế nhưng, như mọi khi, Tom uống quá nhiều, và chẳng bao lâu thì anh ta đã kiếm được cho mình một người đàn ông rồi biến mất vào màn đêm, bỏ mặc Amy tự xoay sở. Cuối cùng cô đành phải rút vào ngõ một mình trong một góc, loay hoay với chiếc ly rượu vang đã cạn mà chẳng một ai nghĩ đến việc rót thêm rượu cho cô vào đầy chiếc ly không ấy. Đến khi một cái bóng không lộ tình cờ đi ngang bàn cô đang ngồi, và khi cô ngược lên thì

thấy MacNeil đang nhìn xuống cô. “Cô có muốn uống thêm một ly loại này nữa hay không?”

Thực tình mà nói, tất cả những gì Amy muốn vào lúc bấy giờ là ra về, nhưng đây lại là tên người vợ của Tom đang đề nghị gọi cho cô một ly rượu. Mà lại rất nhã nhặn. Vậy thì làm thế nào cô có thể từ chối?

Anh quay lại với một ly Pinot Grigio cho cô và một ly whisky cho chính mình rồi ngồi xuống bên cạnh cô. “Trông cô không có vẻ gì là đang chờ một người bạn thiết.”

“Anh cũng như vậy mà.”

“Tôi thì không.”

“Vậy tại sao anh lại có mặt ở đây?”

Anh nhún vai, “Mỗi người đều có một nghĩa vụ xã hội nhất định.”

Cô bật cười, “Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được nghe một viên cảnh sát nói về nghĩa vụ xã hội.”

Anh mỉm một nụ cười ỉn ỉu, “Đừng ý với cô, coi nào, dạo này họ muốn chúng tôi sử dụng những từ đao to búa lớn trong toàn lực lượng. Cô có biết một tình huống không gian phòng thủ là gì không?”

Cô ngậy người nhìn anh, “Tôi chẳng có một ý niệm nào cả.”

“Nó là một khu vườn.”

Cô lại bật cười, “Anh chỉ nói đùa.”

Anh ngẩng thẳng người lên và ứng khẩu một bài phát biểu nghiêm túc. “Thưa Ngài”, anh trình bày với thái độ trang trọng trước một vài vị quan tòa tưởng tượng. “Chúng tôi tiếp tục tiến lên theo hướng tây trên con đường đất phía nam khi nhân vật bị buộc tội cùng những kẻ tấn công vô danh khác xuất hiện từ tình huống không gian phòng thủ tại đỉnh của con đường cao tốc.” Thế rồi anh thả lỏng người và cười toe toét, “Cô biết không, họ gửi chúng tôi đến các lớp học ngoại ngữ để học nói như vậy đó.”

“Anh có vẻ lưu loát đấy chứ.”

“Tôi luôn luôn giỏi về ngôn ngữ. Tôi nói chuyện tục cũng khá tốt đấy.”

“Tôi thích giọng nói của anh.”

“Thật vậy à? Hầu hết người miền thấp ở đây đều cười nhạo cái ngữ điệu ấy. Và ngay tại Scotland thì người ta cũng gọi tôi là dân thượng. Để

giúp cô một chút thông tin, thì đi đâu đó có nghĩa là thằng nhóc ngớ ngẩn ở vùng cao nguyên.”

“Tôi thật hân hạnh được nghe anh nói. Thế còn anh?”

“Tôi là cái gì?”

“Một thằng nhóc ngớ ngẩn ở vùng cao nguyên.”

“Ồ, đừng ý với cô, chẳng có gì là ngớ ngẩn hơn.”

Cô nhìn anh như thể lần đầu tiên. Có một đi đâu gì đó cởi mở bất ngờ ở anh. Chẳng có một chút ngụ ý nào về phe phái hay quan điểm, và dường như anh chẳng quan tâm gì đến việc tự chế giễu mình. Anh là một người đàn ông to lớn, với những bàn tay to lớn, đi đâu mà cô tin chắc rằng có thể gây nên những thiệt hại nếu anh chọn sử dụng đôi bàn tay ấy như một loại vũ khí, thế nhưng vẫn có một phẩm cách dịu dàng hấp dẫn theo cách riêng của anh. Chính trong lúc nhìn vào đôi bàn tay của anh mà cô chú ý đến chiếc nhẫn.

“Anh đã kết hôn được bao lâu rồi?”

“Tám năm”, anh trả lời không một chút do dự.

“Có con chưa?”

Anh mỉm cười, và cô nhìn thấy lòng yêu thương trong nụ cười ấy. “Có chứ, một chàng trai tí hon. Tám tuổi rồi. Đứa con tuyệt vời.”

“Tên cháu là gì?”

“Sean. Đặt theo tên cha của đứa bé.” Khi thấy cô cau mày, anh giải thích, “Sean là lối nói của người ở Ireland để gọi tên John, nhưng tôi vẫn thích được gọi là Jack hơn. Tên cha tôi là Sean, cô biết đấy. Và cha của cha tôi, rồi cha của cha của cha tôi. Quá nhiều Sean trong gia đình thì cái gốc rễ Ireland sẽ quay trở lại. Thế nhưng tôi không thể hoàn toàn tự mình phá vỡ truyền thống, và rồi chính Martha cũng đề nghị, thế còn cái tên Sean thì sao? Nghe có vẻ rất thích hợp cho tôi.”

“Martha. Vợ anh à?”

“Đúng vậy.”

Bữa tiệc đến lúc tàn. Một người nào đó thuộc phòng độc chất học cho biết có nhiều người trong nhóm đề nghị đi ăn cà-ri và mong muốn những ai thích thì tham gia với họ. Thế nhưng Amy nói cô muốn về. Và MacNeil cũng cùng có ý muốn như vậy. Phòng tiệc nhanh chóng vắng ngắt, MacNeil

nói với Amy, “Tôi sẽ gọi cho cô một chiếc taxi, cô đừng ý nhé.” “Cảm ơn.” Cô để anh giúp đưa cô xuống đường trong chiếc xe lăn. Mọi con đường đầu đông đặc những tử khách đổ ra từ các quán, các câu lạc bộ trong không khí mùa hè ấm áp. MacNeil đẩy chiếc xe lăn đến một góc đường nơi có một đám thanh niên vô lại nói bằng ngôn ngữ của chủng Slav đang ng ẩ uống bia lon Foster. Một tên trong đám nhìn Amy chằm chằm rồi buông ra một vài lời bình phẩm khiến những tên khác cười ò lên. MacNeil nắm lấy cổ áo tên đó rồi h ầu như nhấc hẳn hông chân khỏi mặt đất. Lon bia hắn đang cầm trong tay văng ra lăn long lóc trên vỉa hè. “Thằng nhóc, mày có đi đâu gì cần nói thì nói đi đâu đó với tao, mà phải nói bằng thứ ngôn ngữ quý quái nào mà tao hiểu được.” Đám thanh niên sừng sốt và lập tức ở vào thế phòng thủ nhưng vẫn cẩn thận giữ khoảng cách.

“Đừng, Jack à. Vui lòng, đừng.” Amy lên tiếng ngăn lại và MacNeil miễn cưỡng buông tha tên thanh niên ấy, đẩy hắn trở về trong vòng tay đám bạn của hắn.

“Xin lỗi”, anh nói với Amy, vẻ bối rối, rồi lại đẩy chiếc xe lăn đưa cô đi xuống đại lộ Shaftesbury.

“Tại sao anh lại hành xử như vậy?”

“Tôi ghét sự bất công.” Anh cúi xuống nhìn ngay phía trước mặt.

“Anh tưởng tượng ra thanh niên ấy nói đi đâu gì vậy?”

“Đi đâu gì đó không lọt tai. Đi đâu gì đó về cô.”

“Anh phải quen với đi đâu ấy”, cô nói, “Tôi đã bị gọi là ‘chệch’ suốt cả đời rồi, thỉnh thoảng lại là ‘đồ mắt xích’. Và còn tệ hơn nữa. Gần đây là ‘con nhỏ què mắt xích’.” Ngay khi nói đi đâu ấy ra, cô nghĩ sao mà nghe cay đắng vậy. Và cô không muốn có vẻ cay đắng. Cô đã thấy sự cay đắng có thể đem lại đi đâu gì cho con người ta.

Trên đại lộ Shaftesbury anh vẫy một chiếc tắc-xi. Nhưng người tài xế từ chối. Xe anh ta đang lái không có cần nối cho xe lăn.

“Mình có thể đợi chiếc xe khác”, Amy đề nghị.

“Không cần phải chờ đâu”, MacNeil trả lời. Và anh nhấc cô ra khỏi chiếc xe lăn như thể cô chẳng có chút trọng lượng nào, hết như nhấc một đứa trẻ trong hai cánh tay to lớn mạnh mẽ của mình, đặt cô vào trong xe tắc-xi ng ẩ yên chỗ rồi mới nhấc đến chiếc xe lăn. Anh nói, “Tôi sẽ đi cùng với cô. Như vậy thì sẽ không có vấn đề gì khi đến đâu bên kia.”

Trên đường đi trong thành phố, cô nói, “Anh biết rằng anh thực sự không cần phải làm như vậy.”

“Tôi chẳng có việc gì để làm.”

“Anh còn có một người vợ và một đứa con đang đợi ở nhà.” Sau câu nói đó là một khoảng im lặng kéo dài. Anh đưa mắt hướng ra ngoài cửa sổ nhìn những ánh đèn vụt qua và không trả lời. “Có phải vậy không?”

Anh quay lại nhìn thẳng vào mặt cô, và trong một thoáng ánh sáng của một ngọn đèn đường vừa lướt qua, cô thấy vẻ mặt của anh hết như một con thú bị thương. Anh không thể chịu đựng nổi ánh mắt của cô. Cuối cùng, anh nói, “Không. Chẳng có ai chờ tôi cả.”

Có vẻ như thời gian trôi qua rất lâu trước khi cô thu hết can đảm để hỏi tiếp, “Sao lại không?”

“Chúng tôi đã ly thân”, anh trả lời thẳng thắn. Anh nhìn vào bàn tay của mình đang đặt trong lòng rồi xoay xoay chiếc nhẫn cưới. Lần này cô biết anh sẽ không giải thích gì thêm và cô biết tốt hơn là nên hỏi thẳng.

Tháp London thấp sáng kín đáo khi chiếc xe của họ chạy vụt qua rồi vượt lên Cầu Tháp để đi về Bờ Nam. Chiếc tắc-xi thả họ xuống góc đường Gainsford giao với Shad Thames.

“Tôi sẽ tiễn cô đến trước cửa nhà”, MacNeil nói vậy trong lúc đưa cô ra khỏi tắc-xi rồi đặt cô vào lại chiếc xe lăn.

“Thực sự là không cần như vậy đâu. Tôi cũng là một người trưởng thành. Thường khi tôi cũng vẫn về nhà khi trời tối.”

“Đúng vậy, nhưng khi tôi có mặt thì đừng bán khoản về đi đâu ấy. Đừng ngại, tôi cũng không kiếm cố để được uống một ly cà phê đâu. Tôi không bao giờ uống thứ đó cả.” Anh thanh toán tiền cho người lái xe, và Amy nhập mã để mở cổng. Anh đẩy cổng ra rồi cả hai vượt qua một khoảng sân để tiến đến đoạn dốc dẫn lên cửa trước.

Cô cau mày, “Lạ nhỉ!”

“Có gì vậy?”

“Ngọn đèn trước cửa tắt mất rồi. Tôi luôn luôn mở đèn trước cửa khi ra ngoài.”

“Chỉ để quảng cáo cho lũ trộm là nhà vắng người à?”

Cô nhìn anh, “Tôi cần thấy đường để vào nhà.” Cô mở khóa cửa rồi mở cửa dẫn vào khu vực cầu thang. Toàn bộ căn nhà chìm trong bóng tối. Có sẵn một công tắc điện nằm trong tầm với của chiếc xe lăn nhưng nó cũng không mang lại ánh sáng.

MacNeil hỏi, “Cầu chì đặt ở đâu?”

“Ở tầng trên cùng.”

MacNeil nhìn chiếc thang máy bây giờ là vật thừa thãi nằm ngay chân cầu thang bộ. “Làm thế quái nào mà cô có thể đi lên đi xuống mỗi khi mất điện?”

“Trước đây chưa bao giờ xảy ra tình trạng này.”

Anh khóa cửa trước rồi lại nhắc cô ra khỏi chiếc xe lăn một lần nữa. Cô quàng cả hai cánh tay qua cổ anh và nhớ lại cái cảm tưởng an toàn khi còn bé hàng ngày được ba bế lên thang lầu để đưa vào phòng ngủ, vừa đi ba vừa hát, *Hãy mang theo tôi, hãy mang theo tôi đi suốt cuộc đời...*

“Cô cần phải chỉ cho tôi”, MacNeil nói, và trong bóng tối, anh mang cô vượt hai tầng cầu thang lên đến tận phòng áp mái ở trên cùng. Tại đây ánh sáng đèn đường chiếu qua cửa sổ hắt một luồng sáng vàng vọt vào căn phòng. Anh dịu dàng đặt cô vào chiếc xe lăn để sẵn ở tầng thượng rồi mở nắp hộp cầu chì. Anh gõ nhẹ vào công tắc và tắt cả mọi ngọn đèn đầu bật sáng. Anh lắc đầu “Phải có một công tắc ngắt mạch khi quá tải hay đi đâu gì đó tương tự. Tăng gấp ba độ dày của dây chì. Cô cần có một loại bình điện dự phòng cho hệ thống thang máy nếu cô không muốn gặp trở ngại.”

“Tôi luôn luôn có thể cầu viện đến anh để mang tôi đi lên đi xuống.”

“Trong trường hợp đó, tôi sẽ có mặt ở đây ngay lập tức.”

Có đi đâu gì trong cách anh nói câu nói đó làm cho quả tim của cô lỡ mất một nhịp và đập nhanh hơn, trong khi dường như anh bất chợt cảm thấy ngượng ngập. Cô cảm thấy khô miệng và cô không thể tin rằng anh lại quan tâm đến cô. Không phải theo cách ấy.

Về sau, anh có nói với cô lý do khiến anh do dự là bởi vì anh không hề có một ý niệm làm thế nào để hôn một người đang ngồi trong xe lăn. Điêu đó đã giải thích đúng sự vụng về của anh khi anh đã bước một bước về phía cô, rồi lại dừng lại, trước khi ngượng nghịu quỳ xuống nhẹ nhàng dùng cả hai bàn tay nâng mặt cô lên để đặt lên đấy một chiếc hôn.



Đó là khoảnh khắc sẽ sống mãi với cô. Khoảnh khắc mà cô cảm nhận rằng Thượng đế đã trả lại cho cô cuộc sống.

# CHƯƠNG CHÍN

## I

MacNeil đậu xe bên ngoài đồn cảnh sát tọa lạc ở một nơi mà những người gốc Scot thường gọi là “gusset”, nghĩa là tòa nhà nằm ở một nơi tiếp giáp của hai con đường, nằm giữa đường Kennington và Mead Row. Đó là một từ mà MacNeil đã sử dụng nhiều lần khi anh mới đến London, nhưng dường như chẳng ai hiểu ý nghĩa. Đã có lần anh tra từ điển nhưng không thể tìm được chữ ấy. Từ gần gũi nhất mà anh bắt gặp là “gusset”, được mô tả là một mảnh vải hình tam giác được may vào áo quần để làm tăng độ bền. Cho nên anh đã hình dung rằng từ đó phải là như vậy. Và từ đó mô tả thật chính xác vị trí đồn cảnh sát trên đường Kennington - được xây dựng trong một khu đất hình tam giác tạo bởi chỗ giao nhau của hai con đường theo một góc nhọn.

Anh đã trở về Islington để tắm và thay quần áo, và hiện cảm thấy bớt bị ô nhiễm. Một vài đồng nghiệp của anh có thể nói rằng bớt mingin, nghĩa là bớt hôi hám. Lại là một từ gốc Scot khác, nhưng là một từ mà lần này đã bị người Anh chiếm đoạt để trở thành tiếng lóng thời thượng của London.

Tuy nhiên, Chánh Thanh tra Hình sự Laing vẫn gắn bó với những ngôn từ tục tằn kiêu cố của dân Glasgow. “Anh đã chui vào cái hang chết tiệt nào vậy?” Viên Chánh Thanh tra Hình sự quát vào mặt MacNeil đang bước ngang qua phòng đi đầu tra. “Vào đây.” Ông ta hung hăng chỉ một ngón tay vào phòng mình. Chẳng ai khác để ý. Đến bây giờ thì họ đã quá quen với cung cách của Laing.

MacNeil đứng ngay trước bàn giấy của ngài Chánh Thanh tra Hình sự, “Thưa ông Chánh, tôi có một vài việc cá nhân phải giải quyết.”

“Chẳng có sự việc nào được gọi là cá nhân trong ngành này cả, nhóc con ạ. Tôi vẫn nghĩ rằng đến bây giờ thì anh phải biết rõ đi đâu rồi chứ.”

“Thôi được, để hoàn toàn thành thực với ông, thưa ngài Laing, tôi không cần để ý đến cái quái gì ông vẫn nghĩ. Và nếu ông cảm thấy đó là một vấn đề

xin ông cứ tự nhiên sa thải tôi.” Anh đã nghĩ đến việc trình bày tình hình của Sean cho vị Chánh Thanh tra Hình sự, nhưng có vẻ như đi đâu đó không thích hợp vào lúc này.

Laing nhìn chăm chăm vào mặt anh, “Này MacNeil, nếu anh không muốn tôi dẹp mẹ nó cái khoản hưu bổng của anh, tôi đề nghị anh phải biết ăn nói lễ phép một chút.” Có vẻ như ông ta không nhận ra một chút phi lý nào trong điếu mình vừa nói, cho nên MacNeil phản ứng mạnh mẽ bằng một lời đáp lại, “Tôi đã có một vài điếu bức mình từ văn phòng Phó Thủ tướng vì họ đang truy tôi một lời giải thích bằng văn bản về việc tại sao một trong những sĩ quan của chúng ta đã ngăn trở công việc trên công trường Công viên Tổng Giám mục hồi sáng nay. Và tôi cũng không thể gửi cho họ bản báo cáo của ông, bởi vì tôi không có được bản báo cáo đó.”

“Nó sẽ có mặt trên bàn giấy của anh vào sáng mai.”

“Tôi muốn nó có mặt trên bàn giấy của tôi trước khi tôi nghỉ việc vào đêm nay.”

MacNeil đứng đó quan sát đồng công văn giấy tờ chôn chôn chất trên bàn giấy của mình. Báo cáo, hồ sơ, lệnh triệu tập và hàng trăm các loại phiếu ghi chú khác nhau được dán quanh khắp các mặt chiếc máy vi tính của anh cũng như dọc theo chiếc đèn bàn giấy, cùng với những ghi chú nguệch ngoạc từ hàng chục cuộc điếu tra tạo thành một chôn chôn tháp lộn ngược nằm trong chiếc khay đựng công văn chờ gửi đi của anh. Theo thông lệ thì vào giờ này văn phòng phải nhộn nhịp với nhiều hoạt động. Ngày nay ở đây không có tới nửa tá sĩ quan và thư ký ngồi tại bàn giấy của họ. Chuông điện thoại tha hồ reo bởi vì chẳng lấy đâu ra đủ người để trả lời các cuộc gọi ấy.

Trung sĩ hình sự Rufus Dawson chỉ vào một phiếu ghi dính được dán sẵn trên màn hình trước mặt MacNeil. Viên trung sĩ này là một anh chàng người Ireland to lớn tóc hung đỏ có giọng nói lai lai kỳ lạ chịu ảnh hưởng nguần gốc sinh trưởng ở New Zealand nhiều hơn so với di sản Ireland của anh ta. Vốn là một kẻ thích nói chuyện tiểu lâm thâm căn cố đế, luôn luôn có sẵn một vài câu chuyện đùa thú vị bên cạnh một nụ cười dễ lây, vài tuần lễ nay anh bỗng trở thành một người nghiêm trang bất thường. Quả tình, những ngày này chẳng có mấy chuyện có thể làm cho anh dễ cười đùa như trước. “Phil gọi về từ Đường Lambeth lưu ý về một cái tên và một địa chỉ. Tương thích với dấu vân tay được phát hiện trên tấm vé tàu điện ngầm. Anh ta cho biết thông tin chi tiết hơn sẽ được chuyển qua máy fax.” Viên trung sĩ đã sẵn sàng rời khỏi văn

phòng nhưng có đi đâu gì đó trong thái độ của MacNeil đã níu chân anh lại. Anh ta nhìn MacNeil một lúc lâu “Anh ổn chứ, ông thầy.”

“Ờ, bình thường mà. Cảm ơn nghe, Ruf.”

Anh gỡ phiếu ghi dính ấy ra khỏi máy tính rồi đọc qua dòng chữ nguệch ngoạc của Rufus. Tờ giấy có ghi một cái tên là Ronald Kazinski và một địa chỉ trong vùng South Lambeth. Anh đứng dậy và kiểm tra xem bản tin gửi qua máy fax của Phil đến chưa thì thấy bản tin ấy đã nằm sẵn trên khay công văn đến. Kazinski đã ba mươi một tuổi. Tấm ảnh căn cước mờ nhạt kèm theo các chi tiết lý lịch của đương sự cho thấy gã này có mái tóc đen nhưng thưa thớt, đôi gò má cao và cặp mắt cách xa nhau hơn bình thường. Đương sự từng làm phụ tá cho nhân viên tân liêm thi hài tại một lò hỏa táng ở phía nam thành phố trong hơn hai năm rưỡi qua. Không bao lâu trước lúc xảy ra tình trạng khẩn cấp vì dịch bệnh, y được trưng dụng phục vụ công tác của chính phủ tại trung tâm xử lý thi hài công cộng vừa được thiết lập tại bờ nam của con sông trong Trạm Điện lực Battersea từ lâu đã bị bỏ hoang. Dấu vân tay của y có trong máy điện toán của Hệ thống Nhận diện Vân tay Tự động vì đương sự đã có một hồ sơ của cảnh sát về tội oa trử đồ gian. Nay, thay vì dính líu đến đồ vật trộm cắp thì y lại liên quan đến việc xử lý xác người chết. MacNeil tự hỏi liệu tên này có phải chịu trách nhiệm về việc giải quyết năm xương của đứa bé gái Trung Hoa ở Công viên Đức Tổng Giám mục hay không. Quả là một sự trùng hợp kỳ lạ khi dấu vân tay của y lại được phát hiện trên một tấm vé xe điện ngầm được khai quật gần nơi mà bộ xương này đã được quăng xuống để phi tang. Nhưng mọi sự trùng hợp, dù kỳ lạ hay không, vẫn không phải là đi đâu mà MacNeil sẵn sàng chấp nhận.

Anh mặc áo khoác ngoài rồi dặn Rufus Dawson, “Nếu Laing tìm tôi, chú em có thể nói với ông ta là tôi đi nói chuyện với Kazinski.”

## II

Vào thời Trung cổ, địa điểm của Trạm Điện lực Battersea được gọi là Cánh đồng Battersea, một nơi được thường xuyên lui tới bởi đám du thủ du thực và bọn đầu trộm đuôi cướp. Đầu thế kỷ XIX, khu đất này được sử dụng cho việc săn bắn chim bồ câu và tổ chức các cuộc hội chợ địa phương. Người ta đ

rằng Quận công vùng Wellington và Bá tước Winchelsea đã từng có một cuộc quyết đấu tay đôi ở đây nhưng cả hai đều vô sự. Trạm điện lực, với bốn ống khói mang tính biểu tượng của nó, được xây dựng vào thập niên 1830 và kể từ đó lúc nào cũng tuôn ra những luồng khói đen ngòm dày đặc phun vào bầu không khí của thành phố trong suốt một nửa thế kỷ trước khi bị đóng cửa trong thập niên 1980. Người ta đã phải dỡ mái của trạm để mang đi những chiếc máy tuốc-bin khổng lồ, và trong gần ba chục năm trời tòa kiến trúc này chịu cảnh phơi ra ngoài sương gió. Những kế hoạch đây tham vọng của một tổ hợp tư nhân nhằm biến đổi khu đất này thành một phức hợp giải trí, bán lẻ và khách sạn, trong khi giữ lại phần kiến trúc độc đáo bên ngoài của trạm phát điện, cuối cùng đã có lệnh tạm thời xếp lại bởi chính phủ. Một hệ thống mái che tạm thời đã được lắp dựng bên trên phần chính của tòa kiến trúc này, và bốn ống khói đặc trưng của tòa kiến trúc một lần nữa lại phun khói vào bầu trời thành phố London. Nhưng lần này ở đây không đốt những tảng than đá được vận chuyển bằng những chiếc phà đi ngược dòng sông mà là đốt xác người. Những nạn nhân của cơn đại dịch. Tuy nhiên, khói tỏa ra chỉ có màu đen và lơ lửng ở mạn nam của con sông trong một bầu không khí ảm đạm, ma quái.

MacNeil lái xe vượt qua những tấm bảng quảng cáo có tác dụng che chắn địa điểm này khỏi những cặp mắt tò mò. Những tấm bảng quảng cáo đã được dựng lên bởi những nhà phát triển bất động sản trong những thời gian lạc quan hơn. Chúng tạo nên một tấm màn che kỳ lạ về những cánh đồng cùng những hàng cây xanh ngát bên dưới bầu trời trong xanh. Bên trên những tấm bảng quảng cáo ấy là những ngọn tháp xây bằng gạch đỏ của trạm phát điện vươn thẳng lên bầu trời, trông tối tăm giập dũ, và bị chọc thủng ở mỗi góc bởi những ống khói cao sơn trắng xả khói từ những lò thiêu bên dưới. Ở góc tây nam, những chiếc cột trụ cao lênh khênh đứng trơ trên những khối căn hộ đang xây dựng dở dang, về phía đông bắc, khu chợ mới Covent Garden - từng tự xưng là Ngọn Cờ ủng hộ Thực phẩm cho London - cũng bị bỏ hoang. Và suốt dọc con đường Chelsea Park, những bức tranh cổ động khổng lồ gào to những khẩu hiệu trên những con đường vắng ngát - *Cuộc Cách mạng Kỹ nghệ đã bị vượt qua; Kỷ nguyên Thông tin đã Kết thúc; và Tôi Nghĩ được thì Tôi Làm được, chào mừng Đến với Thế hệ Ý tưởng*. MacNeil ngược mắt nhìn lên đám khói lơ lửng trên đầu rồi nghĩ, chào mừng đến với địa ngục.

Anh rẽ vào Kirtling Street, cho xe chạy thẳng tới ngôi nhà ở một bên lối vào rồi dừng ngay bên ngoài những cánh cổng kim loại sơn xanh. Đối diện cánh cổng là một chiếc xe jeep của quân đội có gắn ở phía sau một khẩu súng

máy. Hai người lính ng ỡ hút thuốc lá qua những lớp mặt nạ vải. Một nhân viên an ninh mặc đ ồng phục xanh lá cây xuất hiện ở phía bên kia cổng; anh ta cũng đeo một chiếc mặt nạ vải màu trắng và giữ khoảng cách. MacNeil ra khỏi xe đứng nhìn người nhân viên an ninh qua những thanh chắn của cánh cổng. Người nhân viên an ninh hỏi to lên, “Anh có mang theo giấy tờ không?”

MacNeil xuất trình giấy chứng nhận và nói, “Cảnh sát đây. Tôi muốn nói chuyện với một người trong số các nhân viên ở đây. Một anh chàng tên là Ronal Kazinski.”

“Chờ một chút”, nhân viên an ninh trả lời. Anh ta quay lại r ỡ vào tòa nhà bên cổng. Nhìn qua cổng, MacNeil nhận ra một tòa kiến trúc thấp xây bằng những tấm thủy tinh và nhựa có những hình dạng góc cạnh kỳ lạ. Đây là nơi chứa đựng một mô hình kế hoạch của những nhà phát triển bất động sản cho cả khu liên hợp này. Nhưng không bao giờ họ tưởng tượng đi ầu này. Trên thảm cỏ gần tòa nhà ấy là hai bức tượng bằng đ ồng lớn hơn người thật. Một người đàn ông và một người đàn bà ẵm một đứa trẻ, cả hai đ ầu giờ tay lên ở tư thế chào đón. Chào đón đi ầu gì thì tùy ý nghĩ của mỗi người. Có lẽ là để chào đón cuộc sống, MacNeil th ần nghĩ. Trong trường hợp này, có đi ầu gì đó mĩa mai hơn về sự chào đón ấy. Nhưng đi ầu mà họ đã thực hiện dường như bổ sung cho những bức tranh cổ động gắng sức hô khẩu hiệu mà anh đã nhìn thấy mới lúc nãy. Có đi ầu gì đó h ầu như mang phong cách Stalin.

Một chiếc ổ khóa điện tử nhả cánh cổng và nó bắt đ ầu lăn đi từ từ để mở cổng ra. Nhân viên an ninh gọi to lên từ ngưỡng cửa căn nhà bên cổng. “Cứ lái xe vào thẳng khu vực hành chính r ỡ hỏi ông Hartson. Ông ấy là người chịu trách nhiệm.”

MacNeil lái xe vượt khỏi hai pho tượng chào đón r ỡ xuyên qua một chiếc cổng khác để vào tới khu văn phòng xây gạch nằm nửa trong nửa ngoài bức tường bao của trạm phát điện. Trên một vùng đất trống đ ầy mảnh nhựa đường vun, những chiếc xe máy đào và những chiếc c ần trục đứng im lìm, chẳng khác gì những con khủng long bị đóng băng trong thời gian. Một dãy những chiếc xe tải màu đen không mang bảng số nối đ ầu nhau ở những cổng ra vào một gian sảnh chính, chờ đợi để chuyển giao những thứ hàng hóa rừng rợn của chúng, trước khi quay lại r ỡ lao đ ầu về bất kỳ bệnh viện nào trong số hàng chục bệnh viện trong thành phố để nhận hàng, sau đó lại tức tốc trở về nơi đây. Hết như ngày xưa, những người lái đ ờ cũng chăm chỉ thực hiện công việc của họ đi qua đi lại con sông phân cách dương gian với âm phủ.

Anh đạp xe bên ngoài khu vực văn phòng rồi đẩy một cánh cửa đôi để đi vào gian sảnh chính. Một người phụ nữ ngồi tại bàn giấy nhìn anh qua chiếc mặt nạ. Anh đưa ra chiếc thẻ chứng minh của mình và nói, “Thanh tra Hình sự MacNeil muốn gặp ông Hartson. Ông ấy chờ tôi.”

Văn phòng của Hartson nằm ở trên cùng của tòa kiến trúc này. Một bức vách khổng lồ bằng kính chạy dọc một phía tòa nhà nhìn xuống tòa sảnh chính của trạm phát điện ngày xưa. Hartson là một người đàn ông ở độ tuổi sáu mươi, cao nhưng mảnh khảnh và hơi đầu; có một thái độ xun xoe đặc trưng của một người làm nghề tận liệm xác chết. MacNeil bị thu hút bởi tấm gương. Cảnh tượng ở bên dưới là một trong những đi đầu mà anh chẳng thể nào tưởng tượng được. Hàng ngàn những thân xác trần trụi được đặt chồng chất lên nhau ba lớp trên những tấm nâng hàng trải dài ngút tầm mắt, được quăng ném theo từng chồng chẳng khác gì những hình nhân bằng nhựa trong một xưởng sản xuất đồ chơi, tay chân quăn vào nhau, tỏa ra ánh sáng một cách kỳ lạ, khó mà bảo đó là con người. Khói tỏa ra từ việc phun thuốc khử trùng xóa nhòa mọi chi tiết, giống như sương mù chạy dọc theo bờ sông Thames vào một buổi sáng mùa thu. Những hình nhân trông đây vẻ ma quái mặc những bộ quần áo bảo hộ cá nhân màu xanh, gương mặt bị che lấp sau những tấm kính chắn bằng nhựa có nhuộm màu, đi tới đi lui giữa những làn khói quăn quýt của lớp thuốc khử trùng trong sự chuyển động chậm chạp, như những phi hành gia bước trên mặt trăng, bốc dỡ những thi hài từ những chiếc xe tải để chất thành từng đống vào những tấm nâng hàng cũng đã đầy phè ra. Một trong những lò thiêu ấy dường như được chỉ định để thiêu quần áo và chăn gối nệm. Thi hài người chết, vẫn còn đặt trên những tấm nâng hàng, được khéo léo di chuyển nhẹ nhàng vào ba chiếc lò thiêu khác bởi những chiếc xe nâng khổng lồ. Trong một vài khoảnh khắc khi cửa lò thiêu còn mở, ngọn lửa giữa lòng lò thiêu phả ra một luồng ánh sáng hư ảo màu đỏ cam xuyên qua lớp sương mù của khói thuốc khử trùng, trước khi những cánh cửa lò khổng lồ bằng gang đóng sập lại, sự chấn động của chúng được cảm nhận khắp tòa nhà như những cơn địa chấn.

MacNeil đưa mắt nhìn lướt qua đống thi hài bị quăng bỏ phía bên dưới, tự hỏi không biết có phải xác của Sean, đứa con trai là hậu duệ của anh, cũng đang nằm đâu đó dưới ấy đang chờ được hỏa thiêu cùng với tất cả những xác chết khác. Đó không phải là một ý tưởng dễ chịu có thể ở lâu trong đầu anh, cho nên anh quay lại rồi bước vào văn phòng.

“Cảnh tượng mang lại cho chúng ta sự tỉnh thức, phải vậy không”, Hartson nói, “Nhưng thôi, nhờ ơn Thượng đế, chúng ta đi nào.” Vị chuyên gia tử liệm xác chết bước ngang mặt MacNeil đi về phía cửa sổ; ngay lúc ấy, MacNeil trông thấy chiếc mặt nạ của ông ta ánh lên một tia sáng chớp nhoáng màu đỏ cam khi một trong những cánh cửa lò thiêu vừa mở ra để tiếp nhận thêm những đồng thi hài. Người tử liệm xác chết nói, “Tôi vẫn là kẻ sùng mộ. Một con chiên ngoan đạo.” Ông ta quay lại với MacNeil, “Bây giờ thì tôi tự hỏi...” Nhưng rồi ông ta đột ngột bỏ rơi những suy nghĩ có tính siêu hình ấy. “Ông muốn gì ở Ronnie?”

“Chỉ vài lời thôi. Ông biết rõ về anh ta chứ?”

“Tôi biết từng người một ở đây. Cái chết là một cách để mang con người ta đến với nhau. Tất cả chúng tôi đều rất thân thiết.”

“Như vậy chắc là ông biết rằng anh ta từng có tiền sự rồi chứ?”

“Ồ, tất nhiên. Hồ sơ của anh ta đã được cung cấp cho tôi khi tôi tuyển mộ nhân viên cho công việc này. Nhưng tôi nghĩ, đó là quá khứ của anh ta. Kinh nghiệm của anh ta trong việc xử lý xác chết vẫn được coi là ưu tiên. Anh ta là một thanh niên nhã nhặn. Làm việc chăm chỉ, có ý thức.”

“Ông có phiền nếu tôi mượn anh ta chừng nửa giờ để ông hỏi không?”

“Thưa ngài Thanh tra, tôi chẳng thắc mắc gì đâu. Nhưng phải đến nửa đêm mới có ca làm việc của anh ta.” Nụ cười của Hartson mang vẻ trang trọng của một người chuyên môn mang đến những tin xấu. “Ở đây chúng tôi làm việc suốt ngày đêm. Hai mươi bốn trên bảy, như những người bạn Hoa Kỳ của chúng ta thường nói.”

MacNeil lại nhìn thoáng xuống những gian đại sảnh của Diêm vương ở bên dưới, và trong một thoáng suy nghĩ, anh nhìn thấy thân xác nhỏ bé tội nghiệp của Sean, đứa con trai của anh, tí hon, méo mó, bị chèn giữa một người phụ nữ to béo và một ông già. Thế rồi hình ảnh đó lướt qua, biến mất mãi mãi trong một cơn xoáy lốc của làn khói trắng.

### III

Kaziński sống với mẹ trong một khu chung cư phức hợp được xây dựng ở rìa phía nam của vùng Lambeth. Những khối căn hộ cao thấp khác nhau được xây



cất để thu hút cư dân từ những khu ổ chuột của thành phố công nghiệp London thời thế kỷ thứ XIX, với hy vọng cung cấp cho họ một cuộc sống tốt đẹp hơn trong một thế giới mới dửng dưng. Các vị kiến trúc sư đã thiết kế những tòa nhà này có thể chỉ là những sứ giả của quỷ; vì lẽ, thay cho mục đích ban đầu, công trình này chỉ di chuyển tầng lớp lao động nghèo khổ ra khỏi những cộng đồng ban đầu của họ để mang họ đến một chỗ còn tồi tệ hơn đến mức chẳng khác gì chốn địa ngục là nơi mà đáng lẽ họ phải được thoát ra.

Ít nhất, một nửa số căn hộ đã bị bịt kín bằng các tấm ván, các cửa sổ bị đập vỡ, những thứ khác bị đốt cháy. Lớp sơn phủ trên bê-tông vỡ vụn mang theo những đường sọc đen của các vụ hỏa hoạn có bảo hiểm mà đối với nhiều người thì là lối thoát duy nhất. Quanh các tòa nhà, các khu đất trống có lát nhựa đường đầu vương vãi kính vỡ và những lon bia rỗng, một cảnh quan được làm nổi bật bởi những chiếc xe bị đốt cháy, trông như xác của quá nhiều súc vật chết. Mảnh vụn của những dụng cụ gia đình bị thải loại - nệm cũ, quần áo không dùng đến, đồ cũ hư hỏng - bị cuốn dạt lên những đoạn đường dốc và các lối đi, chẳng khác rong rêu trên bãi biển sau một trận bão. Đèn đường bị đập nát, nhiều cột đèn điện đã bị phá hủy gãy gập xuống. Khi màn đêm buông xuống, đây là một khu vực cấm lui tới, tối tăm và đầy nguy hiểm. Và đó chính là thế giới mới dửng dưng.

MacNeil đậu xe trên đường rồi đứng nhìn qua những cánh cổng mở của khu nhà. Thật khó để tin rằng còn có ai đó sinh sống ở một nơi như thế này. Thế mà anh vẫn có thể nhìn thấy, dọc theo những lối đi có mái che ở mỗi tầng, có những cửa ra vào vừa được sơn lại cùng với những cửa sổ có những tấm rèm che màu trắng trông sạch sẽ. Giống như thỉnh thoảng vẫn còn một vài chiếc răng tốt trong một cái miệng đầy những răng sâu. Bên kia đường quả thực là có một khối nhà nhiều tầng đã hoàn toàn bỏ hoang. Tầng ô cửa sổ một đầu bị bịt kín bằng ván ép, những cuộn dây thép gai được giăng khắp chu vi tòa nhà.

Thủy tinh vỡ vụn dưới chân khi anh đi ngang qua một khu vui chơi trẻ em, nơi mà hẳn là những bản vẽ của các kiến trúc sư đã mô tả một cuộc tụ tập vui vẻ của những đứa trẻ thuộc nhiều nền văn hóa khác nhau đang cùng nhau tham gia một trận đá bóng. Kể cả nếu như đi đâu đó từng là một thực tế, thì sự kiện đó cũng đã trôi qua lâu rồi.

MacNeil có một cảm giác kỳ lạ về một điềm báo trước khi anh bước vào khối nhà có căn hộ của Kazinski. Không có đến một dấu hiệu đơn độc của

cuộc sống. Thế giới này mang lại cảm tưởng cứ như một con tàu mà thuyền trưởng đã ra lệnh bỏ tàu, nhưng không một ai nói cho MacNeil biết.

Khu vực cầu thang sực nức mùi nước tiêu, mùi bia thiu cùng với mùi của một vài thứ khác mà anh không thể xác định được. Các bức tường hầu như bị che lấp hoàn toàn bởi những hình vẽ nguệch ngoạc kiểu nghệ thuật đường phố. Anh nghe thấy tiếng bước chân của mình vang vọng đến tận tầng sáu. Lên đến tầng thứ hai, anh rẽ vào lối đi mở chạy dọc phía bên ngoài dãy nhà dẫn đến các căn hộ riêng lẻ. Mọi lối ra vào phụ của các căn hộ đều đã được bít kín bằng ván ép. Những căn hộ khác có trước cửa những dấu chữ thập thô thiển được vẽ vội bằng sơn đỏ để cảnh báo rằng ngôi nhà ấy đã bị cúm đến viếng, một sự trở lại kỳ lạ, đáng sợ giống hết thời có đại dịch hoành hành. MacNeil tự hỏi, có đi đâu bất hạnh nào ẩn nấp đằng sau những cánh cửa này?

Căn hộ của Kazinski mang số hai mươi ba. Cánh cửa ra vào đã được sơn mới. Có một hộp thư hình trụ sơn đỏ. Để che đi dấu hiệu của bệnh cúm chẳng? Hay để canh giữ chống lại nó? MacNeil chẳng có cách nào biết rõ lý do. Trước cửa có một chiếc dùi gõ bằng thau bóng lộng đặt ở độ cao ngang đầu; anh đập vào nó ba lần. Một lúc sau, anh thấy tấm màn treo ở cửa sổ phía bên trái rung động.

“Ông cần chi?” Một giọng phụ nữ khàn khàn cất lên từ sau tấm kính.

“Cảnh sát đây, thưa bà Kazinski. Tôi muốn nói chuyện với con trai của bà.”

“Ông vui lòng cho xem thẻ hành sự.” Đây là một người đàn bà đã từng có công việc phải đối phó với cảnh sát.

MacNeil lấy giấy chứng nhận của mình ra rứt nhét nó vào cửa sổ. Bức màn được gạt sang một bên, và dưới ánh sáng ban ngày rọi vào, MacNeil nhìn thấy gương mặt nhăn nheo nhợt nhạt của một người phụ nữ ở độ tuổi ngoài năm mươi, có nét sắc sảo nhưng trông héo hon, sự thừa kế gen di truyền của nhiều thế hệ nghèo khổ. Tấm màn cửa rơi trở lại vị trí cũ.

“Nó không có nhà.”

“Đừng bịa chuyện với tôi, bà Kazinski ạ.” Anh biết bà ta sẽ không mở cửa cho mình, và sẽ mất khá nhiều thời giờ để có được trát bắt cùng với vài viên sĩ quan buộc cánh cửa này phải mở ra.

“Con tôi đi làm từ sáng sớm nay rồi.”

“Phải đến nửa đêm, anh ta mới có ca làm việc.”

“Không phải. Nó bảo với tôi là nó bắt đầu ca làm việc vào giữa trưa.”

“Vậy thì anh ta đã nói dối bà đấy, bà Kazinski ạ. Tôi vừa từ Battersea đến đây.”

“Không, thằng Ronnie nhà tôi vẫn là một đứa con trai ngoan.”

“Thế tối qua anh ta có nhà không, hay là anh ta ở chỗ làm việc?”

Bà ta ngập ngừng, rõ ràng không biết nên trả lời thế nào cho ổn.

“Sáng nay anh ta đi làm lúc mấy giờ, thưa bà Kazinski?”

“Tôi không rõ, lúc ấy là đã muộn. Ý tôi nói là nó đi sớm, khoảng năm hay sáu giờ. Tôi còn ngủ. Đêm qua nó có ca lúc năm giờ. Họ làm việc suốt mười hai giờ.”

“Ngày hôm qua anh ta được nghỉ. Họ đã cho tôi biết tại trạm phát điện.”

“Không!” Anh nghe có sự bối rối trong lời phủ nhận của bà ta. Sự tổn thương trong giọng nói. Tại sao con trai bà lại nói dối với mẹ nó chứ? Lúc này MacNeil tin rằng bà ta đã nói sự thật. Rằng Kazinski thực sự hiện không có nhà, và rằng bà ta cũng không biết rằng con trai mình đi đâu nếu nó không đi làm. “Nó đã làm việc gì vậy?”

“Thưa bà Kazinski, tôi cũng không biết anh ta đã làm đi đâu gì. Tôi chỉ muốn nói chuyện với anh ta thôi. Tất cả là vậy.”

“Nhân viên công lực các anh chẳng bao giờ chỉ muốn nói chuyện không mà thôi.” Bà ta chuyển cơn giận và sự tổn thương vì sự dối trá của con mình để hướng sang tấn công MacNeil. Đó là đi ầu mà anh đã quá quen thuộc. Luôn luôn là lỗi của cảnh sát khi những người mà bạn yêu thương lâm vào chuyện rắc rối.

“Bà có thể nói với con mình rằng tôi đang tìm anh ta.” MacNeil gấp tấm thẻ chứng nhận của mình rồi nhét vào một chiếc túi trong. “Và có lẽ bà cũng nên hỏi anh ta xem anh ta đã làm gì vào tối qua khi anh ta nói dối bà là đi làm việc.” Anh thọc tay vào túi áo khoác rồi đi ngược lại dọc theo khu vực cầu thang. Lời nguyền rửa của bà Kazinski đuổi theo anh dọc lối đi. Nhưng mặc dù vậy, bà ta vẫn không mở cửa ra trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Kể cả để chửi rửa sau lưng anh.

Cách cầu thang vài bước chân, anh đã nghe được tiếng chân bước nhộn nhịp, những giọng nói thì thầm trong bóng tối ở phía xa xa, anh liền dừng lại và hỏi, “Ai đó?”

Một tên thanh niên gầy gò xuất hiện tiến vào lối đi. Mái tóc của hắn chải keo dựng lên tua tủa như những mũi gai nhọn, một chiếc khăn hình tam giác nửa xanh nửa đỏ che cả mũi và miệng. Phần trán ngay phía trên chiếc khăn ấy

nổi đầy mụn. Tên này mặc một chiếc áo len tay dài có mũ trùm đầu trông gấp đôi khổ so với thân hình của hắn và một chiếc quần kaki loại chở hàng có đũng quần dường như thụng xuống tận đầu gối. Từ một bàn tay có hình xăm thô thiển những chữ cái trên từng khớp đốt ngón tay, thằng nhóc này nắm một cây gậy bóng chày đã bị sờn mép lưng lẳng gôn sát mặt đất. Ba tên thanh niên khác, trong đó có một tên da đen, tiến ra phía sau Mặt Mụn, tất cả đều đeo khăn rằn có cấn gậy đánh bóng chày hoặc xà beng.

Một tiếng động phía sau khiến anh quay lại và thấy hai tên thanh niên khác xuất hiện từ một ô cửa đã được vẽ nguệch ngoạc những vết sơn đỏ. Anh cảm nhận được thái độ thù địch trong những ánh mắt nhìn chằm chằm về phía mình và anh biết anh đang gặp rắc rối. Anh liếc nhìn phía bên cạnh lối đi. Ngay cả nếu anh có thể sống sót sau một cú nhảy thì đôi chân anh cũng gãy nát.

“Mày muốn gì ở Ronnie vậy?” tên thanh niên mặt mụn hỏi.

“Bọn này có chút chuyện làm ăn”, MacNeil trả lời, hy vọng rằng có thể Ronnie có quan hệ với bọn nhóc này và nhờ thế chúng có thể để mặc cho anh yên nếu chúng nghĩ rằng anh là bạn của một kẻ từng phạm tội.

“Thế à, có vẻ vậy đó”, Mặt Mụn nói. “Mày không phải là thứ cóm chết tiệt à. Đờm mã tà chết tiệt.” MacNeil không trả lời. Mặt Mụn hướng về túi chiếc áo khoác của MacNeil và gật đầu, “Cũng có thứ đó chứ hả, có hay không?”

“Có cái gì?”

“Thứ thuốc chết tiệt đó, đờm cá sặc.”

“Tôi không có thuốc.”

“Tất nhiên là mày có chứ. Chúng cung cấp cho tất cả bọn mày mà. Mọi tên cóm đầu được cấp thuốc, có phải vậy không. Cái thứ FluKill chết tiệt ấy!”

“Có thể.”

“Vậy thì đưa thuốc cho tụi này?” Thằng nhóc Mặt Mụn chìa tay ra.

“Tôi sẽ cho chú em thuốc FluKill của tôi nếu chú em cung cấp cho tôi một vài thông tin. Vụ này gọi là trao đổi sòng phẳng, có phải vậy không?” MacNeil cố gắng để kiềm cho giọng nói của mình không run rẩy.

Mặt Mụn cau mày, “Mày tìm kiếm thứ thông tin chết tiệt nào vậy, mã tà?”

“Tôi muốn biết Ronnie đã đi đâu khi mà anh ta không đi làm.”

Mặt Mụn nhìn MacNeil như thể anh là kẻ mất trí, “Mày muốn gì?”

“Tôi muốn biết anh ta lang thang chốn nào.”

“Sssa Câu lạc bộ Băng Đen, phải thế không?” tên nhóc da đen lên tiếng.

“Ngậm cái mồm mày lại”, Mặt Mụn nói với tên nhóc da đen.

Trong một khoảnh khắc, MacNeil quên bẵng tình thế tuyệt vọng của mình, “Ở Soho à? Tất cả những hội quán ở đó đã bị đóng cửa cả nhiều tuần lễ nay rồi.”

“Mày muốn tìm kiếm điều gì vậy, hử?” Một nụ cười lạnh lẽo khiến đôi mắt của Mặt Mụn nheo lại. “Chẳng phải là mày đang tìm kiếm những chuyện chết tiệt ấy, có đúng thế không?” Thằng nhóc lại đưa bàn tay ra một lần nữa. “Thôi, hãy khạc ra đi.” Thế rồi thằng nhóc găm lên với trò đùa của chính nó, “Cũng tếu chứ, hả.”

“Xin lỗi”, MacNeil nói, “E rằng lúc nãy tao nói xạo.”

“Mày nói cái gì?” Mặt Mụn làm ra vẻ bối rối.

“Tao chẳng có viên FluKill nào cả.” Ngay đó, anh vung nắm đấm bằng tay trái của mình vào thẳng mặt thằng nhóc. Anh biết anh cần phải ra tay trước, tấn công lúc chúng không phòng bị, nếu anh muốn thành công. Anh cảm nhận được răng và xương gãy vụn dưới nắm đấm của mình và ngay lập tức rùn người xuống để chụp lấy chiếc gậy đánh bóng chày khi nó rơi ra khỏi bàn tay của Mặt Mụn. Anh nắm lấy chiếc gậy bằng cả hai bàn tay rồi vung mạnh ra chung quanh. Đầu cây gậy đánh bóng chày đập thẳng vào một bên đầu của một thằng nhóc đứng phía sau anh và nó ngã xuống như một bao than. Ô cửa ra vào ở phía bên phải MacNeil đã được bịt kín bằng những tấm ván ép. Dùng hết sức mạnh, anh đá thẳng vào tấm ván ấy khiến nó vỡ vụn ra từng mảnh rơi vào bóng tối giữa một đám mây bụi. MacNeil lao qua ô cửa rơi vào một nơi bất định; phía sau lưng anh, những kẻ tấn công anh cất lên những âm thanh đầy giận dữ và đau đớn.

Anh lọt vào một hành lang dài mà ở đó những tấm ván sàn đã bị bóc lên không biết tự bao giờ. Anh phải chạy từ thanh rãnh này qua thanh rãnh khác rồi chuyển qua một lối ra vào khác. Từ đó, anh có thể có được một vị trí phòng ngự. Bọn tấn công anh chỉ có thể tiếp cận anh từng đứa một. Thế rồi kẻ đầu tiên trong đám đó xuất hiện, hét lên như một tên mất trí. Một thanh xà beng cắm phập vào bức tường thạch cao phía sau đầu MacNeil. Anh còn không kịp nhìn thấy nó được phóng ra từ đâu. Anh vung chiếc gậy đánh bóng chày của mình lên đập thẳng vào miệng thằng nhóc da đen khiến nó ngã về phía sau, máu chảy ra từ đôi môi dập nát. MacNeil dùng hết sức mình giữ cho thanh đỡ cửa không rơi xuống và chờ đợt tấn công kế tiếp. Thế nhưng đợt

này đã không xảy ra. Thằng nhóc da đen, vẫn còn rên rỉ, lão đảo lù ra sau vùng tối để thoát ra được ở lối đi. Anh nghe thấy những giọng nói thì thầm, thế rồi có kẻ nào đó chửi rủa rầm rĩ. Thế rồi là im lặng.

Tất cả những gì mà MacNeil có thể nghe được vào lúc ấy chỉ là tiếng thở hổn hển của chính mình trong bóng tối. Khi cặp mắt của anh đã quen với bóng tối ấy, anh nhìn quanh căn phòng phía sau. Ở đây những tấm ván sàn cũng đã bị rút mất. Có một tấm nệm rách nát trồi lên ở một góc và những phần còn lại rỉ sét của một chiếc giường cũ. Một ô cửa sổ nhìn ra lối đi cũng đã bị bịt kín bằng ván ép. MacNeil sờ soạng tìm chiếc điện thoại. Anh có thể gọi cứu viện nhưng đi đâu đó cũng mất nhiều thời gian, và anh không biết mình có thể chống đỡ được với đám nhóc này trong bao nhiêu lâu. Nhưng ngay cả để gọi một cuộc điện thoại, anh cũng không có đủ thời giờ. Một âm thanh nghe như tiếng rú rít xuất phát từ hành lang, cùng với một vầng sáng chói lòa của một luồng ánh sáng trắng chập chờn. Một bó giẻ rách thấm đẫm dầu lửa đang bùng cháy. MacNeil đã có thể ngửi thấy mùi khói, rồi một đám khói đen dày đặc ngay lập tức đẩy anh chạy ngược vào phòng. Thật là điên rồ. Bọn chúng không quan tâm đến việc chúng có thể đốt cháy toàn bộ tòa nhà.

Anh phản ứng hoàn toàn theo bản năng, bởi hoảng loạn cũng như bởi tất cả mọi lý do khác, vội vàng lao ra khỏi cửa sổ. Cả một tấm ván tự xé ra khỏi những hàng đinh trước đây vẫn giữ nó lại, và MacNeil nhảy qua khung cửa sổ ấy cùng với tấm ván ép, co cả hai đầu gối lên sát ngực, che lấy vai và đầu trong lúc rơi tự do xuống. Anh rơi ngay vào đầu của một trong những kẻ tấn công mình, tấm ván là chướng ngại vật che chắn cho anh trước bọn chúng; anh nghe được tiếng không khí bị ép từ buồng phổi của thằng nhóc ấy trong một cơn nôn ọe đầy đau đớn. MacNeil không chờ để nhìn xem thằng nhóc đó là đứa nào. Anh vội vàng đặt chân xuống sàn rồi chạy vội về phía cầu thang, đôi chân hầu như oằn xuống. Trong lúc hoảng loạn, anh đã bỏ mất chiếc gậy đánh bóng chày. Nhưng không hề gì. Bây giờ anh đã đến được cầu thang và anh cứ thế lao xuống ba rồi năm bậc thang một. Sau lưng, anh vẫn có thể nghe được hò hét rú rít của đám thanh niên, đòi trả nợ máu và rửa hận. Nếu bị bọn chúng bắt, chắc chắn anh không thể sống được.

Anh đã có thể nhìn thấy ánh sáng ban ngày chiếu xuyên qua ô cửa mở ngay dưới chân cầu thang. Một nửa thân thang nữa, và một khi đã ra đến bên ngoài, anh có thể chạy nước rút đến chiếc xe.

Anh hít vào đây một buồng phổi làn không khí trong lành ngọt lịm khi phóng thẳng ra ngoài để vào được khu đất trống trước tòa kiến trúc; ngay lúc

ấy một chiếc gậy đánh bóng chày đập thẳng vào ngực anh khiến ý định của anh hoàn toàn phá sản. Động lực của cú nhảy khiến anh lăn đi mấy bước nữa trước khi anh rơi vào giữa đồng kính vỡ để lập tức cảm nhận được kính cắt sâu vào lòng bàn tay và gò má. Anh lăn qua một bên để thấy một tên da đen cao lênh khênh mặc một chiếc quần jean ống túm nhìn xuống nhăn nhó cười vào mặt anh, chiếc khăn rằn của tên này được kéo xuống đến cổ. Ba tên khác xuất hiện từ khu vực cầu thang phía sau anh và nhanh chóng rút ngắn khoảng cách. Mặt Mụn đã vứt bỏ chiếc mặt nạ, gương mặt đầy máu đã khô quanh mũi và miệng. Lúc này hắn cầm theo trong tay một thanh kim loại, cặp mắt chất đầy giận dữ và thù hận.

MacNeil nằm trên mặt nhựa lát đường, chống người trên một khuỷu tay, vẫn tiếp tục cố gắng để lấy hơi. Anh biết rằng mình không có cách nào đến được chiếc xe hơi trước khi rơi vào tay bọn chúng. Đám nhóc này như một bầy thú hoang dại bị thương. Chúng có trang bị vũ khí và quyết tâm giết anh.

Mặt Mụn khẳng định ý đồ của hắn, “Mày tiêu rồi, thẳng mã tà chết tiệt.” Hắn nâng thanh sắt đã được nắm chặt trong lòng bàn tay rồi bước từng bước một về phía MacNeil. Thế rồi tự nhiên ngực hắn vỡ tung ra trong một tia chất lỏng màu hồng. Tên thanh niên ấy chỉ có vừa đủ thời gian để ghi nhận sự bất ngờ, trước khi đổ xuống về phía trước nằm sấp mặt xuống đất không kịp thốt ra một âm thanh nào. Vũ khí của hắn rơi xuống khua vang khi chạm vào những phiến đá lát đường.

MacNeil nhìn thẳng nhóc ấy với sự sửng sốt. Anh không có một ý niệm nào về việc gì vừa xảy ra. Những tên khác cũng đứng sững lại trong một sự nghi hoặc tột độ. “Cái chết tiệt gì...” Tên nhóc da đen, kẻ đã đập chiếc gậy đánh bóng chày vào ngực MacNeil, dợm chạy về phía tên bạn hắn vừa nằm xuống, thế nhưng nửa đầu bên phải của hắn bỗng biến mất. Hắn xoay người lại, ngã ngửa ra phía sau, một con mắt còn lại nhìn trừng trừng vô hồn vào đám mây trên cao.

“Lạy Chúa Jesus, đồ chết tiệt; nó đã bị bắn rồi, đồ chết tiệt!” MacNeil nghe một tên trong đám ấy gào lên, “Nó bắn đấy.” Thế rồi anh nghe tiếng bọn nhóc chạy nước rút theo nhiều hướng khác nhau, giống như bầy thú chạy tán loạn trước tiếng nổ chát chúa từ một khẩu súng trường của người thợ săn. Đám trẻ biến mất trong khoảnh khắc trong khi MacNeil bị bỏ nằm lại bơ vơ với hai đứa trẻ nằm chết ngay dưới chân mình. Anh quay người rồi nhanh chóng quỳ trên hai đầu gối, vẫn cúi mình xuống tại chỗ, cặp mắt lóe sáng nhìn dọc những khối chung cư chung quanh hiện lên trên nền trời, cố gắng phát

hiện tay thiện xạ, tự hỏi xem có phải chính mình là đích nhắm kế tiếp của kẻ đó hay không. Thế nhưng anh không nhìn thấy ai và cũng không có phát súng thứ ba. Anh đứng trên đôi chân còn run rẩy rồi nhìn hai người thanh niên nằm trong vũng máu đang từ từ đông lại. Anh nhăn mặt vì cơn đau lan khắp ngực rồi hít một hơi mạnh mẽ. Anh đặt một tay lên ngực rồi ấn nhẹ. Anh không nghĩ rằng lại có một chiếc xương sườn nào bị gãy, nhưng anh biết là toàn thân anh đang bần dập.

Khi bước về phía chiếc xe của mình, anh lướt mắt nhìn một lượt những tòa kiến trúc bị bỏ hoang một phần vẫn còn đứng sừng sững ở chung quanh. Người nào đó, ở một vị trí nào đó từ một trong những căn hộ bỏ hoang này, đã cứu sống anh. Anh không hề có một ý niệm nào là vì sao, và chỉ mãi về sau anh mới cảm thấy có sự kỳ lạ khiến anh choáng váng là anh hoàn toàn không nghe thấy tiếng súng nào.

Anh ngẩng thụp xuống sau tay lái xe rồi rút điện thoại ra.



## CHƯƠNG MƯỜI

Xuyên qua những thanh gỗ mỏng, Pinkie chăm chú quan sát khi MacNeil ngó vào sau tay lái xe. Hắn có thể nhìn thấy môi người đàn ông ấy nhấp máy khi anh ta nói vào chiếc điện thoại, và hắn còn có thể tưởng tượng ra viên cảnh sát ấy đang nói những gì. Pinkie nghĩ rằng có lẽ hắn có khả năng đọc được từ đôi môi của viên cảnh sát.

Một lần nữa, hắn tựa nòng khẩu súng trường của mình lên bậu cửa sổ rồi đặt cầm lên phần bá súng bằng gỗ để hắn có thể nhìn xuyên qua ống ngắm. Hắn đi đầu chỉnh chỉ chữ thập của ống ngắm vào ngay miệng của MacNeil, nhưng khuôn mặt anh bị che khuất một phần bởi sự phản chiếu. Ngón tay của Pinkie vuốt ve cò súng. Dễ dàng biết chừng nào, chỉ cần siết chặt cò súng thật nhẹ nhàng, rồi nhìn gương mặt người đàn ông ấy biến mất ngay trước mắt mình, hết như mấy gã trai gốc ghêch nọ bên kia đường.

Nhưng ngài Smith đã dặn dò hắn rằng bất kỳ việc gì xảy ra đối với viên sĩ quan đi điều tra này thì cũng chỉ kéo theo sự chú ý không mong muốn. Và lại, dù sao đi nữa, cách mà bọn nhóc kia kéo bè kéo cánh chống lại viên cảnh sát này hoàn toàn không thích đáng. Sáu chống một. Chẳng có chút tinh thần hào hiệp nào. Mà Pinkie luôn ủng hộ kẻ thất thế. Hắn vẫn thích một người đàn ông chiến thắng khi chống lại những kẻ có lợi thế. Hắn đã quan sát toàn bộ từ khi sự kiện này diễn ra trên lối đi, chẳng cách nào bắn được một viên đạn. MacNeil đã thật can trường để thoát ra được khu vực cầu thang, và một khi bọn nhóc phời người ra khoảng trống, chúng đã trở thành những bia thịt. Hắn thực sự thích thú sự sùng sốt của bọn chúng. Và sau đó là nỗi sợ hãi. Còn MacNeil? Sự biểu hiện của viên cảnh sát này là cả một niềm vui cần phải chú ý để nhìn thấy cho kỹ. Thật là vui trong việc mang lại cuộc sống cho người đàn ông này. Hầu như còn vui hơn là để cho mạng sống của anh ta bị lấy đi. Nhưng đi đâu khiến cho toàn bộ sự việc này trở nên ngọt ngào hơn, chính là sự bối rối của MacNeil. Anh ta hoàn toàn

không biết gì hết. Anh ta không thể có được một ý niệm nào về việc bằng cách nào, hoặc tại sao, mà anh ta vẫn còn sống. Và sẽ không bao giờ.

Pinkie thu khẩu súng trường của mình lại, rồi bắt đầu cả một quy trình tỉ mỉ và chậm chạp của công tác tháo rời khẩu súng, tiếp theo âu yếm lau từng bộ phận bằng một miếng vải thấm dầu, sau đó đặt từng bộ phận ấy vào lại đúng vị trí đã được quy định trong chiếc hộp có lót nỉ. Người ta bảo rằng đôi khi một bộ phận hãm thanh sẽ làm giảm độ chính xác theo khoảng cách. Nhưng chưa bao giờ Pinkie thấy như vậy. Hắn chưa bao giờ bắn ra một phát đạn nào mà hắn nghĩ rằng sẽ có rủi ro trật mục tiêu. Và hắn chưa bao giờ bắn trật.

Nếu một nhiệm vụ đáng được thực hiện, nhiệm vụ ấy đáng được thực hiện tốt.

Hắn đánh giá cao những điều đơn giản ấy, những điều mà mẹ hắn đã dạy. Bà ấy có sự khôn ngoan trước tuổi. Điều sai lầm duy nhất của bà là ở những người bạn mà bà đã kết giao. Những người đàn ông nối tiếp nhau đến nhà chưa bao giờ đối xử tử tế với bà. Hắn có thể nhớ là đã nghe bà khóc vào cái đêm mà sự việc ấy xảy ra. Một sự thiếu phán đoán về phần bà. Nhưng Pinkie luôn luôn thích tưởng tượng rằng đó chỉ là vì bà đã quá tin tưởng. Luôn luôn bà chỉ thấy được phần tốt đẹp nhất ở con người. Nhất là đứa con trai của bà, đứa con yêu quý của bà.

Hắn nhìn quanh căn phòng phía trước căn hộ ở tầng mười này, ánh sáng ban ngày đang mờ dần tiếp tục đổ xuống thành những dải bóng mờ trên sàn nhà đầy rác. Bằng chứng về những kẻ sa cơ lỡ vận, hay đám nghiện ma túy, thể hiện trong những chiếc lon và những mẩu đầu thuốc lá nằm rải rác, những bộ quần áo bẩn thỉu dãn đống ở một góc xa, tấm nệm trên sàn nhà. Có lẽ những con người của bóng tối này sẽ trở lại đây khi trời tối. Pinkie không thích việc phải có mặt ở đây khi đã có kẻ khác ở đây. Ai biết được đám người ấy có thể mang theo trong người những kiểu ô nhiễm nào. Trong khi Pinkie là gì nếu không phải là một kẻ cực kỳ kỹ tính? Hắn không thích sự tiếp xúc của con người dưới bất kỳ hình thức nào. Chỉ riêng cái việc phải có mặt ở nơi này đã khiến hắn cảm thấy ô ứ. Hắn chỉ mong được tắm và thay quần áo ngay khi hoàn cảnh cho phép.

Cho đến khi có được hoàn cảnh như vậy thì hắn vẫn bị kẹt ở đây, bao lâu mà MacNeil còn có mặt tại hiện trường.

Hắn đóng sập chiếc hộp bóng lưỡng có chứa những bộ phận chuyên môn trong nghiệp vụ của mình lại rồi ngồi xuống chờ đợi.

Phải mất đến gần hai mươi phút sau các nhân viên công lực mới có mặt cùng với một chiếc xe cứu thương và một chiếc xe tải không gắn phù hiệu gửi đến hai người đàn ông và một người đàn bà mặc trang phục bảo hộ màu trắng có phát quang. Pinkie lại quan sát khi MacNeil trò chuyện với họ, hắn thấy cả toán tụ tập chung quanh thi hài hai đứa trẻ ở khối nhà đối diện, trước khi quay lại nhìn theo hướng ngón tay chỉ của MacNeil. Ngay lập tức, Pinkie có cảm tưởng mình bị phát hiện như thể đám người bên dưới có thể nhìn thấy hắn, và vội vàng lui ra khỏi những tấm ván trước cửa sổ. Một hành động theo phản xạ. Tất nhiên, họ chẳng thấy gì cả.

Đèn đường đã bật sáng và hoàng hôn nhanh chóng buông xuống. Một vài căn hộ còn có người ở trong khu chung cư này đã lên đèn, những người dân trong tâm trạng hoảng loạn rón rén nhìn sâu vào khung cảnh ảm đạm bên ngoài trước khi vạch rèm cửa và mở máy truyền hình để tìm cách quên đi thế giới hiện thực.

Khi nhìn lại, Pinkie thấy MacNeil bắt đầu bước về chiếc xe của anh. Hắn nghĩ, đã đến lúc đi khỏi nơi đây. Hắn thu dọn đồ đạc rồi vội vàng bước xuống cầu thang không một bóng người. Vào lúc hắn xuất hiện ở khu vực phía sau tòa nhà, một thời được dành làm chỗ đậu xe của dân trong chung cư, thì chiếc xe của MacNeil chuẩn bị rẽ sang lối khác ở cuối con đường. Trong ánh hoàng hôn lạnh lẽo, một vệt sáng ở đuôi xe lóe lên khi MacNeil đạp thắng để chuyển hướng xe.

Pinkie cất hộp dụng cụ vào khoang hành lý rồi khởi động chiếc xe BMW của ngài Smith. Tiếng máy xe cất lên thật êm, những chiếc ghế da mềm mại mang lại sự thích thú nhẹ nhàng. Hắn cẩn thận đi lùi khiến chiếc xe chầm chậm đi vào lối dẫn ra con đường phía sau tòa chung cư. Hắn cho xe queo trái rồi lại queo trái nữa, cuối cùng hắn thở ra một hơi dài thỏa mãn khi trông thấy chiếc xe của MacNeil đang chạy phía trước. Với may mắn, viên cảnh sát kia sẽ dẫn hắn đến thẳng chỗ mà Kazinski đang có mặt, nhờ thế cuộc sống vô dụng của hai thằng nhóc trong chung cư hóa ra lại có một chút ý nghĩa trong cái chết của chúng.

## CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Tờ tối trên con đường Kennington, tất cả những ánh đèn dọc theo dờn cảnh sát hắt xuống con đường vắng lặng ở bên dưới, phản chiếu trên những chiếc cửa sổ tối tăm của các cửa hàng và nhà hàng phía đối diện.

Laing vẫy tay ra hiệu cho MacNeil ng ỏ vào một chỗ r ỏ đóng cửa lại. Bảy giờ đã có nhiều người hơn trong văn phòng của các đi ều tra viên. Đã gần bảy giờ r ỏ, thời điểm của việc đổi ca. Một cuộc tập hợp chóng vánh của các sĩ quan và nhân viên, những người chỉ thỉnh thoảng mới gặp nhau khi lịch trực công tác của họ bị phân tán. Và chỉ trong vài phút nữa, giờ giới nghiêm sẽ bắt đầu trên toàn thành phố. Một tín hiệu cho phần lớn dân chúng khóa chặt nhà của họ vào ban đêm r ỏ chờ đợi lúc trời sáng. Đ ồng thời cũng là một tín hiệu khác cho những kẻ khác xuất hiện dưới sự che chở của bóng tối để lao vào các hoạt động bạo lực của việc cướp bóc và phá hoại. Đó không phải là thời gian để bất kỳ những người tử tế nào muốn ra ngoài đường.

MacNeil đã dành suốt hai giờ đ ồng hồ còn lại để viết báo cáo về đ ồng xương được tìm thấy trong Công viên Đức Tổng Giám mục và hai thanh niên bị bắn chết ở khu dân cư thuộc vùng South Lambeth. Laing cũng vừa hoàn tất việc đọc kỹ những bản báo cáo ấy, cặp kính đọc sách hình bán nguyệt còn chễm chệ trên chóp mũi. Viên Chánh Thanh tra Hình sự lắc đầu r ỏ thốt lên, “Quái lạ, thật hết sức quái lạ.”

“Đi ều gì vậy, thưa sếp?”

“Máy thằg nhóc bị bắn đó. Không phải là những phát súng bất chợt nào đó, một thằg điên nào đó trong tay có cần khẩu súng. Đây là một vụ nổ súng rất chuyên nghiệp. Một vũ khí chuyên nghiệp trong những bàn tay chuyên nghiệp.” Ông chăm chú nhìn MacNeil với thái độ thăm dò. “Anh có nghĩ rằng có một sự liên quan nào đó không?”

“Vớ Kazinski à?” Laing xác nhận, và MacNeil lắc đầu. “Tôi không thể thấy làm thế nào để có sự liên quan được. Chẳng ai biết tôi sẽ đến đó, hoặc vì lý do gì.” Anh đã có thời gian trong những lúc cách quãng giữa các sự

kiện để suy nghĩ về điếu ấy, và thực sự là anh có chút hoảng sợ. Kẻ nào đó đã cứu mạng anh. Kẻ nào đó đã bắn mấy thằng nhóc ấy để ngăn chúng đánh anh bần dập với những thanh sắt và những cây gậy bóng chày. Nếu không có kẻ đó thì vào lúc này, chính MacNeil đang nằm trên bàn khám nghiệm tử thi của Tom Bennet, thay vì mấy thằng nhóc. Anh còn có thể tưởng tượng rằng điếu đó sẽ mang lại cho Bennet sự hài lòng đến mức nào.

“Vậy, đúng là đã có một vị thần hộ mệnh nào đó canh chừng cho anh, phải vậy không?” Laing nói.

MacNeil chỉ có thể nhún vai. Thật là dễ dàng để tay súng đó cũng có thể bắn cả anh nữa. Từ một căn hộ trống nào đó trong khu nhà bỏ hoang đối diện, từ nơi mà hẳn là kẻ đó đã theo dõi ngay cả trước khi MacNeil đến. Nhưng theo dõi vì điếu gì? Lúc bấy giờ, kẻ đó làm cái quái gì ở đó vậy?

Trong những tình huống bình thường, các căn hộ ở đó sẽ bị niêm phong, và các sĩ quan được tung vào để lục soát từng ngõ ngách một cho đến khi họ tìm thấy cao điểm khống chế của tay súng. Thế rồi sau đó pháp y sẽ bổ sung cho nó bằng cách lũng sục bất kỳ bằng chứng nhỏ nào có thể còn sót lại tại hiện trường. Nhưng chỉ là họ không có đủ nhân lực, và đêm tối cùng với giờ giới nghiêm đang đến gần sẽ chỉ mang lại những điếu rắc rối. Có lẽ Laing sẽ ra lệnh tiến hành một kiểu lục soát nào đó vào buổi sáng. Nhưng trong mọi trường hợp, điếu đó sẽ không còn là bất kỳ công việc nào của MacNeil. Chỉ trong mười hai giờ đồng hồ nữa, anh sẽ không còn là một sĩ quan cảnh sát. Anh sẽ chỉ là một viên cựu cảnh sát, một người đã từng là cha, đã từng là chồng. Đối với anh, mọi chuyện đều lùi về phía sau, chỉ có sự bất định vẫn còn trước mắt.

Laing chìa bàn tay ra. “Tôi sẽ thu hồi những viên thuốc đó ngay bây giờ, Jack ạ.”

Phải mất một lúc để MacNeil kéo mình trở về với thực tại và nhận ra điếu mà Laing vừa yêu cầu. Anh lắc đầu. “Tôi xin lỗi, thưa sếp. Tôi chẳng còn viên thuốc nào cả.”

Laing nhìn anh trừng trừng. “Anh đã uống hết rồi à?”

“Không, thưa sếp, tôi đã đánh mất chúng.”

Laing tiếp tục trừng trừng nhìn thẳng vào mặt MacNeil, ánh mắt bùng lên sự hoài nghi. “Tốt hơn là, mẹ kiếp, anh phải tìm bằng được chúng.

Những đờ quỳ này giống như bụi vàng. Nếu chúng không có mặt trên bàn làm việc của ta vào ngày mai, chú mày gặp rắc rối lớn đó, thằng nhóc ạ!”

MacNeil chỉ biết gật đầu. Họ định làm gì anh? Bắn anh à? “Tôi cần có lệnh đi trong giờ giới nghiêm để đến Soho, thưa sếp. Có thể, xin sếp nhập lệnh này vào hệ thống máy tính.”

“Để làm gì?”

“Để kiểm tra Câu lạc bộ Băng đen.”

Laing chăm chú nhìn anh như thể anh có hai cái đầu. “Anh có ý cho rằng mấy thằng nhóc đó đã nói sự thật à?”

“Tôi không nghĩ rằng chúng có ý đó. Nhưng, như sếp biết, thằng nhóc da đen chỉ buột miệng thốt ra điếu đó mà thôi.”

“Chà, nếu câu lạc bộ ấy dám mở cửa kinh doanh thì nó làm điếu đó một cách bất hợp pháp.”

“Tôi không biết liệu nó có quảng cáo sự thực hay không, thưa sếp.”

“Tốt hơn, anh nên lịch sự gọi cho mấy anh chàng cóm địa phương. Hãy cho họ biết anh có mặt ở khu vực ấy.”

“Vâng là được.” MacNeil đứng dậy rồi quay ra cửa.

“MacNeil.” Anh quay lại đúng lúc viên Chánh Thanh tra Hình sự đứng dậy chìa một bàn tay ra phía anh, trước khi rút lại ngay tức khắc như thể bị điện giật. “Xin lỗi. Quên. Không được bắt tay. Không được truy vấn vi trùng.” Ông ta nhăn nhó cười với sự ngượng ngịu. “Anh bạn biết đấy, chỉ là để nói với anh bạn rằng Chúc may mắn. Anh là anh chàng ngớ ngẩn chết tiệt, MacNeil ạ, nhưng không bao giờ tôi muốn anh gặp bất kỳ sự tổn hại nào.”

MacNeil cố nặn ra một nụ cười nhợt nhạt, “Cảm ơn sếp. Tôi sẽ nhớ mãi những lời tử tế cuối cùng của sếp.”

Laing vẫn nhăn nhó cười, “Thôi được, cút đi!”

Hầu như MacNeil đã vượt được nửa đường để qua khỏi cửa phòng điếu tra viên thì anh mới nhận ra mọi sự không phải xảy ra theo thường lệ. Có một chùm bong bóng bay nhiều màu sắc được buộc túm vào bàn giấy của anh đang nhảy múa; chung quanh đó, nhiều đồng nghiệp của anh đang đứng thành một nửa vòng tròn. Ai đó đã sắp sẵn một khay đầy những chiếc ly nhựa đựng đầy nước cam vắt, và theo một ám lệnh, mọi người cùng cúi

về phía trước nhấc ly của mình lên rồi bắt đầu một điệp khúc trong bản nhạc “Vì anh ta là người bạn rất tốt.”

MacNeil đứng sững, bối rối, vì tuy họ hát không hay nhưng với tất cả nhiệt tình, đến tận lời cuối của bài hát, ... Và tất cả chúng ta đều nói như vậy. Ai đó hô to, “Hoan hô, hoan hô!” Thế rồi tất cả cùng reo lên ba tiếng chúc mừng trước khi những chiếc ly được dốc ngược và nước cam vắt trong ly được nốc sạch. Rufus ấn vào tay anh một ly. “Xin lỗi, chúng tôi không thể sắp xếp được thức uống nào mạnh hơn.”

Lại một ai đó hét lên, “Anh không biết tất cả chúng tôi đều ghen tị như thế nào.”

“Thằng cha thật may mắn”, một người nào khác nói, gây nên sự tán đồng ầm ĩ.

MacNeil quay lại và thấy Laing đang toe toét cười với vẻ ngây ngô trước cửa phòng Chánh Thanh tra vừa mở.

Viên Trung sĩ Hình sự George Murray ngả người ra sau bàn làm việc của mình để lôi ra một chiếc hộp được bọc một lớp giấy màu rực rỡ, trên mặt giấy rải rác những gương mặt của trẻ con đang hớn hở tươi cười được thể hiện theo lối hí họa. Anh ta nói “Chúng tôi đã cùng nhau mỗi người đóng góp một chút. Nhưng chúng tôi chẳng biết tặng gì cho một người đã có tất cả.” Có những tiếng cười lớn vang lên. “Vì thế, chúng tôi nghĩ đến quà tặng cho thằng nhóc nhà anh. Chỉ là một hộp đựng trọn bộ ba tập tác phẩm điện ảnh *Chúa tể Những chiếc Nhẫn* được ghi trên đĩa DVD.” Rufus nói thêm, “Và nếu anh không có sẵn đầu máy quay DVD thì anh chỉ việc mua cho thằng bé một cái, ông bạn dân Scot keo kiệt kia.” MacNeil nhìn sững vào chiếc hộp mà những người bạn đồng nghiệp của anh đã phải chịu đựng nhiều rắc rối để mua và gói lại. Làm sao họ có thể biết? Làm sao họ có khả năng để biết? Vậy mà dường như đi đâu này quá tàn nhẫn. Giống như nhỡ thêm một cú đá khi một người đã ngã xuống. Vì đúng là trong những khoảnh khắc của buổi chiều hôm ấy, khi có quá nhiều chuyện tràn ngập trong tư tưởng đến nỗi anh không còn có khả năng để nghĩ tới, anh đã nhận thấy nó có thể được quên đi. Để rồi vào lúc này anh có cảm giác mình đã có đi đâu gì sai trái khi anh nhớ lại. Nhưng đây chính là sự kiện gợi nhớ độc ác nhất trong tất cả.

Thế rồi, tất cả những gì mà anh có thể nhìn thấy là khuôn mặt cười toe toét của họ, tập trung quanh anh, theo dõi phản ứng của anh, chờ đợi khuôn

mặt anh nhăn lại với nụ cười mà họ đã rất quen thuộc. Thế nhưng tất cả những gì anh có thể nghe thấy lại là tiếng Sean hét lên đầy phấn khích, *Đừng dừng lại nghe ba. Đừng dừng lại!*

Một cơn bu ồm nồm cuộn ập đến như sự ớn lạnh bởi trận gió lùa trong trời đông. Phòng làm việc của các điều tra viên bỗng nhòe đi trước mắt anh. Chiếc ly đựng nước cam vắt rơi khỏi tay anh. Anh cảm thấy trước mắt anh mọi hình ảnh đều nhòe nhoẹt, thế rồi anh quay người và vội vàng bước ra khỏi phòng. Người đàn ông trưởng thành không thể khóc. Chắc chắn là không thể khóc trước mặt những đồng nghiệp.

Anh chạy vội xuống cầu thang, một giọng hét phía sau gọi với theo khu vực cầu thang, đầy quan tâm và sửng sốt, “Jack, anh có sao không...?”

Anh lướt ngang bàn tiếp nhận rồi xông thẳng qua cửa trước hướng tới bậc tam cấp, vượt qua những hàng cột và nắm lấy lan can. Anh ụa ra nhiều lần nhưng chỉ là ụa khan. Nước mắt ràn rụa khiến má anh nóng bỏng và làm mờ đi những ánh đèn đường. Anh ng ối thụp xuống ở bậc trên cùng, đầu gục vào hai lòng bàn tay.

Anh nghe tiếng cửa mở ra phía sau lưng mình và giọng nói gay gắt của Laing, “Chú em làm cái trò gì vậy, MacNeil? Tối nay, đám lính này đã chịu nhiều rắc rối là vì chú em. Đối với một vài người, có mặt được ở đây thực sự là cả một vấn đề...” Giọng của vị Chánh Thanh tra bỗng dịu lại khi ông ta thấy viên Thanh tra Hình sự của mình ng ối gục xuống trên bậc thềm cao nhất. “Lạy Chúa, điều gì xảy ra với anh vậy, hả ông bạn?” Trong giọng nói của ông ta, sự giận dữ đã biến mất. Bây giờ, có vẻ ông ta chỉ cảm thấy bất ngờ.

MacNeil ng ối thẳng lên và vội vàng lau nước mắt trên mặt. Anh không muốn nhận sự thương hại từ Laing. Anh không thể chấp nhận điều đó. Nhưng anh biết mình không thể không nói thật mọi sự với người chỉ huy này. Ng ối trên bậc thềm cao nhất, MacNeil chăm chăm nhìn xuống đường về phía quán rượu Three Stags, nơi anh đã quá thường xuyên tiêu phí nhiều thời gian ở đây để khỏi phải về nhà. Qua khỏi quán rượu ấy, cả công viên lẫn Khu Bảo tàng Chiến tranh dường như bị nhận chìm trong bóng tối. Khách sạn Days bên kia đường cũng vắng tanh, nhân viên khách sạn đã nghỉ việc từ vài tuần trước. Cuối cùng, anh nói, “Sean đã chết. Chiều nay.”

Anh không nhìn quanh để chờ phản ứng, và chẳng có gì xảy ra. Chẳng có gì ngoài sự im lặng. Một sự im lặng kéo dài; thế rồi từ từ Laing nhẹ



nhàng ng ỡ xuống bậc thềm cao nhất bên cạnh viên thanh tra của mình, cả hai đăm đăm nhìn về phía nam chạy dọc theo bóng tối trên con đường Kennington.

Cuối cùng, Laing lên tiếng trước, “Vợ chồng tôi đã không thể có con. Elizabeth lúc nào cũng rất khao khát. Cô ấy mong có con. Đó chính là *raison d’être*<sup>[1]</sup> của cô ấy. Một người phụ nữ nhạy bén, thông minh, có sự nghiệp vững vàng; nhưng tất cả những gì cô ấy mong mỗi lại là được mang thai và được ở nhà với con cái.”

MacNeil có cảm giác là sếp đã quay lại ngó vào mặt anh, rồi lại quay nhìn hướng khác. Laing nói tiếp, “Tôi lại chẳng quan tâm. Điều đó chưa bao giờ làm tôi phải băn khoăn, anh biết đấy, cho đến lúc người ta bảo rằng việc có con đối với vợ chồng tôi là vô vọng. Từ đó, tôi chẳng thiết tha đi đâu gì hơn trong cuộc đời này nữa. Thật là nực cười, có phải vậy không? Làm thế nào anh lại bắt đầu mong muốn một điều gì đó khi anh không thể có được nó?” Ông ta đưa tay gãi đầu “Thế rồi anh nhìn quanh, và anh nhận ra rằng hầu hết đám du thủ du thực mà chúng ta nhốt trong tù... hầu hết bọn họ đều có con cái. Dường như chẳng có điều gì dễ hơn như vậy trong cuộc đời này. Và thế là mọi người cho như vậy là điều hiển nhiên.” Vì Chánh Thanh tra Hình sự ngừng lại một lát, rồi nói tiếp “Đó là một trong những điều nuối tiếc nhất trong đời tôi, không có con. Tôi không thể tưởng tượng được việc có một đứa con rồi sau lại mất nó là như thế nào.”

Ông ta đặt lên vai MacNeil một thoáng vỗ nhẹ của một bàn tay rồi đứng dậy, khiến MacNeil cảm thấy biết ơn vì anh đã không phải nhận được một sự thương hại. Đó là một sự thông cảm, hơn nữa, nó là một sự đồng cảm, không phải là đi đâu mà anh từng nghĩ rằng Laing có khả năng thể hiện.

Laing nói, “Về nhà đi thôi, nhóc. Ngay lúc này, nhiệm vụ của chú em kết thúc rồi.”

MacNeil lắc đầu. Chẳng nơi nào anh có thể đến để nói rằng đó là về nhà. Anh cần một sự tập trung. Anh cần một điều gì đó thu hút anh trong suốt đêm nay. Anh nói, “Có một kẻ nào đã sát hại đứa bé gái ấy. Tôi sẽ không kết thúc công việc của mình ở đây cho đến khi tôi vạch mặt kẻ đó.”

# CHƯƠNG MUỖI HAI

## I

Không khí Tây yên tĩnh lạ thường, trông có vẻ nhợt nhạt bên dưới những ngọn đèn đường không màu và nằm trong con mắt cảnh giác thường trực của những chiếc camera quan sát. MacNeil từng có mặt ở một trong số những phòng kiểm tra ấy, quan sát cả một dải những màn hình nhấp nháy chuyển từ máy quay phim này đến máy quay phim khác. Tất cả những gì họ thấy có chuyển động, ngoài những người lính, thì chỉ là chuột. Cả hàng ngàn con chuột. Thậm trọng mạo hiểm ra khỏi chỗ tối tăm của cống rãnh, là những kẻ thừa kế cả một thành phố mà loài người đã bỏ lại cho chúng. Hẳn là chúng cũng đã tự hỏi đi đâu gì đang xảy ra. Nhưng cũng chẳng mất nhiều thời gian để chúng ngừng tìm hiểu. Chúng nhanh chóng trở nên táo tợn, và nay thì chúng đã gia nhập vào với bọn cướp bóc trong những hoạt động ban đêm có chủ đích của chúng để trục đoạt sự thanh khiết của thành phố này.

MacNeil lái xe lên tận Haymarket. Anh không thể nào quen được với việc nhìn thấy phố xá hoang vu đến thế, thiếu sự sống đến thế. Trước khi có tình trạng khẩn cấp, ngay cả vào những thời điểm rất sớm của buổi sáng cũng đã có những chiếc xe tắc-xi, những chiếc xe tư nhân và các nhóm người thường la cà trà đình tửu quán tuôn ra khỏi các câu lạc bộ, các quán rượu với những hành vi phóng túng giữa khuya. Nhưng từ khi có giới nghiêm, chẳng có gì khuấy động, và nếu có, hẳn là cũng bị bắn hạ.

Vòi nước phun và tượng thần tình yêu Eros tại Bùng binh Piccadilly vẫn bị rào kín. Những tấm biển khổng lồ bằng đèn néon quảng cáo cho các hãng điện tử Sanyo và TDK một thời che phủ những tòa nhà ở góc đường phía trước tiệm thời trang Gap có vẻ giống như những hố đen. Tất cả mọi màu sắc và sự nhộn nhịp đã khô cạn từ chỗ một thời từng là những khu vực sinh động nhất của thành phố này. Quầy bán báo sơn màu xanh lá cây ở

góc đường đã bị đóng cửa và khóa chặt. Trong thời gian này chẳng còn ai mua vé tham quan bằng xe buýt mà nơi đây vẫn bán ra. Một cửa hàng khổng lồ ngay góc đường trông ảm đạm tối đằng sau những tấm ván ép đã cháy thành than. Nếu bọn cướp bóc không thể cậy được những tấm ván để mang đi thì chúng châm lửa đốt. Và hầu như lúc nào cũng vậy, chúng luôn luôn tẩu thoát trước khi quân đội có mặt.

Từ một nơi nào đó xa xa, MacNeil nghe thấy tiếng còi hú của một chiếc xe chữa lửa và nhìn thấy quầng ánh sáng rực rỡ màu cam nhạt của đám lửa từ xa phản chiếu trong đám mây thấp vẫn lơ lửng trên bầu trời London. Thay vì đi về trái thì anh đi theo lối bên phải, quanh vòng xoay để rẽ vào đại lộ Shaftesbury. Đó là ưu thế duy nhất của lệnh giới nghiêm. Không có tín hiệu giao thông, và anh có thể không cần biết đến những con đường một chiều hay những vòng xoay. Viên Thị trưởng London đã hết sức cố gắng để giảm lưu lượng xe trong thành phố. Phải chi ông ta đã nghĩ đến đi đầu này. Nó hiệu quả hơn nhiều so với việc thu phí lái xe vào vùng trung tâm.

Ngay trước mặt anh, hai chiếc xe tải và một chiếc xe thiết quân vận đã chặn đường. Hơn một tiểu đội lính đứng thành từng nhóm hai ba người, thay nhau kéo mặt nạ che mặt xuống để hút thuốc trong tình trạng cách ly, trước khi trở lại với đồng đội. Nhưng ngay khi chiếc xe của MacNeil queo ra khỏi đại lộ Piccadilly, họ lập tức cảnh giác, những khẩu súng trường SA80 quay về hướng MacNeil, những ngón tay hoang mang vội vàng đặt lên những cò súng nhạy nổ. Một người lính trong toán bước tới, giơ tay ra hiệu. MacNeil đạp thắng và dừng xe đột ngột. Những khẩu súng trường chĩa thẳng vào người khiến anh bồn chồn, nhưng anh tin rằng ngay khi họ kiểm tra số đăng ký của mình trên máy tính, mọi thứ sẽ trở nên dễ chịu hơn. Anh đã lầm.

Người lính chỉ huy nhìn thoáng qua vai anh khi một người nào đó từ một trong những chiếc xe tải nói đi đâu gì đó, và anh ta lập tức cùng với năm người lính khác tiến lên theo đội hình vòng cung bao quanh đầu xe của MacNeil. Rõ ràng là họ có vẻ hoảng hốt.

“Ra khỏi xe và giơ tay lên”, viên lính trưởng toán hét lớn, “Làm đi! Ngay!”

MacNeil không phản đối. Anh mở cửa xe và từ từ bước xuống đường, hai tay giơ lên cao khỏi đầu. Việc không thể nhìn thấy gương mặt của

những người lính phía sau những chiếc mặt nạ và kính bảo hộ của họ khiến anh bối rối. Điều đó khiến cho họ có vẻ ít tính người hơn. Thật khó để tưởng tượng có thể tiến hành bất kỳ một kiểu thương lượng nào. Anh nói, “Tôi là cảnh sát. Tôi có giấy phép đi trong giờ giới nghiêm.”

“Không có trên máy tính của chúng tôi. Anh không được phép.”

MacNeil lăm bằm đi đâu gì đó nghe không rõ. Hoặc là Laing đã quên nhập giấy phép của anh vào, hoặc có đi đâu gì trục trặc. Toán lính tiến lại gần chung quanh anh, nòng súng trường chỉ cách mặt anh chừng vài phân. “Tôi có giấy chứng nhận. Tôi có thể xuất trình.” Anh thận trọng từ từ thò tay vào túi áo trong, nhưng một người trong đám lính đã quơ khẩu súng trường lên và đập mạnh vào một bên đầu anh. Một quầng sáng rực rỡ lóe lên trong mắt và anh ngã quy xuống trên hai đầu gối. “Chúa ơi”, anh nói, giọng thì thào. “Mình đúng là một tên có mồm khôn kiếp.”

Những bàn tay thô bạo nắm lấy hai chân anh kéo đi rồi ném anh áp sát người vào sườn xe. Một người lính nào đó cúi mặt anh xuống nóc xe, kéo giật hai cánh tay anh quặt ra sau cổ rồi nhanh chóng đá gạt hai chân anh tách rời nhau ra. “Cục cựa là chết đấy.” Tiếng nói nghe như tiếng rít sát bên tai anh. Đầu anh bị đập xuống, và anh cảm thấy có những bàn tay lục soát khắp người, tiến gần vào túi áo trong. Kẻ nào đó đập mạnh tấm giấy chứng nhận cảnh sát của anh xuống nóc xe, kề bên mặt anh. Anh nhìn thấy ánh sáng từ những ngọn đèn đường phản chiếu trên tấm huy hiệu được trang trí vương miện và biểu hiệu hoàng gia.

“Mày thó được cái này ở đâu?”

“Tôi không ăn cắp. Vì Chúa, nhìn giùm tấm ảnh xem nào.”

Tờ giấy chứng nhận biến khỏi tầm nhìn của anh và trong một khoảnh khắc mọi sự dường như ngưng đọng. Thế rồi anh nghe tiếng một trong những người lính nói, “Trông chẳng giống hần ta chút nào.” Anh chỉ có thể nguyền rủa cái ngày anh quyết định cắt tóc cho ngắn lại.

“Đưa hần ta vào xe tải.”

Họ bắt đầu kéo anh băng qua đường.

“Chúa ơi, chỉ cần gọi điện cho sếp của tôi, không được à? Ông ấy là Laing, Chánh Thanh tra Hình sự tại đồn cảnh sát đường Kennington. Ông ấy có nhiệm vụ nhập vào hệ thống điện toán giấy phép đi trong giờ giới nghiêm của tôi.”

Vài đôi tay thô bạo x òng xộc lòi anh qua mép cánh cửa lật đằng sau chiếc xe tải r ồi quăng anh ngã sõng soài trên mặt sàn kim loại có tán đinh của lòng xe. Kẻ nào đó tát vào mặt anh r ồi tông thật mạnh khiến thân hình anh lăn vào vạt cạnh của tấm vải bố. Tấm thẻ chứng nhận của anh trôi lướt trên sàn xe. “Cấm cục cựa đấy nhé.”

Anh mơ hồ nhận ra một người lính trẻ ng ồi phía sau xe tải với một chiếc máy tính xách tay và một chiếc máy vô tuyến truyền tin dùng sóng ngắn. Ánh sáng từ màn hình máy tính chiếu lên khuôn mặt chàng thiếu niên trong lúc những ngón tay của cậu ta lướt trên bàn phím. Nhưng MacNeil không có thời gian để suy nghĩ về tình huống của mình trước khi một tiếng nổ đinh tai nhức óc vang lên đủ khiến chiếc xe tải rung lên b ần bật trên giàn bánh xe của nó. Sức ép của vụ nổ đẩy tấm vải bạt vào lòng xe như thể nó bị thổi trực tiếp bởi một cơn gió mạnh trước khi lại bị hút ra. Những mảnh kính vỡ trút xuống như mưa rào trên khắp các đường phố chung quanh và một luồng sáng trắng không lồ nháng lên khiến cho trong một khoảnh khắc bầu trời đêm chợt sáng như ban ngày.

Bên ngoài chiếc xe tải, những giọng nói vang lên thể hiện rõ sự hoảng loạn. Anh nghe có tiếng ai đó gào lên rằng vụ nổ xảy ra ở Khu phố Tàu. “Bọn chúng đã phá hủy nhà ngân hàng chết tiệt ấy r ồi!”

Từ chỗ đang ng ồi, MacNeil có thể thấy được toán lính, mới vài phút trước đã thô bạo quăng anh lên chiếc xe tải, đang triển khai đội hình về phía bắc dọc theo đại lộ dẫn đến Khu phố Tàu. Chẳng còn ai bận tâm về anh. Viên sĩ quan liên lạc ng ồi phía sau chiếc xe tải đang hét vào chiếc máy truyền tin sóng ngắn của mình, kêu gọi tiếp viện. MacNeil lập tức có quyết định, một đi đầu hầu như chắc chắn anh không thể thực hiện nếu như anh đã có đủ thời gian suy nghĩ. Anh vươn tới trước, chộp lấy khẩu súng trường của người lính trẻ, lúc ấy đang nằm trên chiếc ghế băng bên cạnh. Người lính ngược lên khỏi chiếc máy truyền tin vội vàng tìm cách giữ lại khẩu súng. Nhưng đã quá trễ. Chàng trai nhận ra mình đang có mặt ở phía đầu họng súng của chính mình, trong lúc ở phía bên kia là MacNeil đáng lo ngại, đầy quyết tâm, đầy đe dọa.

“Chú nhóc, tôi hoàn toàn hợp pháp. Tôi là cóm. Hãy kiểm chứng về tôi trên máy điện toán.” Anh cẩn thận cúi xuống thu hồi tấm thẻ chứng nhận của mình.

Chàng thiếu niên ng ồi sưng trong sự sợ hãi và bẽ bàng, lạng lẽ lắc đầu.

MacNeil rút băng đạn từ khẩu súng trường rồi ném nó xuống đường, sau đó là chính khẩu súng trường. Anh nói, “Tôi đi đây. Đừng đuổi theo tôi.” Ngay khi anh vừa quay đi thì người lính trẻ xô dịch. Chàng ta không thích phải cố gắng giải thích cho những người khác biết rõ việc mình đã làm mất súng và để xong người tù của mình như thế nào. Nhưng vết âm cỡ hay sức mạnh thì chàng ta hoàn toàn không tương xứng với người đàn ông Scotland to lớn ấy. MacNeil túm lấy áo khoác và xé toạc chiếc mặt nạ của cậu thiếu niên. “Ngay cả nghĩ đến việc đuổi theo cũng đừng nên, nhóc con ạ. Nếu không con sẽ lãnh đủ cơn giận của bố đấy.”

Lời báo trước ấy hiệu quả hơn bất kỳ sự đe dọa thể xác nào. Chàng thiếu niên chùn lại trước lời thì thào của viên cảnh sát, và MacNeil đẩy cậu trai ấy vào sâu trong lòng chiếc xe tải trước khi nhảy xuống đường rồi chạy vội về phía chiếc xe của mình. Đã không có ai nghĩ đến việc rút chìa khóa xe ra khỏi ổ công tắc, và ngay khi mở khóa công tắc, máy xe bắt đầu nổ. MacNeil cho xe chạy lùi lại với tốc độ cao để vào Bùng binh Piccadilly, và trong lúc những chiếc lớp xe vẫn còn lảo đảo, anh cho xe quẹo vào đường Regent, rồi đường Hàng Không, tăng tốc lao qua đường Brewer đến đường Lower John để vào tới khu Quảng trường Golden hiu quạnh. Anh biết, việc để xe ở đây là một rủi ro, nhưng anh sẽ có thể đi bộ tự do hơn.

Cả một vùng quảng trường rộng lớn không hề có một ánh đèn đường nào, tạo thành cả một vực sâu bóng tối, anh lái xe đến đó rồi đậu xe lại. Anh bước ra ngoài rồi đứng bên cạnh chiếc xe, nghe được tiếng tích... tích của kim loại đang nguội dần và chú tâm lắng nghe bất kỳ một dấu hiệu dù nhỏ nhất đến đâu của mọi hoạt động gần đó. Vụ nổ tại nhà ngân hàng thuộc Khu phố Tàu đã bắt đầu bùng cháy làm bùng sáng bầu trời đêm bên ngoài những tòa cao ốc gần nhất. Anh có thể nghe thấy tiếng còi hụ, tiếng súng nổ cũng như những tiếng thét vang vọng quanh những con đường vắng; cuối cùng, anh nhận định rằng việc di chuyển của anh sẽ được an toàn.

Anh kiên trì bám theo cả một mạng lưới của những khu phố và những đoạn đường hẹp xòe ra theo hình nan quạt giống như một mạng nhện xuyên suốt khu Soho cho tới phía bắc đại lộ Shaftesbury. Hẻm Bridle, đường Great Pulteney, rồi đường Peter. Sự tàn phá ở khu vực này thật hết sức khác thường. Những chiếc xe đã đánh cắp được lại bị vứt bỏ rồi đốt cháy. Hầu như từng tòa cao ốc một - các cửa hàng và các văn phòng - đều bị xâm

phạm bởi bọn cướp bóc. Bọn bán dạo những dụng cụ tình dục và sản phẩm khiêu dâm trên các đường phố và ngõ hẻm của vùng Soho đã bị dẹp sạch: chẳng hạn như Cửa hàng Slinky một thời đã có những biểu tượng quảng cáo hấp dẫn: *Cho những người đã được phóng thích và những người chịu thân phận nô lệ - Nịt ngực - Đồ cao su - Đồ da*. Các loại hắc điếm khiêu vũ gợi dục, những tiệm xăm mình và các rạp chiếu phim đều bị lột trần. Kính vỡ và các loại hàng hóa bị vứt bỏ nằm trong tình trạng trôi dạt dọc theo những con đường ở đó những cánh cửa ra vào bị treo trên những bản lề rỉ sét còn những cửa sổ chỉ là những hố đen. Những quán rượu và những nhà hàng nơi anh từng la cà hầu như không thể nhận ra. Soho Spice, The Blue Posts.

Bóng tối đã hoàn toàn phủ xuống phố Dean. Vụ nổ tại ngân hàng tác động xấu đến khu vực đại lộ đường như đã ảnh hưởng đến nguồn cung cấp điện. Không có đèn đường. Nhưng sự phản chiếu của một thứ ánh sáng lấp lờ, kỳ lạ từ đám cháy ở Khu phố Tàu đã uể oải lướt qua những bức tường của các câu lạc bộ và nhà hàng hoang vắng trong khu phố này. Những tấm kính vỡ trên vỉa hè lấp lánh như sương, và một cơn gió lạnh mang theo mùi khói và mùi cao su cháy. Những bức tường sơn màu kem của một quán rượu có biểu diễn dương cầm nằm ở góc phố Meard có vết đen do ngọn lửa đã phá hủy nó từ bên trong.

MacNeil lao nhanh qua bóng tối về phía đông của phố Dean rồi đi về hướng bắc. Đi thêm năm chục thước nữa, anh đến trước mặt tiền được đóng kín bằng cánh cửa thép của Câu lạc bộ Băng Đen. Đã có những dấu hiệu rõ ràng của một cố gắng xâm nhập, nhưng cho đến nay, những tấm lưới kim loại ấy đã giữ không cho những kẻ cướp bóc xông vào được bên trong. MacNeil không biết chắc mình có thể phát hiện được gì. Nếu câu lạc bộ này vẫn hoạt động, khó có khả năng là nó đã tự quảng cáo. Anh hoàn toàn đứng yên, chỉ lắng nghe. Và anh cảm thấy, hơn là nghe được, những tiếng thành thịch, thành thịch mờ nhạt nhất. Những điệu nhạc khiêu vũ đơn điệu không ngừng lặp đi lặp lại ấy chính là những đặc trưng cho thị hiếu của đám trẻ ngày nay. Anh cho rằng chẳng phải tất cả mọi chuyện đã khác đi trong thời đại của mình. Tất cả chỉ là vấn đề chúng ta trưởng thành với những gì và chúng ta phát triển nhận thức từ đi đâu gì.

Anh không thể khẳng định một cách chắc chắn rằng tiếng nhạc được phát ra từ bên trong câu lạc bộ Băng Đen. Nhưng anh sẽ sẵn sàng đánh cá

về đi đầu này, nếu phải làm như vậy. Hắn là phải có một lối khác để vào. Ở cuối dãy nhà này, đối diện với trụ sở của Thông tấn xã Trung Quốc Văn Đại Tân, có một con hẻm nhỏ đi bên dưới những văn phòng ở tầng trên, vào một khoảnh sân có rải sỏi đầy tới mức tràn ngập những thùng rác có gắn bánh xe đã không được dọn sạch trong nhiều tháng liền. Bầy chuột hoảng sợ chạy tán loạn quanh chân anh khi MacNeil rất cảnh giác dò dẫm di chuyển qua bóng tối dày đặc của con hẻm để vào được khoảnh sân ở bên kia. Có những thanh lan can sơn đen, những ô cửa sổ có thanh chắn bằng thép và những lối thoát hiểm ngoằn ngoèo lên đến tận phía trước mặt của những khối văn phòng xây gạch. Một làn ánh sáng mỏng như chiếc bút chì chiếu ra chung quanh một cánh cửa thép dày. Càng tiến gần. MacNeil càng cảm thấy tiếng nhạc rõ hơn. Và bây giờ anh đã nghe được chứ không chỉ cảm thấy tiếng nhạc như lúc trước.

Đối với MacNeil, có vẻ thật là kỳ lạ khi có những kẻ muốn ra ngoài tiệc tùng bất chấp những nguy hiểm của sự lây nhiễm, và những con đường phi pháp, nguy hiểm mà họ buộc phải thương lượng với sự dè dặt sau giờ giới nghiêm. Đừng bận tâm với thực tế rằng đi đầu đó là bất hợp pháp. Anh nghĩ, thế nhưng có một thế hệ những người trẻ hiếu động có năng lượng và có đủ tiền để đốt chỉ vì không muốn phải ngồi ở nhà xem tivi với bố mẹ. Anh cho rằng có lẽ là đám trẻ rất vui thích để được sống cuộc sống ở bờ mé. Còn hơn là để chúng chơi ma túy. Nhưng anh sẵn sàng đánh cược rằng những kẻ đờ đừ của câu lạc bộ Băng Đen, ở bên kia của cánh cửa thép, phải là những đứa trẻ con nhà giàu ở Chelsea và South Ken. Những đứa trẻ từ những ngôi nhà có nhiều đặc quyền với tiền của bố chúng bỏ sẵn trong túi. Không phải là nơi mà một nhân viên lò hỏa táng thuộc khu ổ chuột ở South Lambeth có khả năng thường xuyên lui tới.

Anh nện thật mạnh lên cánh cửa bằng thép rồi đứng chờ. Chẳng có gì xảy ra. Anh lại nện vào cánh cửa thép ấy một lần nữa, lần này một khoang cửa trượt bằng thép mở ra. Ánh sáng và âm nhạc ùa vào vùng tối của khoảnh sân, rồi một gương mặt nhìn MacNeil với sự chăm soi đầy vẻ ngờ vực. “Anh muốn gì?”

“Một thức gì để uống.”

“Không biết anh là ai.”

“Tôi là một trong những người bạn của Ronnie. Ronnie Kazinski. Anh ta nói với tôi rằng ai đang khát đều có thể đến kiếm một thức gì để uống tại



đây vào bất cứ lúc nào. Mà ngay lúc này tôi đang khát khô cả cổ họng.”

“Làm thế nào anh vượt qua được lệnh giới nghiêm?”

“Thế những người khác làm thế nào?”

“Hầu hết mọi người đến đây trước lúc giờ giới nghiêm bắt đầu và chỉ rời khỏi khi giờ giới nghiêm kết thúc.”

MacNeil nhún vai, “Vậy thì tôi đoán rằng hẳn là tôi đã gặp may.”

Anh chàng bảo kê nhìn anh một lúc lâu trước khi trượt chiếc cửa sập để đóng lại. MacNeil thoáng nghĩ rằng anh ta sẽ không mở cửa. Thế rồi anh nghe có tiếng ken két của những cái chốt kim loại được nhắc ra, và cánh cửa mở vào trong. Anh chàng bảo kê là một kẻ to lớn, nhưng không to lớn bằng MacNeil. Anh ta có cái đầu trọc lóc, mặc một chiếc áo chên không có tay bằng da che phần ngực trần. Cả một bụng bia thụng xuống bên trên chiếc quần jean lưng thụng. Một chiếc mặt nạ phẫu thuật màu trắng trông có vẻ bẩn thỉu che nửa dưới khuôn mặt của anh ta, và anh ta nhìn MacNeil một cách thận trọng trước khi hất đầu ra hiệu rằng anh có thể vào.

MacNeil nói, “Hoan hô ông bạn. Quán rượu ở đâu?”

“Tầng dưới.”

## II

Khi anh đi xuống cầu thang, âm nhạc nổi lên chào đón anh như một cuộc tấn công thể xác. Một mức độ âm lượng đủ làm liệt não. Những ánh đèn màu bị hấp thụ bởi những bức tường sơn đen; và khi đến được sàn nhảy, anh ước tính có thể có tới hai trăm con người đang di chuyển trong một làn sóng người nhấp nhô ướt đầm mồ hôi, mải mê trong một trạng thái xuất thần nguyên thủy nào đó, lắc lư theo những âm thanh vay mượn từ những nguồn gốc bộ lạc xa xôi hơn là từ một xã hội hiện đại tân tiến. Tất cả đều đeo mặt nạ phẫu thuật màu trắng, giống như một bộ đồng phục. Và chịu ảnh hưởng bởi dải tia cực tím trên đầu, trong bóng tối, những chiếc mặt nạ ấy phản chiếu một loại ánh sáng kỳ lạ siêu nhiên, mang lại cảm tưởng như có bầy hải âu trôi nổi, phát ra thứ ánh sáng kỳ lạ.

Có một sân khấu nhỏ ở đầu bên kia sàn nhảy, trên đó hai người phụ nữ ăn mặc hở hang, đội mũ trùm đầu nhọn màu trắng có những đường khoét lỗ ở vùng tròng mắt đang lắc hông và xoay người theo những vòng tròn chậm rãi thoi miên. Một quầy rượu chạy dọc theo suốt chiều dài của bức tường bên phải. Hai người phục vụ quầy còn trẻ đeo mặt nạ phòng độc kiểu quân đội bận rộn phục vụ khách đứng chờ xếp hàng ba. Mọi người đều kéo khẩu trang xuống để uống, sau đó lại đưa chúng trở lại vị trí cũ. Những chiếc ly đã qua sử dụng được đặt trong giá đỡ hình tròn trượt vào chiếc máy rửa bát không lò để khử trùng trước khi sử dụng tiếp. Hơi nước bốc lên thành những đám mây lớn từ phía sau quầy rượu, hòa vào làn không khí đã đặc quánh bởi sức nóng và mồ hôi. Một lòng ấp hoàn hảo cho bệnh truyền nhiễm.

MacNeil cố tình xô đẩy thô bạo những tửu khách đứng chắn đường trong lúc anh tiến về phía quầy rượu. Kẻ nào phản đối đều có thể bị thúc cùi chỏ vào mặt. Nhưng mọi sự phản đối bằng lời đều dễ dàng bị âm nhạc nhấn chìm. Một anh chàng phục vụ quầy có mái tóc nhuộm màu hung đỏ, chắc chắn là có nguồn gốc da đen, nhìn MacNeil với sự cảnh giác. Người khách này lớn tuổi hơn đám choai choai là những khách hàng thường xuyên của câu lạc bộ, trông có vẻ bảo thủ hơn nhiều, và anh ta vẫn mặc áo khoác, bất chấp cái nóng. Ngoài ra, khuôn mặt của anh ta bị bầm tím, một bên má bị cứa sâu với những vết cắt nhỏ gây ra bởi thủy tinh vỡ trên sân trước của khu dân cư vùng South Lambeth. Anh hét lớn, “Whisky. Mạch nha chưng cất riêng. Loại Glenlivet nếu có sẵn. Và một chút nước.” Dường như lâu lắm rồi anh mới được uống một ly rượu, và giờ đây sự chờ đợi ly rượu gần như tràn ngập tâm hồn anh. Nhưng chỉ một ly thôi. Anh biết rằng nhiều hơn một ly sẽ làm suy yếu quyết tâm và dẫn anh vào vòng xoáy chìm đắm của nỗi buồn. Một chiếc ly chứa hơn một xăng-ti-mét một thức chất lỏng màu hổ phách cùng với một bình nước nhỏ được đặt mạnh như đập vào mặt quầy rượu ngay chỗ anh đang đứng. Anh trao ra một tờ giấy năm euro và không yêu cầu trả lại tiền lẻ. Anh pha loãng nửa rượu nửa nước rồi nhấp một ngụm. Anh quay sang nói với người phục vụ. “Đây không phải là Glenlivet!”

“Anh đã bảo rằng nếu tôi có loại ấy. Nhưng tôi không có sẵn.” Không một lời xin lỗi.

MacNeil nhấp thêm một ngụm nữa. Nó chỉ là một loại rượu pha trộn vô danh nào đó. Anh thất vọng vì hương vị của ly rượu, nhưng vẫn tận hưởng sự ấm áp của chất lỏng ấy khi nó làm nóng suốt đoạn đường xuống đến tận da dày của mình. Thế rồi anh dốc ngược chiếc ly và ngay lập tức chất lỏng màu hổ phách ấy biến mất. Anh nghĩ lại về tất cả những lần trước đây anh vẫn thường gọi thêm một ly nữa, bất cứ loại rượu nào, chỉ để trì hoãn lúc anh sẽ phải về nhà. Trở lại với Martha. Anh nghĩ lại về tất cả những lần trước đây khi anh về đến nhà thì Sean, đứa con trai của anh, đã ngủ say. Tất cả những khoảnh khắc ấy đã bị bỏ lỡ. Tất cả những thời gian lãng phí ấy. Thế rồi anh quay lại quát vào mặt người phục vụ yêu cầu mang thêm cho anh một ly rượu nữa.

Khi ly rượu được mang đến, anh nắm lấy cổ tay của người phục vụ và ngả người về phía quầy rượu. “Tối nay Ronnie có mặt ở đây không? Ronnie Kazinski ấy?”

Nhưng anh chàng phục vụ quầy đã giơ tay ra hiệu yêu cầu anh im lặng vì tiếng nhạc vừa đột ngột dừng lại theo một nhịp trống đơn độc, tiếng trống ấy vang vọng khắp câu lạc bộ trong vòng vài giây. Cả một biển mặt nạ không còn nhấp nhô, rồi có những tiếng vỗ tay rời rạc khi cả những người đang khiêu vũ lẫn những tử khách đều quay về hướng sân khấu với sự háo hức. Từ một cánh cửa ở đâu đó tận phía sau, một người đàn ông trẻ khoảng chừng ngoài ba mươi tuổi xuất hiện, mang theo một bọc vải trắng được treo có vẻ rất điệu nghệ trên một chiếc đòn gánh gác trên vai. Về mọi phương diện, toàn cảnh trông giống như một màn trình diễn hài hước mà ở đó một con cò sẽ sinh ra một em bé. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, một ký ức thoáng chốc về Laing lướt qua suy nghĩ của MacNeil.

Những người khách khiêu vũ có đội mũ trùm đầu đã biến đi đâu mất, và không biết bằng cách nào, họ đã để lại sau lưng một sân khấu trung tâm là một chiếc bàn nhỏ có thể gấp lại được. Có những tiếng hoan hô và reo hò khi người đàn ông đặt đồng đạo cụ của mình lên bàn. Trang phục của anh ta toàn đen. Ngay cả chiếc mặt nạ của anh ta cũng đen khiến cho anh ta gần như bị chìm hẳn vào bức tường đen phía sau. Nửa trên khuôn mặt trắng trẻo của con người này phát sáng dưới ánh đèn huỳnh quang, dường như đã tách rời khỏi thân thể và đang nhảy múa chung quanh phía trên cái bọc phát sáng đặt trên bàn. Mái tóc của anh ta mỏng, trông xơ xác, được vuốt ngược

lên lớp da đầu hơi sọc. Anh ta nói vào một chiếc máy vi âm trong lúc đứng tựa trên chiếc đèn gác, và giọng nói bu ồn tẻ của anh ta trầm trầm vang lên trên tất cả những cái đầu đầu đang hướng về phía anh ta.

Kẻ đứng trên sân khấu bắt đầu nói, “Nghệ thuật, nghệ thuật đích thực, là nói về cuộc sống ngay trên bờ vực. Là có liên quan đến việc đẩy mọi biên giới ra xa đến tận chỗ chúng có thể đến được, và xa hơn thế nữa. Một cuộc đời mà phải sống trong những biên giới đã được kẻ khác đặt định là cái gì? Chúng ta phải đặt ra những biên giới của riêng mình, và vạch ra chúng trong những vòng tròn không ngừng mở rộng, khuyến khích mọi người cùng đi với chúng ta. Chúng ta không tồn tại như cha mẹ chúng ta, hay như cha mẹ của cha mẹ chúng ta. Chúng ta là chúng ta. Và chúng ta đang tồn tại bây giờ và ở đây. Tương lai là thuộc về chúng ta, và chỉ là những gì mà chúng ta làm ra cho nó. Chỉ bằng việc giẫm chân lên con đường bèn như dao giữa sống và chết, giữa thị hiếu tinh tế và thị hiếu tầm thường, giữa đi đâu được chấp nhận và đi đâu không thể chấp nhận, chúng ta mới tìm được ý nghĩa đích thực trong cuộc sống của mình.”

Vị diễn giả ngó quanh những gương mặt đang ghéch lên nhìn mình trong một sự im lặng đến mức nghẹt thở. Họ biết rằng anh ta sắp sửa thực hiện một đi đâu gì đó khủng khiếp. Chính là vì đi đâu đó mà hầu hết đám người này đã mạo hiểm kéo đến đây. Đi đâu đó chính là nghệ thuật trong bóng tối. Đó là đi đâu đã khiến cho câu lạc bộ này trở thành được hâm mộ trước khi xảy ra tình trạng khẩn cấp. MacNeil khách quan nhìn ngắm, cảm thấy thú vị và rồi bất ngờ bị cuốn hút bởi tính chất thôi miên của màn trình diễn, hoàn toàn không chuẩn bị cho những gì sắp xảy ra.

Người đàn ông mặc áo đen cúi xuống chiếc bàn và, bằng một động tác phờng tuồng, kéo một đầu nút thắt giữ bọc vải khiến chiếc bọc mở toang ra, để lộ một lớp mụn kỳ lạ có vẻ vấy máu dường như chẳng có hình thù hoặc dáng vẻ chi cả. Có tiếng thở hổn hển từ đám đông. Đôi mắt của người đàn ông sáng rực như than, những đốm sáng màu đen trong những vòng tròn màu trắng. Anh ta hất chiếc mặt nạ của mình sang một bên và nắm lấy lớp mụn ấy bằng cả hai tay, nâng nó lên cao quá đầu, mặc cho nó nhỏ giọt.

Giọng của anh ta cũng cao lên. Anh ta nói, “Đây là cuộc sống và cái chết.” Chỉ có tiếng ù ù của hệ thống âm thanh là phá vỡ sự im lặng của câu lạc bộ. “Mới chỉ có hai giờ đồng hồ kể từ khi trái tim của đứa hài nhi này còn đập trong bụng mẹ. Mới chỉ có hai giờ đồng hồ kể từ khi nó bị xé toạc

ra khỏi rốn, bị phủ nhận mọi tương lai, bị cướp mất cả quá khứ. Sự phá thai. Sự bác bỏ cuộc sống. Lời nguyền của thời đại chúng ta.”

MacNeil quan sát trong sự ngỡ vực, sửng sờ vì kinh hãi. Anh nghe thấy một giọng nói đơn độc thì thầm, “Ôi, Chúa ơi!”

“Chỉ trong cuộc sống, chúng ta mới có thể tìm thấy cái chết, và cũng chỉ trong cái chết, chúng ta mới có thể tìm thấy sự sống.” Người đàn ông mặc quần áo đen đột nhiên hạ hai tay xuống ngang tầm với gương mặt của mình. Anh ta dừng lại chỉ một khoảnh khắc trước khi vực miệng vào đồng bầy nhầy đỏ như máu mà anh ta đang nắm trong hai bàn tay; nghiêng ngấu khối bầy nhầy ấy.

Ai đó trong đám đông đã nôn mửa. Chỉ có một vài giọng nói đã cất đề lên thể hiện sự ghê tởm hoặc thái độ bất đồng. Còn lại chỉ là những âm thanh phản ánh sự ngòm ngòm và sự hít hà của người đàn ông trên sân khấu khi anh ta đớp những thứ đang chứa trong lòng hai bàn tay của mình. Sau đó, cũng nhanh như khi đã bắt đầu, anh ta kết thúc, quăng những thứ còn sót lại từ bữa ăn của mình vào cái bọc trên bàn. Khuôn mặt anh ta nhoe nhoẹt những vệt đỏ quanh miệng.

“Cảm ơn, cảm ơn”, anh ta gào lên, nhanh chóng thu hồi các đạo cụ của mình rồi biến mất theo một cung cách đầy vẻ điệu dàng qua cánh cửa nơi mà từ đó anh ta đã xuất hiện.

Độ sáng của những ánh đèn trong câu lạc bộ lập tức chìm xuống trong khi âm nhạc bắt đầu trở lại từ chỗ đã ngắt quãng, tra tấn vào cả thân thể lẫn các giác quan. Cả một biển những chiếc mặt nạ lại bắt đầu nhấp nhô trong một cơn bão cuồng nhiệt điên rồ, sôi nổi.

MacNeil choáng váng và run rẩy, chỉ muốn nôn thốc nôn tháo. Anh quay trở lại với quỳ rượu cùng ly rượu whisky đang chờ mình, và thấy rõ người phục vụ quỳ cười toe toét đằng sau chiếc mặt nạ. Anh chàng này hét lên “Ăn tượng đấy chứ, có phải không?” Anh ta thích thú trước sự kinh hoàng được thể hiện rõ trên khuôn mặt của MacNeil. “Anh đang tìm kiếm ai?”

MacNeil hất đổ chỗ rượu rồi hỗn hển đập mạnh chiếc ly không lên mặt quỳ. “Ronnie Kazinsky.”

Tên thanh niên phục vụ quỳ thoáng cau mày, thế rồi như chột nhó ra, “Thế à, ông muốn nói tới gã ở hỏa lò chứ gì?”

Phải mất một hai giây MacNeil mới nhận ra rằng hỏa lò chính là lò hỏa táng. “Đúng là hửn.”

Tên thanh niên hét lên, hắt mặt về phía sân khấu ban nãy “Vậ tại sao ông không hỏi Anh chàng Bào thai kia? Hai thằng cha đó là bạn thân.”

### III

Hàng phía sau sân khấu dẫn đến khu nhà vệ sinh ở tận đằng xa. MacNeil đã có thể ngửi thấy mùi nước tiểu lâu ngày bốc lên nòng nặc ngay khi cánh cửa cầu lạc bộ đóng lại sau lưng. Nhưng đi đâu đó cũng làm tiếng nhạc ãn ã như tra tấn tất ngấm, và đó là đi đâu làm anh cảm thấy dễ chịu hơn. Một bóng đèn dài tỏa ánh sáng vàng chói lọi phản chiếu trên tấm vải sơn lót nền xỉn màu, và MacNeil phớt lờ những bức ảnh đen trắng được đóng khung về một số màn trình diễn nghệ thuật nổi tiếng đã làm nên tên tuổi của cầu lạc bộ. Phòng thay quần áo nằm ở cánh cửa cuối cùng bên trái. Một tấm biển nêu rõ đây là phòng riêng. MacNeil đẩy cửa ra. Đang nhìn vào chiếc gương treo tường phía trên bàn trang điểm của mình để lau chùi vết tích của những thứ nhếch nhác bẩn thỉu trên tay và trên gương mặt bằng khăn ướt nóng hổi, anh chàng Bào thai quay lại, hỏi.

“Không biết chữ sao, cha?”

Chỉ trong hai bước MacNeil đã vào hửn đến cuối phòng, nắm lấy cổ áo gã Bào thai rồi dúi mạnh hửn vào tường, khiến hửn không thở được. “Tất nhiên là tao biết đọc chứ! Và ngay bây giờ, tao sẽ đọc cho mày nghe về những quyền chết tiệt của mày, tên bệnh hoạn khốn nạn.” Anh dùng một tay ghì tên nghệ sĩ đen vào tường còn tay kia giơ ra tấm thẻ hành sự. “Tao sẽ nghĩ đến các tội danh sau. Cướp xác, trộm thai nhi, giết người, có thể là như vậy. Một tên bệnh hoạn như mày nên bị nhốt trong một thời gian rất dài.”

“Coi nè,” gã Bào thai phản đối. Và hửn bắt đầu cười. “Cứ làm tới đi, ông bạn! Ông không hề nghĩ rằng bất kỳ đi đâu gì trong vụ này là thật, có phải thế không? Ý tôi là, đừng đùa nữa cha nội! Tôi đã ói ra hết ở khắp mọi nơi rồi.” Hửn ta hắt đầu về phía cái bọc đầy máu vẫn còn đang nằm trên

bàn trang điểm. “Đó chỉ là mứt và bánh mì cuộn. Tôi không thể chịu đựng nổi thức ăn ở quán ăn bình dân, cho nên tôi mang theo thức ăn đóng hộp của riêng mình.”

Hắn cựa mình thoát ra khỏi bàn tay kiềm giữ đã buông lỏng của MacNeil.

“Đó chỉ là chuyện trình diễn mà thôi, ông bạn à. Mọi người ai cũng thích bị giật mình. Họ thích nghĩ rằng đó là thật. Nhưng trong thâm tâm, họ biết đó chỉ là một chút trò đùa.”

“Chú mày có thể gọi đó là trò đùa à?”

“Đó là việc đẩy biên giới lùi ra xa. Tôi tạo sự hấp dẫn cho khán giả, gợi lên cho họ những phản ứng cảm xúc. Điều đó khiến họ đặt câu hỏi về những thứ như vậy, kéo dài những giới hạn của họ ra.”

Gã Bào thai lại ng ồi xuống và tiếp tục lau mặt, trong khi MacNeil quan sát hình ảnh phản chiếu của hắn trong gương và thấy hắn không ngừng dỗi cặp mắt e ngại hướng về mình.

“Tôi muốn nói rằng, vậy thì tôi sẽ lấy được một bào thai ở đâu, ông bạn? Tôi đã có ý tưởng ấy trong lúc xem một bộ phim tài liệu nói về việc một anh chàng người Trung Quốc thật sự làm việc ấy. Tôi muốn nói là việc ấy thực sự đã làm được. Nay, việc đó là sự bệnh hoạn. Còn phần tôi? Tôi chỉ thường thức một chiếc bánh mì kẹp.” Hắn kết thúc việc lau chùi rồi đứng dậy. “Vậy thì ông bạn còn muốn gì nữa không?”

MacNeil nhìn hắn, đầy giận dữ và khinh bỉ, và những cảm xúc đó đã gây ra bởi dư âm của sự chán ghét cực độ của anh đối với màn trình diễn của hắn. Anh phải cố gắng tập trung vào đi ều ngay từ ban đầu đã khiến anh phải đến đây. Anh nói, “Tôi đang tìm Ronnie Kazinski.”

Gã Bào thai nhún vai, “Ronnie là ai?”

Cửa phòng thay quần áo bỗng mở ra. MacNeil nhìn qua gã Bào thai trong tấm gương để thấy hình ảnh phản chiếu của một chàng thanh niên mặc quần jean và áo khoác da. Tên này không phải là một kẻ cao lớn, và y đã cố gắng làm nổi bật sự nhỏ bé của cái đầu của mình bằng cách dùng keo dán mái tóc đen mỏng của y ép sát vào hộp sọ. Trong một khoảnh khắc MacNeil nghĩ rằng anh đã nhận ra y. Có gì đó quen thuộc trên đôi gò má cao và cặp mắt mở to. Y có làn da xấu, nhão và trắng, trông như một kẻ đã không nhìn thấy ánh sáng ban ngày trong nhiều tháng. Một ký ức kỳ lạ

thoáng qua trong đầu MacNeil. Khuôn mặt của một người phụ nữ sau bức màn lưới, những nét đặc trưng của nhiều thế hệ nghèo đói. Và anh nhớ ra nơi mình đã trông thấy người đàn ông này trước đây. Một tấm ảnh bị nhòe trên bản in từ máy fax. Ronald Kazinski.

Kazinski ngừng lại ngay ngưỡng cửa và thấy hình ảnh phản chiếu của MacNeil đang quay lại nhìn mình. Ánh mắt của y lóe lên để tiếp xúc với ánh mắt của gã Bào thai, và y biết ngay mình đang gặp rắc rối. Y quay lưng bỏ chạy, leo ngược lên hành lang như một kẻ bị ma nhập, đôi giày thể thao kê cốt kết trên tấm vải sơn lót nền. MacNeil đuổi theo y, chậm chạp hơn; thân hình to lớn của anh di chuyển nặng nề qua làn ánh sáng vàng rực chói chang cho đến khi anh đến được cánh cửa ở phía xa, vượt qua nó rồi xông vào cả một biển mặt nạ đang rực sáng cùng với tiếng nhạc tra tấn vẫn âm ỉ vang lên. Kazinski đã cắt được một vật trông để chạy xuyên qua chỗ ấy rồi hướng về khu vực cầu thang ở phía xa; MacNeil theo sau y bèn gót, xô đẩy mọi thân hình nào ngáng đường tiến của anh, cho đến khi cả biển người ấy tự nguyện tách ra trước lối đi của anh.

Anh nhảy từng hai bậc thang một, và tấm cánh cửa kim loại nặng nề đã đóng sầm lại khi anh đến được chiếu nghỉ ở đầu cầu thang. Gã có nhiệm vụ bảo kê có cái đầu trọc mặc chiếc áo chèn bằng da đứng cản đường anh. Hắn ta giơ tay ra ngăn anh lại. “Bạn nghĩ là mình sẽ đi đâu vậy, ông bạn?”

Chỉ cần một động tác lắc cổ nhẹ nhàng, MacNeil nghiêng người về phía trước như thể muốn hôn gã ấy. Anh cảm thấy sống mũi của tên đàn ông trọc đầu này vỡ ra từng mảnh dưới vầng trán của anh thế rồi gã bảo kê ấy loạng choạng lùi lại, hai mắt trợn trừng ngạc nhiên. Sau ót của y bị đập vào tường và chiếc mặt nạ y đang mang biến thành màu đỏ như thể máu đã thấm vào lớp vải trắng. MacNeil đẩy tung cánh cửa ra rồi lao vào màn đêm. Anh nghe có tiếng loảng xoảng của những chiếc thùng rác bị lật đổ, một mùi thối khùng khiếp của rác thải xộc lên theo chiều của cơn gió lạnh. Ánh sáng ủa ra sân từ cánh cửa mở giúp anh nhìn thấy bóng Kazinski đang chạy trốn khi y lao vào một con hẻm dẫn ra đường cái. Bầy chuột nhốn nháo kêu lên dưới chân khi MacNeil đuổi theo y.

Khi MacNeil đi ra khỏi con hẻm thì Kazinski đang cố gắng chạy hết tốc lực đến trung tâm Phố Dean, nhanh chóng bị nuốt chửng bởi bóng đêm. Y chẳng khác một con thỏ rừng trước một MacNeil là loại chó săn thượng hạng. MacNeil đã trông thấy y quẹo vào đường Cung điện Thánh Anne,



một con đường hẹp dành cho khách bộ hành giữa những tòa nhà cao tầng bằng gạch, và biết rằng mình sẽ mất dấu kẻ nghi can ấy. Nhưng khi đến được khúc quanh, anh thấy có điếu gì đó đang xảy ra ở phía cuối con đường. Ánh lửa lúc bập bùng lúc chói lòa và tiếng lép bép của những ngọn lửa đang cháy rực. Những giọng nói vang lên trong tiếng cười và tiếng hò hét chế nhạo. Bọn phá hoại. Kazinski chùn lại, liếc về phía sau nhìn theo hướng MacNeil, để thấy mình đang bị kẹt giữa hai lựa chọn mà đi đâu nào cũng không ổn. Hầu như MacNeil đã có thể thấy sự việc tiến triển theo hướng tốt đẹp khi Kazinski cố gắng quyết định xem đi đâu nào là ít tệ hại hơn trong hoàn cảnh lưỡng đầu thọ địch này. Thế nhưng thay vào đó, tên nghi can này đã chọn được giải pháp thứ ba. Một lối đi hẹp chạy về phía nam, hợp với con đường Cung điện Thánh Anne thành một góc vuông, đối diện với những cửa sổ kiểu George đã bị vỡ vụn của nơi từng là một cửa hàng bánh ngọt. Lối đi này không rộng hơn một thước, và y vội vàng lao vào đó, chạy được khoảng năm sáu chục thước mới nhận ra rằng lối dẫn vào đường Cung điện Flaxman ở cuối con đường đã bị nghẹt cứng bởi những thùng rác bị lật ngược, những đồng đồ vỡ được quăng ra khỏi cửa sổ của những văn phòng đã bị cướp phá. MacNeil nghe thấy tiếng y nguyền rủa trong bóng tối và đi chậm lại để cố lấy lại hơi thở. Không có lối thoát cho Kazinski. Y đã chui vào ngõ cụt và không đi đến đâu.

Khi MacNeil tiến tới thì Kazinski thụt lùi cho đến khi y không thể lùi xa hơn được nữa. MacNeil nói, “Mẹ anh nghĩ rằng anh đang ở chỗ làm việc.”

“Ông muốn gì?”

“Tại sao anh bỏ chạy?”

“Tôi có thể đánh hơi thấy mùi cảnh sát trong vòng năm chục bước chân.”

“Phải rồi, đó là mùi nước đá mà bọn cặn bã như anh đã tè ra trong quần của họ.”

“Tôi có quyền.”

“Đúng. Anh đã có quyền được hy sinh trong thầm lặng. Anh đã có quyền được hưởng một đám tang tử tế. Không phải là anh sẽ hưởng được một trong những quyền ấy. Không phải là từ nay trở đi. Nhưng rồi anh sẽ biết tất cả về điếu ấy.”

Kazinski cố gắng vượt thoát khỏi sự kiềm tỏa của anh, xoay xở bằng mọi cách để lách qua khoảng hở giữa phía phải của MacNeil và bức tường. Nhưng thân hình McNeil hầu như bằng với chiều ngang của con hẻm. Anh chỉ cần nghiêng người về bên phải rồi ép chặt Kazinsky vào bức tường. Tiếp theo, anh túm lấy cổ áo của y, hầu như nhấc hông chân y lên rồi ném toàn thân y vào hàng rào chắn cuối con hẻm. Kazinski rơi vào đống đồ nát, rác rưởi và gạch vụn đổ xuống ào ào lên thân hình y.

MacNeil nói, “Hãy kể cho tôi nghe về chuyện đóng xương.”

“Đóng xương nào?”

MacNeil thở dài, “Tôi đã có một dấu vân tay trên tấm vé đi tàu điện ngầm được phát hiện nơi anh thủ tiêu đóng xương ấy. Anh đang đối diện với án giết người đấy, Ronnie ạ!”

“Tôi không hề giết đứa trẻ gái ấy.” Có sự hoảng loạn trong giọng nói của Kazinski. “Tôi nói thật đấy, thưa ông. Tôi chỉ vứt bỏ đóng xương ấy mà thôi.”

“Anh đã không thực hiện hoàn hảo công việc ấy.”

“Tôi đã được yêu cầu lén lút mang chúng vào Battersea, ném chúng vào lò hỏa thiêu. Ban đầu, họ muốn tôi mang cả cái thi hài ấy đi. Nhưng chẳng cách nào tôi có thể đưa cô bé ấy vào đó qua khỏi cổng an ninh. Thế nên tôi nói, cho tôi bộ xương, tôi mới có thể mang vào được. Họ không muốn để lại dấu vết mà, có phải vậy không? Họ buộc phải tiêu hủy.”

“Tại sao vậy?”

“Tôi không biết. Tôi chẳng liên quan gì đến việc ấy, tôi xin nói thật.”

“Vậy tại sao anh không thiêu đóng xương ấy?”

“Bởi vì cái hồ móng kia sẽ được lấp đầy bằng bê-tông vào buổi sáng hôm sau. Điều đó có nghĩa là tôi đã không phải chấp nhận một rủi ro nào, và họ cũng sẽ không biết bất kỳ một biện pháp nào khôn ngoan hơn.”

“Họ là ai?”

“Không biết.”

“Láo toét.”

“Tôi nói thật đấy, thưa ông. Họ chỉ thuê tôi thủ tiêu đóng xương ấy.”

MacNeil nghiêng người về phía kẻ nghi phạm, “Ronnie này, anh sẽ gánh tội cho bọn người ấy trừ khi anh cho tôi biết chúng là ai.”

“Lạy Chúa, thưa ông. Tôi không biết tên bọn họ. Một hôm, có gã nọ đến gặp tôi sau giờ làm việc, đưa ra một đề nghị mà tôi không thể từ chối được.”

MacNeil lắc đầu, “Anh phải thành thực hơn như vậy nữa mới được, Ronnie à. Anh nhận bộ xương ấy ở đâu?” Anh nghe tiếng Kazinski thở dài trong bóng đêm.

“Tôi không biết địa chỉ. Đó là một tòa nhà lớn. Chắc là ông biết, một trong những chỗ dành cho những ông bà già giàu có.”

“Ở đâu?”

“Đó là một nơi nào đó gần với khu Wandsworth Common, đường Root, Ruth hay một cái tên nào gần gần như vậy. Lúc ấy trời tối, tôi không biết. Họ đón tôi đến rồi đưa tôi đi trong một chiếc xe hơi.”

“Trong giờ giới nghiêm à?”

“Chắc chắn. Có vẻ như đi đầu đó không thành vấn đề. Chẳng ai chặn xe chúng tôi lại.”

MacNeil đứng dậy nhìn xuống tên nghi phạm một hồi. Anh cần có nhiều thông tin hơn bấy nhiêu, và anh tin chắc rằng Kazinski còn có nhiều điều hơn để khai ra. Anh nói, “Để coi. Đứng dậy đi.”

Kazinski không nhúc nhích, “Ông sẽ làm gì nữa?”

“Tôi sẽ câu lưu anh vì tình nghi giết người.” Anh đã không kịp trông thấy chiếc sào quơ lên trong bóng tối trước khi quá trễ. Anh chỉ nghe tiếng “choeng” của một thanh kim loại rỗng ruột đập vào hộp sọ của mình khiến anh khụy xuống dưới hai đầu gối. Kazinski đã quăng theo cả chiều dài của một cây trụ giàn giáo mà y vừa quơ tay tìm được giữa đống rác, và thanh trụ ấy tiếp tục lăn lông lốc trên mặt đường tráng nhựa ngay khi y nhảy qua thân hình ngã sấp mặt của viên cảnh sát rồi chạy hết tốc lực ngược theo con đường mà y đã đến.

MacNeil gập đôi người lại thở hổn hển, ánh sáng nháng lên trước mắt. Làm sao mà anh lại có thể bất cẩn đến như vậy? Anh nguyền rủa, đập tay xuống mặt đất trong lúc thấy được vị máu trong mồm. Phải mất cả một phút anh mới có thể loạng choạng đứng dậy được, tựa một bàn tay vào bức tường gạch để tìm một chỗ dựa cho đến lúc anh có thể đứng thẳng mà không bị ngã lại. Đầu anh vẫn nghe ong ong như có tiếng chuông rền.

Chẳng có ích lợi gì trong việc nắm bắt mọi thứ quá nhanh. Kazinski đã biến mất.

Phải mất mấy phút anh mới có thể xuất hiện với sự run rẩy trên đường Cung điện Thánh Anne và nhìn thấy một hình thù không rõ rệt nằm sõng soài trên mặt đất chỉ vài thước về hướng đông. Trong khoảnh khắc, anh tự hỏi đó là cái gì. Cách đây vài phút, ở chỗ đó chẳng có gì cả. Anh đi vài bước về hướng ấy và thấy đó là một người nằm sấp mặt, một thứ chất lỏng màu đen đọng thành vũng trên mặt đất bên cạnh kẻ đó. Một lớp máu bầy nhầy đang đông lại trong làn gió lạnh cóng. MacNeil quỳ xuống và phát hiện thân hình ấy vẫn còn ấm. Anh lật thi thể ấy lên thì thấy Kazinski trừng trừng nhìn anh với đôi mắt đã đứng tròn. Chiếc áo sơ mi trắng của y đầm máu, nhưng MacNeil đã có thể thấy nơi ba viên đạn xuyên qua người y. Tất cả đều ở chung quanh quả tim. Kazinski đã hoàn toàn chết hẳn.

## CHƯƠNG MƯỜI BA

MacNeil ngã ãi thụp xuống mặt đất rồi tựa lưng vào tường, vẫn có một đám lửa bùng lên ở đâu đó bên ngoài vùng Cực Tây của Cung điện Thánh Anne, nhưng bọn cướp bóc đã rút đi, bởi vì tất cả những gì anh có thể nghe thấy vào lúc này chỉ là tiếng phùng phực của đám lửa.

Ai đó đã bắn ba phát đạn vào giữa ngực Kazinski. Ai đó chính là kẻ đã rình chờ ở ngoài kia trong con hẻm. MacNeil không hề nghe được tiếng súng. Ngay cả khi còn những tiếng ong ong trong đầu, anh vẫn không thể không nhận ra tiếng súng. Anh nhớ lại nhận định sắc bén của Laing về tay bắn tỉa đã hạ sát những đứa trẻ ở South Lambeth. Ông ấy đã nói, *Đó là một công việc chuyên nghiệp thực sự. Một vũ khí chuyên nghiệp trong đôi tay chuyên nghiệp.* Vụ này nữa cũng vậy, có đầy đủ những dấu hiệu xác nhận về một tay chuyên nghiệp. Một vụ thi hành án tử đầy hiệu quả và nhanh gọn. Một khẩu súng có ống hãm thanh. Ai đó, hoặc một người nào khác nữa, không muốn Kazinski nói gì với MacNeil. Anh chợt nảy ra ý nghĩ rằng có lẽ cả hai vụ đều là tác phẩm của cùng một tay chuyên nghiệp. Có lẽ nhà thiện xạ đã cứu mạng anh chiều hôm ấy cũng đã phục ở đây để đợi Kazinsky. Và bây giờ hẳn ta đã tóm được y.

MacNeil gượng nhẹ nghiêng đầu về phía sau tựa lên bức tường gạch rồi thở vào thật sâu. Anh cảm thấy có một đi ãu gì đó giống như sự cu ãng nhiệt đã từ từ trượt khỏi mình, giống như một tấm vải liệm. Có vẻ như theo một cách nào đó tất cả mọi sự đang ở ngoài tầm kiểm soát. Cuộc đời của anh, thành phố này, công việc của anh, cuộc đi ãu tra này. Đi ãu đó cũng giống như anh đang bị quét đi theo một dòng chảy mạnh của những biến cố mà anh hoàn toàn không có năng lực tác động đến. Anh đã hết sức mệt mỏi. Suốt đêm qua hầu như anh không ngủ, và anh cũng chỉ còn có nhiệm vụ của một sĩ quan cảnh sát trong khoảng gần mười lăm tiếng ãng hờ nữa. Nếu nhắm mắt lại vào lúc này, anh sẽ có thể ngủ ngay. Ngay ở đây, giữa vệ ãu ãng, với một người đã chết đang nằm dưới chân.

Nhưng có một sự giận dữ trong lòng anh, một tiếng nói âm thầm đang thét lên trong cơn thịnh nộ, và anh biết rõ tiếng nói ấy sẽ không bao giờ cho phép anh được ngủ. Xa xa, anh vẫn nghe rõ tiếng súng nổ, và tiếng đờng vọng mơ hồ xa xôi hơn nữa là của những tiếng nói cất lên trong sự giận dữ. Như tiếng nói đang vang trong đầu anh. Anh bò tới trên hai đầu gối rồi mặc vào một đôi găng tay cao su để tiến hành lục soát khắp những cái túi của Kazinski. Có một cái bóp trong đó có thể căn cước cá nhân, một vài tờ giấy bạc và một cái túi nhỏ đựng những đờng tiền xu. Một chùm chìa khóa nằm trong túi quần của y. Thuốc lá và hộp quẹt nằm trong túi áo chèn. Chẳng có gì ích lợi dù chỉ thật mơ hồ.

MacNeil xem xét lại một lần nữa chiếc bóp da. Phía sau chiếc bóp có một cái túi nhỏ được đậy bằng dây khóa kéo. Anh vụng về mò mẫm bằng những ngón tay to lớn để mở cái túi ấy ra. Có một số biên nhận ở đó, từ thời mọi việc còn suôn sẻ hơn. Một vài tờ hóa đơn tính tiền của nhà hàng. Một tấm danh thiếp doanh nghiệp có nếp gấp ở một góc. MacNeil lật cái góc gấp ấy ra để cố gắng xem có thể nắm bắt một ánh sáng nào không rồi lướt một ngón tay trên hàng chữ in nổi màu đỏ. Dòng chữ in có trang trí ghi rõ Jonathan Fligh, Điêu khắc gia. Nó cũng ghi địa chỉ của một xưởng điêu khắc trong vùng South Kensington.

MacNeil đã nghe nói đến cái tên này. Những chuyên mục nghệ thuật của những bản báo một mặt khổ lớn đưa đầy tên của ông ta từ năm ngoái, và một số tác phẩm của nhà điêu khắc này đã gây tranh cãi đủ để lấp đầy những tờ báo lá cải, ở đó MacNeil đã đọc để biết về người này. Nhà nghệ sĩ này chuyên về những hình tượng méo mó, thường là tác phẩm điêu khắc cơ thể trong hình thái gọi dục trắng trợn. Một người đàn bà thiếu một cánh tay nâng bộ ngực trần của mình lên bằng cánh tay còn lại. Một pho tượng của một gương mặt mà nụ cười đã bị tước bỏ phần thịt chỉ còn trơ lại răng và xương hàm... MacNeil không thể tưởng tượng nổi ai là kẻ có thể rước những thứ của nợ như vậy, hoặc kẻ nào lại thích mang những thứ ấy vào trong nhà của mình. Thế nhưng những cuộc triển lãm của người này thu hút hàng ngàn khán giả, và tác phẩm của ông ta đã bán được cả chục ngàn bản.

Anh tự hỏi một kẻ như Kazinski thì làm ăn gì mà có danh thiếp doanh nghiệp của Flight trong bóp, hoặc mối quan hệ của y với Câu lạc bộ Băng Đen là gì. Điều duy nhất liên kết hai kẻ này lại với nhau là hình thức nghệ

thuật cực đoan, nhưng trong suy nghĩ của MacNeil thì có vẻ Kazinski không thể là người thưởng thức mà cũng không phải là một nhà sưu tập. Anh nhét tấm danh thiếp ấy vào túi trong, kéo khóa cho cái túi của chiếc bóp rồi trả nó lại vào chiếc áo chèn của Kazinski. Anh lại ngồi xuống dựa lưng vào tường trong lúc tháo đôi găng tay nhựa. Bây giờ, đầu anh đã bốt choáng; anh lướt bàn tay trên gương mặt và cảm thấy một vết sưng trên má, và biết rằng sáng mai mặt anh sẽ đầy những vết bầm.

Anh ngồi ở đó trong vài phút trước khi quyết định làm những điều mà hẳn là trong một hoàn cảnh khác anh chẳng bao giờ nghĩ đến. Anh sẽ bỏ mặc cái xác của Kazinski ở đây, ngay trên vỉa hè này. Y đã chết. Chẳng có gì còn có thể làm được cho y. Và nếu MacNeil báo cáo về vụ này, anh sẽ phải dành hết thời giờ còn lại trong phiên trực của mình để gắn chặt vào những công việc thủ tục bàn giấy. Chỉ trong vòng tám tiếng đồng hồ nữa, anh sẽ bước ra khỏi cửa Đồn Cảnh sát Kennington lần cuối. Và nếu đến lúc đó, anh chưa tìm ra thủ phạm giết đứa bé gái kia, anh tin chắc rằng chẳng ai khác có thể làm được. Cho nên không thể có thời giờ cho các thủ tục quan liêu. Cuộc đi điều tra này đã trở thành một điếu gì đó giống như một sự ám ảnh. Và hầu như anh đang bước qua làn ranh để tiến vào một vùng đất chưa từng được thăm dò. Một thế giới hoàn toàn xa lạ đối với anh, bên ngoài luật lệ, nơi anh sẽ hoàn toàn cô độc. Và đồng hành với anh chỉ có lòng căm giận.

## CHƯƠNG MƯỜI BỐN

P lái xe theo tốc độ đều đều về phía tây trên đại lộ Piccadilly hướng về góc Hyde Park. Hắn chăm chú nhìn theo những ánh đèn đỏ ở đuôi xe tận cuối đại lộ, những chấm sáng yếu ớt nhất rơi ngược lại phía sau xuyên qua bóng đêm đập vào ngay trước mặt hắn. Hắn đã tắt hết đèn pha và vẫn có thể thấy rõ nhờ ánh sáng của đèn đường. Trong trường hợp bị lính tráng chặn lại, hắn chỉ cần khai rằng hắn đang cố tránh thu hút sự chú ý. Các phương tiện cá nhân vẫn bị bọn cướp tấn công trên đường phố hàng đêm.

Hắn có một cảm giác bứt rứt rằng tất cả mọi chuyện đều không có gì tốt đẹp, và không dám tin chắc rằng hắn có thể biết được MacNeil đang hướng đến nơi nào. Mặc dù bằng cách nào viên cảnh sát ấy có thể kết nối được những sự kiện ấy thì vẫn là một điếu bí ẩn đối với hắn. Pinkie không thể tưởng tượng được Kazinski đã khai ra những gì với viên cảnh sát này.

Tên Kazinski khốn khổ! Nếu như thằng khốn ấy đã thiêu hủy đồng xương đúng như nó đã được trả công để thực hiện thì làm gì có những chuyện như thế này đang xảy ra. Pinkie hẳn là sẽ có mặt ở nhà, trở lại với cuộc sống trong thế giới thực của mình, nơi đó hắn là mẹ hắn cũng đang chuẩn bị cho bữa ăn tối. Hẳn là Kazinski vẫn còn sống. Cũng như mấy thằng nhóc ở vùng South Lambeth. Và cả bà cụ già trên Đảo Chó nữa. Tất cả chỉ vì tên khốn nhỏ con ngu ngốc kia đã không thực hiện đúng những gì nó đã hứa làm.

Pinkie lắc đầu. Sự việc thật là phi thường. Chỉ cần một công việc không được thực hiện đúng theo yêu cầu, một hành động không được ghi sẵn trong kịch bản, và hãy cứ quan sát sự hỗn loạn xảy ra sau đó. Mọi việc cứ liên tục diễn tiến ngoài tầm kiểm soát. Đó là những gì đã xảy ra khi người ta không trông nom một công việc cho đến nơi đến chốn. Lạy Chúa, tất cả những chuyện này sẽ kết thúc như thế nào đây?

Chiếc điện thoại di động mà hắn để trên chiếc ghế bên cạnh bỗng đổ chuông. Hắn đưa tay qua với lấy, nhấn vào nút trả lời màu xanh lá cây rồi đặt sát vào tai. “Xin chào?”



“Tôi đây, Pinkie; mọi chuyện thế nào rồi?” Ngài Smith có một giọng nói hết sức bình tĩnh. Pinkie có thể nghe giọng nói ấy cả ngày. Mặc dù hẳn biết đó chỉ là một lớp trang trí mỏng manh bề ngoài, một vẻ bình lặng che đậy cả một sự hỗn loạn bên dưới.

“Kazinski chết rồi, thưa ngài Smith.”

Hắn nghe được niềm vui trong giọng nói của ngài Smith. “Hoàn tất tốt đấy, Pinkie ạ. Vậy thì đó sẽ là sự kết thúc của vấn đề.”

“Tôi hy vọng như vậy, thưa ngài Smith.”

Nhưng ngài Smith đã phát hiện rõ thái độ dè dặt trong câu trả lời của Pinkie. “Tại sao chú em lại chỉ hy vọng thôi, Pinkie?”

“Bởi vì viên cảnh sát kia đã chộp được tên khốn ấy trước. Họ đã có một lúc *tête-à-tête*<sup>[2]</sup>.” Đoạn sau của câu nói, Pinkie đã dùng một thành ngữ tiếng Pháp, và hẳn tự hỏi liệu ngài Smith có ấn tượng với cách nói ấy không. “Tôi không biết tên khốn ấy đã nói gì với viên cảnh sát. Có thể là bất cứ đi đâu gì.”

Ngài Smith im lặng một lúc lâu.

“Xin chào? Thưa ngài Smith? Ngài vẫn giữ máy chứ?”

“Vâng, tôi vẫn ở đây, Pinkie. Chú em hiện đang làm gì vậy?”

“Tôi đang tiếp tục theo dõi viên cảnh sát. Có vẻ như anh ta đang hướng tới South Ken.”

Lại một lúc im lặng, thế rồi, “Chú em có nghĩ rằng anh ta biết không?”

“Tôi không có ý kiến, thưa ngài Smith.” Hắn ngừng lại rồi mới nói tiếp “Tuy nhiên, có đi đâu gì đó kỳ lạ.”

“Đi đâu gì vậy, Pinkie?”

“Anh ta không báo cáo về vụ giết chết Kazinski. Cứ để cho tên khốn ấy nằm lại trên vỉa hè.”

“Tôi nghĩ rằng ngài MacNeil của chúng ta có phần mất kiểm soát, Pinkie ạ. Đi đâu đó có thể khiến hắn ta trở nên hết sức nguy hiểm.”

“Ngài có ý gì khi nói rằng hắn ta mất kiểm soát? Tại sao anh ta lại mất kiểm soát?”

“Hôm nay là ngày cuối cùng của hắn. Hắn ta sẽ rời bỏ lực lượng cảnh sát vào lúc chấm dứt ca trực này của mình. Lại nữa, hôm nay là một ngày đầy cảm xúc của hắn. Hắn vừa mất đứa con trai.”

Pinkie cau mày, “Mất một đứa con trai à?”

“Thằng bé chết vì nhiễm cúm, Pinkie ạ. Con cái của cảnh sát thì cũng có khả năng bị nhiễm bệnh như bất kỳ ai khác.”

“Ái chà, khỉ thật,” Pinkie tập trung vào những đốm ánh sáng đỏ li ti ở phía xa, và lúc này thì chúng chỉ báo hiệu những điếu gây rắc rối. “Đó thật là điếu đáng tiếc, thưa ngài Smith.” Hấn nói. Và nhấn mạnh vào sự đáng tiếc ấy. “Vậy ngài muốn tôi làm gì?”

“Hãy cứ tiếp tục theo dõi hấn ta, Pinkie nhé! Hãy thực hiện bất kỳ điếu gì chú em cảm thấy phải làm. Và hãy giữ liên lạc với tôi.”

Ngài Smith cúp máy và Pinkie cảm thấy một nỗi buồn không thể giải thích được. Hấn tự hỏi người cha của hấn có thể có cảm giác thế nào nếu hấn chết vì bệnh cúm khi hấn mới chỉ là một đứa trẻ. Nếu cha hấn biết hấn tởn tại. Nếu hấn biết cha mình là ai. Về phần mẹ hấn, hấn biết, bà ấy sẽ cảm thấy tuyệt vọng.

Trẻ em không đáng phải chết. Chúng chưa làm đủ những điếu tởn tệ để đáng chết. Đứa bé tội nghiệp kia đã làm hại những ai nào? Không một điếu họa hại nào đã là lỗi của đứa bé gái ấy, nhưng đứa bé gái ấy là kẻ đã bị ngài Smith kết tội. Đứa bé gái ấy đã lọt vào vùng không đúng đắn của ngài Smith. Và vùng không đúng đắn của ngài Smith không phải là nơi tốt để tởn tại.

## CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Ảng ỡ ngoài ban công bằng kim loại phía sau căn hộ nhìn xuống cả một sảnh đường trống trải ở bên dưới. Trời lạnh, cô đã phải quấn thêm một tấm chăn du lịch quanh vai để giữ ấm. Nhưng không khí hết sức trong lành nên cô đã mở toang các cửa sổ kiểu Pháp để cho không khí thổi vào trong nhà lên đến tận tầng thượng. Chiếc hộp sọ của đứa bé gái vẫn bốc mùi. Và mặc dù cô đã bọc nó trong nhiều lớp túi nhựa rồi đưa nó xuống đặt ở đầu cầu thang tầng dưới, nó vẫn tỏa ra một mùi khó chịu phảng phất trong không khí.

Cô vẫn thích ng ỡ ở đây vào những buổi tối mùa hè, tránh được tầm nhìn tò mò của những người hàng xóm nhờ hàng cây hoa đậu tía mà cô đã công phu uốn ghép để trông chung quanh bao lơn. Vào những buổi chiều mùa hè, thường là thời gian như dài hơn và dễ tạo một tâm trạng lơ đãng, nơi đây là chỗ hứng ánh nắng và nhiệt lượng tỏa ra từ mặt trời; rồi đến buổi tối, sự chuyển động làm mát của không khí khiến chỗ này như có sẵn quạt. Một nơi thật thú vị để tạm rút lui khỏi cuộc sống thường nhật, một chỗ để quên lãng.

Vào lúc này, giàn đậu tía đã trở nên trơ trụi và chỉ còn những cành khẳng khiu, không mang lại tác dụng của một tấm màn che nữa; và khó để tin rằng đến mùa xuân, một sự phát triển tươi tốt mới sẽ xuất hiện trở lại, làm rữa xuống những dải hoa tím xinh xắn rơi trên các thanh chắn, thu hút bầy ong mật đầu tiên của năm mới trong hành trình tìm kiếm mật hoa. Đây mới chỉ là mùa đông thứ hai của cô kể từ khi tai nạn xảy ra, và là năm đầu tiên cô phát hiện rằng thời gian từ tháng Mười một đến tháng Ba là những tháng khắc nghiệt nhất. Vào những ngày se lạnh, khi muốn ra ngoài đi dạo, người ta phải sỏi bước trước những cơn gió cứ tạt vào mặt, những hạt mưa lạnh cứ rơi xuống như kim châm trên má. Thế là lại phải vội vàng về nhà để tìm một chén xúp nóng hổi, rèm cửa được kéo xuống để ngăn màn đêm, cuộn tròn người trên chiếc ghế trường kỷ với một cuốn sách hay và một ly rượu vang đỏ ngọt dịu.

Và cô đang ở đây, ngồi co ro trên chiếc xe lăn trong tâm trạng thất vọng, cảm thấy lạnh lẽo và chán nản, mặc cho những suy nghĩ đen tối len lỏi khiến cho tính khí sôi nổi thường ngày của cô bị chùng xuống. Trái tim cô thổn thức vì MacNeil và đau xót cho những kỷ niệm về người đàn ông trẻ đã chết bên tay lái chiếc xe của anh ấy vào cái đêm định mệnh mới chỉ cách đây có ba mươi tháng trước. Người đàn ông trẻ lẽ ra sẽ cùng cô kết hôn. Người đàn ông trẻ mà đứa con của người ấy lúc bấy giờ cô đang mang trong mình.

Lúc ấy mới chỉ được bảy ngày kể từ khi xét nghiệm cho thấy kết quả dương tính. Họ cũng đã quyết định kết hôn, và đó lại là một lý do nữa để ăn mừng. Họ không thể nào hạnh phúc hơn. Có lẽ đó là lý do khiến số phận đã giáng cho họ một đòn tàn nhẫn đến như vậy. Họ đã dám hạnh phúc đến như vậy. Hạnh phúc hơn bất cứ ai khác mà họ từng biết. Hạnh phúc đã tỏa ra từ từng lỗ chân lông. Cô đã hết sức hạnh phúc đến nỗi thật sự rạng rỡ. Cô không thể không mỉm cười. Trong lịch sử loài người, có ai từng hạnh phúc hơn cô hay không?

Đêm hôm ấy, David chỉ uống nước khoáng. Anh bảo rằng anh phải lái xe và bấy giờ anh đã có trách nhiệm của người làm cha. Amy đã đi cùng với anh để anh khỏi cô độc. Cô đã có thai. Người mẹ không thể dùng rượu cho đến khi đứa trẻ đã được sinh ra. Và sau đó họ có thể ăn mừng. Bấy giờ mới là lúc uống rượu mừng sự ra đời của một đứa trẻ.

Thật trớ trêu làm sao lại có được một người lái xe say rượu mà chiếc xe của anh ta đã tông thẳng vào hông xe của họ ngay giao lộ. Vượt thẳng qua đèn đỏ. Các chuyên gia được triệu tập để cung cấp bằng chứng tại phiên tòa đánh giá rằng kẻ gây tai nạn đã chạy xe với tốc độ trên sáu mươi dặm một giờ. Trớ trêu hơn nữa là kẻ gây tai nạn ấy bước ra khỏi xe của y vô sự. Sau ba năm, đương sự sẽ ra tù, với phần lớn cuộc đời vẫn còn ở phía trước, khỏe mạnh và sung sức. Một công việc đang chờ đợi đương sự trong doanh nghiệp của cha đương sự. Một gia đình đầy khoan dung.

Amy cảm thấy rất khó để tha thứ, nhưng cô đã cố gắng không cho phép điếu đó làm mình cay đắng. Cô đã mất rất nhiều thứ khác, mà việc mất đi sự hân hoan tận đáy lòng từng thấp sáng nhân cách của cô sẽ nhận chìm cô vào một thế giới tăm tối, chán nản và thất bại, khiến cô không thể đối mặt với những thử thách phía trước. Những thử thách sẽ cần đến tất cả trữ lượng của lòng can đảm, sự quyết tâm và tinh thần lạc quan của cô.

Nhưng đêm nay cô không chắc mình có thể đào sâu thêm bao nhiêu vào những ngu ồn dự trữ đó. Cô nắm chặt bộ đi ều khiển trên tay c ần của chiếc xe lăn r ồi tự mình xoay xở để quay trở lại tầng áp mái của khu nhà kho ấy, đóng những chiếc cửa sổ kiểu Pháp phía sau và kéo rèm che màn đêm. Cô nghĩ, đây là lúc c ần đến một ly rượu vang đỏ để vui lên. Cô vào bếp và tự rót cho mình một ly. Giá như bây giờ cô có thể cuộn mình trên trường kỷ với một cuốn sách hay.

Tiếng động cơ điện lại r ền r ỉ khi cô băng qua sàn nhà để nhìn không biết là lần thứ bao nhiêu vào đứa bé gái có khuôn mặt đã được cô tái tạo. Cô không tin tưởng lắm về mái tóc. Có đi ều gì đó mách bảo cô - bản năng, đi ều mà MacNeil rất ghét khi vấn đề là việc phân tích bằng chứng - rằng Lyn sẽ hợp với mái tóc ngắn của cô. Không phải kiểu tóc cắt cúp chưa chấm vai. Một thứ gì đó nguyên sơ hơn - bờm xờm và trông l ỏm ch ỏm. Xét cho cùng, một đứa trẻ đến từ một nước đang phát triển sẽ không được tiếp cận với một nhà tạo mẫu. Vậy mà đứa bé ấy đã ở đây, ngay tại London. Sống ở đây, hẳn là như vậy. Nhưng chắc chắn là không đủ lâu để việc thay đổi chế độ ăn uống ảnh hưởng đến hàm răng của đứa bé. Và cũng đã không có cuộc phẫu thuật nào được toan tính nhằm đi ều chỉnh dị tật ở môi của nó.

Phải chăng đứa bé ấy đã được nhận làm con nuôi? Nếu vậy, cha mẹ nuôi của đứa bé ấy là ai? Họ đã không khai báo đứa con nuôi của mình mất tích à? Hết câu hỏi này đến những câu hỏi khác. Chúng cứ quay cu ồng trong đ ầu cô suốt cả buổi tối. Cô nhìn nhận rằng mình đã có cố gắng để không bận tâm vào bất kỳ chuyện gì khác. Vậy mà vẫn không có câu trả lời. Chỉ toàn là những ý tưởng thu ần tưởng tượng mà chẳng có chút thực tiễn nào. Suy đoán. Giả thiết. Ngay lúc này cô không biết gì nhiều hơn những gì cô đã biết từ h ồi sáng.

Điện thoại reo và cô băng qua phòng để bắt máy.

“Amy, Zoe đây.”

“Xin chào, Zoe.” Amy liếc nhìn đ ồng hồ. Đã sau mười một giờ.

“Cô không còn ở phòng thí nghiệm nữa, phải vậy không?”

“Dạ!”

“Lẽ ra cô phải về nhà trước giờ giới nghiêm.”

“Phải rồi, vậy đó, tôi đang mắc kẹt ở đây mà, phải thế không? Mà việc này là lỗi của chị.”

Amy thở hắt hắt vì giận. “Lỗi của tôi à! Sao vậy?”

“Chị đã yêu cầu tôi thực hiện một cuộc kiểm tra về vi khuẩn học trên tủy xương mà tiến sĩ Bennet phục hồi từ bộ xương của đứa bé.”

“Cô đã thực hiện một xét nghiệm Phản ứng chuỗi polymerase rồi à?”

“Tôi còn thực hiện được nhiều hơn vậy nữa.” Cô ta có vẻ hài lòng với chính mình. “Tôi không chỉ phục hồi vi-rút, mà còn mã hóa RNA.”

Ngay lập tức, Amy cảm thấy hoang mang, “Gì vậy? Cô có ý nói với tôi rằng đứa bé bị cúm à?”

“Chắc chắn là đứa bé đã bị cúm. Và loại vi-rút mà tôi đã phục hồi dứt khoát là có khả năng lây nhiễm. Tôi muốn nói rằng chỉ riêng RNA không thôi vẫn có khả năng lây nhiễm. Vậy, nếu RNA lại còn kết hợp với protein nữa thì đúng là một thứ thuốc nổ.”

“Chúa ơi, Zoe”, Amy hoảng hốt nói. “Với những vật liệu lây nhiễm như vậy, cô nên làm việc trong một phòng thí nghiệm cấp ba.”

“Vâng, có lẽ vậy.” Có dấu hiệu là người ở đầu dây bên kia đang ngáp.

“Cô không có phương tiện cho phòng thí nghiệm cấp ba ở đó.”

“Đúng vậy.”

“Nhưng cô đã sử dụng phòng thí nghiệm với sự phòng ngừa gấp ba lần, đúng thế không?”

“Xem nào, không chính xác là như vậy.”

“Zoe này!”, Amy cảm thấy choáng váng, “Cô là đứa ngốc khờ khạo.”

“Coi nè, bình tĩnh lại đi nào, Amy. Điềm này thật thú vị. Nói thật mà. Tôi biết rõ việc mình làm. Tôi có thể thực hiện được việc đó ngay trong căn bếp nhà mình.”

Amy rất tức giận, “Tiến sĩ Bennet có đó không?”

“Anh ấy đang khám nghiệm một vài tử thi.”

“Thôi được, bảo anh ấy gọi tôi ngay khi anh ấy rảnh.”

“Ái chà, coi nào, Amy. Chị làm tôi gặp rắc rối rồi đó.”

“Cô đã gặp rắc rối, Zoe ạ. Cô có thể đã nhiễm bệnh rồi đó. Cô cũng có thể làm cho mọi người trong tòa nhà ấy cùng nhiễm bệnh.”

“Tất cả đều được khóa chặt và an toàn như trong nhà. Nói thật đấy.” Cô ta ngừng lại một chút, nung nấu một sự oán giận thầm lặng trước cơn giận của Amy. “Vậy thì tôi cho rằng chị không muốn biết những đi đâu gì khác mà tôi đã phát hiện, có phải thế không?”

“Cô muốn nói gì vậy?”

“A! Tôi đã gọi được sự quan tâm của chị rồi đó, có phải thế không?”

“Zoe...” Giọng nói của Amy có nét cảnh báo riêng của nó.

“Nó không thật.”

Amy nghe rõ những lời ấy, nhưng cô không hiểu, “Cô nói nó không thật là có ý gì?”

“Con vi-rút gây bệnh cúm ấy. Nó không phải là sự đột biến tế bào của H5N1 vẫn giết chết người ta. Nó đã được biến đổi gen.”

Amy cảm thấy khó khăn trong việc hiểu được những hàm ý của đi đâu mà Zoe vừa nói, “Làm thế nào mà cô biết được đi đâu đó?”

“Xem nào, tất cả chỉ là mật mã, đúng không? Khi người ta phân tích vấn đề đến mức đơn giản nhất, mọi loại vi-rút chỉ là một chuỗi những chữ cái - những từ mã. Và ai đó đã bỏ lại một số từ thuộc về một mã mà lẽ ra không nên có. Chẳng hạn, tôi muốn nói rằng chị sẽ tìm thấy những từ Stu I AGGCCT và Sma CCCGGG ở con vi-rút nhân tạo gây bệnh bại liệt. Và chị biết rằng chúng tạo ra một vị trí giới hạn dễ dàng được nhận biết bằng cách xử lý bản sao DNA của RNA vi-rút bằng một loạt các enzym giới hạn cắt DNA tại vị trí đó.”

“Chu choa, lạy Chúa, Zoe à, chờ chút đã. Vui lòng nói tiếng Anh đi!”

“Tôi vẫn nghĩ tôi là vậy mà.”

“Được rồi, cứ nghĩ về di truyền học phân tử cho những đứa ngốc.”

Cô nghe được tiếng thở dài của Zoe ở đầu dây bên kia. “Bao nhiêu năm qua, người ta đã thu thập các ngân hàng chuỗi thư viện cho các loại vi-rút gây cúm. Tôi đã lấy được tất cả những dữ liệu ấy trong một tập tin. Chỉ cần vài phút trên máy tính xách tay của tôi để so sánh chuỗi RNA của loại vi-rút mà chúng ta lấy được từ đứa bé gái với ngân hàng chuỗi có trong ổ cứng. Những vị trí giới hạn được đưa vào nổi bật lên như một ngón tay cái bị sưng. Tôi muốn nói với chị, đứa trẻ con ấy hoàn toàn không nhiễm bất kỳ một loại cúm cổ điển nào trong ngân hàng ấy. Chắc chắn một trăm phần

trăm rằng đứa bé đã bị nhiễm một thứ vi-rút được biến đổi gien mạnh mẽ nhất.”

Amy ng ồi thừ ra một lúc để nghĩ ền ngẫm những gì mà Zoe vừa nói với cô. Chẳng có đi ều gì trong những lời nói ấy là thực sự có ý nghĩa. Cô hỏi, “Có phải đó là thứ đã giết được đứa bé gái ấy không? Thứ bệnh cúm nhân tạo ấy?”

Giọng của Zoe đến tai cô nghe mơ hồ như hơi gió thổi suốt ba dặm đường để vượt qua thị trấn. “Tôi không phải là người đ ầu tiên có ý tưởng ấy.”



# CHƯƠNG MƯỜI SÁU

## I

MacNeil chuyên hướng vượt qua trạm xe điện ngầm vắng lặng ở Nam Kensington để vào con đường cổ Brompton. Cơ sở được cấp quyền kinh doanh của Lamborghini ở London đã bị quét sạch từ lâu. Những cửa sổ của phòng trưng bày đã bị đập tan; khoảng không gian sàn ở phía dưới, một thời đây quyến rũ bởi những chiếc xe đắt giá nhất thế giới, nay cũng trống rỗng và phơi ra với môi trường. Ngân hàng Hoàng gia Scotland ở ngay bên cạnh đã bị che chắn toàn bộ, mái vòm của tòa nhà đã bị gỡ đi bởi chính nhà ngân hàng rồi chuyển đến cho những cơ sở an toàn hơn. Chẳng có điểm nào để bọn cướp bóc có thể xâm nhập, và thế là bọn chúng đã trút nỗi thất vọng của chúng vào việc thể hiện những bức vẽ kiểu nghệ thuật đường phố chứa đựng những ngôn ngữ nhiều màu sắc hơn.

Chiếc ghế dài đặt trong một vùng công viên nhỏ bé hình tam giác nằm ngay giao lộ thông thường vẫn bị chiếm ngụ bởi hai ba nhóm người say sưa tập hợp lại với nhau để chia sẻ nỗi bất hạnh của họ, uống những lon bia đựng trong các túi giấy rồi phun ra khắp không gian những lượn khói thuốc lá cùng những tràng cười vô nghĩa. Trước nỗi xấu hổ của MacNeil, vì anh vẫn luôn nghe được những giọng nói của dân Scot vang lên trong đám ấy. Nhưng tất cả giờ đã biến mất. Những gian bếp phát cháo đã đóng cửa, và đám đàn ông lúc nào mặt cũng đỏ gay vì say xỉn hết năm này qua năm khác hẳn đã là những con mồi cho H5N1.

Những thiệt hại ở đây ít hơn ở vùng trung tâm thành phố, có ít những dấu hiệu của sự cướp bóc. Con đường cổ Brompton là nơi tọa lạc những cửa hàng nhỏ bé ở tầm mức khu phố. Pizza Organic, Mail Boxes Etc., Waterstones. Những hàng hóa lượm lặt so với những cửa hàng tráng lệ ở khu trung tâm. Và chẳng có tên nào trong đám cướp bóc biết tự trọng lại

muốn bị phát hiện nằm chết chỉ vì tấn công vào một tiệm sách. Thế nhưng hầu hết các tiệm sách cũng đã được che chắn, và chẳng có mấy ánh đèn rọi ra từ các cửa sổ hoặc những dãy phòng hay văn phòng làm việc ở tầng trên.

MacNeil giảm tốc độ đưa xe về số hai rồi chạy từ từ dọc theo con đường tìm số nhà. Anh phát hiện sảnh triển lãm của Flight nằm ở một góc của Quảng trường Cranley, sát một bên quán giải khát có cửa sắt cuốn đóng xuống Café Nazeez. Những cửa sổ của phòng trưng bày này cũng đã được che chắn và nay được dán chồng lên lớp này khi lớp khác bị lột ra bởi những người chuyên đặt áp-phích quảng cáo về tất cả mọi thứ, từ nghệ thuật nhận đặt và giao hàng qua đường bưu điện đến những buổi hòa nhạc bí mật ở những địa điểm không được đặt tên. Đã từng có nhiều loại mái tiêng đình ở góc và ở cả trong Quảng trường Cranley, một lối vào những căn hộ phía trên phòng trưng bày.

MacNeil quẹo vào Quảng trường Cranley và tìm được một điểm đậu xe. Một dãy những ngôi nhà phố có sân thượng tinh khôi sơn trắng chạy dài trong bóng đêm, những dải ban-công bằng thép đúc sơn đen được chống đỡ bởi những cột trụ đặt ở hai bên cửa ra vào. Ở đây cũng có một vài khách sạn và nhà khách, tất nhiên là không có khách, nhưng phần lớn nhà cửa đầu của tư nhân, hầu hết là những căn nhà phát triển không theo trật tự chung được chia nhỏ rồi lại chia nhỏ hơn nữa thành những căn hộ. Bất động sản thượng hạng, từ lâu đã rời bỏ những dãy nhà liên kế thấp lè lè có hai phòng ngủ nhếch nhác mà MacNeil đã có khả năng chấp nhận trong vùng Forest Hill. Ở đầu đằng kia của con đường, trên những ô cửa sổ có cửa cuốn đóng lại của Knightsbridge Pianos, bên dưới một tấm bảng hiệu lớn có vẽ hàng chữ *Cấm dán áp-phích quảng cáo*, mà một họa sĩ theo trường phái nghệ thuật đường phố nào đó có tinh thần hài hước đã phun thêm một hàng chữ *Người dán áp-phích quảng cáo là vô tội!*

Những tấm lưới thép bảo vệ lớp kính cửa của phòng trưng bày Flight nằm dưới một thanh rầm có trang trí màu xanh màu đỏ. Có hai nút nhấn chuông trên hệ thống điện tử kiểm soát việc ra vào, một bên ghi Xưởng Điêu khắc, một bên ghi Flight. MacNeil dừng lại rồi nhìn lên. Xưởng Điêu khắc ở tầng một vẫn sáng đèn. Căn hộ bên trên tối đen. Anh bước tới trước rồi nhấn vào nút chuông của Xưởng Điêu khắc. Sau một lúc, một tiếng rè rè khó chịu của âm thanh điện tử đi kèm giọng nói của một người đàn ông phát ra từ một loa phóng thanh đặt trong tường. “Có chi vậy?”

“Ông Flight, phải không ạ?”

Một lúc im lặng, thế rồi một giọng nặng trĩu sự ngờ vực. “Ai cần đi đâu chi vậy?”

“Thanh tra Hình sự MacNeil, thưa ông Flight. Tôi đang đi đâu tra một vụ giết người vừa xảy ra ở Soho tối nay.”

“Suốt tối nay tôi chỉ ở nhà, thưa ông thanh tra.” Flight nhanh chóng trả lời.

“Đúng. Tôi không nghi ngờ gì về đi đâu đó, thưa ông. Tôi biết rằng ông không giết kẻ đó, nhưng có thể ông biết về anh ta. Tôi vào được chứ?”

“Tên kẻ bị giết là gì?”

MacNeil trả lời, “Kazinski, thưa ông Flight; Ronald Kazinski.”

Lại có một khoảng trống im lặng mà MacNeil phải phá vỡ. Anh lặp lại lời yêu cầu. “Tôi có thể vào được chứ, ông Flight?”

“Ông có nhiệm vụ gì không?”

MacNeil nói dối, “Không đâu thưa ông. Nhưng tôi được bảo vệ mà.”

“Hãy đeo mặt nạ vào nếu ông có sẵn. Nếu không có sẵn, tôi sẽ cấp cho ông một cái. Và vui lòng đeo găng tay. Tôi không muốn ông sờ mó vào bất kỳ thứ gì trong xưởng làm việc của tôi.”

“Thưa ông, vâng!”

Nghe có tiếng rè rè, kẻ đó MacNeil đẩy để cánh cửa mở ra. Một chiếc cầu thang có lót thảm dẫn lên đầu cầu thang tầng một và một cánh cửa ghi rõ, Xưởng Điều khắc. Ở đó có một cửa sổ, và Flight xuất hiện ở phía bên kia, gương mặt của ông ta hầu như tối sầm bởi một chiếc mặt nạ hai lớp. Ngay cả từ chỗ ông đứng ở lối cửa ra vào. MacNeil có thể thấy rằng Flight có thân hình cao lớn. Ông này có cái đầu kỳ lạ trông nhợt nhạt như xác chết bị che bởi một chòm râu lởm chởm màu thép bạc. Đôi mắt xanh biếc của ông ta nhấp nháy đầy vẻ nghi ngờ nhìn MacNeil qua cặp kính. “Hãy chìa tay của ông ra cho tôi xem”, Flight yêu cầu, thế là MacNeil chìa ra đôi bàn tay của mình, có mang sẵn găng cao su. “Và thẻ hành sự của ông nữa.” Bằng sự kiên nhẫn, MacNeil lấy tấm thẻ chứng nhận của mình ra và mở nó ra trước tấm gương. Flight ngắm soi tấm thẻ tỉ mỉ trước khi mở hãnh khóa cửa xưởng điều khắc rồi quay vào. Ông ta nói, “Trong lúc này không thể nào nói là quá cẩn thận được. Mà xin ông vui lòng, hãy cứ giữ khoảng cách.”

MacNeil bước hẳn vào trong xưởng của Flight. Một nơi từng là một sàn gỗ đánh bóng nay đã vấy bẩn, đầy sứt sẹo và bừa bãi những mảnh vụn của một tính khí nghệ sĩ bừa bãi. Đó là một vùng không gian rộng rãi, được thấp sáng đủ để che phủ vừa đúng toàn bộ diện tích của phòng trưng bày phía dưới. Khoảng một tá những tác phẩm trong những giai đoạn hoàn thiện khác nhau được đặt trên sàn hay trên những chiếc bàn làm việc dài. Một cái đầu bị biến dạng trông rất kệt cớm, những cánh tay bị vặn vẹo, một pho tượng không đầu không tay chân méo mó nham nhở có cả đôi nhũ hoa lẫn một dương vật. Các mặt tường treo đầy những bức phác thảo. Có một chiếc bàn xoay làm đồ gốm, một chiếc tủ trưng bày cao với những ngăn kéo mở sẵn chứa các vật liệu nghệ thuật - sơn, mực, thuốc nhuộm, dụng cụ điêu khắc, giấy can. Sân khấu trung tâm là bàn làm việc của Flight cùng với tác phẩm mà ông ta đang tạc dở. Một cánh tay đứng trên những ngón tay, một phần còn nguyên, phần khác đã bị tước bỏ lớp thịt chỉ còn trơ lại gân và xương, một nửa cái đầu mọc ra từ nách, một bộ não phơi bày được cắt sâu đến tận vùng trung tâm hé lộ tất cả những nếp gấp, kết cấu và màu sắc. MacNeil đang tự hỏi làm thế nào để pho tượng điêu khắc dở dang này có thể đứng được cho đến khi anh trông thấy một thanh đỡ xuyên qua cánh tay phía trên. Đối với tất cả những sự méo mó không tự nhiên này, có một phẩm chất gần như đời sống không thể nào chấp nhận được. Đó thực sự là tất cả những tác phẩm của Flight.

Có đi đâu gì đó thể hiện sự chán ghét của MacNeil rõ ràng không qua được cặp mắt của Flight. Ông ta cười bằng mắt với vẻ khinh khỉnh và thái độ bẽ trên, “Ông không thích tác phẩm của tôi, có phải không thưa ngài thanh tra?”

“Tôi thích một bức tranh dễ chịu mà tôi có thể treo trên tường nhà mình.”

“Chẳng hạn...?”

MacNeil nhún vai, “Tranh Vetrriano...”

Flight tiếp lời, “À, *Người Quản gia đang hát*. Tôi thường tự hỏi ai mua những thứ như vậy.” Ông ta quay lại với tác phẩm dở dang của mình. “Bộ não là một chủ đề lôi cuốn, ông có nghĩ như vậy không? Tất nhiên, ông phải biết đôi đi đầu về bộ não. Cuống tiểu não giữa. Bướu nhỏ phần trên của não.” Ông ta chỉ vào những thùy những điệp thuộc về kết cấu của bộ não mà ông ta đang tạc. “Một bộ phận đáng ngạc nhiên của tài năng công nghệ.

Thật là phi thường khi nghĩ rằng chỉ bất kỳ ai cũng có một bộ phận ấy. Tất nhiên, chúng có mặt trong tất cả mọi mô hình, từ một chiếc Rolls Royce đến một chiếc Mini.”

“Thế ông có cái gì vậy, thưa ông Flight?”

“Tôi thích nghĩ rằng có lẽ mình thuộc về khuôn khổ của BMW. Thế còn ông, thưa ngài thanh tra?”

“Ồ, có lẽ là một chiếc Ford Granada.” MacNeil nói, “Chắc chắn, đáng tin cậy, không cần phải bảo dưỡng nhiều, và cứ thế mà chạy cho đến lúc đến được đâu đó. Thế ông có thể nói cho tôi biết những gì về Ronald Kazinski, thưa ông?”

“Tôi e rằng chẳng có gì.” Flight bắt đầu quay tròn tác phẩm điêu khắc của mình, đưa một ánh mắt suy nghĩ trên những đường cong, những mặt phẳng. Bây giờ MacNeil mới nhận thấy ông ta quả là một người có chiều cao. Có lẽ khoảng một mét tám lăm, và rõ ràng là hơi mỏng mảnh, có những ngón tay dài thon như ngón tay phụ nữ. Ông ta khoác một chiếc tạp dề trắng dài trông giống như chiếc áo choàng của một nhà phẫu thuật. Chỉ khác ở chỗ nó bị vấy bẩn bởi đất sét và máu chứ không phải là máu. “Tôi chưa bao giờ nghe nói về tên này.”

“Nhưng tên ấy lại biết đến ông.”

Flight ném cho ông một cái nhìn sắc lẹm, “Vậy à? Nó nói với ông như vậy à?”

“Không, thưa ông Flight. Tên đó chết rồi. Ông có muốn biết tại sao y chết không?”

“Đi đâu đó không liên quan gì đến tôi.”

“Y bị bắn ba phát đạn quanh ngực.”

“Thật là tội nghiệp cho nó.”

“Nhưng y lại có một tấm danh thiếp làm ăn của ông trong bóp.”

“Thế à? Xem nào, ông biết đấy, có lẽ có tới vài ngàn người mà ông có thể nói về đi đâu ấy.”

“Phần lớn những người ấy có lẽ đều quan tâm đến nghệ thuật.”

“Vậy cái ông Kazinski ấy lại không à?”

“Y chỉ là công nhân của một lò hỏa táng, thưa ông Flight. Y sống trong một khu ổ chuột ở bờ nam con sông.”

“VẬY TÔI GHI NHẬN Ý KIẾN CỦA ÔNG.”

MacNeil đưa mắt nhìn quanh xưởng điêu khắc, lướt từ công trình tạc tĩu này đến tác phẩm khiêu dâm kia. Anh nói, “Tất nhiên, có lẽ y nhất được tấM danh thiếp của ông tại Câu lạc bộ Băng Đen. Ông có biết nơi đó không?”

“Tất nhiên, tôi có nghe nói đến chỗ ấy. Nghệ thuật trình diễn tiên phong. Gây choáng chỉ để tạo được sự choáng váng.”

“Một lãnh địa quen thuộc với ông, tôi đã nghĩ vậy.”

Flight ném cho anh một ánh nhìn khinh miệt.

MacNeil hỏi b ấI thêm, “VẬY ÔNG CHƯA BAO GIỜ CÓ MẶT Ở ĐẤY À?”

“Thực vậy thưa ngài thanh tra, hãy tin tôi đối với những thị hiếu tầm thường.”

MacNeil nói, “Vâng, tôi tin. Rất tầm thường.” Anh nhìn quanh xưởng điêu khắc. “H ẦU HẾT LÀ TỆ HẠI.”

Sự kiên nhẫn của Flight đối với MacNeil đã bắt đầu hao mòn. “Nếu tất cả chỉ có như vậy thì, thưa ngài thanh tra, tôi muốn được tiếp tục công việc, trong trường hợp không làm phiền ngài.” Ông ta gạt đầu hướng về phía tác phẩm đang làm dở của mình, “Những thời khắc của buổi tối là lúc sáng tạo nhất của tôi.”

“Tôi chẳng ngạc nhiên chút nào.” MacNeil trả lời. Đã có nhiều hơn chỉ một chút gì đó về cái đêm liên quan đến nhà điêu khắc nhợt nhạt như xác chết này.

Ông ta dành cho MacNeil sự khúm núm, “CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA NGÀI, THƯA NGÀI THANH TRA.”

## II

**P**inkie d ỗI theo MacNeil l ườI chiếc xe vào con đường cổ Brompton rồi quẹo về hướng trạm xe điện ngầm South Kensington. H ắN chờ cho đến khi những ngọn đèn đuôi xe biến mất, lúc ấy h ắN mới rời khỏi xe của mình rồi chậm chạp bước qua đường đi đến cánh cửa lưới thép màu xanh ở căn hộ

của Flight. Hắn ng ần ng ờ một lúc rồi nhìn quanh. Có những ánh đèn chiếu sáng trong sảnh lớn của một khu nhà kính ở phía bên kia Quảng trường Cranley, nhưng hắn không nhìn thấy bất kỳ người nào đi lại ở chung quanh. Hầu hết những cửa sổ khác trên con đường này đều chỉ là những hồ đen, những tấm màn che bảo vệ đã được thả xuống để cách biệt với một thế giới rừng rợn bên ngoài. Pinkie ghét phải đeo khẩu trang, nhưng đeo khẩu trang cũng có một tác dụng tốt. Gương mặt của hắn được che giấu mà không ai thấy đó là đi ều kỳ lạ. Bất kỳ nhân chứng nào được cảnh sát hỏi ít nhất cũng khẳng định được một đi ều, *Tên đó có đeo khẩu trang, thưa ngài sĩ quan.*

Hắn nhấn vào nút chuông của xưởng điêu khắc. Chỉ sau một lúc, giọng gi ận dữ của Flight vang lên qua lớp lưới của chiếc loa phóng thanh, “Còn vấn đề gì nữa vậy?”

“Pinkie đây.” Có một khoảng im lặng kéo dài trước khi tiếng còi báo vang lên và hệ thống khóa điện tử tự động mở cửa. Pinkie bước vào trong và nhắc cái then cài cửa ra khỏi ổng khóa để cho cửa vẫn sẵn mở sau lưng hắn. Hắn ghét bị nhốt ở bên trong. Hắn nhớ lại chiếc tủ quần áo nằm dưới cầu thang chỗ mẹ hắn nhốt hắn vào đấy mỗi khi bà có khách đến thăm. Bà không muốn ai biết rằng trong phòng còn có một đứa trẻ con. Nhưng bà đã khiến cho chỗ ấy thật dễ chịu đối với hắn, có ánh sáng, có những quyển sách vẽ và một ít đồ chơi. Và cả một tấm thảm để chơi chán thì hắn có thể ngủ. Đó là hang là ổ của hắn, bí mật và an toàn. Hắn không bao giờ cảm thấy khó chịu vì bị nhốt, cho đến cái đêm hắn nghe tiếng thét của mẹ hắn.

Flight nhìn chăm chăm vào hắn qua tấm kính gắn trên cửa xưởng điêu khắc trong trong lúc Pinkie cười nhăn nhở đằng sau chiếc mặt nạ và vung vẩy đôi tay có đeo găng của mình trong không khí. Flight mở hắn cửa ra, “Chú em muốn gì?” Nhà điêu khắc cẩn thận giữ khoảng cách giữa hai người.

“Jonathan này, ông anh vừa có một người khách.”

“Một tên cảnh sát rất thô lỗ.”

Pinkie lúc lắc một ngón tay trong việc nhắc nhở người chủ xưởng, “Không nên phê phán nặng nề như vậy, anh Jonathan à. Ông MacNeil tội nghiệp vừa mất một đứa con trai ngay trong ngày hôm nay.”

Flight thở nhàn, “Có lẽ đi đâu đó giải thích vì sao hấn lại thô lỗ đến như vậy.”

“Hấn ta muốn đi đâu gì?”

“Y muốn biết rằng tôi có quen biết Ronnie hay không.”

“Thế anh nói với hấn những gì?”

“Rằng tôi chưa bao giờ nghe nói đến thằng nhóc kia. Tất nhiên.”

“Và hấn tin anh à?”

“Tại sao hấn không tin chứ?”

“Tại sao hấn nghĩ rằng anh và Ronnie có quen biết?”

“Rõ ràng là Ronnie có giữ tấm danh thiếp làm ăn của tôi trong bóp.”

“À ra vậy.” Đi đâu đó đã giải thích cụ thể. Pinkie dạo quanh xưởng điêu khắc rồi chú ý sẫm soi phần nửa bộ não bị phơi ra ngoài với một sự tò mò đầy trân trọng. “Cái này là thật à?”

“Đừng sờ vào.” Flight cúi kính nạt lên. Rồi hỏi tiếp, “Chú em thanh toán Ronnie rồi à?”

Pinkie mỉm cười, “Anh Jonathan à, tôi có thể bàn bạc với một chút rượu.”

“Tôi đang sáng tác.”

“Anh Jonathan à, tôi có thể bàn bạc với một chút rượu.” Pinkie tự lặp lại một mình như thể đưa ra đòi hỏi lần đầu tiên.

Đi đâu đó có tác động đến Flight. Nhà điêu khắc có vẻ dao động. “Mình phải lên trên lầu.”

Phòng khách trong căn hộ của Flight nhìn xuống phố cổ Brompton và được trăn thiết dựa trên nguyên tắc mà các tạp chí thiết kế gọi là theo yêu cầu tối thiểu. Ván sàn trơn chỉ được mài nhẵn và đánh bóng bằng sơn dầu. Tường trổ trụi sơn màu kem. Một chiếc bàn mặt kính thủy tinh với sáu chiếc ghế dựa khung thép tráng chrome nệm da đặt sát cửa sổ. Có hai chiếc ghế dựa bằng da đỏ có đôn đặt chân, một chiếc tủ trưng bày chạm trổ sơn mài màu đen dài và thấp, sau cùng là một chiếc máy truyền hình có màn hình plasma thật mỏng đặt trên một cái bệ bằng thép không gỉ. Tác phẩm nghệ thuật duy nhất có trong phòng là một pho tượng có hai chi tiết riêng biệt do chính Flight tạc, đặt trên một bệ tượng cao màu đen. Pinkie nhìn tác



phẩm ấy với một thái độ ngán ngẩm, “Tôi không hiểu làm thế nào mà ông anh lại chịu được có những thứ như thế này trong nhà”.

Flight không thèm làm tăng giá trị cho lời bình phẩm ấy bằng một phản ứng. Ông ta hỏi lúc mở ngăn đựng rượu trong chiếc tủ trưng bày, “Whisky nhé?”

“Lấy Cognac đi.”

“Tôi chỉ có loại Armagnac.” Giọng Flight nghe có vẻ phiền muộn. “Loại rất đắt.”

“Thì đành phải vậy thôi.”

Flight rót một lượng rượu vừa phải vào trong một chiếc ly đơn dùng uống rượu mạnh.

“Ông anh không cùng uống với tôi à?”

“Tôi không bao giờ uống rượu trong lúc làm việc.”

“Hãy phá lệ một bữa đi.” Pinkie bước đến cửa sổ nhìn xuống con đường bên dưới. Hắn nghe tiếng Flight thở dài rồi đi lấy thêm một chiếc ly nữa. Có tiếng động cơ xe bất thường từ dưới đường vang lên, đèn pha quét vào những cửa hàng đã đóng kín cửa ở phía đối diện rồi một chiếc xe dừng ngay bên ngoài phòng trưng bày. Pinkie áp sát mặt vào kính cửa sổ để nhìn rõ xem đó là ai thế rồi bật ngược ngay trở lại như thể bị gió thổi thốc vào. MacNeil đang ra khỏi xe rồi rảo bước trên vỉa hè. Pinkie nhanh chóng quay lại phía Flight, bấy giờ vừa nhìn lên với sự ngạc nhiên tốt độ, chai rượu Armagnac trong tay ông ta còn đang lơ lửng trước miệng chiếc ly thứ hai.

“Chuyện gì vậy?”

Pinkie mỉm cười. Đó là khoảnh khắc mà hắn thích thú nhất, “Là lúc để ông anh khắc họa một trong những bức tượng của mình, anh Jonathan ạ!”

### III

MacNeil ngược nhìn lên và thấy có ánh đèn cả ở xưởng điêu khắc lẫn ở trong căn hộ. Anh đi vòng vào Quảng trường Cranley rồi nhấn vào cả hai

nút chuông. Không nghe tiếng trả lời. Anh chờ đến khoảng gần ba mươi giây sau mới thử lại lần nữa. Vẫn không trả lời. MacNeil bắt đầu mất kiên nhẫn. Anh đã chạy thật xa, đến tận đại lộ Nhà Vua trước khi suy nghĩ ấy ập đến với anh. Một ý nghĩ thật lạ lùng trong phạm vi kinh hoàng của nó đến nỗi gần như không thể nghĩ đến được. Nhưng anh không thể không nghĩ về nó. Và vì thế anh cảm thấy mình bắt buộc phải quay trở lại, dù chỉ để giải tỏa suy nghĩ ấy trong tâm trí. Và lúc này thì Flight đang giở trò. Anh giơ tay lên để đập mạnh vào cửa và gọi to, “Thôi nào, Flight, mở cửa đi.” Tiếng gọi giận dữ của anh vang vọng khắp con đường trống vắng, trong khi đó cánh cửa chuyển dịch dưới cú đấm của nắm tay anh siết chặt. MacNeil sững người lại, cánh tay của anh vẫn còn vung trong không khí. Sự ngạc nhiên của anh lập tức chuyển thành một cảm giác nghi ngại. Cánh cửa đã khóa lại sau lưng anh khi anh đi khỏi. Anh biết chắc đi đâu đó. Anh đã kéo cho nó khép lại. Anh cố gắng thử đẩy cánh cửa bằng những đầu ngón tay, nó bật nhẹ vào trong. Anh bước vào hành lang và thấy cửa chỉ được khép lại mà không khóa. Anh nghiêng đầu rồi nhìn lên cầu thang. Một ngọn đèn vẫn đang cháy sáng trên mâm cầu thang đầu tiên.

“Flight! Ông Flight.” Tiếng gọi của MacNeil bị hấp thu bởi tấm thảm và không nhận được câu trả lời. Anh từ từ leo lên thang tới tận chiếu nghỉ đầu tiên. Ánh đèn của xưởng điêu khắc soi sáng qua những ô kính trên cửa ra vào, MacNeil nhìn kỹ vào bên trong. Không có một dấu hiệu nào của Flight. Anh đẩy hẳn cửa ra. Cửa mở và anh bước sâu vào trong. Cánh tay và cái đầu trông vẫn hết như cách đây mười lăm phút. Chẳng có vẻ gì là Flight đã làm thêm một việc nào trên tác phẩm ấy của ông ta. MacNeil nhìn quanh những tác phẩm khác bằng con mắt khác. Một khung cửa ở phía sau dẫn đến một nơi có vẻ là một căn phòng khác. MacNeil băng ngang qua xưởng điêu khắc để mở cửa ấy ra. Quả thực, nó dẫn đến một kho lạnh không cửa sổ có thể bước vào được. Có một chiếc bàn làm việc bằng gỗ thật dài bị xây xát và lấm lem, được trang bị một chiếc mỏ cặp khổng lồ và tất cả những loại công cụ được treo trên những chiếc đinh móc đóng vào tường. Dao, cưa, đủ hạng dao bầu cho các mức trọng lượng khác nhau, thuộc kiểu mà người ta có thể thấy trong một cửa hàng bán thịt. Một cái khay đặt trên mặt bàn làm việc xếp một dãy những con dao mổ thuộc đủ loại kích cỡ. Có một cái nĩa hấp được cắm vào ổ điện ở bức tường phía sau gần một chiếc máy cưa lắc và một dãy những chai nhựa chứa chất tẩy

trắng. Khu vực này khá lạnh, không khí nặng nề mùi acid của thuốc sát trùng. Nhưng vẫn còn một đi đâu gì khác mà MacNeil chưa thể nhận biết rõ rệt.

Một số bình chứa mờ đục xếp dọc theo một cái kệ được gắn nhãn chất dẻo phun.

MacNeil có một cảm giác tởm về nơi này, tưởng như có những ngón tay lạnh lẽo sờ vào cổ. Anh rung mình và cảm thấy như mình đang có mặt trước một đi đâu gì đó vô cùng nham hiểm. Có một sự rung lắc kỳ lạ, và không gian tràn ngập tiếng rền của thiết bị điện tử cùng với tiếng lạch cạch của thủy tinh chạm vào nhau. Anh quay lại để thấy đằng sau cánh cửa là một chiếc tủ lạnh khổng lồ cao gần đến trần nhà. Nó được chia thành hai ngăn. Anh mở cánh cửa ngăn trên; một ánh đèn có vẻ như chớp chớp hé lộ những giá đựng đầy chai lọ có nút thủy tinh. Chúng chứa đầy những loại chất lỏng có màu khác nhau. Có một mùi tuy khó chịu nhưng lại quen thuộc một cách kỳ lạ trong tủ lạnh. MacNeil chọn một chai rồi xoay nó quanh một vòng và thấy nhãn của nó ghi là Formalin, ngay lập tức MacNeil biết tại sao nó có mùi quen thuộc. Đó là loại mùi thường xuyên xuất hiện trong phòng khám nghiệm tử thi. Đó chính là Formaldehyde. Được sử dụng trong các phòng thí nghiệm y tế và các nhà xác như một chất bảo quản. Có ba món mang hình dạng như những miếng xúc xích nhỏ đặt trên đĩa thủy tinh nằm trong khay thịt. MacNeil nhấc cái khay ra và gần như làm rơi. “Chúa ơi!” Sự khiếp sợ khiến anh buột miệng thốt ra những lời không cố ý, và giọng nói của anh dường như quá ồn ào trong không gian chật hẹp này. Ba món trông giống xúc xích trên đĩa ấy chính là những ngón tay. Những ngón tay của con người. Anh nhanh chóng đẩy cái khay thịt trở lại giá của nó và đóng cửa ngăn lại. Anh run rẩy và phải một lúc sau mới phục hồi được sự bình tĩnh, ổn định hơi thở trước khi mở cửa ngăn dưới để lộ ra bốn ngăn kéo có độ lạnh sâu. Hầu như anh không cần phải mở những ngăn kéo ấy ra để biết bên trong có gì.

Nhưng cơn choáng váng khi anh mở ngăn trên của chiếc tủ lạnh ấy vẫn buộc anh phải ngừng lại một chút để suy nghĩ. Cái đầu của một người đàn ông trờ trờ nhìn vào anh, cặp mắt mở to, da thịt trắng như phấn và nhợt nhạt dưới lớp sương giá. MacNeil buộc phải mở nốt những ngăn kéo khác. Những cánh chân, cánh tay, những bàn chân, bàn tay. Cả một bộ phận

thân thể không đâu không chân tay trong ngăn kéo cuối cùng. Của một người phụ nữ.

MacNeil đóng sập cửa tủ lạnh lại và đứng thờ đốc, cố gắng ngăn cho mật đường trào ngược từ dạ dày. Thứ này còn tệ hại hơn mứt và bánh mì kẹp của gã Bào thai rất nhiều. Thứ này là thật. Anh loạng choạng đi vào xưởng điêu khắc nhìn lướt qua tất cả những mảnh cơ thể mà Flight đã “điều khắc.” Anh sai bước qua sàn xưởng điêu khắc rồi giật mạnh tác phẩm đang thực hiện dở dang khỏi cái cột chống của nó, nâng cái thứ gọi là pho tượng ấy lên quá đầu rồi đập mạnh nó xuống cạnh bàn. Phần nửa của cái đầu tự tách rời ra khỏi cái cánh tay rồi lăn lông lốc trên sàn, còn phần được phơi bày của cái cánh tay ấy thì nứt toác ra. Có một tiếng cách nghe như tiếng nổ của một phát súng trường, cánh tay ấy treo lủng lẳng thành hai nửa trong bàn tay của anh, phần xương hoàn toàn gãy vụn. Và lúc này thì anh đã biết, nó đúng là xương. Xương người. Flight không phải là một nhà điêu khắc. Hắn ta chỉ là một kẻ ăn cắp ý tưởng từ thiên nhiên. Thu thập những bộ phận cơ thể của con người rồi từ đó chế tác theo thiết kế đã bại của chính mình. Khử trùng, bảo quản, làm dẻo, sơn, là bất kỳ đi đâu quý quái gì mà hắn ta thực hiện với những bộ phận cơ thể đã thu thập được.

Và MacNeil đã biết rằng Flight cũng đã nói láo về mối liên hệ với Kazinski. Anh biết rằng hai tên này hẳn là phải đã cộng tác với nhau từ khi Kazinski nhận công việc ở lò hỏa táng. Kẻ chuyên cung cấp những bộ phận thân thể cho nhà điêu khắc nổi danh. Anh vẫy cái cánh tay ấy ra như thể nó đang cháy bỏng, hầu như không kiên chế được cơn giận và sự ghê tởm. Có phải đây cũng là nơi mà đứa bé gái kia bị giết mổ? Da thịt đã bị tước ra khỏi phần xương của đứa bé. Bộ xương của đứa bé bị tháo rời ra. Anh nhìn lại vào căn phòng từng được dùng như một nhà kho với chiếc bàn làm việc vậy bản cùng với một dãy những dụng cụ cắt thái và cảm thấy buồn nôn.

“Flight!”, anh gào lên nhưng chỉ được đáp lại bằng một sự im lặng.

Anh chạy ra ngoài đến chiếu nghỉ cầu thang rồi leo lên cầu thang thứ hai, vượt từng bước hai bậc thang một. Anh tiếp tục gọi tên của Flight nhưng vẫn không nghe tiếng trả lời. Có ba khuôn cửa trở ra trong một đoạn hành lang ngắn. Anh đập tung chúng ra từng ô cửa một. Cánh cửa thứ nhất là vào một phòng tắm, có đồ gốm men lam mát lạnh và một vòi tắm đặt trong phòng kính. Chậu rửa tay là một bồn đựng nước bằng gỗ đứng độc lập được đặt trên một trụ gỗ gỗ. MacNeil nhìn thấy hình ảnh của chính

mình, cặp mắt hoang dại nhìn chằm chằm được phản chiếu trên một tấm gương lớn chiếm cả bề mặt một bức tường. Gương mặt của anh sưng lên, bầm tím và đầy những vết xây xát đến nỗi hầu như anh không nhận ra đó là mình. Ông cửa thứ hai dẫn vào một phòng ngủ. Những tấm lụa đen, một tấm thảm màu kem, thoang thoang mùi hôi của những đôi chân không sạch và mùi nước hoa rẻ tiền. Ông cửa thứ ba mở ra một phòng khách rộng rãi nhưng đơn sơ. Flight đang ngồi trên một chiếc ghế dựa dài bọc da đỏ, một chân đặt trên chiếc đôn kê, một tay choàng qua mé phải một chiếc ghế dựa. Hắn ta vẫn khoác chiếc áo choàng kiểu bác sĩ giải phẫu. Có đi đâu bấy giờ chiếc áo ấy đã loang lổ máu, rỉ ra từ ba lỗ đạn đặc trưng ngay trước ngực. Cái đầu có mái tóc lỏm chỏm bạc của hắn ta nghiêng về trước. MacNeil chần chịt bước về phía tử thi rồi sờ vào động mạch cổ của người chết. Không thấy mạch đập và da thịt đã cho cảm giác lạnh lạnh. Nhưng MacNeil biết hắn ta chỉ có thể mới chết vào vài phút trước.

Anh nhanh chóng xoay người lại, đột nhiên cảm nhận được tình trạng dễ bị tấn công của chính mình. Không có một người nào ở đó. Không một âm thanh nào làm xáo trộn sự yên lặng trong toàn thể ngôi nhà.

MacNeil liếc nhìn chiếc tủ trưng bày có phủ sơn màu đen. Cánh cửa của ngăn đựng thức uống vẫn mở. Bên trên có hai chiếc ly, cạnh đó là một chai Armagnac. Một trong hai chiếc ly có chứa khoảng năm xăng-ti-mét của một chất lỏng màu hổ phách ám khói. Chiếc ly kia trống rỗng.

MacNeil ngồi trên chiếc ghế tựa kia và gục đầu vào lòng hai bàn tay, lấy cả hai tay vuốt những lọn tóc bù xù của mái tóc đen cắt ngắn. Anh biết chắc rằng không có bất kỳ người nào trong tòa nhà này. Thế nhưng trong khoảng thời gian anh lái xe đến đường Nhà Vua rồi quay trở lại, có kẻ nào đó đã đến đây và sát hại Flight. Hai chiếc ly trên tủ trưng bày, một ly đầy và chưa chạm tới, ly còn lại trống rỗng. Như thể Flight đã bị làm gián đoạn trong lúc đang rót rượu. Một cho chính mình. Một cho kẻ giết hắn ta.

Có phải chính MacNeil là người đã gây nên sự gián đoạn ấy cho họ không? Kẻ giết Flight có còn ở trong nhà khi anh vào không? Anh cho rằng có thể trong khi mình đang lục soát xưởng điêu khắc thì kẻ giết người đã chuồn xuống cầu thang và trốn thoát. Im lặng, không ai nhìn thấy. Như một bóng ma. Một hồn ma đã ám ảnh MacNeil ở bất cứ nơi nào anh đến, giết chết tất cả những người mà anh tiếp xúc: mấy thằng nhóc trong khu nhà ở South Lambeth, kẻ đó là Kazinski và bây giờ tới Flight. Nhìn nhà

điều khắc nghiệt gục đầu vào ngực, MacNeil nghĩ rằng hẳn chưa phải là đã chết đối với cuộc đời này. MacNeil biết rằng mình cần phải báo cáo về trường hợp này. Nhưng anh không muốn dây dưa. Chỉ cần một lời cảnh báo ẩn danh từ số điện thoại của Flight thì cảnh sát địa phương sẽ đến kéo đến làm biên bản, mặc dù có thể phải đợi đến khi giờ giới nghiêm chấm dứt. Những gì họ tìm thấy ở đây phần lớn sẽ tự giải thích.

MacNeil đứng dậy và bước về phía chiếc tủ trưng bày. Anh lục lọi tất cả các ngăn kéo, cẩn thận không làm rối loạn bất cứ thứ gì có thể có ích cho cảnh sát khi họ đến. Anh chỉ thấy những tờ rơi cũ quảng cáo việc triển lãm tác phẩm của Flight, những bản phác thảo và những ghi chú viết nguệch ngoạc, một bộ bài Tarot đã cũ sờn, nhiều bút mực và bút chì, biên lai, một số tiền lẻ. Có rất ít thứ khác trong phòng có thể được mô tả là có tính cách cá nhân. MacNeil tự hỏi không biết Flight cất giữ những tài sản vụn vặt tích lũy được của cả một cuộc đời nghệ thuật của hẳn ở đâu. Hoặc có lẽ, vì hẳn đã thu thập cuộc sống của người khác rồi lưu giữ cho hậu thế những cuộc đời ấy trong từng mảnh, cho nên hẳn tích trữ ít ỏi hoặc chẳng giữ gì cho riêng mình.

Trong phòng ngủ, bên chiếc giường của Flight, MacNeil tìm thấy một món đồ nội thất duy nhất của căn hộ rõ ràng không phải loại sản phẩm được chọn từ danh mục đặt hàng qua thư của các nhà sản xuất người Scandinavia. Đó là một chiếc bàn giấy kiểu cổ loại mặt bàn được quay kín ba phía và cuộn lên được, một thứ gia bảo, có lẽ được truyền lại từ đời khác. MacNeil đã cuộn lại tờ đầu mặt bàn và tìm thấy một đống lộn xộn những giấy tờ, sổ sách. Phiếu tính tiền, biên lai, hóa đơn, một cuốn sổ kế toán chứa đầy những nét chữ nhỏ xíu, nguệch ngoạc và có vẻ run rẩy của Flight. Một chiếc hộp bằng đồng chất đầy những lá thư vẫn còn trong phong bì. Một vài mẫu thư từ riêng tư, nhưng chủ yếu là các hóa đơn đã hoặc chưa thanh toán.

Cuối cùng MacNeil cũng tìm thấy thứ có giá trị. Trong một ngăn kéo nông ở phía sau chiếc bàn giấy kiểu cổ ấy, nép mình trong lớp nỉ xanh, là sổ địa chỉ của Flight. Nó chứa đầy danh thiếp và những dòng ghi địa chỉ được viết nguệch ngoạc trên những mảnh giấy vụn gấp lại. Nhưng đó là bộ sưu tập chính xác của tất cả bạn bè và người quen của Flight, cả trong cuộc sống riêng tư lẫn công việc làm ăn của hẳn, mặc dù MacNeil tưởng tượng rằng ranh giới phân chia giữa hai hạng người này có lẽ khá mơ hồ.

Anh bắt đầu cẩn thận đọc lướt qua bảng chữ cái. Nhưng có quá nhiều tên và cũng không biết thực sự mình đang tìm kiếm điều gì, MacNeil nhanh chóng đổi ý rồi mở thẳng đến phần mẫu tự K, ở đó anh tìm được số điện thoại của Kazinski. Nhưng không có địa chỉ. Địa chỉ ấy sẽ là thừa, một nơi mà Flight sẽ không bao giờ đến, ngay cả trong những cơn ác mộng tồi tệ nhất của nhà điêu khắc này.

Đang định lướt nhanh qua những trang còn lại thì MacNeil phát hiện ra một tờ giấy nhỏ hình vuông gấp đôi và được nhét chặt vào gáy sách. Do vậy, anh để quyển sách được mở ở phần mẫu tự K, đè mạnh cho gáy sách phẳng ra và khéo léo rút lấy mảnh giấy nhỏ ấy. Anh lập tức mở mảnh giấy ra. Trên mảnh giấy có ghi lại nguệch ngoạc một cái tên hoặc có lẽ là một biệt danh nào đó. Pinkie. Và bên dưới biệt danh ấy là một số điện thoại. Căn cứ vào mã số, MacNeil có thể biết rằng đó là số điện thoại di động. Bên dưới con số ấy là một địa chỉ, nhưng lại có một đường kẻ vạch ngang tờ giấy dường như ngăn cách chúng và MacNeil có ấn tượng rằng không nhất thiết chúng có sự kết hợp với nhau. Mặc dù vậy, có thể chúng vẫn có liên quan với nhau theo một cách nào đó. Thế rồi anh lặng đi trong suy nghĩ. Anh nhớ lại những điều Kazinsky đã nói, *Tôi không biết địa chỉ. Đó là một tòa nhà lớn. Chắc là ông biết, một trong những chỗ dành cho những ông bà già giàu có. Đó là một nơi nào đó gần với khu Chung cư Wandsworth.* MacNeil dán mắt vào mảnh giấy trên tay. Địa chỉ ghi trên mảnh giấy là ở đường Routh, khu Wandsworth.

Ngồi trên mép giường, MacNeil giữ chặt tờ giấy giữa những ngón tay hơi run, chăm chăm nhìn vào cái tên, số điện thoại và địa chỉ cho đến khi chúng mờ đi. Anh đói, mệt và rất có thể đang bị choáng. Thật khó để tập trung. Và rồi anh thoáng có một ý nghĩ. Anh vội lấy chiếc điện thoại trên đầu giường rồi bấm dãy số trên mảnh giấy.

Cách đó chừng năm chục thước, Pinkie vẫn ngồi trong chiếc xe hơi của hắn, theo dõi những ánh đèn cháy sáng trên cửa sổ căn hộ của Flight. Hắn tự hỏi MacNeil đang làm gì trong đó, vui thích với điều gì mà anh đã phát hiện, và những gì được phát hiện đó là những bí mật nào. MacNeil đã quá bận tâm đến cái kho nhỏ kính hoàng ở tầng một trong căn hộ của Flight, đến nỗi việc Pinkie rón rén lặng lẽ đi xuống cửa trước rồi biến mất vào màn đêm là một vấn đề hết sức dễ dàng. Pinkie đã cố hình dung sự ngạc nhiên của MacNeil khi anh lên được tầng trên và thấy Flight đang đợi

mình. Pinkie đã không thể cưỡng lại sự cám dỗ phải bỏ công sắp đặt nhà điều khắc ở trong tư thế chào đón trên chiếc ghế da đắt tiền của hắn ta. Nếu MacNeil đã đi thẳng lên tầng trên thì chắc chắn là hắn đã phải nổ súng vào anh. Ngay cả trước rủi ro về sự tức giận của ngài Smith. Pinkie đã tức tởm đến người lên khi cái đầu của Flight không tuân theo sự sắp xếp của hắn mà cứ ngả về phía trước; cuối cùng đến lúc Pinkie cảm thấy buộc phải rời đi vì lý do bảo vệ chính mình, phải bỏ rơi công việc trước khi hắn có thể hài lòng.

Chiếc điện thoại di động của hắn reo lên trên ghế bên cạnh. Hắn nhấc chiếc máy lên rồi nhìn vào màn hình. Màn hình báo tên người gọi hắn là Jonathan Flight. Hắn bỏ chiếc điện thoại xuống, như thể nó đã bị nhiễm độc. Người gọi không thể là Flight được. Chính hắn vừa giết nhà điều khắc này. Hắn cảm thấy nổi da gà khắp cả cổ lẫn vai, trước khi buộc mình phải suy nghĩ hợp với luận lý. Chắc chắn người gọi không thể là Flight. Nhưng là ai đó gọi từ điện thoại của Flight. Vì vậy, người đó chỉ có thể là MacNeil. Nhân danh Chúa, anh ta đã đào đâu ra số điện thoại này? Hắn là Flight đã ghi nó trong sổ địa chỉ, hoặc trong bộ nhớ điện thoại của gã. Nhưng làm thế nào MacNeil biết để sử dụng số này? Pinkie thực sự hoảng hốt.

Ngần ngừ một lúc, cuối cùng hắn nhắc điện thoại và nhấn nút màu xanh lá cây để nhận cuộc gọi. Hắn áp chiếc điện thoại vào tai và lắng nghe nhưng không nói gì. “Xin chào?” Hắn nghe được giọng của MacNeil. “Xin chào?” Nhưng Pinkie vẫn không nói gì. Và rồi hắn cười toe toét. Bây giờ đến lượt MacNeil kinh hoảng.

MacNeil lắng nghe sự im lặng ở chung quanh. Anh có thể nghe rõ tiếng người nào đó đang thở, người nào đó đang lắng nghe, nhưng lại không nói gì; gần như kẻ đó biết rõ ai đang gọi đến. Anh muốn gác máy, chỉ để cắt đứt sự hiện diện hết sức hùng hồn trong trạng thái im lặng của nó. Nhưng cũng có đi đâu gì đó thúc ép trong sự im lặng ấy, và anh cũng ngời cả phút không nói gì. Chỉ lắng nghe. Anh cảm nhận được sự độc ác trong thái độ im lặng ấy, và càng lắng nghe trạng thái im lặng ấy lâu hơn thì anh càng cảm thấy ngọt ngào hơn, cho đến khi cuối cùng anh không thể chịu đựng được nữa, bấy giờ anh mới đập ống nghe trở lại trên giá đỡ. Lúc ấy anh run rẩy, miệng khô khốc. Anh có cảm giác khó chịu rằng anh vừa chạm trán với chính hồn ma đang ám ảnh mình, kẻ đã giết những người đàn ông và



những gã trai, và có lẽ là cả một cô bé gái người Hoa bị hở hàm ếch. Và anh cũng có cảm giác rằng hồn ma này đang ở đâu đó rất gần.

Bản nhạc *Scotland the Brave* bỗng bật lên đoạn điệp khúc vui nhộn khiến MacNeil cảm thấy bồn chồn. Anh thò tay vào túi lôi ra chiếc điện thoại di động và thấy tên của Amy trên màn hình.

“Anh đây, Amy”, anh nói, cố gắng làm ra vẻ rất tự nhiên.

“Có chuyện gì bất thường vậy?”

“Ý em nói sao?”

“Em nghe giọng của anh có vẻ gì đó kỳ kỳ.”

“Chỉ là anh mệt mỏi thôi, Amy ạ.” Anh nhìn đồng hồ. Bây giờ đã là quá nửa đêm. “Lẽ ra em phải đi nằm rồi.”

“Em không thể nào ngủ được. Ước gì em đã không mang cái đầu này về nhà. Có vẻ như đứa bé gái này đang ở trong nhà với em. Âm ảnh em. Em không thể nào đẩy gương mặt của đứa bé ra khỏi tâm trí mình.”

MacNeil nghĩ, trong đêm nay lại có thêm một người khác bị ám ảnh.

“Công việc tiến triển ra sao rồi?”

Anh biết anh không thể nói sự thật với cô. Một ngày nào đó thì có thể, chứ không thể là ngay đêm nay. Anh trả lời, “Anh đã có được một vài manh mối. Anh nghĩ rằng đứa bé đã bị giết hại trong một ngôi nhà gần Khu Wandsworth Common.”

“Lạy Chúa tôi. Điềm này nhiều hơn là một vài manh mối. Làm thế nào mà anh có thể đến được kết luận ấy?”

“Quá phức tạp để có thể đi vào chi tiết trong lúc này. Còn em thì sao? Có gì mới không? Có phản hồi nào từ phòng thí nghiệm không?”

“Thực sự là có. Mà quả tình cũng hơi kỳ lạ, mà em không hề có ý niệm nào rằng điềm đó có quan trọng hay không. Vấn đề là đứa bé đã nhiễm cúm.”

MacNeil sửng sốt, “Đứa bé chết vì cúm à?”

“Chưa nói cụ thể được. Nhưng hoặc là đứa bé bị cúm và đã hồi phục, hoặc nó đã phải chịu đựng căn bệnh ấy cho đến lúc chết.”

MacNeil ngẫm nghĩ về điềm vừa được nghe nói. Cũng vậy, anh cũng không biết liệu điềm đó thực sự có ý nghĩa gì hay không.

Thế rồi, Amy nói, “Tuy nhiên, điều kỳ lạ về việc này là chứng bệnh cúm đó không phải gây ra bởi biến thể của con vi-rút H5N1 ở người, vốn đang giết chết những người khác.”

MacNeil cau mày. “Anh không hiểu.”

“Đây là một biến thể khác của vi-rút cúm gia cầm H5N1. Một loại do con người tạo ra.”

# CHƯƠNG MƯỜI BẢY

## I

Amy gác điện thoại và nhìn chăm chăm vào cái đầu cũng đang trừng trừng ngó về phía cô trong ánh đèn mờ ảo của căn phòng khách trên tầng áp mái. Cặp mắt của cô vẫn bị thu hút bởi cái môi chẻ. Như thể đứa trẻ này đã bị mắc vào móc câu của một ông chài, khiến nó đã ở tình trạng bị biến dạng mãi mãi, rồi sau đó lại bị ném trở lại vào đại dương, ở đó đứa trẻ luôn thấy mình đang bơi ngược dòng thủy triều.

Điêu đó cũng có thể dễ dàng xảy ra cho Amy. Một trục trặc nhỏ nào đó trong mã di truyền quyết định tiến trình của cuộc sống, ngăn cách giữa kẻ thông minh và người ngu dốt, giữa kẻ xinh đẹp và người xấu xí. Amy vừa thông minh vừa xinh đẹp. Đó không phải là một trục trặc di truyền đã quyết định cuộc đời cô, đó là một kẻ say rượu ngổn ngang tay lái xe hơi và vài giây mất trí.

Mặc dù vậy, cô và đứa bé gái ấy - Amy và Lyn - cũng có những điểm chung khác. Một di sản chủng tộc, đến mức có thể còn là một di sản văn hóa nữa. Một đứa bé gái sinh trưởng trong hoàn cảnh nghèo khó ở Trung Quốc có rất ít cơ hội. Amy biết quá rõ điếu ấy. Cô sinh trưởng ở Anh, không phải ở Trung Quốc. Cô sinh ra trong một gia đình tương đối sung túc chứ không phải nghèo khó. Nhưng một nền văn hóa hàng ngàn năm dành ưu tiên cho con trai hơn là con gái đã quá khó để cha mẹ cô giữ bỏ. Cô là con gái đầu lòng, nhưng chính đứa em trai của cô, khi nó ra đời, mới là đứa trẻ mang lại niềm tự hào.

Nếu như cô sinh ra trong vùng nông thôn nghèo khó ở Trung Quốc, có thể cô cũng đã kết thúc trong một trại nuôi trẻ mồ côi, giống như hàng triệu bạn bè cùng trang lứa của mình. Bị bỏ rơi bởi chính gia đình của mình trước những bậc thềm của một đống cảnh sát ở đâu đó, nhờ vậy mà họ có

thể cố gắng một lần nữa để có một đứa con trai. Chính sách mỗi gia đình chỉ có một con của chính phủ Trung Quốc có nghĩa là không có cơ hội thứ hai - trừ khi người ta sống ở thành phố, có tiền và biết cách vận dụng để thay đổi số phận của mình trong hệ thống ấy.

Trong một thời gian rất dài, ở xã hội Trung Quốc, khi người con trai đi lấy vợ, anh ta đưa vợ về sống với cha mẹ mình. Và chính là người con trai cùng với vợ của anh ta có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ khi họ già đi. Nhưng nếu người ta có một cô con gái, đứa con gái ấy sẽ bỏ đi để chăm sóc cha mẹ chồng của nó, và người ta sẽ phải tự lo cho thân mình khi về già. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi con trai được đánh giá cao và con gái bị coi thường.

Amy tự hỏi liệu có phải số phận của Lyn, khi kết thúc trong một trại trẻ mồ côi ở một nơi nào đó, không được yêu thương, không được mong muốn, thậm chí bởi những cặp vợ chồng phương Tây không con muốn nhận nuôi - thì dị tật của bé gái này cũng luôn luôn có tác động chống lại nó. Thế mà ở đây, đứa bé ấy được - hoặc đã được - sống ở London, pháo đài của sự sung túc và đặc quyền phương Tây. Nhưng chỉ để gặp một số phận tồi tệ hơn ở bất kỳ cô nhi viện nào, bị giết hại, bị chặt ra thành từng mảnh rồi bị quẳng xuống một cái hố trong lòng đất.

Một âm thanh rè... rè... đã khiến Amy quay mặt về phía chiếc máy tính của mình. Cửa sổ cuộc trò chuyện gần đây nhất của cô với Sam vẫn hiển thị trên màn hình. Và bây giờ Sam vừa gửi một tin nhắn mới. Amy vận dụng đưa chiếc xe lăn đến bàn làm việc để xem Sam đang nói gì.

- Amy, cô vẫn đang ở đây chứ?

Con trỏ máy tính nhấp nháy với sự sốt ruột không cùng, chờ đợi câu trả lời của Amy.

- Xin chào Sam. Vâng, tôi vẫn đang ở đây. Khuya lắm rồi.

- Tôi không thể ngủ được vì nghĩ về bé gái của cô.

- Tôi cũng vậy. Bé gái ấy cứ nhìn tôi tròng tròng.

- Thật là một điều khủng khiếp khi cô có thể thể hiện được gương mặt của ai đó, nhưng không chỉ ra được cái tên hay một quá trình tiểu sử. Ước gì tôi cũng có thể nhìn thấy bé gái ấy.

- Tôi có thể chụp hình cái đầu này rồi gửi cho ông thấy qua thư điện tử.

- Có thể là vào sáng mai. Con trở nhấp nháy một lúc. Rồi - Jack phát hiện được gì rồi?

- Tôi không biết. Lần gần đây nhất khi nói chuyện với anh ấy, tôi thấy anh ấy có vẻ gì là lạ. Tôi nghĩ anh ấy quăng mình vào vụ điều tra này chỉ để giúp anh ấy đừng suy nghĩ nữa.

- Cô nói về cái vẻ là lạ ấy là có ý nghĩa gì?

- Tôi không biết. Chỉ là một chút... vì khoảng cách, tôi nghĩ vậy.

- Cuộc điều tra tiến triển thế nào rồi.

- Có vẻ như anh ấy có tạo được tiến bộ. Anh ấy nghĩ là đã biết được nơi đưa trẻ bị giết.

Con trở lại nhấp nháy một lúc lâu.

- Làm thế quái nào mà anh ta lại biết được điều đó?

- Tôi chẳng có ý niệm nào cả.

- Anh ta nghĩ rằng chuyện đó xảy ra ở đâu?

- Anh ấy nói điều gì đó về một ngôi nhà ở xa, gần Chung cư Wandsworth.

- Điều đó chẳng có gì cụ thể.

- Anh ấy chẳng bao giờ cụ thể cả.

Cuộc trò chuyện của họ dừng lại. Con trở nhấp nháy liên tục. Lần này đã hai, có thể là ba, phút trôi qua mà không có thêm lời trao đổi nào. Amy phát hiện cặp mắt của cô lại rảo khắp phòng rồi dừng ở chiếc đầu của bé gái một lần nữa. Đứa bé cũng đang theo dõi cô, hầu như trách móc cô trong im lặng. Tại sao Amy không thể làm được gì nhiều hơn? Việc tìm ra kẻ đã giết hại đứa bé ấy khó khăn như thế nào? Thế rồi lại có tiếng rề... rề...

- Amy, cuối cùng cô đã có yêu cầu một mẫu DNA chưa?

- Có Sam ạ. Thế nhưng có thể phải là một hoặc hai ngày.

- Tôi không phấn khởi lắm trước triển vọng cô tìm được một sự tương thích.

- Tôi có hy vọng gì đâu. Thế rồi Amy nhớ lại về Zoe. Mặc dù vậy, tôi đã yêu cầu làm một xét nghiệm PCR để kiểm chứng xem đứa bé có bị nhiễm cúm hay không.

Lại một khoảng thời gian chờ đợi.

- Tại sao cô lại làm như vậy?

- Ông vẫn luôn nói với tôi rằng mọi chi tiết nhỏ bé cũng đều có ích khi người ta cố gắng ráp lại những mảnh của một trò ghép hình.

Con trở lại nhấp nháy nhĩ ầu hơn một chút.

- Vậy cô đã có được một kết quả nào chưa?

- Có đấy! Chúng tôi đã nhận một nghiên cứu sinh trong lĩnh vực di truyền học phân tử được đào tạo ngay trong phòng thí nghiệm, cô Zoe. Cô này là một thứ ngổ ngáo. Nhưng thật sự thông minh. Cô này sẽ thật giỏi khi cô ta trưởng thành. Cô bé ngu ngốc này thực hiện cuộc xét nghiệm ấy quá lâu đến mức cô ta quên cả giờ giới nghiêm cho nên đã bị kẹt lại trong phòng thí nghiệm suốt cả đêm. Tom sẽ hài lòng. Anh chàng này không thể chấp nhận được cô ấy.

- Cô ấy đã phát hiện được điều gì?

- Đứa bé gái đã bị nhiễm cúm.

Có một khoảng gián đoạn ngắn để con trở nhảy múa trước khi Sam trả lời.

- Có phải điều đó chẳng ích lợi gì với bất kỳ thứ gì, phải vậy không?

- Tôi cho là không. Nhưng ở đây có điều gì đó kỳ lạ - Zoe cho biết nó không phải là H5N1. Ít nhất, không phải là phiên bản đang gây nên đại dịch.

- Làm sao cô ấy biết được điều đó?

- Cô ấy cho biết cô đã phục hồi được con vi-rút ấy cùng với việc mã hóa RNA. Điều này vượt qua cả tôi một chút rồi đó, Sam ạ. Một công việc lẽ ra phải được thực hiện ở những nơi hạn chế trong lúc các từ khóa của mã lại không có sẵn ở đây. Dù sao đi nữa, cô ấy cho biết rằng con vi-rút này là đã được biến đổi gen.

Cuộc trò chuyện của họ dứt quãng khá lâu đến nỗi Amy nghĩ rằng Sam đã rời chỗ.

- Xin chào, Sam, ông còn ở đó không?

- Tôi vẫn ở đây mà, Amy.

- Vậy thì ông nghĩ gì? Amy theo dõi sự nhấp nháy như thói miên của con trở.

- Tôi nghĩ rằng điều đó làm thay đổi mọi chuyện.

## II

Pinkie lái xe theo hàng dãy những căn nhà xám xịt từng được các hội đồng địa phương xây dựng với những mảng tường bằng vôi vữa sơn màu vàng của mù-tạc lạng lẽ lướt qua. Thật là vui thích khi lái xe đi loanh quanh trong một thành phố hoang vắng. Không có hoạt động giao thông. Không có đèn đường. Thật dễ dàng để chạy tới chạy lui. Và hẳn chưa một lần bị chặn lại. Hẳn chỉ cần lái xe chậm lại ở tốc độ của người đi bộ mỗi khi hẳn đến gần những trạm kiểm soát của quân đội. Máy quay phim của những trạm gác sẽ nạp số xe của hẳn vào hệ thống máy điện toán trong vòng vài giây là họ vẫy tay cho hẳn đi qua. VIP mà. Nhân vật Tối Quan trọng mà. Không cần thiết phải tiếp xúc. Mọi người đều hân hoan.

Tại Công viên Clapham Common, MacNeil đã cho xe quẹo về phía phải, và Pinkie tin chắc rằng anh không hề có một ý niệm nào về việc mình đang bị theo dõi. Vào ban đêm, chẳng thể nào thấy được một chiếc xe không mở đèn mà lại chạy sau mình tới ba trăm mét. Miễn sao Pinkie có thể thấy được dấu vết mờ nhạt nhất của những ánh đèn đuôi của chiếc xe mà MacNeil đang lái thì hẳn sẽ không thể lạc mất anh. Ít nhất, cũng không phải là khi hẳn bị kẹt trên những con đường chính. Điều nguy hiểm sẽ xảy ra khi anh chạy ra ngoài lộ trình hoặc cho xe quẹo vào một ngã nào đó mà Pinkie không thể nhìn thấy. Khi ấy hẳn phải tiến đến gần hơn và điều đó sẽ trở nên nguy hiểm.

Chiếc điện thoại di động đặt trên ghế hành khách rung lên trong chiếc xe kín bưng. Pinkie liếc nhìn màn hình rồi lập tức trả lời cuộc gọi.

“Xin chào, thưa ngài Smith.”

“Chào Pinkie. Chú em đang ở đâu?”

“Thưa ngài Smith, chúng tôi đang trên đường Battersea Rise. Chạy về hướng Wandsworth Common. Tôi nghĩ rằng MacNeil đang hướng về đường Routh.”

“Tôi e rằng đúng như vậy, Pinkie ạ.”

“Vậy thì chúng ta đang gặp rắc rối.”

“Còn rắc rối nhiều hơn chú em nghĩ. Con nhỏ què ngu ngốc đã yêu cầu làm xét nghiệm PCR trên tủy xương.”

“Và đi đâu đó tệ hại lắm à?”

“Đi đâu đó thật là tệ hại. Chúng đã phát hiện con vi-rút.”

Pinkie lắc đầu. Thằng ngốc đê tiện ấy, Ronnie Kazinski. Thằng đó đã mang lại cho tất cả bọn chúng quá nhiều rắc rối. Đến mức Pinkie ước gì hẳn chưa giết thằng ngốc đó, để cho nó có thể nhìn thấy những hậu quả mà hành động của nó đã gây ra. “Ngài muốn tôi làm gì bây giờ, thưa ngài Smith?”

“Tôi nghĩ chúng ta nên bỏ mặc MacNeil một thời gian, Pinkie ạ. Ngay bây giờ chúng ta buộc phải thực hiện hành động khác.”

### III

Đường Routh nằm ở cuối một tập hợp những con đường được gọi là “Giá gác Bánh mì nướng”. Chẳng phải là không có lý, vì con đường Baskerville quay lưng về phía khu vực Wandsworth Common, và năm con đường khác đầu chạy ra từ đó theo một góc vuông, tạo thành một hình dạng chẳng phải là không giống lắm với một cái giá gác bánh mì nướng. Mặc dù khu này cũng có thể dễ dàng để được gọi là “Cái lược.” Nhà tù Wandsworth chỉ cách đó tầm ném một cục đá, ở phía bên kia của con đường Trinity.

Thủ tướng Anh trong đệ nhất thế chiến là David Lloyd George đã từng sống trong khu vực này, trên đường Routh. Tại căn nhà số ba. Đó là những ngôi nhà phố biệt thự hoặc song lập đáng chú ý được xây bằng gạch đỏ trên ba tầng, nép mình trong bóng tối đằng sau những bức tường và các dây rào chắn, lại được che chở khỏi đường phố bằng những hàng cây và những loại cây trồng làm hàng rào trong các khu vườn đã mất cả hàng trăm năm mới đủ độ lớn. Các lề đường được xếp san sát những chiếc xe BMW, Volvo và Mercedes.

MacNeil đậu xe trên đường Trinity rồi đi bộ suốt đoạn đường để đến được địa chỉ ghi trên mẫu giấy mà anh đã phát hiện được trong căn hộ của Flight. Căn nhà này đứng trong bóng tối đằng sau một rào chắn bằng thép đúc sơn đen. Không có ánh đèn ở bất kỳ ngôi nhà nào, nhưng riêng căn nhà này còn mang không khí của một sự bỏ bê đáng tiếc. Khu vườn nhỏ phía



trước um tùm và rõ ràng là không được chăm sóc. Những chiếc thùng rác rỗng không nằm đầy phè ra bên cạnh. Hầu hết các cửa sổ đều có rèm che hoặc màn mỏng mỏng. Căn nhà này hoàn toàn tương phản với những mảnh vườn được cắt tỉa cẩn thận và những mặt tiền khéo chăm sóc của những cơ ngơi khác dọc con đường. Dưới ánh sáng ban ngày, nó sẽ nổi bật lên như một ngón tay cái bị sưng tấy hoặc một chiếc răng sâu đơn độc giữa một nụ cười rạng rỡ.

Ngôi nhà này nằm cách biệt với một căn nhà khác ở phía trái của nó, nhưng những căn hầm trú ẩn để tránh bom được xây bằng gạch giữa ngôi nhà này và ngôi nhà hàng xóm của nó trong thời thế chiến thứ II cho thấy rằng không có đường để đi ra phía sau, trừ việc đi ngang qua chính ngôi nhà. MacNeil đứng trong một vùng ánh sáng màu vàng bên dưới một cột đèn đường, nhìn kỹ ngôi nhà bằng thái độ của một người thẩm định. Ngôi nhà không có vẻ là đang có người ở. Cánh cổng của ngôi nhà phản đối âm ỉ trong bóng tối khi anh mở nó ra rồi bước vài bước vào đến tận những bậc thềm dẫn đến cửa trước. Đến bảy giờ thì anh có thể thấy rằng đó là một cánh cửa nguyên bản, gần đây đã được phục hồi lại vẻ đẹp rực rỡ như trước. Những ô kính màu khắp chung quanh sẽ rọi ánh sáng màu vào đại sảnh phía bên dưới trong những ngày nắng đẹp. Ngôi nhà không đến nỗi bị bỏ bê như khu vườn. Trên cửa không thấy treo bảng tên. Có một chiếc chuông đẩy về phía bên trái của ô cửa và MacNeil đã nhấn chuông rồi giữ thế nhấn ấy một lúc lâu. Anh nghe có tiếng chuông reo theo kiểu xưa ở đâu đó rất sâu trong tòa nhà. Nhưng tiếng chuông không hề gọi nên một sự trả lời nào. Anh lắc liên tục vào cái vành của hộp thư bằng đồng thau rồi cúi xuống nhấc cái nắp lên để nhìn vào bên trong. Ngoài luồng ánh sáng yếu ớt rọi qua những tấm kính màu từ những ngọn đèn đường bên ngoài những hàng cây, có thể nói trước cửa căn nhà này tối như mực và hầu như MacNeil chẳng có thể thấy được gì. Có một thứ mùi bỏ hoang, ẩm ướt và thối rữa, từ bên trong ngôi nhà phả ra qua chiếc hộp thư, giống như thứ hơi thở nặng mùi, xác nhận cái ấn tượng ban đầu của MacNeil rằng nơi này thực sự đã bị bỏ hoang.

Anh bước xuống các bậc tam cấp rồi đi bộ dọc theo mặt trước của ngôi nhà. Có vẻ như những người hàng xóm đã biến đổi một nửa cái hầm trú bom của họ thành ra một khu nhà tập luyện có một ô cửa sơn màu xanh lam ở mặt trước. MacNeil với tay qua hàng rào và thử cái tay cầm. Căn nhà

không có khóa. Nhưng bỗng nhiên ngôi vườn tràn ngập ánh sáng, một thứ ánh sáng rực rỡ gây chói mắt của đèn halogen. Sự di chuyển của MacNeil đã kích hoạt ngọn đèn an ninh của nhà hàng xóm. Anh vô tình lùi một bước, vướng chân vào một bụi cây, ngã xuống bãi cỏ dài, phơi mình ra trước ánh sáng chói chang của ngọn đèn halogen. Một cánh cửa sổ trên tầng một của căn nhà hàng xóm chợt mở ra, một ông lão hói đầu mặc áo ngủ màu xanh nhạt nghiêng người ra bên ngoài nâng một khẩu súng ngắn lên vai. Ông lão chĩa trực tiếp khẩu súng vào MacNeil rồi hét lên, “Ra khỏi khu vườn. Mau.”

MacNeil đứng dậy, phủi bùn trên áo khoác và che mắt trước ánh sáng, “Nếu không thì sẽ làm sao, ông bắn tôi à?”

“Tôi cảnh báo anh.”

“Ông có giấy phép sử dụng thứ này không?”

“Tôi sẽ gọi cảnh sát đây.”

“Trễ quá rồi. Họ đã ở sẵn đây rồi.”

Người đàn ông lớn tuổi ấy để cho khẩu súng trượt khỏi vai một chút, rồi nhìn xuyên qua những cành trụi lá của cây thanh lương trà để thấy hình dáng con người trong khu vườn kế bên “Ông là sĩ quan cảnh sát à?”

“Đúng vậy.”

“Cho tôi xem một giấy xác nhận nào đó coi!”

“Thưa cụ, khó có khả năng cụ có thể đọc được giấy chứng nhận của tôi ở đây.”

“Hãy leo qua hàng rào rồi tiến về cửa trước. Ở đó có một máy quay phim an ninh. Hãy giơ giấy chứng nhận ra trước máy quay phim.”

MacNeil thi hành theo yêu cầu của ông lão, làm toạc mất chiếc áo khoác trong lúc anh trèo qua hàng rào. Anh nghe tiếng rách ngay phía sau lưng mình. Anh tiến đến gần máy quay phim an ninh được đặt ngay bên ngoài tầm với trên một trong hai cây cột chống cổng vòm phía trên một mái hiên mở. Anh giơ tấm thẻ hành sự của mình mở ra hướng về phía ống kính máy quay. Người đàn ông có khẩu súng đã không còn có mặt ở ô cửa sổ nhưng lúc này giọng nói của ông lão vang ra từ một chiếc loa phóng thanh đặt ở đâu đó trong mái hiên, “Được rồi, ông thanh tra. Tại sao ông lại lén lút đi quanh nhà tôi vào lúc mới một giờ sáng.”

“Tôi chỉ quan tâm đến căn nhà kế bên mà thôi, thưa cụ Le Saux.” Tên của người chủ nhà kế bên có sẵn trên tấm bảng treo trước cửa.

“Ngôi nhà đó đang bỏ trống.”

“Tôi cũng đoán như vậy. Gần đây nhất ai ở trong ngôi nhà đó?”

Anh nghe được sự ngán ngẩm của cụ Le Saux. “Nó thuộc về một công ty cho thuê. Đã có nhiều người ở nối tiếp nhau trong nhiều năm.”

“Nhưng gần đây nhất là ai?”

“Một cặp vợ chồng người ngoại quốc. Hầu như tôi không thấy bà ta nhiều. Họ mới chỉ ở đây trong khoảng sáu tháng và để mặc cho khu vườn này đổ nát điêu tàn như vậy đó. Ông ta bảo là chỉ hợp đồng ngắn hạn. Thiết lập một dây chuyền sản xuất mới ở đâu đó. Nhưng tôi chẳng có ý tưởng gì về việc ông ta làm ăn trong lĩnh vực nào. Ông ta không phải là người nhiều chuyện.”

Có cảm giác thật kỳ quặc cho việc tiến hành một cuộc phỏng vấn trên bậc thềm nhà với một giọng lan man. “Họ rời đi từ lúc nào?”

“Xem nào, đi đâu này là chuyện thật kỳ cục. Họ vẫn cứ đi đi lại lại cho đến tận cách đây chỉ vài ngày. Mặc dù đó có thể chỉ là những đại lý hay nhân viên. Ngôi nhà hiện nay có vẻ là bỏ trống đấy, nhưng tôi không biết họ sẽ đi đâu. Chắc chắn không phải là về nhà, bởi vì lúc này chẳng ai có thể rời khỏi London.”

“Nhà họ ở đâu?”

“Tôi không biết chắc. Có thể họ là người Pháp. Nhưng tiếng Anh của ông chồng rất lưu loát đến nỗi khó mà có thể nói rõ được.”

“Còn bà vợ?”

“Tôi chưa bao giờ nói chuyện với bà ta. Bà ta không bao giờ ra khỏi nhà. Họ có một đứa con gái nuôi mới theo học tại một trường học trong khu vực hồi tháng Chín.”

MacNeil cau mày, “Làm sao cụ biết đứa bé ấy là con nuôi? Họ có nói đi đâu ấy với cụ à?”

“Họ không bao giờ nói vậy, thưa ông thanh tra. Đứa bé là người Trung Quốc, còn họ thì không. Và sau khi đứa trẻ bị nhiễm bệnh cúm thì không còn tiếp xúc. Mặc dù cả cha mẹ nuôi của đứa trẻ dường như không bị nhiễm bệnh.”

“Đứa bé ấy có sống sót không?”

“Tôi không có ý kiến.” Có một khoảng im lặng. “Mặc dù vậy, đứa bé ấy là một linh hồn đáng thương.”

“Tại sao cụ lại nói vậy?”

“Cô bé ấy có một dị tật khủng khiếp trên gương mặt, thừa ông thanh tra MacNeil. Một cái miệng hở xấu xí cùng cực mà tôi chưa bao giờ thấy.”

## CHƯƠNG MUỖI TÁM

**P**inkie bước nhanh giữa những nhà kho cao chót vót, những chiếc cầu thang đi bộ bằng kim loại hẹp chạy theo những góc kỳ lạ trên đầu và dưới chân là những viên sỏi. Maggie Blake's Cause một thời ở phía bên trái của hần, và một dãy cửa hàng bán đồ sang trọng đầu đã bị che kín bằng những tấm ván ép bên phải của hần. Những gia đình giàu có, trong những căn phòng được cải tạo từ nhà kho của họ, đã ngủ ngon và an toàn sau những khung cửa sổ được che chắn, không hơn những chiếc lồng mạ vàng trong thành phố đang bị đại dịch này. Đã có một thời những con chuột mang theo bệnh dịch lúc nhúc tràn ra khỏi những con thuyền cập bến ở nơi này. Giờ đây, khu vực Shad Thames hẹp như một hẻm núi đã hoàn toàn vắng vẻ và yên tĩnh đến chết người, trống rỗng bởi một loại bệnh dịch khác.

Pinkie nhần nha nhìn ngó khắp mọi nơi khi đi qua Cầu cảng Java cho đến lúc phát hiện được địa chỉ mà hần đang tìm kiếm. Butlers and Colonial. Hần dễ dàng lao qua chiếc cổng điện tử, dậm chân bước trên những thanh hàng rào ở hai bên dọc theo mặt trên cổng rồi nhảy xuống khoảnh sân ở phía bên kia. Các bóng đèn được bố trí ở đầu những cây cột thấp dẫn hần đi quanh vào một vòng sân ở phía sau và hần nhìn thấy đoạn đường dốc dẫn đến cửa nhà của Amy. Hần thần cười mỉm. Hần chẳng mất bao nhiêu thời gian để tìm được chỗ này.

Amy đang ở trong một tâm trạng bồn chồn. Đã gần hai giờ sáng mà cô vẫn không cảm thấy buồn ngủ chút nào. Cô rất mệt, đúng vậy. Nhưng cô không thể ngủ được. Những lời cuối cùng của Sam khiến cô bất an một cách kỳ lạ. *Tôi nghĩ rằng điều đó làm thay đổi mọi chuyện.* Ý của Sam là gì? Cố gắng hết sức thì Amy cũng vẫn không thể nhận được thêm bất kỳ câu trả lời nào từ người cố vấn của mình. Cửa sổ cuộc trò chuyện của họ vẫn còn trên màn hình của cô, con trỏ vẫn nhấp nháy sau khi kết thúc nhiều lần cố gắng thiết lập lại liên lạc mà không thành công. *Sam, ông còn ở đó không? Xin chào, Sam! Nói với tôi đi chứ!* Không thấy gì cả. Rõ ràng là Sam đã không còn ngồi trước máy tính nữa. Đã vào giường rồi, có thể.

Nhưng tại sao lại có một kết luận đột ngột và bí ẩn như vậy cho cuộc trò chuyện của họ?

Amy đã uống cạn cả một chai rượu vang đỏ và cảm thấy hơi say. Cô đã dành cả nửa giờ đồng hồ để trò chuyện với Lyn, kể lể cho bé gái này tất cả mọi chuyện về đứa em trai của mình. Nói cho đứa bé biết về việc Lee không bằng lòng về những thành công của chị như thế nào. Kể về năng lực học thuật của cô và những giải thưởng mà cô đã giành được trong việc học. Rồi việc được chấp nhận vào trường y, tốt nghiệp hạng đầu trong khóa học của mình. Việc thực hành thành công vang dội của cô trong ngành răng hàm mặt pháp y, việc đính hôn của cô với David. Sau một thời thơ ấu được cha mẹ cưng chiều, ở đó mọi hy sinh đều dành cho Lee trong lúc Amy buộc phải tự bảo vệ mình, việc người chị gái của anh ta thành công như vậy mà anh ta thì không, đã giáng một đòn mạnh vào cái tôi của anh ta. Lee chưa bao giờ đạt điểm cao ở trường, bỏ học trước khi tốt nghiệp trung học, và cuối cùng trở thành đầu bếp phụ chịu trách nhiệm về việc xắt thái rau củ trong một nhà hàng ở Khu phố Tàu. Mỗi món quà nhỏ mà thành công của Amy đã cho phép cô mua biếu cha mẹ đều mang lại cho Lee sự ghen tị và lòng phẫn uất.

Vì thế, Lee đã cảm thấy hài lòng và lạc quan sau vụ tai nạn của chị mình. Toàn những lời tử tế và sự thương cảm đái bôi. Nhưng Amy cảm nhận được thái độ thực của đứa em; sung sướng vì người chị cả đã mất đi địa vị bảo bọc tài chính cho gia đình, phải lệ thuộc vào một chiếc xe lăn. Giờ đây, Lee sẽ là người chăm sóc chính của gia đình, mua sắm quà cáp, tiếp nhận vị trí xứng đáng của mình ở đầu bàn bên cạnh bố.

Nhưng người em này đã không tính đến nghị lực của Amy quyết tâm vượt lên trên sự tàn tật của mình, và khi cô giành được hàng triệu đồng tiền bồi thường thiệt hại, Lee cảm thấy rằng mình xứng đáng được chia sẻ. Đó là đi đâu tất cả bọn họ đã làm. Rốt cuộc, sự thành công của Amy chẳng phải thực sự dựa vào sự hy sinh của gia đình cô hay sao?

Lần đầu tiên trong đời, Amy đã đứng dậy đối kháng với đứa em. Cô cần số tiền đó để đứng vững trở lại trên chính đôi chân của mình, theo nghĩa bóng, nếu không muốn nói là theo nghĩa đen. Người em ấy có một chút ý niệm nào hay không rằng phải trả giá bao nhiêu để một người tàn tật cố gắng sống được một cuộc sống bình thường?

Thái độ đối kháng đó đã tạo ra sự rạn nứt trong gia đình, và Amy phải rời khỏi cộng đồng người Hoa để tìm đến sự cô lập tuyệt vời của kho gia vị cũ của cô ở Bermondsey. Toàn bộ gia đình cô cũng đã từng đến thăm cô một lần, thế nhưng sự phẫn uất trước mọi thứ mà họ nhìn thấy đã bùng lên trong những ánh mắt ghen tị. Và họ không bao giờ đến nữa. Thế rồi cho đến khi Jack MacNeil bước vào cuộc đời cô thì sự cô lập tuyệt vời của Amy đã trở thành một sự cô đơn không đến nỗi nào.

Tội nghiệp cho Jack. Cô nghĩ về MacNeil, không biết anh đang ở nơi nào đó trong đêm, chú tâm vào một vụ giết người mà anh khó có khả năng giải quyết được, cố gắng rất nhiều để không nghĩ về đứa con trai mà anh đã bỏ bê về mặt tình cảm đối với nó. Một điều mà khi anh nhận ra thì đã quá muộn để thay đổi, và nay thì không bao giờ còn thay đổi được nữa.

Cô uốn lưng lên để làm mềm dẻo các cơ và cố gắng thay đổi tư thế của mình trên chiếc ghế. Cô đã ngồi trong đó quá lâu. Các điểm chịu áp lực đã trở nên đau đớn. Cô cần được nằm trên giường để cho cơ thể được nghỉ ngơi. Nhưng cô không thể đối mặt với ý nghĩ ấy trong khi MacNeil vẫn còn ở đâu đó bên ngoài. Cô muốn ở đây vì anh nếu anh cần đến cô, và ở cạnh anh khi anh kết thúc công việc lần cuối cùng vào lúc bảy giờ. Cô nghĩ có lẽ việc thả mình dưới những tia nước của một vòi hoa sen sẽ giúp giảm bớt áp lực và làm dịu cơn đau. Ít nhất việc ấy cũng sẽ giúp cô thêm tỉnh táo và minh mẫn.

Pinkie nghe được tiếng thang máy chạy trước khi hẳn nhìn thấy Amy. Hẳn đã lục soát phòng ngủ của cô, tin chắc rằng hẳn sẽ được báo trước khá sớm nếu thang máy khởi động. Hẳn đã nghe thấy giọng nói của cô vọng xuống từ tầng áp mái, và thoát đầu hẳn nghĩ rằng cô ấy đang có người cùng trò chuyện. Nhưng sau một lúc lắng nghe, không thể phân biệt được các lời nói, hẳn nhận ra chỉ có một giọng nói. Có lẽ cô ấy đang nói chuyện với ai đó qua điện thoại. Hẳn không thể biết rằng cô ấy nói chuyện với đứa bé gái mà hẳn đã nhìn thấy phần da thịt của nó bị ngài Smith lóc ra khỏi bộ xương.

Lúc này, từ vị trí thuận lợi trong tủ áo khoác, mặt áp vào khe cửa, lần đầu tiên hẳn nhìn thấy cô thật rõ ràng. Và gần như cô đã khiến hẳn hụt hơi. Cô ấy thật là đẹp. Nhỏ bé và mong manh, rất dễ bị tổn thương với đôi chân vô dụng chẳng có chút giá trị nào. Cô ngồi nghiêng trên thang máy, mắt nhắm lại, hai tay đặt trên đùi. Có điều gì đó trong sự thanh thản của cô đã

thu hút Pinkie, khiến trái tim hắn nhói đau. Theo một cách khá kỳ lạ, cô khiến hắn nhớ đến mẹ của mình. Sự thanh thản chính là phẩm chất bền vững của mẹ hắn. Một thứ gần như là thuyết định mệnh mang hơi hướng thiền học đã cho phép bà chấp nhận tất cả những sự vui dập mà cuộc sống đã quăng vào đường đời của bà. Và hắn cũng nhớ lại, đêm đó, bị nhốt trong chiếc tủ trưng bày dưới cầu thang, lần đầu tiên hắn nghe thấy tiếng mẹ hắn hét lên. Cùng với ký ức ấy, tình trạng run rẩy quen thuộc lập tức trở lại với hắn. Thế rồi bóng tối và sự ngột ngạt của chiếc tủ áo khoác này bắt đầu làm hắn nghẹt thở. Hắn phải đấu tranh để kiểm soát hơi thở của mình, nếu không Amy sẽ nghe được tiếng thở của hắn. Và hắn không muốn giết Amy. Chỉ là chưa đến lúc.

Hắn quan sát cô chuyển mình qua chiếc xe lăn đặt ở chân cầu thang, và lắng nghe tiếng rền rĩ của chiếc động cơ điện khi chiếc xe lăn đẩy cô vào phòng tắm.

Cuối cùng, đến khi mẹ hắn hét lên tiếng thứ ba hay thứ tư gì đó, hắn mới cảm thấy hoảng loạn; và điều đó đã giúp hắn có thêm sức mạnh để phá toang cửa tủ. Mới mười tuổi đầu, và chẳng phải là một cậu bé to lớn khác thường gì. Bây giờ họ đang ở trong nhà bếp. Mẹ hắn nằm ngửa trên sàn, còn người đàn ông kia đè lên trên người bà, hai tay bóp chặt lấy cổ của bà, luôn miệng chửi bới và bảo bà câm miệng đi. Lão ta đánh vào mặt bà hai ba cú đấm liên tiếp làm môi bà toác ra, khiến bà nhăn mặt vì đau đớn, hàm răng trắng vằn vện những vết máu đỏ. Y phục của bà bị xé toạc để lộ phần bụng, áo lót ngực cũng đã rách làm lộ một bên vú. Pinkie không hề có một chút ý niệm nào về chuyện gì đang xảy ra, ngoại trừ việc người đàn ông này đang làm tổn thương mẹ hắn. Hoàn toàn không định trước được những gì sẽ xảy ra tiếp theo, hắn đã phản ứng theo bản năng, nhảy lên lưng người đàn ông, giật mạnh tóc lão ta, hét lên với lão là hãy thả mẹ hắn ra.

Người đàn ông sửng sốt, kinh ngạc quay lại rồi đánh bật đứa bé trai ra khỏi lưng mình. Thật ngạc nhiên đối với lão ta khi không phải chỉ có riêng hai người họ trong căn hộ ấy. Pinkie ngã xuống, đập đầu vào cạnh cửa, chói sáng trong giây lát, mắt đỏ hào quang. Lúc ấy hắn đã nghe được tiếng la thất thanh điên cuồng của mẹ mình. Cùng lúc, người đàn ông ấy cũng rống lên, tìm cách bóp nghẹt tiếng la hét của bà. Hắn nhìn thấy đôi chân của mẹ mình đá loạn xạ trong lúc bà cố gắng lấy hơi, lòng bàn chân trần trụi của bà liên tục đập xuống sàn. Không biết bằng cách nào, hắn đã



đứng dậy được, lê mình đến chỗ chuẩn bị thức ăn chờ nấu nướng trong bếp. Đó là khi hắn nhìn thấy chỗ dắt những con dao làm bếp. Kể từ đó, mỗi khi tỉnh thức hắn luôn hối hận vì đã không hành động sớm hơn. Rằng hắn đã không đảm nhận trách nhiệm của mình trước chừng ba mươi giây. Vì nếu thế, có thể mẹ hắn vẫn còn sống. Đúng như vậy, ngay lúc hắn cầm được con dao cắt bánh mì vào sâu giữa bả vai của người đàn ông kia, mẹ hắn đã ra đi, và cuộc sống của hắn đã thay đổi không cách nào cứu vãn được.

Pinkie ng ồi dựa vào vách tủ trong bóng tối của chiếc tủ quần áo r ồi khoanh tay ôm lấy hai đầu gối, kéo chúng sát vào ngực. Hắn ghét mẫu ký ức ấy khi nhớ lại như thế này. Đó là đi ều hắn đã cố chôn vùi, cố giấu đi, nhưng nó luôn quay trở lại với hắn khi hắn ở trong bóng tối. Hắn cố gắng ngăn mình thối thức, nhưng vẫn cảm thấy những giọt nước mắt nóng hổi trào xuống má. Hắn muốn nhắm mắt lại. Hắn muốn quên giấc mơ này đi và nhẹ nhàng quay trở lại với cái thế giới tương tự với thế giới ấy, nơi mà mỗi đêm khi đến giờ đi ngủ, mẹ hắn vẫn hôn nhẹ lên trán hắn và thủ thỉ rằng *ngủ sâu nhé, con trai*.

Cuối cùng khi hắn đã lấy lại được đủ bình tĩnh để kiểm soát hơi thở và lau khô mặt, hắn nghe thấy có tiếng nước chảy ra từ vòi hoa sen trong phòng tắm. Hắn lại nhẹ nhàng đứng lên nhưng lưng vẫn dựa vào vách tủ và hít vào một hơi thở thật sâu. Lúc này sẽ là thời điểm hoàn hảo, trong khi cô ấy đang tắm.

Chậm rãi, hắn mở rộng cánh cửa tủ r ồi thoát ra ngoài leo lên đến đầu cầu thang. Cửa phòng tắm chỉ khép hờ và hắn có thể thấy hơi nước bốc lên trong ánh sáng đèn điện lạnh lẽo, giống như sương mù lúc bình minh vào một buổi sáng mùa đông. Hắn băng qua sảnh và dừng lại ở cửa, từ từ dựa vào khe hở để có thể nhìn thấy bên trong.

Cô đã có được một phương tiện dùng để chống đỡ trong lúc tắm, giúp cô h ồi như đứng vững. Qua làn hơi nước và những hạt nước chảy lan theo mặt kính, hắn có thể nhìn thấy cô trong tình trạng hoàn toàn khỏa thân, làn da ửng hồng dưới những tia nước nóng. Hắn vội vàng ngượng ngùng quay mặt đi. Hắn đã từng có lần nhìn thấy mẹ hắn khỏa thân khi bà ấy đang tắm. Trong một dịp tình cờ, hắn đã vô tình đi lạc vào phòng tắm, r ồi đứng đó quan sát mẹ hắn trong khoảng một phút mà không bị bà ấy phát giác. Cho đến khi bà ấy bắt gặp và quát lên với hắn vì tội nhìn trộm. Vì hắn là một

đưa con nít có đầu óc thô bỉ. Đó là một trong số ít lần bà lớn tiếng với hắn, và kể từ đó, hắn chưa bao giờ có thể nhìn một người phụ nữ khỏa thân mà không cảm thấy tội lỗi.

Hắn quay đầu và vội vã vượt qua một lần nữa chiếu nghỉ đầu cầu thang để leo lên thang bằng những bước chân nhanh nhẹn mà cẩn thận. Lên đến tận mái nhà. Ngay tại đầu các bậc thang, hắn đảo mắt thật nhanh để lướt nhìn quanh phòng khách không lồ ở tầng áp mái cho đến khi hắn trông thấy chiếc máy tính của Amy. Chương trình bảo vệ màn hình liên tục làm mờ dần từ bức ảnh này đến bức ảnh khác, những cảnh mang màu xanh lam và xanh lá cây gợi sự mát mẻ của một khu rừng già nhiệt đới, đây sương mù và ẩm ướt. Hắn ngó vào bàn làm việc của Amy và bắt đầu di chuyển con chuột. Chương trình bảo vệ màn hình biến mất, để lộ cửa sổ đối thoại giữa Amy và Sam. Con trỏ đang nhấp nháy bên cạnh những lời kêu gọi cuối cùng của Amy. *Sam, ông còn ở đó không? Xin chào, Sam! Nói với tôi đi chứ!* Pinkie mỉm cười một mình khi phát hiện ngay biểu tượng số địa chỉ trên thanh công cụ ở chân màn hình. Hắn nhấp chuột vào biểu tượng ấy và số địa chỉ của Amy mở ra trước mặt. Hắn gõ dòng chữ Bennet. Và ngay lập tức ở đó xuất hiện hàng chữ Tom Bennet, Căn hộ 13A, số 1 đường Parfrey, Fulham. May mắn cho kẻ nào đó. Nhưng không phải cho Tom. Hoặc cho Harry.

Pinkie đóng số địa chỉ và trả lại màn hình theo đúng tình trạng như khi hắn tìm thấy, kích hoạt lại chương trình bảo vệ màn hình để Amy không bao giờ biết được rằng hắn đã có mặt.

Thế rồi hắn nhìn thấy đứa bé gái, như thể đang theo dõi hắn từ đầu kia của căn phòng, khiến hắn sồn hết cả tóc gáy. “Chúa ơi”, hắn thì thầm. Bức tượng trông giống hệt đứa bé gái ấy. Thật là kỳ lạ. Cái miệng kia trông thật là kinh tởm, hệt như nó đã từng xảy ra trong cuộc sống. Làm sao mà chỉ dựa vào cái hộp sọ của đứa bé gái ấy họ lại có thể biết được diện mạo của nó như thế nào?

Trong một thoáng hắn quên mất mình đang ở đâu, vội vã đi ngang qua căn phòng để nhìn kỹ hơn. Hắn lắc đầu, dành cho vị nha sĩ gốc Hoa đang tằm một sự thán phục trọn vẹn mà hắn vừa tìm thấy. Pho tượng này không thể nào giống đứa trẻ ấy hơn nữa nếu như người phục dựng pho tượng này làm việc dựa trên một tấm ảnh. Chỉ có một chi tiết mà Amy đã nhìn lẩn. Và chi tiết đó khiến hắn khó chịu.

Cô đã lau khô người trong phòng tắm và lúc này đang di chuyển bằng chiếc xe lăn để vào phòng ngủ. Cô phân vân không biết nên chỉ cần choàng qua một chiếc áo khoác dài hay nên mặc hẳn một bộ quần áo mới. Cô quyết định dựa trên lựa chọn thứ hai, và nằm trên giường để mặc vào người chiếc quần jean cùng với chiếc áo sơ mi bên ngoài bộ quần áo lót sạch. Sau đó, cô chuyển sang tư thế ngồi và nghiêng người để xỏ chân vào đôi giày đế mềm của mình. Việc mặc quần áo đối với cô là cả một nỗ lực như vậy, nhưng các bác sĩ đã nói rằng đó là bài tập thể dục tốt, rất quan trọng để giữ cho cơ thể của cô hoạt động.

Khi chiếc thang máy êm ái đưa cô lên đến tận tầng áp mái, cô nhắm mắt lại và bắt đầu cảm thấy buồn ngủ. Cô biết rằng chỉ cần nằm xuống chiếc ghế trường kỷ thì chỉ trong vòng vài phút cô sẽ nhẹ nhàng trôi vào giấc mộng. Thế nhưng ngay khi bước ra từ khoang cầu thang để vào khoảng không gian sát mái nhà, cô đã có linh cảm trực tiếp về điều gì đó không bình thường. Thật khó để nói rằng điều đã khiến cô phải cảnh giác là điều gì. Có lẽ là mùi hương lạ thoảng qua trong không khí ở phần không gian cao nhất của căn hộ. Hoặc chỉ là một sự có mặt, hoặc cảm giác đã có một sự có mặt nào đó, như một bóng ma hay một linh hồn. Không thể biết được những giác quan bị che khuất nào có thể hoạt động trong tiềm thức. Bất kể điều đó là gì, cô lập tức cảm thấy bất rút.

Cô chuyển sang xe lăn và đi tới bàn làm việc. Liệu có tin nhắn mới nào từ Sam không? Cô di chuyển con chuột để xóa chương trình bảo vệ màn hình và thấy cửa sổ đối thoại của cô với Sam giống hệt như khi cô tạm rời khỏi máy tính. *Sam, ông còn ở đó không? Xin chào, Sam! Nói với tôi đi chứ!*

Cô mới đi qua được nửa tầng áp mái thì đã nhìn thấy cái đầu, và tiếng hét của cô bật lên là vì cô hoàn toàn không kiểm soát được mình. Sự sợ hãi đâm thẳng vào tâm hồn cô, những ngọn lao bé nhỏ vô hình; cô dáo dác nhìn quanh căn phòng trong một tâm trạng hoảng loạn. Không có một ai ở đó. Cô ngồi đấy, tuyệt đối lặng thinh, chỉ lắng nghe. Không có một âm thanh nào cả. Thế rồi, cô buộc phải nhìn lại chiếc đầu của đứa bé gái. Mái tóc giả đã bị cắt ngắn, thành từng chùm lờm chờm không đều, hệt như điều cô đã từng tưởng tượng trước đó. Cô lại buộc mình nắm lấy cần điều khiển chiếc xe lăn và di chuyển chiếc xe về phía pho tượng.

Mặt bàn vương vãi những mớ tóc đen cỡ một nắm tay. Một chiếc kéo nằm chỏng chơ giữa những thứ đã bị cắt ra.

Lyn trừng trừng nhìn lại cô, khuôn mặt của đứa bé gái ấy đã thay đổi hoàn toàn bởi mái tóc đã được đi đầu chỉnh. Trong một thoáng, cô tự hỏi liệu có phải là chính tay cô đã thực hiện sự thay đổi ấy, rồi bằng cách nào đó cô lại quên mất. Nhưng ngay cả khi cô ấp ủ suy nghĩ đó, thì cô buộc phải gạt bỏ nó. Và cô biết với một sự tuyệt đối chắc chắn rằng trong khi cô đang tắm, kẻ nào đó đã xâm nhập nhà cô và cắt mái tóc trên đầu đứa trẻ.

Bất kể phán đoán đó có vẻ điên rồ đến đâu đi nữa, thì bằng chứng vẫn sờ sờ ra đó trước mắt cô. Và đi đầu đó khiến cô sợ đến chết khiếp. Có khả năng để bất kỳ kẻ thực hiện việc đó là ai đi nữa thì kẻ đó cũng đang có mặt trong nhà. Cô vẫn còn bàng hoàng trong tình trạng không kiểm soát được khi cô với lấy chiếc điện thoại và làm rơi nó xuống sàn. Hết sức khó khăn cô mới cúi xuống để nhặt lại được, rồi bằng những ngón tay run rẩy cô bấm số máy điện thoại di động của MacNeil. Cô nghe thấy tiếng điện thoại đổ chuông. Và đổ chuông. Rồi lại đổ chuông. Thế rồi hộp thư thoại của anh xuất hiện. Khi cô sửa soạn tắt máy trong tuyệt vọng, thì cô quyết định rằng dù sao cũng nên để lại một tin nhắn.

Cô cảm thấy chính giọng nói của mình có gì đó là lạ khi cô nói vào máy, cố gắng kiểm soát tình trạng hoảng loạn của mình, “Jack, có ai đó đang trốn trong nhà. Anh về ngay. Em sợ lắm.” Thế rồi cô tắt máy và ôm chặt chiếc điện thoại vào ngực, nghĩ rằng chưa bao giờ mình sợ hãi như vậy trong đời.

# CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

## I

MacNeil phải chờ đợi mất một lúc trong khi tổng đài chuyển tiếp cuộc gọi của anh. Thế rồi anh nghe được giọng nói của Dawson ở đầu dây bên kia. “Trung sĩ Hình sự Dawson đây.”

“Rufus này, tôi là Jack.”

“Xin chào, Jack. Công việc ở ngoài đó tiến tới đâu rồi?”

“Tôi nghĩ rằng tôi vừa phát hiện được nơi đứa trẻ ấy từng sinh sống. Một ngôi nhà ở đường Routh trong khu Wandsworth Common. Một bất động sản cho thuê. Theo lời người hàng xóm, căn nhà này được một gia đình, có thể là người Pháp tên là Smith, cư ngụ trong sáu tháng qua.”

“Cứ như là chuyện thật trăm phần trăm vậy.”

“Họ có nuôi một đứa trẻ người Trung Quốc bị sút môi. Tôi tin chắc rằng đó là đứa bé gái mà chúng ta đang truy tìm tung tích. Nhưng ông bố bà mẹ này lại là người châu Âu. Chúng ta cần tìm ra ai là chủ sở hữu của ngôi nhà. Người hàng xóm nghĩ rằng căn nhà này được cho thuê thông qua một đại lý. Hãy tìm ra xem kẻ đại lý đó là ai và lôi kẻ đó ra khỏi giường. Tôi muốn biết ai hiện đang thuê căn nhà ấy, hoặc ai là kẻ cuối cùng đã thuê chỗ này.”

“Tôi hiểu rõ vấn đề”

“Được lắm.” MacNeil cung cấp cho viên trung sĩ địa chỉ rõ ràng.

“Jack này...” Dawson dừng lại, rõ ràng có một điều gì đó trong tâm trí viên trung sĩ này. “Về chuyện tối nay...”

“Rufus, cho tôi xin lỗi.” MacNeil nói chận trước.

“Không, tôi xin lỗi, Jack ạ. Chúng ta đâu như vậy cả. Dù tệ về những gì đã xảy ra mà không có...” Giọng anh ta bỗng tắt ngấm. “Chết tiệt, tất cả

chúng ta đều cảm thấy thực sự tởm về chuyện đó.”

“Đừng. Chỉ là bạn không biết mà thôi. Và tôi đánh giá cao ý nghĩ đó. Thực sự là như vậy. Hãy nói với mọi người, rằng tôi cảm ơn.”

Anh gác máy rồi ngồi yên trong sự che chắn của chiếc xe hơi, nhìn chằm chằm xuống con đường Trinity kéo dài hướng về phía nhà tù. Anh nghe nói rằng dịch cúm đã lướt qua các nhà tù như cơn cháy rừng. Hình thức thi hành án tử hình đặc trưng của thiên nhiên. Không phân biệt đối xử, mọi khả năng kháng cáo đều bị từ chối. Không có gì di chuyển ở ngoài ấy. Nơi ấy hoàn toàn tĩnh lặng. Không có âm thanh. Không tiếng mèo gào, không tiếng chó sủa. Không có giao thông. Hầu như anh có thể tin rằng mình là người cuối cùng còn sống. Có vẻ như thật sự anh đã là người cuối cùng.

Điệu nhạc *Scotland the Brave* đột ngột phá tan sự im lặng. Anh nhìn lướt qua màn hình chiếc điện thoại di động. Thông báo về một thư thoại. Có một tin nhắn dành cho anh. Do dự một lúc, anh quyết định không nghe tin ấy. Bất kể là đi đâu gì thì cũng có thể phải chờ đợi. Anh còn nhiều công việc cấp bách hơn.

Anh quay trở lại đường Routh rồi đứng đó chằm chằm nhìn lên ngôi nhà. Đó là nơi đứa bé gái đã trải qua sáu tháng cuối đời. Rất có thể đó là nơi đứa bé gái ấy đã chết. Đứa bé ấy đã đi bộ trên những con đường này với một chiếc cặp nhỏ, hằng ngày đi đi về về từ nhà đến trường. Có lẽ cặp mắt của đứa bé phải ngoảnh đi nơi khác để tránh những ánh nhìn trố trố của những kẻ mà cô bé ấy sẽ đi ngang qua trên đường. Cô bé ấy đã phải chịu đựng những sự trêu chọc và thái độ tàn nhẫn nào ở trường? Ngay cả các giáo viên hẳn cũng cảm thấy khó để cặp mắt của họ không bị thu hút bởi dị tật của cô bé ấy. Thật đáng tiếc biết bao khi mọi thứ khác về đứa bé gái ấy - nhân cách, trí thông minh, cá tính, tính khí của cô bé - đều bị làm cho tàn lụi bởi một khiếm khuyết duy nhất về thể chất. Đáng buồn biết bao khi mọi thứ đều được đánh giá dựa trên ngoại hình thay vì dựa vào bản chất.

Anh đi qua cổng vào khu vườn của Le Saux. Anh đã cảnh báo Le Saux rằng tốt hơn hết là nên tắt những ngọn đèn an ninh của ông ta trong đêm nay, nếu ông ấy muốn tránh bị làm phiền liên tục. Cánh cửa màu xanh vào căn hầm tránh bom cũ mở ra trong bóng tối. MacNeil cảm nhận được đường đi của mình, đôi mắt thích nghi với một chút ánh sáng hắt vào từ con đường phía sau. Có những dụng cụ làm vườn, bình tưới và chậu cây. Ở

đây có mùi đất ẩm ướt, và cái lạnh xuyên qua chiếc áo khoác ngoài nặng trĩu của anh. Ở phía xa, một cánh cửa mở ra khu vườn sau nhà. Ở đây còn tối hơn. Không có một chút ánh sáng nào xuyên qua được từ mặt trước của con đường bên ngoài. Một bức tường gạch cao ngăn cách hai khu vườn. MacNeil sờ dọc theo bờ tường để xem có dằm thủy tinh gắn vào xi măng hay không. Nhưng tất cả những gì anh cảm nhận được đều chỉ là một lớp rêu xốp mềm. Anh chuẩn bị lấy đà rồi nhảy lên, đu mình lên, dùng mũi giày cào cào vào mặt tường để tìm chỗ đặt chân, cho đến khi anh đưa được một chân qua bờ tường, rồi giạng hai chân qua bờ tường một lúc trước khi thả người xuống phía bên kia, và đi vào khu vườn số ba mươi ba. Anh thu mình trong một con hẻm ngắn có lát đá chạy dọc bên hông một nhà kính hiện đại khổng lồ được xây dựng từ phía sau của ngôi nhà. Thế rồi anh lắng nghe xem mình có làm phiền ai trong số những người hàng xóm không. Le Saux đã thực hiện lời khuyên của anh. Những ngọn đèn an ninh đã được tắt, và không có bất kỳ dấu hiệu hoạt động nào trong bất kỳ ngôi nhà lân cận nào.

Những đi đầu anh sắp thực hiện là việc bất hợp pháp. Nhưng để có được một lệnh khám xét vào lúc này, đã là nửa đêm, xét theo mọi tình huống, hầu như là chuyện không thể. Nhiều phần chắc là anh không thể điều một vị thẩm phán ra khỏi giường ngủ. Nếu anh phát hiện được đi đầu gì đó trong ngôi nhà này, bất cứ giờ một người nào khác luôn có thể trở lại với giấy tờ thích hợp và lục soát nơi này một cách hợp pháp. Nhưng MacNeil đã không chuẩn bị để chờ đợi. Anh bị thúc đẩy một cách kỳ lạ. Không chỉ bởi thực tế là chỉ trong vòng năm giờ đồng hồ nữa anh sẽ không còn là một sĩ quan cảnh sát. Mà còn bởi một cảm giác cấp bách đầy sức thuyết phục. Một cảm giác cho thấy rằng không biết vì một lý do nào đó thời gian là đi đầu cốt yếu. Vụ giết hai thằng nhóc tại khu chung cư ở Lambeth. Vụ hành quyết Kazinski ở Soho. Xác của Jonathan Flight được sắp xếp cẩn thận ở Nam Kensington. Bất cứ nơi nào anh đã đi qua đều có người chết. Những người mà kẻ nào đó đã rất lo lắng tìm cách giữ cho họ phải im lặng. Ý thức về tính cách cấp bách của kẻ giết người tự nó đã truyền sang cho MacNeil, và anh quyết tâm tiếp tục ngay bây giờ, bất kể những đi đầu tốt đẹp hay hậu quả.

Ở đâu đó ngoài bức màn mây che bầu trời đêm, một vầng trăng gần tròn đang cố gắng hiển lộ. Nhưng chỉ có những dấu vết mờ nhạt nhất của

ánh trắng thấm qua tầng tầng lớp lớp những đám mây đen thuộc vũ tầng đã chứa đầy lượng mưa. Một cơn gió lạnh buốt xào xạc thổi qua lay động những chiếc lá của một vài bụi cây vạn niên thanh còn sót lại trông cũng đã xơ xác tả tơi bên cạnh những vạt cỏ thổi rữa lâu ngày bốc mùi làm ngột ngột cả khu vườn.

MacNeil áp sát mặt vào tấm vách thủy tinh của gian nhà kính và cố gắng nhìn vào bên trong. Nhưng bóng tối dày đặc không cho phép anh thấy được điều gì. Anh lần mò đi men theo rìa gian nhà kính, cẳng chân vấp phải một chậu cây nặng nề làm bằng đá hoa cương khiến anh phải nén đau rửa thềm trong bóng tối.

Đúng lúc ấy thì anh nghe thấy có tiếng động trên cỏ. Lớn hơn bất kỳ cơn gió nào có thể tạo ra, đáng kể hơn bất kỳ súc vật nuôi hoặc động vật hoang thành thị nào. Anh đứng bất động, lắng tai nghe động tĩnh. Có ai đó trong vườn. Anh có thể cảm nhận được sự hiện diện đó, gần như chắc chắn anh có thể nghe thấy tiếng thở của người đó, hiện đứng yên, có lẽ đang chờ MacNeil thực hiện động thái nào tiếp theo. Dù anh không thể nhìn thấy nhân vật trong bãi cỏ, nhưng có lẽ dù là ai thì người đó cũng có thể nhìn thấy anh. Anh quyết định nắm thế chủ động. “Ai đó?” Anh lên tiếng và nghĩ rằng phản ứng đó có vẻ ngu ngốc thế nào ấy. Như thế có ai đó sẽ trả lời mình.

Nhưng câu hỏi của anh đã thúc đẩy một chuyển động đột ngột ở phía bên trái trong bóng tối của những bụi cây thấp. Anh nghe được tiếng sột soạt của lớp cỏ chết đập vào đôi chân đang chạy khi một bóng người lao nhanh về dãy hàng rào sau vườn. Gần như anh không thể nhìn thấy kẻ đột nhập ấy. Một bóng dáng nhanh nhẹn, thanh thoát, một người nhỏ nhắn hơn nhiều so với anh. MacNeil đuổi theo kẻ đó, lao mình vào đám đất bỏ hoang của khu vườn phía sau, từ bỏ mọi cố gắng lén lút giấu mình.

Chưa đến dãy hàng rào gỗ cao chạy dọc sau vườn, anh đã chộp được một nắm của một thứ gì đó mang lại cảm giác giống như đôi giầy vải tuyết có gai, và cả anh lẫn kẻ đột nhập ấy đều ngã nhào giữa đồng chậu cây bằng nhựa bỏ đi bên cạnh một nhà kho đổ nát. Những món đồ làm bằng nhựa dẻo rên rỉ, nứt vỡ và toác ra dưới sức nặng của cả hai người. Chẳng biết kẻ nào đó vừa bị anh tóm được đang uốn éo, quằn quại dưới sức nặng của anh, những tiếng kêu hoảng sợ nho nhỏ phát ra trong bóng tối. Thế rồi một luồng sáng đột nhiên bùng ra rọi thẳng vào mặt anh khiến anh chói mắt.



Một ngọn đèn pin. Anh nắm lấy bàn tay đang giữ nó, khiến chùm sáng phát ra từ ngọn đèn ấy chệch qua một bên soi thẳng vào màn đêm. Một bàn tay khác cào cào vào mặt anh cho đến khi anh cũng nắm được rồi quay chiếc đèn pin vào mặt kẻ tấn công mình.

Anh hết sức kinh ngạc khi nhìn thấy gương mặt tái nhợt vì hoảng hốt của một người phụ nữ đã ở độ trung niên, có mái tóc ngắn màu xám bạc. Mặc dù có sự sợ hãi trong đôi mắt đen của người phụ nữ này, trong đó cũng có cả sự quyết tâm nữa. Người phụ nữ vùng vẫy hết cách này đến cách khác, cố gắng sao cho hai cổ tay thoát khỏi cái nắm cứng như sắt của MacNeil trong tuyệt vọng. Chiếc đèn pin đã rơi xuống bãi cỏ, chùm ánh sáng của nó hướng về phía hai người, chiếu sáng cuộc vật lộn của họ và đổ bóng hình ảnh ấy lên hàng rào.

“Tôi hét lên bây giờ!” Người phụ nữ ấy nói bằng một giọng đã trở thành lí nhí vì sợ hãi đến nỗi tiếng nói của người ấy khó có thể xuyên qua bóng tối.

MacNeil thở hắt hắt đáp lại, “Nếu vậy, chẳng lẽ tôi không biết hét lên hay sao.” Có điều gì đó trong giọng nói của anh khiến người phụ nữ không vùng vẫy nữa. Người này, vẫn còn bị MacNeil đè trên mặt đất, đang cố gắng lấy lại hơi thở, là một sinh vật kỳ lạ, mảnh khảnh mà dẻo dai, mặc một chiếc áo khoác vải tuyết và váy với áo cánh trắng lại còn đeo vòng cổ ngọc trai. “Anh là cái quái gì vậy?” Người phụ nữ thở hắt hắt.

“Thanh tra hình sự Jack MacNeil. Còn chị là cái quái gì vậy?”

Anh thấy đối phương của mình đã bớt hoảng sợ. “Tên tôi là Sara Castelli”, người ấy nói bằng một giọng nói rõ ràng là của dân vùng Bắc Mỹ. “Tôi là một đi điều tra viên của HPA.”

“Nhưng HPA là gì?”

“Cơ quan Bảo vệ Sức khỏe. Tôi có thể xuất trình ID nếu ông muốn?”

MacNeil đã buông cổ tay người phụ nữ này, nhưng còn giữ chặt eo để người này vẫn bị ghim chặt xuống đất. Anh với lấy chiếc đèn pin và rọi vào mặt người này.

“Đừng chiếu sáng vào mặt tôi như vậy”, người này nói một cách gay gắt khiến anh vội vàng chuyển luồng sáng của chiếc đèn pin theo hướng tay người này đang lặn vào một chiếc túi bên trong, từ đó rút ra một tấm thẻ chứng minh của HPA đã được bọc một lớp nhựa dẻo có gắn vào một

sợi dây chuyền. Tấm thẻ chứng minh có dán ảnh. Và tên đầy đủ của người ấy. Sara Elizabeth Castelli. Trên đó cũng ghi ngày tháng năm sinh của người ấy, và MacNeil đã lập tức tính ra. Người này đã gần sáu mươi tuổi. Anh đột nhiên cảm thấy có lỗi vì đã xử sự thô bạo với người này như vậy. Anh lặn sang một bên và nhanh chóng đứng dậy, chìa tay ra để đỡ người ấy. Nhưng người ấy phớt lờ cử chỉ giúp đỡ đó, tự mình đứng lên, phủi phủi những mảnh nhựa vỡ, bùn đất và những vết lá mục trên áo khoác và váy của mình. “Bản hết cả,” người ấy lầm bầm. “Rõ ràng là ông không biết cách đối xử với một người phụ nữ, ông MacNeil ạ.”

“Đúng vậy” MacNeil nói. “Cô đang làm gì ở đây, cô Castelli?”

“Bà”, người này sửa lưng MacNeil. “Castelli là tên đã kết hôn của tôi. Nhưng ông có thể gọi tôi là tiến sĩ.”

“Vâng, thưa tiến sĩ. Nhưng bà chưa trả lời câu hỏi của tôi.”

Vì tiến sĩ cố gắng tránh ánh mắt của MacNeil khi bà tiếp tục cúi xuống. “Xem nào, tôi có thể xem xét để trả lời ông nếu ông cũng xuất trình cho tôi chứng minh thư của chính ông. Ông cũng có thể là một kẻ nào đó giả danh cảnh sát.”

MacNeil đưa cho bà ta xem thẻ chứng minh của mình, “Được chứ?”

“Tôi đang cố gắng truy tìm nguồn gốc của cơn đại dịch này, thưa ông MacNeil. Đó là đi đâu tôi làm. Tôi truy tìm nguồn lây nhiễm và đưa ra các khuyến nghị về cách ngăn chặn chúng.”

“Bà là người Mỹ à?”

“Người Canada. Mặc dù tôi đã dành gần hết hai mươi năm gần đây của tôi ở Hoa Kỳ. Kể cả việc nhập quốc tịch khi tôi kết hôn với ông Castelli. Tôi cũng không bận tâm nếu sau đó tôi biết rằng chồng tôi tiếp tục trung thành với lá cờ Sicilia hơn là lá cờ Sao và Sọc. Ông có từng nghe nói về bộ phim *Married to the Mob* không, thưa ông MacNeil? Vâng, đó là tôi. Hóa ra gia đình Castelli đi đâu hành hầu hết New York. Đi đâu đó đã trở nên tốt đẹp với Bộ Tư pháp khi tôi làm việc ở đó với tư cách là cố vấn sức khỏe.” Bà trừng mắt nhìn MacNeil với thái độ thách thức, “Ông muốn biết đi đâu gì nữa không?”

“Tôi muốn biết tại sao bà lại cho rằng đại dịch bắt đầu từ khu vườn sau của một ngôi nhà ở Wandsworth, thưa Tiến sĩ Castelli.”

“Xem nào, tất nhiên là tôi không nghĩ vậy. Nhưng tôi nghĩ ai đó sống trong ngôi nhà này có thể là người mang mầm bệnh hoặc là một trong những người đầu tiên bị nhiễm bệnh.”

“Ngôi nhà này trông không.”

“Vâng, tôi biết.”

“Thế bà định tiến vào bằng cách nào?”

“Đó là vấn đề học thuật, thưa ông MacNeil. Nhưng nay ông đã có mặt ở đây, ông có thể xâm nhập giúp tôi.” Bà ngừng lại và nhướn mày, “Dù sao thì đó cũng là việc mà ông sẽ làm, có phải thế không?”

“Đi đâu khiến bà nghĩ như vậy?”

“Xem nào. Nếu không thì tại sao ông lại lén lút trong khu vườn sau căn nhà này vào lúc nửa đêm.” Bây giờ lại đến lúc MacNeil phải tránh ánh mắt dò hỏi của bà tiến sĩ, và Castelli giành sự thuận lợi về phía mình, “Và ông chưa nói cho tôi biết ông đang làm gì ở đây, thưa ông MacNeil.”

MacNeil nhìn kỹ người phụ nữ nhỏ bé xinh xắn đầy thách thức này, người có mái tóc xám thô mặc quần áo may bằng vải tuyết, rồi quyết định thú nhận. “Tôi đang đi điều tra vụ giết hại một đứa trẻ mười tuổi,” anh nói. “Một bé gái. Tôi nghĩ đứa bé ấy đã sống ở đây.”

Mặt Tiến sĩ Castelli tối sầm lại. “Có phải Choy không?”

“Tôi không biết tên đứa bé ấy.”

“Xem nào, theo như tôi biết thì chỉ có một cô bé sống ở đây. Và tên cô ấy là Choy Smith.”

## II

Cố gắng tay đã bảo vệ cho bàn tay của anh khi tấm kính vỡ vào trong, rơi xuống thành những mảnh thủy tinh lỏm chổm trên tấm thảm ngay bên dưới cửa sổ. Anh đưa tay vào, tháo chốt khung trượt của cửa kính rồi đẩy cho nó trượt lên.

“Ông hành sự rất thành thạo đấy, ông MacNeil ạ”, Tiến sĩ Castelli thì thầm. “Có phải đó là những điểu ông đã được huấn luyện trong cảnh sát

không?”

MacNeil đưa mắt nhìn Castelli rồi giơ tay lên đỡ bà ta vượt qua ngưỡng cửa và vào bên trong căn phòng. Họ đã phải trèo lên một giàn dây leo chằng chịt trên mái nhà dốc ở phía trên nhà bếp, và tuột ngang qua mái dốc đó để đến được cửa sổ tầng một này.

Bây giờ họ đang đứng ở một nơi rõ ràng là một kiểu phòng đọc sách nào đó. MacNeil dùng chiếc đèn pin của bà tiến sĩ để rọi quanh phòng, nhận ra một chiếc bàn làm việc vương vãi đầy những giấy tờ, một chiếc máy điện toán, một chiếc máy làm tính và hai chiếc máy điện thoại.

MacNeil xem xét qua một số giấy tờ. Các phiếu tính tiền cho các hoạt động thiết thực. Một bức thư, có vẻ viết bằng tiếng Pháp, từ một công ty có tên là Omega 8, có địa chỉ ở Sussex - một số bức thư khác cũng có cùng tiêu đề. Một bài báo khoa học nào đó, cũng bằng tiếng Pháp.

Có một tủ sách chứa đầy các ấn bản toàn tập bọc da của các nhà văn Anh cổ điển, có lẽ là di sản của chủ nhân ban đầu của ngôi nhà. Một bản sao phóng lớn được đóng khung của một tấm bản đồ thành phố London thời trung cổ. Có nhiều giấy tờ vương vãi trên khắp sàn nhà như thể bị vứt bỏ trong cơn giận dữ.

Hai bậc thềm dẫn xuống từ một nửa chiều nghỉ nhỏ ngoài cửa đến một phòng tắm ở bậc thang cao nhất của khoang cầu thang đầu tiên. Nhiều bậc thang hơn đưa tới một chiều nghỉ lớn hơn với hai cửa dẫn đến các phòng ngủ ở tầng một. MacNeil nghiêng người trên chiếc tủ đựng đồ ăn bằng gỗ và nhìn vào lòng cầu thang ở sảnh dưới, ánh sáng từ đèn đường bên ngoài vỡ ra thành hàng ngàn mảnh vỡ nhiều màu sắc bởi kính màu chung quanh cửa và rải khắp sàn gỗ. Và rồi anh nhìn lên tầng áp mái ở độ cao khoảng sáu mét, nhiều cửa hơn dẫn đến nhiều phòng tắm hơn và nhiều phòng ngủ hơn. Quả là một ngôi nhà quá lớn cho một gia đình chỉ có ba người.

Phòng ngủ của Choy nằm bên trên tầng một ở phía sau ngôi nhà, chiếm vị trí của một tầng lửng so với phòng đọc sách. Có một chiếc giường đơn hẹp được đẩy vào một góc và một chiếc bàn nhỏ đặt dưới cửa sổ, một chiếc cặp học sinh dựa vào một chân bàn. Trên mặt bàn có một quyển sách bài tập về nhà mở sẵn, trên trang giấy mở sẵn ấy là những chữ Hán lớn với nét viết trẻ con nguệch ngoạc bằng bút màu. MacNeil rọi ánh đèn pin vào đó rồi nghĩ về tất cả những mẫu xương mà anh đã thấy được bày trên bàn ở đường Lambeth. Những mẫu xương nhỏ bé tạo nên những ngón tay

tí hon cần những cây bút chì màu để viết thành những chữ viết nguệch ngoạc này. Chuyện ấy đã xảy ra từ bao lâu rồi? Có lẽ chỉ là vài ngày. Anh nhìn quanh căn phòng trống trải buồn bã này. Không có tranh ảnh nào trên tường. Không có hình chụp, không có bản vẽ. Không có đồ chơi nằm trên sàn. Anh lại nghĩ đến sự bừa bãi trong căn phòng của Sean, con trai anh, tràn ngập sự chan chứa những thú vui của tuổi thơ.

Tiến sĩ Castelli kéo trượt cánh cửa để mở ra một chiếc tủ quần áo xây sẵn trong tường phòng. Quần áo của Choy được treo thành từng hàng ngay ngắn trên những chiếc móc áo mảnh mai. Hầu hết những bộ quần áo này đều có vẻ mới. Áo cánh và váy, một dãy những đôi giày bé nhỏ được xếp bên dưới quần áo. Trong một ngăn riêng, họ tìm thấy một chồng những chiếc áo khoác không tay màu xám đậm, một chiếc cà vạt đồng phục, quần lót và vớ. Không có áo thun ngắn tay hay quần jean, không có quần áo màu tươi để phản ánh tính cách sôi nổi của một đứa trẻ. Trong tất cả những thứ họ tìm thấy, không có gì thể hiện niềm vui. Đứa bé này đã sống ở đây với kiểu tằn tẻ tại kỳ lạ, khổ hạnh nào?

“Trời đất! Tôi đã thấy ngay cả ở một khu chăm sóc trẻ em đầy những ca ung thư giai đoạn cuối cũng còn vui hơn chỗ này”, Tiến sĩ Castelli nói. Bà nhắc lên một trong những chiếc áo khoác không tay màu xám đậm từ ngăn kéo và ôm nó vào mặt. “Đứa trẻ tội nghiệp.”

MacNeil nhìn bà ta. “Không có nguy cơ nhiễm trùng sao?”

“Chúng cúm đang lây lan này à?” Bà nhún vai. “Tôi ngờ rằng liệu tôi có bị nhiễm bất kỳ loại vi khuẩn nào hay không. Tôi đã được phơi ra trước rất nhiều loại bệnh truyền nhiễm, ông MacNeil ạ. Có rất nhiều kháng thể trôi nổi chung quanh hệ thống miễn nhiễm của tôi. Có lẽ ông có thể tạo được sự miễn dịch cho toàn thể thành phố London này bằng vài lít máu của tôi đấy.” Bà lắc đầu. “Tôi đã dành hầu hết thời gian năm ngoái của tôi ở Việt Nam để theo dõi những trường hợp bị bệnh cúm gia cầm, cố gắng xác định xem có bất kỳ trường hợp nào lây truyền từ người sang người hay không. Tôi đã không phát hiện bất kỳ trường hợp nào, nhưng tôi đã tiếp xúc với hầu hết các bệnh nhân. Chúng tôi đã quyết định tiến hành những xét nghiệm máu trên một số thân nhân. Và trong một số ít trường hợp, chúng tôi phát hiện rằng họ đã có sẵn kháng thể trong máu. Điều đó giống như là họ đã từng bị cúm, nhưng không có triệu chứng. Nó cho chúng tôi hy vọng rằng có thể bệnh cúm ấy không phải là kẻ giết người

như tất cả chúng tôi đều sợ. Tất nhiên, chúng tôi đã nhầm lẫn. Nhưng khi chúng tôi xét nghiệm máu của tôi, tôi cũng có sẵn kháng thể. Thật là kỳ lạ chứ, hả?”

“Tiến sĩ cho rằng mình đã không phát hiện bất kỳ trường hợp nào lây truyền từ người qua người, phải vậy không?”

“Tôi đã không phát hiện được. Đúng vậy. Nhưng những người khác thì có. Ca đầu tiên được chấp nhận rộng rãi là một trường hợp ở Thái Lan. Một cụm gia đình ở Kamphaeng Phet, cách Bangkok khoảng năm giờ lái xe về phía bắc. Những chuyên gia ở đó đã thực hiện một số mô hình thô sơ về những gì sẽ xảy ra nếu việc truyền nhiễm thực sự có hiệu lực. Họ đã đi đến kết luận là trong vòng hai mươi một ngày, có thể sẽ có sáu trăm trường hợp. Mười ngày sau, con số đó sẽ là sáu ngàn. Đó là lý do tại sao chúng tôi rất lo lắng, thưa ông MacNeil. Với khả năng truyền bệnh có hiệu lực, và tỷ lệ tử vong từ bảy mươi đến tám mươi phần trăm, số người chết trên toàn thế giới sẽ không thể tưởng tượng được. Ông đã được nghe nói về bệnh Cúm Tây Ban Nha chứ?” MacNeil gật đầu.

“Trận đại dịch tở tệ nhất trong lịch sử loài người. Đã giết hơn năm mươi triệu người vào năm 1918. Trận cúm ấy có tỷ lệ tử vong dưới hai phần trăm.”

MacNeil nói: “Tôi nghĩ rằng bệnh Dịch hạch còn tở tệ hơn cả bệnh Cúm Tây Ban Nha.”

“Đúng là Dịch hạch đã giết nhiều người hơn. Nhưng phải mất vài trăm năm mới lên đến con số ấy. Trận dịch Cúm Tây Ban Nha đã hoàn tất công việc của nó trong vòng vài tháng.”

Họ rời phòng của Choy để đi vào phòng ngủ phía trước.

Tiến sĩ Castelli nói, “Vấn đề là chúng tôi đã rất chắc chắn rằng nếu bệnh cúm gia cầm sẽ là nguồn gốc của một đại dịch tiếp theo, thì nó sẽ bắt đầu ở Đông Nam Á rồi mới dần dần lan sang phần còn lại của thế giới. Đó là lý do khiến chúng tôi đã tập trung tất cả nỗ lực của mình vào đó. Tất nhiên, cuối cùng nó cũng đến được London. Nhưng không một ai có một thoáng suy nghĩ rằng đây là nơi trận đại dịch bắt đầu.”

Phòng ngủ phía trước là một phòng lớn, có cửa sổ lớn nhìn ra đường phố. Nhưng rèm đã được kéo xuống để ngăn ánh sáng cùng với những cặp mắt tò mò. Có một chiếc giường đôi lớn vẫn chưa được dọn lại kể từ lần

cuối cùng có người ngủ trên đó. Chiếc gối bên trái vẫn không bị xáo trộn, như thể chỉ có một người ở. Trong các ngăn tủ và tủ đựng quần áo chỉ có quần áo dành cho đàn ông. Không có nước hoa, bàn chải tóc hay đồ trang điểm trong phòng tắm riêng. Nếu vợ của ông Smith đã dành bất kỳ thời gian nào ở đây, thì rõ ràng là bà ấy đã bỏ đi trước trong một thời gian nào đó.

Tiến sĩ Castelli quan sát MacNeil lục soát căn phòng một cách có phương pháp. Bà nói, “Những con số mà chính phủ đưa ra, chà chà, còn tệ hơn nhiều.”

“Tệ hơn đến mức nào?”

“Xem nào, dân số của cả London và vùng phụ cận là bao nhiêu, khoảng bảy triệu người có phải không? Chỉ cần làm toán. Một phần tư dân số sẽ mắc bệnh này. Như vậy là khoảng 1,75 triệu. Khoảng ba phần tư trong số những người bị bệnh sẽ chết. Như vậy chỉ là hơn 1,3 triệu. Đã chết. Không có đường về. Mất đi mãi mãi.”

MacNeil quay lại và nhìn thấy bà tiến sĩ trong lòng sáng màu vàng ma quái của ánh đèn pin. Rõ ràng là vị tiến sĩ này đã phát triển mạnh về số liệu thống kê. “Những con số không phải là con người, Tiến sĩ Castelli ạ. Và con người không phải là những con số.” Nhưng anh biết rõ rằng Sean cũng đã trở thành chỉ là một con số. Một con số, một nạn nhân khác không có gương mặt, một thứ cỏ khô cho lò luyện.

Có đi đâu gì đó trong giọng điệu của anh khiến vị tiến sĩ nhìn anh đầy thắc mắc. Sau một lúc, bà cất tiếng hỏi, “Có phải ai đó rất gần gũi không?”

“Con trai tôi.”

“Tôi xin lỗi.”

“Không có chi”, Anh quay về phía cửa. “Chúng ta xuống cầu thang thôi nào.”

Phần lớn những ô tường màu đen và màu kem trong nhà bếp đều trống rỗng. Mấy cái lon và một vài gói thực phẩm khô - mì, mì Ý, đường - là tất cả những gì mà MacNeil có thể tìm được. Chiếc tủ lạnh có chứa cả một bộ sưu tập các lọ nước sốt, dầu ô-liu và sốt mayonnaise đã dùng rồi. Có một chai vỏ nhựa uống dở còn chứa khoảng một phần ba lượng sữa. MacNeil ngửi thử và bị dội ngược vì mùi chua của nó. Anh dò tìm ngày sản xuất. Đã quá hạn sử dụng gần hai tuần lễ. Từ nhà bếp nhìn ra khu vườn phía sau có

một gian nhà kính; trong đó có trang bị sẵn một chiếc bàn điếm tâm nhỏ cùng với hai chiếc ghế dựa. Có lẽ ông bà Smith không có thói quen ăn sáng cùng với con gái. Có những khung cửa kính dẫn thẳng đến phần trung tâm của gian nhà kính, một không gian được thông ngợp bởi một chiếc bàn ăn lớn bằng kính chung quanh đặt sẵn những chiếc ghế dựa khung sắt rèn có bọc nệm. Những ô cửa sổ kiểu Pháp mở vào phòng khách.

Tiến sĩ Castelli hỏi, “Ông đang tìm kiếm điếu gì, thưa ông MacNeil?”

Viên thanh tra hình sự nhún vai. “Tôi không biết. Thế còn bà? Bà nghĩ mình sẽ phát hiện được thứ gì ở đây?”

“Ồ, tôi cũng chỉ tưởng tượng như ông thôi, hẳn là tôi sẽ biết ngay khi tôi nhìn thấy nó. Nói chung là bất cứ điếu gì có thể mang lại cho tôi một cái nhìn sâu sắc về nơi đứa bé ấy bị nhiễm cúm.”

MacNeil bước vào gian nhà kính và vị tiến sĩ đi theo sát. Anh rọi ánh sáng đèn pin lướt qua mặt bàn. Trên đó ngổn ngang những giấy tờ, tài liệu và thư từ. Tất cả đều bằng tiếng Pháp. Một mảnh giấy lượn lờ rơi xuống sàn khi anh nhặt ra một lá thư rồi định cố đọc thử, nhưng thời gian trôi qua đã lâu từ lúc anh không đạt nổi trình độ O<sup>[3]</sup> về tiếng Pháp. Bức thư mang tiêu đề Omega 8, giống như những bức thư được thấy trong phòng đọc sách.

Tiến sĩ Castelli khom người xuống để nhặt lấy một mảnh giấy rơi ra từ lá thư mà MacNeil đã chọn. Khi đứng lên, bà nói, “Tốt hơn là ông nên xem cái này.” MacNeil quay lại rồi chìa ngọn đèn pin lên mảnh giấy. Đó là một dải ảnh chụp để làm hộ chiếu. Tất cả có ba tấm ảnh. Tấm ảnh thứ tư đã được cắt ra, có lẽ để sử dụng trong việc xin cấp hộ chiếu. Ở hai trong số những tấm ảnh đó, một cô bé người Trung Quốc với môi trên bị biến dạng khủng khiếp đang cố gắng mỉm cười trước ống kính. Tóc của đứa bé gái ấy trông có vẻ như được cắt bằng một loại kéo với lưỡi kéo có răng cưa, và cô bé đeo một cặp kính gọng đồng rất xấu xí. Trong tấm ảnh đầu tiên, ống kính máy ảnh đặt ở góc phải, cô bé đang nhìn đi chỗ khác, một biểu hiện bối rối trên gương mặt, có lẽ đang nói điếu gì đó với ai đúng lúc máy ảnh thu hình. Vậy thì đây chính là Choy. Cái túi xương mà anh đã được gọi ra để điếu tra chỉ mới mười chín tiếng đồng hồ trước tại một công trường xây dựng gần Westminster. Đây cũng là cái điếu mà Amy đã làm cho sinh động trở lại trên tầng áp mái trong cái nhà kho của cô. Và Amy đã đạt được một tấm chân dung rất gần với sự thật.



“Đây có phải là cô bé ấy không?” Tiến sĩ Castelli hỏi.

“Có lẽ.”

“Tại sao ông không thể nói chắc chắn?”

“Không có gì được để lại cho cô bé ấy ngoài bộ xương, thưa Tiến sĩ Castelli. Cô bé ấy đã bị lột sạch. Ngoài một sự áng chừng về khuôn mặt được làm ra từ hộp sọ của cô bé, chúng tôi không thực sự biết cô ấy trông như thế nào.” Anh xem kỹ lại các bức ảnh. Cái môi chẻ này không thể nhầm lẫn được. “Nhưng sự áng chừng ấy là một dự đoán khá chính xác.”

Anh nhét những tấm ảnh hộ chiếu vào một chiếc túi đựng chứng cứ bằng nhựa và cất chúng đi một cách an toàn vào một chiếc túi bên trong, rồi họ quay lại gian sảnh.

Thư gửi đến trong vài ngày qua nằm rải rác trên sàn bên dưới hộp thư. Một mớ thư chưa đọc qua được chất đống bừa bộn trên kệ treo. Tiến sĩ Castelli đọc lướt qua một số địa chỉ gửi đến. Bà nói với giọng cần thận. “Một nửa trong số những lá thư này là do tôi gửi đến. Y thậm chí không buồn mở thư. Hèn chi, tôi không nhận được bất kỳ phản hồi nào.”

MacNeil hỏi. “Tại sao bà lại viết? Ngay từ đầu, đi đâu gì đã dẫn bà đến đây?”

Tiến sĩ Castelli buông ra một lời trần tình, nghe như một tiếng thở dài mệt mỏi đầy cam chịu. “Tôi gần như chắc chắn rằng đại dịch bắt đầu tại một trung tâm hoạt động ngoài trời dành cho các trường học London ở Kent. Hãy trở lại vào tháng Mười, trong thời gian nghỉ giữa học kỳ. Trung tâm Bơi Nước Rút ngoài trời. Có hàng ngàn trẻ em từ London đến đó trong vòng một tuần, được giám sát bởi chính các giáo viên của chúng. Đó là một trung tâm dân cư. Ông quá biết về loại sự kiện như vậy. Họ tổ chức chèo thuyền, bơi xuồng và leo núi. Có các hoạt động kiểu sự kiện xây dựng nhóm, và cũng có một số học sinh tham gia chương trình giải thưởng của Công tước Edinburgh. Họ có những thời gian sinh hoạt trong những túp lều, họ đốt lửa trại. Điểm chung của tất cả những đứa trẻ này là trong toàn thời gian ấy lúc nào chúng cũng đối mặt với nhau. Chúng ở bên cạnh nhau cả ngày và hầu như hoàn toàn lệ thuộc vào nhau. Trong ký túc xá, ở nhà ăn và các chuyến đi suốt ngày trên xe buýt. Một nền tảng hoàn hảo cho sự sinh sản bệnh tật.”

Bà lơ đến bóc ra một trong những bức thư của chính mình đã gửi đi rồi lắc đầu khi bà đưa mắt nhìn qua nội dung của lá thư.

“Tất cả các gia đình mà chúng tôi phải xoay sở để xác định là những người đầu tiên mắc bệnh cúm đều có con có mặt tại trung tâm ngoài trời đó vào hồi tháng Mười. Lẽ ra chúng tôi đã có thể đi đến kết luận đó sớm hơn nếu chúng tôi đã nhanh chóng phản ứng trước tình thế ấy. Nhưng đã vài tuần trôi qua trước khi có bất cứ một người nào nhận thức được điều gì đang xảy ra. Đến lúc bấy giờ, dịch cúm đã không thể kiểm soát được, và tất cả những gì chúng tôi có thể làm là lặn ngược theo những con số thống kê. Chúng tôi đã phải xoay sở để theo dõi tất cả những đứa trẻ từng có mặt ở đó và ngăn ngừa để chúng không trở thành ngu ồn lây nhiễm. Chúng tôi cũng phải tìm kiếm bất kỳ kết nối nào với vùng Đông Nam Á. Và trường hợp tốt nhất mà chúng tôi có thể phát hiện được chính là Choy. Chúng tôi đã biết cô bé là người gốc Hoa, là con nuôi của bố mẹ người Pháp. Nhưng chúng tôi không hề có một ý niệm nào về việc gần đây cô bé ấy đã rời Trung Quốc như thế nào, hoặc liệu cô bé ấy có còn bất kỳ mối liên hệ nào với phương đông hay không. Tất cả những gì chúng tôi được biết là cô bé ấy có thể sinh ra ở Pháp. Nhưng cô ấy là người duy nhất mà chúng tôi không thể tìm được thông tin. Cha mẹ cô ấy đã không trả lời thư hay tiếp nhận điện thoại.”

Tiến sĩ Castelli quăng lá thư của mình trở lại vào chiếc kệ treo trước sảnh rồi nghiêm nghị nhìn MacNeil bằng đôi mắt nhỏ đen láy mà sáng quắc.

“Bằng quá trình loại suy, ông MacNeil ạ, và trong trường hợp không có bằng chứng ngược lại, chúng tôi phải đưa ra giả định rằng Choy có thể chính là ngu ồn gốc của đại dịch.”

## CHƯƠNG HAI MƯỜI

Căn hộ trên đường Parfrey đối diện với Bệnh viện Charing Cross. Pinkie biết rằng bệnh viện này nổi tiếng về việc cắt cụt chi và việc chuyển đổi giới tính - mặc dù không nhất thiết phải theo thứ tự đó. Trước khi xảy ra đại dịch, cư dân nơi đây thường nói đùa rằng họ không thể biết ai đó rời khỏi bệnh viện là một người đàn ông hay một người đàn bà. Pinkie nghĩ thầm rằng đây đúng là một nơi hoàn toàn thích hợp đối với hai kẻ vẫn sánh đôi với nhau mà hẳn quyết định đến thăm vào lúc này.

Căn hộ của Tom và Harry ở số 13A nằm ngay phía trên một cửa hàng bán hoa đồng thời cũng là một quán cà phê. Bên cạnh quán cà phê là một cửa hàng tổng hợp mở cửa suốt 24 giờ, bán rượu đựng trong những chiếc túi nhựa dẻo màu xanh vào bất kỳ thời khắc nào. Trước đại dịch đã có một lượng thường xuyên những bệnh nhân mặc đồ bệnh viện qua qua lại lại trên con đường này. Họ đến tay không, và trở về với những túi nhựa dẻo màu xanh.

Bây giờ hầu hết các khu tiếp nhận bệnh nhân đều đầy những người chết và đang hấp hối. Hoạt động kinh doanh thường xuyên của bệnh viện đã lùi vào phía sau, và cửa hàng hai mươi bốn giờ đã bị đóng cửa hai mươi bốn giờ suốt bảy ngày. Cũng như cửa hàng bán hoa kiêm quán cà phê và Pizza Express nơi Tom và Harry thường tìm đến kiếm món bỏ bụng vào những đêm họ không thể bận tâm đến chuyện nấu ăn.

Pinkie lái xe chậm chạp trên một con đường nhỏ ở bên cạnh, tránh xa ánh đèn của bệnh viện và những chuyến xe cứu thương tấp nập ra vào. Hầu như người ta không hề nghe thấy tiếng xe cứu thương chạy tới chạy lui trong những ngày này. Tình trạng thiếu xe cộ lưu thông đã khiến tiếng còi báo động của xe cứu thương trở nên thừa thãi. Hắn tìm một nơi nào đó để đậu xe, và đi bộ trở lại cửa vào ở căn nhà số một. Hắn rút một chiếc xà beng được giấu sẵn bên trong áo khoác và dùng xà beng bẩy để mở cửa. Gõ nứt và vỡ vụn khi ổ khóa bị bung ra. Thời gian cho sự tế nhị đã qua rồi. Hắn nhanh chóng leo lên cầu thang đến số 13A trên tầng cao nhất và liếc

nhìn bảng tên. Tom Bennet. Harry Schwartz. Hắn luồn đầu có hình nêm của cây xà beng vào giữa cánh cửa và rần cửa buộc cửa phải mở bung ra. Có thêm những mảnh gỗ bị vỡ vụn. Tiếng ồn của gỗ vỡ vụn vang vọng quanh cầu thang, và lan đến tận sảnh của căn hộ phía bên kia. Hắn đẩy cửa ra, rồi nhanh chóng đóng cửa lại và đứng yên trong bóng tối lắng nghe. Hắn nhận ra tiếng sột soạt của khăn trải giường, một tiếng rên rỉ, một giọng ngái ngủ. “Chúa ơi, có phải Tom đó không, hả cưng? Cưng đang làm cái quái gì vậy?”

Pinkie quay vào và mở cửa phòng ngủ. Hắn có thể nhìn thấy dáng nằm sấp của Harry đang quẩn mình trong chiếc chăn lông, chống một nửa người lên trên một khuỷu tay. “Anh cứ tưởng cưng đi cả đêm.”

Pinkie lên tiếng “Tôi về nhà sớm. Vì tôi muốn nhét một cái gì đó vào mõm chú em.”

Ngay lập tức Harry với lấy chiếc đèn ngủ. Anh ta bật nó lên, hoảng hốt nhìn Pinkie đang đứng ở ngưỡng cửa. “Mày là thằng nào?”

Pinkie nhìn Harry bằng con mắt dò xét. Hắn có thể thấy những gì Tom thấy ở anh chàng này. Anh chàng này chắc chắn là thứ đàn ông hàng đầu. Cao, khỏe mạnh, mái tóc dày màu nâu. Anh chàng này gọi cho Pinkie một chút gì về George Clooney. Đúng vậy, chắc chắn là anh chàng này cũng có một chút phẩm chất nào đó có liên quan đến ngôi sao điện ảnh kia. Chẳng có gì lạ khi anh chàng này được ưa chuộng đến vậy. Pinkie mỉm cười và ngẩng xuống mép giường. Hắn tự giới thiệu, “Một người bạn của Tom. Anh ta nói với tôi rằng anh có thể rất vui khi gặp tôi.” Hắn liếc xuống chăn. “Nhưng tôi chưa thấy bất kỳ bằng chứng nào về đi ầu đó.”

Harry ngẩng bật dậy và lùi ra để tránh xa hắn. Pinkie không có cảm tưởng rằng hắn đang thể hiện quá nhiều sự đe dọa đến như vậy. Tại sao Harry lại có vẻ hoảng sợ đến thế? Đã đến lúc giới thiệu với anh ta về nỗi sợ hãi thực sự. Hắn rút khẩu súng từ bên dưới chiếc áo khoác rồi chĩa vào đầu Harry. Đôi mắt của Harry mở to.

“Chúa ơi! Xin đừng.”

“Đừng cái gì? Tôi sẽ không làm tổn thương chú em.” Pinkie đẩy ống hãm thanh đến sát miệng Harry, chỉ cách khoảng hơn hai xăng-ti-mét và hít nhẹ nó lên. “Nào. Mở ra. Tôi đã nói rằng tôi muốn nhét một cái gì đó vào mõm chú em.”

“Ôi. Trời”, Harry lẩm bẩm; và khi anh ta vừa hé môi, Pinkie đẩy nhanh ống hãm thanh vào miệng để cảm thấy sắt thép va vào răng anh ta. Harry sững người, không dám cử động và có lẽ là không dám thở.

“Đấy”, Pinkie nhẹ nhàng nói. “Điề này cũng không tệ lắm, phải không nào?” Hấn thích thú với nỗi sợ hãi của thiên hạ. Đôi khi không có thời gian để suy nghĩ về sự sợ hãi. Đôi khi người ta chỉ cần bóp cò là xong. Hấn nhớ lại cái cảm giác khi lưỡi dao đâm xuyên qua bả vai kẻ tấn công mẹ hấn. Lưỡi dao đã nhanh chóng ngập vào đến tận xương, một cảm giác rùng rợn, gai người làm tàn phế cánh tay của lão ta, trước khi di chuyển vào đến tận tim. Người đàn ông ấy đã chết, kể cả trước khi Pinkie lăn lão ta ra khỏi người mẹ hấn. Chẳng có cơ hội nào để ghi nhận lại sự sợ hãi và nỗi đau đớn của lão ta, cái khoảnh khắc của sự nhận biết rằng cái chết đã đến với lão ta. Cho nên hấn thích tận hưởng những khoảnh khắc như thế này. Nhưng không quá lâu. Thời gian không còn nhiều. “Tôi muốn chú em làm cho tôi một việc, Harry ạ. Điều đó buộc tôi phải lấy khẩu súng ra khỏi miệng chú em. Cho nên tôi muốn chú em phải là một thằng bé biết điều. Chú em hiểu rõ chứ?”

Harry vội vàng gật đầu.

# CHƯƠNG HAI MƯƠI MỐT

## I

MacNeil soi ngọn đèn pin vào phòng tắm nhỏ bên dưới cầu thang và thấy ở phía bên phải có một cánh cửa ngay phía trong. Anh nắm lấy tay cầm và đẩy cánh cửa vào bên trong bóng tối. Chùm ánh sáng từ chiếc đèn pin chỉ ra những bậc thang gỗ hẹp đi vào hầm có độ dốc khá đứng.

“Tốt hơn là bà nên đợi ở đây”, anh nói.

“Không đâu, ông MacNeil”, Tiến sĩ Castelli khẳng định chắc nịch. “Ông đi đâu, tôi theo đó.”

“Vậy thì hãy cẩn thận. Những bước này rất dốc.”

“Đừng lo lắng về tôi. Tôi đang sử dụng đôi giày bên chắc đi đường dài. Một trong những phương tiện xâm nhập bất hợp pháp của tôi.”

Anh phải xoay người sang một bên để đặt chân nằm hoàn toàn ngay ngắn trên từng bậc thềm rồi nhẹ nhàng thả toàn bộ thân hình to lớn của mình vào trong cái lạnh lẽo ẩm ướt của tầng hầm. Đó là một căn phòng nhỏ, được chia đôi bởi một bức tường gạch. Ánh đèn đường vàng nhạt hắt vào từ một máng than hẹp. Một tấm lưới kim loại ngăn động vật chui vào. Đã nhiều năm kể từ khi người thợ than trượt chiếc bao tải cuối cùng của mình xuống cái máng này, nhưng vẫn có một đồng gỗ thông đã được bằm nhỏ bên dưới cái máng ấy, bên cạnh một cái lò đốt củi nhỏ. Áp suất không khí thấp khiến cho mùi bồ hóng phải trở lại theo đường ống kim loại đen ngòm bốc lên ống khói, có vị chua như thịt xông khói. Ở đây lạnh như băng, và MacNeil không thể ngăn được một cơn rùng mình vô tình chạy dọc cơ thể mình. Anh có thể cảm thấy hơi lạnh truyền qua sàn nhà, xuyên qua giày, quần lấy bàn chân và mắt cá chân của mình.

Anh chiếu ánh đèn pin soi quanh những bức tường trơn trượt. Không có gì nhiều ở đây. Một giá rượu trống rỗng, một hộp các-tông ẩm ướt chứa

đầy những chai rượu không. Một tấm thảm đã cuộn lại, được cắt ra từ một trong những phòng ngủ trên lầu. Sự ẩm thấp đọng lại như một lớp bột trắng ẩm ướt rỉ ra qua lớp gạch cũ. MacNeil phải cúi xuống khi anh đi qua nửa còn lại của căn phòng. Để nâng đỡ trần phòng thấp là những dầm bê-tông sơn trắng. Được xếp dọc theo các bức tường là những giá rượu không.

“Người nào từng sống ở đây chắc hẳn lúc nào cũng rất khát”, Tiến sĩ Castelli nói, và giọng nói của bà nghe như mất tầm một cách kỳ lạ trong không gian lạnh lẽo, ngột ngạt này. Ở bức tường phía sau có một cái bồn rửa mặt Belfast cũ, giống như một cái chậu lớn bằng sứ trắng. Có lẽ đã có những lúc người ta giặt quần áo ở đây. Một vòi nước lạnh duy nhất nhô ra từ bức tường phía trên cái bồn. Bên dưới cái bồn là một bình khí đốt lớn, và một cái bếp sử dụng khí đốt - có kích cỡ của loại bếp dùng trong kỹ nghệ - được đặt trên một giá đỡ bằng kim loại chắc chắn; bên cạnh đó là một vật chứa đựng có kích thước bằng một thùng tô-nô nhỏ, trên mặt có phủ một chiếc khăn. Trung tâm của căn phòng được chiếm ngụ bởi một chiếc bàn gỗ chắc chắn nhưng thô vụng, giống như một cái thớt khổng lồ của hàng thịt, mà có thể đã từng là như vậy thật. Mặt bàn sứt sẹo, có những vết bầm và bị mòn thành vết lõm sâu ở một bên, và đã được tẩy trắng. MacNeil đánh hơi. Anh có thể ngửi thấy mùi thuốc tẩy trong không khí.

Tiến sĩ Castelli cùng vậy. Bà lên tiếng, “Thuốc tẩy.”

MacNeil tiếp tục rọi đèn pin quanh phòng cho đến khi ánh sáng ngọn đèn chỉ ra một cánh cửa kim loại rỉ sét gắn vào tường. Nó cao khoảng sáu tấc và rộng ba tấc. MacNeil thử mở cánh cửa ấy ra nhưng nó không di chuyển. Hoặc là nó đã bị rỉ sét kết lại, hoặc nó bị khóa.

“Có thể cái thứ này sẽ mở được cái cửa ấy.”

MacNeil quay lại và thấy Tiến sĩ Castelli đang cầm một chiếc chìa khóa sắt cũ to đùng dài chừng mười lăm phân. “Bà lấy được món này ở đâu vậy?”

“Chẳng có gì bí mật. Nó được treo trên tường.” Khi anh nhận chiếc chìa khóa ấy từ tay Tiến sĩ Castelli và quay lại để thử thì bà cất tiếng hỏi, “Ông nghĩ nó là gì, một kiểu kết an toàn nào đó à?”

“Có thể nó là một chiếc kết bạc cũ. Trong một ngôi nhà như thế này, những người chủ ban đầu thường là khá giàu có. Họ thường có dao kéo

bằng bạc, có thể là những thứ dụng cụ uống trà bằng bạc. Sau khi rửa sạch, những người hầu thường phải cất kỹ trong két bạc.”

Chiếc chìa khóa kêu cọt két khi MacNeil vặn nó theo chiều kim đồng hồ. Nhưng nó quay được, và chiếc cánh cửa bằng thép nặng nề bật tung ra khiến những bản lề rỉ sét nghiêng kèn kẹt. Có một chiếc kệ gỗ được đặt trong hốc tường phía sau két bạc. Chùm ánh sáng từ ngọn đèn pin được phản chiếu từ một loạt những con dao cắt, dao chặt được sắp xếp gọn gàng trên giá. Không khác với những dụng cụ cắt mà anh đã phát hiện trong căn hộ của Flight.

MacNeil dội ngược lại một chút như thể chiếc két đã phà hơi thở có mùi chết chóc vào mặt anh. Đây không phải là bạc. Đây là thép không gỉ, sắc bén đến chết người, và anh không nghi ngờ gì rằng anh đã tìm thấy những dụng cụ được sử dụng để tách thịt khỏi xương của cô bé Choy. Anh nhấc ra một con dao lớn, loại dao của người bán thịt, và cẩn thận giữ nó giữa hai ngón tay đeo găng. Lưỡi dao sạch sẽ, phản chiếu những mảnh ánh sáng chung quanh các bức tường từ ánh sáng ngọn đèn pin, nhưng khi MacNeil giơ con dao lên để nhìn kỹ hơn, anh nhận thấy ở chỗ lưỡi dao gắn vào chuôi dao bằng gỗ có dính một vệt khá dày của một loại vật liệu nào đó sạm màu đã khô dọc theo mép gỗ.

Anh giao ngọn đuốc cho Tiến sĩ Castelli. “Này, giữ cái này giúp tôi.” Rồi anh mang con dao ra bàn, cẩn thận đặt nó lên trên mặt gỗ, sau đó anh mới lấy ra quyển sổ tay và xé từ đó ra một tờ giấy sạch. Anh đặt tờ giấy lên bàn rồi mở ra một con dao gấp nhỏ, khéo léo cạo dọc theo mép nối giữa lưỡi dao và chuôi dao. Một lớp bụi màu nâu sẫm vỡ vụn ra trên tờ giấy được chuẩn bị sẵn. Tiến sĩ Castelli hỏi, “Máu à?”

“Có nhiều khả năng là thế.”

“Có phải máu của Choy không?”

MacNeil gật đầu với thái độ dứt khoát. “Thưa tiến sĩ, tôi nghĩ gần như chắc chắn đây là nơi sự kiện ấy đã xảy ra. Tôi không biết liệu chúng có giết cô bé ấy ở đây hay không, nhưng tôi nghĩ rất có thể chúng đã đặt xác cô bé ấy lên chính chiếc bàn.”

Tiến sĩ Castelli đáp lời, “Như vậy thì chắc chắn phải có dấu vết, cho dù sau đó chúng đã dọn dẹp sạch sẽ như thế nào.”



MacNeil gấp tờ giấy trắng lại để gói kín lớp bụi màu nâu và nhét nó vào túi đựng vật chứng. “Như thế này.”

“Ông nghĩ xem chúng đã xử lý thế nào với mọi thứ?”

“Có lẽ chúng đốt. Trong cái bếp lò ở ngoài kia kìa.” Anh hít đầu hướng về phía nửa ngoài của căn phòng. “Phải còn dấu vết trong đồng tro.” Anh bước tới chiếc bồn rửa và khom người xuống xem xét chiếc bếp sử dụng khí đốt đặt bên dưới bồn. Anh lật chiếc khăn tắm bên cạnh để lộ ra một chiếc nĩa đồng rất lớn, bề ngang từ hai gang tay trở lên. Trong những ngày hạnh phúc hơn có lẽ chiếc nĩa đồng này đã được sử dụng để làm mứt. “Tôi đoán chắc chúng đã nấu xương trong này.” Anh dùng các đốt ngón tay gõ gõ vào thành chiếc nĩa đồng và nó thường cho anh một tiếng kêu nghe như tiếng chuông rè. Anh hy vọng chúng đã giết cô bé ấy nhanh chóng và không quá tàn nhẫn. Bởi vì sự kinh hoàng của những gì sau đó là không thể tưởng tượng được.

Vị tiến sĩ nói, “Vậy thì ông có thể gọi cho đội pháp y được rồi đó.”

MacNeil đứng dậy và thở dài. “Tôi không thể.”

“Tại sao không?”

“Vì chúng ta đã vào nhà bất hợp pháp. Bất kỳ bằng chứng nào mà chúng ta tìm thấy ở đây sẽ không thể được chấp nhận trước tòa.”

“Thật là nực cười!”

“Đó là luật. Có người sẽ phải quay lại với một trát tòa và lục soát khắp nơi một lần nữa. Bây giờ mới là hợp pháp. Thưa tiến sĩ, hãy nhớ rằng chúng ta chưa bao giờ có mặt tại đây.”

“Tôi đã ở nhà cả đêm, thưa ông thanh tra.”

MacNeil nở một nụ cười nhợt nhạt. “Bà nắm được vấn đề nhanh thật.”

“Lúc nào tôi cũng nhanh nhẹn. Điều đó khiến tôi rất nổi tiếng đối với đám con trai.”

MacNeil nhận lại chiếc đèn pin rồi đặt con dao trở lại chỗ cũ, khóa chiếc két sắt lại và treo chiếc chìa khóa vào đúng chiếc đinh trên tường. Anh nhìn quanh căn phòng giết người nhỏ bé nghiệt ngã này và rùng mình. Chỉ là lần này anh rùng mình không phải vì trời lạnh.

Trở lại gian đại sảnh, ánh sáng màu rải vào họ từ những tấm kính màu chung quanh cửa trước. MacNeil lấy điện thoại di động ra. Màn hình nhấp

nháy cho biết anh vẫn còn một tin nhắn đang chờ. Anh không quan tâm đến đi đâu đó mà vội gọi vào số điện thoại của phòng thí nghiệm FSS ở đường Lambeth và hỏi Tiến sĩ Tom Bennet.

Tom có vẻ mệt mỏi, như thể anh đã ngủ, gục xuống sau bàn làm việc, đóng cửa lại, sẵn sàng vắng mặt vào những giờ ban đêm và chờ đến lúc kết thúc giờ giới nghiêm, để cuối cùng anh có thể trở về nhà. “Tiến sĩ Bennet nghe.”

“Chào Tom, đây là Jack MacNeil.”

Có một sự im lặng ở đầu dây bên kia, và hầu như MacNeil cảm nhận được thái độ thù địch trong sự im lặng đó. “Có gì vậy?” cuối cùng anh cũng lên tiếng, giọng lạnh như băng.

“Tom, tôi cần một ân huệ”, MacNeil nói, nhưng chẳng còn hy vọng rằng mình sẽ nhận được đi đâu mình mong muốn. “Tôi có một mẫu thử mà tôi tin rằng đó là máu khô. Tôi nghĩ nó đến từ cô bé người Trung Quốc bị hở hàm ếch. Tôi cần so sánh nó với DNA từ bộ xương của cô bé.”

“Đi đâu đó khó có thể coi là một ân huệ, thưa ngài Thanh tra Hình sự. Nếu ngài đưa ra yêu cầu chính thức, thì sẽ có người thực hiện. Kể cả ngài không cần phải yêu cầu với sự tử tế ấy.”

“Tôi biết đi đâu đó. Nhưng tôi muốn việc này phải được nằm ngoài báo cáo.”

Thêm một lúc im lặng. Thế rồi, “Sao vậy?”

MacNeil thở dài. Anh không bao giờ chấp nhận được đi đâu gì khác hơn sự trung thực. “Bởi vì mẫu có được bằng những phương tiện bất hợp pháp.”

“Vậy thì đi đâu đó sẽ khiến tôi trở thành đồng phạm của tội ác.”

“Tôi đang cố bắt một kẻ giết người, Tom à. Và tôi sắp hết thời gian.”

“Thời gian để làm việc gì? Để trở thành một anh hùng à?”

“Tôi đang đặt vấn đề với thiện ý.”

“Vậy tại sao ngài không hỏi... bạn của ngài... cô Amy ấy? Tôi chắc chắn rằng cô ta sẽ rất hạnh phúc khi gia ân.”

MacNeil hiểu ngay rằng anh ta đã biết về chuyện của anh với Amy, và chính sự hiểu biết đó đã đổ đầy tâm hồn anh ta những ý tưởng độc hại cùng với lòng thù hận, giống như đi đâu mà Amy vẫn lo sợ. Cô biết anh ta

quá rõ. Anh nghe thấy một tiếng chuông điện thoại khác vang lên ở đâu đó trong hậu cảnh văn phòng của Tom, và tiếng điện thoại ấy mang lại một lý do hoàn hảo để nhà nghiên cứu bệnh lý học kết thúc cuộc trò chuyện của họ. “Xin lỗi, tôi có một cuộc gọi khác. Tôi phải đi.” Anh ta chẳng có vẻ gì áy náy cả, và đột ngột cúp máy.

## II

Ấy **B**ờ Harry đã ng ỡ ở bên giường, ăn mặc chỉnh tề. Khuôn mặt anh ta nhợt nhạt đến mức gần như bùng bùng trong bóng tối. Pinkie ng ỡ sát bên anh ta, nòng súng hãm thanh đẩy nhẹ vào cổ Harry. Harry áp điện thoại lên tai bằng những ngón tay run rẩy và lắng nghe khi nó reo ở đầu dây bên kia. Thế rồi giọng nói của Tom, nhanh, dứt khoát, đâu ra đấy, gợi nên một cảm giác nôn nao, giống như một cây cọc gỗ được vuốt nhọn, đâm thẳng vào lỗm thượng vị của người nghe. Có lẽ sẽ tốt hơn cho cả hai nếu Tom không ở đó.

“Tiến sĩ Bennet nghe.”

“Tom, Harry đây.”

Pinkie ghé sát vào tai Harry để hẳn cũng có thể nghe thấy. Và trước hết đi đầu hẳn nghe được là niềm vui của Tom.

Tom nói. “Này, anh bạn, đi đầu này có nghĩa là chúng ta lại nói chuyện với nhau một lần nữa?”

Pinkie gật đầu và Harry nói, “Tôi đoán vậy.” Anh chàng hít một hơi sâu, run rẩy vì hoảng hốt. “Chúa ơi, Tom!” Pinkie vừa ấn mạnh nòng súng vào phần thịt mềm mại ở cổ Harry khiến anh chàng kêu ré lên.

“Chuyện gì vậy?” Tom có vẻ lo lắng. “Harry, bạn bình yên chứ?”

Pinkie giật lấy chiếc điện thoại từ tay Harry. Hắn nói, “Harry vẫn bình yên, Tom ạ.”

“Ai thế này?”

“Không thành vấn đề”, Pinkie nhẹ nhàng nói. “Tất cả những gì bạn cần biết là nếu bạn làm những gì tôi yêu cầu thì Harry sẽ trở nên bảnh bao. Tôi

sẽ không làm hại một sợi tóc nào trên cái đầu nhỏ xinh của anh ta.”

### III

Amy đã tắt hết đèn và bảy giờ ng ời lặng yên trong bóng tối. Cô biết rằng căn hộ vẫn ấm áp, nhưng cô cảm thấy lạnh thấu xương, da thịt cô lạnh lẽo khi chạm vào. Cô ng ời đầy, ôm chặt con dao làm bếp trong lòng, chăm chú quan sát khu vực cầu thang. Ánh sáng từ chiếu nghỉ bên dưới rọi lên rồi phản chiếu lên trần nhà dốc đứng ở phía trên thành một hình chữ nhật méo mó. Nếu có người nào bước lên cầu thang, cô sẽ nhìn thấy ngay bóng kẻ đó. Cô có được ở phía mình lợi thế về sự bất ngờ và ở một vị trí trên cao. Nhưng trong vòng một giờ hay hơn một chút kể từ khi cô gọi cho MacNeil, không hề có một âm thanh hay một bóng dáng mờ nhạt nhất của bất kỳ một chuyển động nào.

Có lẽ tình trạng ấy khiến cô yên tâm rằng kẻ nào đó đã cắt tóc Lyn hẳn cũng đã đi từ lâu rồi. Nhưng cô thấy đi đầu đó thật khó chấp nhận. Cô đã bị bỏ mặc đến mức hoàn toàn mất tự tin. Sự việc không có ý nghĩa gì cả, và mỗi khi cô nghĩ đến việc làm thế nào mà kẻ đó vào được trong nhà giữa lúc cô đang vô tư khóa thân, phơi bày dưới vôi hoa sen, thì cô chỉ muốn sao cho như mình chưa hề được sinh ra và loại bỏ cả thế giới này. Giá như có thể giả vờ rằng đã không hề có chuyện này xảy ra, rằng trong một khoảnh khắc khác, cô sẽ trở mình thức dậy nhìn vào màn hình kỹ thuật số trên chiếc đồng hồ đầu giường, khi ánh sáng ban ngày len lỏi khắp các mép rèm cửa sổ trong nhà.

Nhưng cô biết rằng không có lối thoát dễ dàng như vậy, nên cô cứ ng ời đó, cứng đờ vì căng thẳng và lạnh lẽo, và cả vì chờ đợi nữa.

Ở đầu kia căn phòng, cái đầu đã bị biến dạng cứ chằm chằm nhìn cô trong bóng tối, tỏ vẻ khinh miệt. Amy không biết sợ hãi là gì. Amy vẫn còn sống. Amy có hy vọng, Amy có một tương lai.

Điện thoại đổ chuông khiến cô giật mình suýt hét lên. Cô nắm lấy ống nghe. Cuối cùng thì cũng phải như thế chứ!

“Jack!”

“Xin lỗi đã làm thất vọng. Đây chỉ là Tom.” Quả thực là cô thất vọng. Cảm giác có được sự cứu viện vừa tràn ngập các giác quan của cô lập tức mờ nhạt đi, để lại cho cô sự bực mình và căng thẳng. Và cho dù có sự cố gắng của Tom để tạo ra thái độ suồng sã như mọi khi, Amy vẫn phát hiện có đi đâu gì đó khác lạ trong giọng điệu của anh ta.

“Anh cần gì vậy, Tom?” Thực tình, cô không có ý ăn nói kiêu cút lùn như vậy.

Tom trả lời với giọng điệu không có chút cảm xúc nào, “Tôi muốn cô có mặt ở phòng thí nghiệm.”

“Sao vậy?”

“Tôi không muốn nói chuyện cụ thể qua điện thoại. Tôi chỉ cần cô ở đây, ngay bây giờ. Càng sớm càng tốt.”

“Tom, anh có biết bây giờ là mấy giờ không?”

“Khoảng ba giờ, tôi nghĩ vậy.”

“Coi nào, đi đâu gì khiến anh có thể muốn tôi có mặt ở đó lúc ba giờ sáng?”

“Tôi cần cô mang theo cái đầu và cả hộp sọ.”

Trong giây lát, cảm giác nguy hiểm của Amy rời khỏi tâm trí của cô, thay vào đó là sự kinh hoàng. “Tôi không hiểu.”

“Cô không cần phải hiểu, Amy à.” Tom hoàn toàn mất tự chủ. Giọng điệu của anh ta thể hiện rõ sự căm giận. “Cứ làm đi. Xin vui lòng.”

Tom...

Anh ta gằn như hét lên, “Amy! Cứ làm đi.”

Có thể nói là cô dội ngược trước máy điện thoại. Họ vẫn cãi nhau trong nhiều năm qua, nhưng chưa bao giờ anh ta nói chuyện với cô như thế này. Và dường như ngay lập tức, anh ta hối hận về đi đâu đó.

“Amy, tôi xin lỗi.” Lúc này anh ta đang cầu xin. “Tôi đã không cố ý hét vào mặt cô. Chỉ vì... chỉ vì đi đâu này thực sự quan trọng. Cứ đến đi đã. Làm ơn.” Anh ta dừng lại rồi tiếp, “Hãy tin tôi.”

Hãy tin tôi. Làm thế nào cô ấy có thể không tin? Họ đã là bạn của nhau quá lâu, và anh đã ở bên cạnh cô trong tất cả những sự thăng trầm của cuộc sống. Hãy tin tôi là những lời có giá trị nhất để gọi lên tất cả tình bạn và lòng biết ơn mà cô còn nợ anh. Hãy tin tôi. Tất nhiên là cô tin tưởng anh.

Và trước tất cả những nghi ngại của mình, không cách nào cô có thể từ chối anh. “Tôi sẽ có mặt trong vòng bốn mươi, hoặc có thể là năm mươi phút nữa.”

Cảm giác cất được cả một gánh nặng trong giọng nói của anh ta gần như có thể sờ thấy được. “Cảm ơn nhé, Amy.”

Cuộc điện thoại ấy đã xua tan trong tâm trí cô cái cảm giác về sự nguy hiểm sắp xảy ra trong căn hộ. Và cô bắt đầu tự hỏi trí tưởng tượng của mình đã đóng vai trò như thế nào trong đó. Cô bật đèn lên rồi đi lùi khiến xe lăn đi xuyên qua phòng để nhắc chiếc đầu đưa trẻ ra khỏi mặt bàn. Cô tháo bộ tóc giả ra trước khi cẩn thận quấn chiếc đầu ấy bằng một lớp vải mềm rồi đặt nó vào một chiếc hộp đựng mũ cũ mà cô vẫn sử dụng để vận chuyển những chiếc đầu từng được giao cho cô xử lý. Cô quăng bộ tóc giả lên mặt bàn và đặt chiếc mũ vào vị trí cũ.

Khi chiếc thang máy kêu o o rồi từ từ hạ xuống chiếu nghỉ đầu tiên, cảm giác về tình trạng dễ bị tổn thương hết sức nghiêm trọng của cô quay trở lại. Cô vẫn giữ chặt con dao làm bếp trên chiếc hộp mũ. Nhưng không có ai ở đó. Không có ai trong phòng ngủ hay phòng tắm, hay trong tủ áo khoác khi cô lấy lại chiếc áo choàng mùa đông dày mà cô dùng để choàng qua vai.

Phòng chờ nhỏ bé dưới chân khoang thang cuối cùng thật là vắng vẻ, lạnh lẽo và trơ trụi trong ánh đèn vàng chói chang; cùng lúc, mùi hộp sọ bốc lên để chào đón cô, xuyên qua tất cả các lớp nhựa bọc. Một lời nhắc nhở, nếu cô cần, rằng đứa trẻ ấy đã chết, và họ vẫn đang cố gắng tìm ra kẻ giết cô bé ấy.

Cô mở cửa, bóng đêm phả hơi lạnh vào mặt. Cô kéo cửa, đóng nó lại sau lưng rồi mở máy động cơ chiếc xe lăn đi lùi khiến nó lao thẳng xuống đoạn đường dốc đi qua một vùng sân hoang vắng lát sỏi hoa cương. Đám mây trên cao đột ngột tách ra và một tia sáng bạc thoáng lướt qua sân rồi lại biến mất ngay lập tức. Không có một bóng người nào trên đường; và Amy tự hỏi liệu đã bao giờ cô cảm thấy cô đơn hơn lúc này chưa. Cô đổi hướng chiếc xe lăn để đi về phía đường Gainsford và bãi đỗ xe nhiều tầng.

# CHƯƠNG HAI MƯỜI HAI

## I

Đã có lúc gần như có thể tin rằng hàng triệu người từng sống ở thành phố vĩ đại này chỉ đã thu dọn đồ đạc để rời đi nơi khác. Trong sự tối tăm nhất của những giờ sáng sớm, khi không có xe cộ trên đường, không có ánh đèn phát ra ở bất kỳ ô cửa sổ nào suốt dọc những dãy nhà im lìm trên những con đường họ lái xe qua, cảm giác bị bỏ rơi thật là rõ rệt. Thất thủ!

Tiến sĩ Castelli đã để xe của mình ở lại Wandsworth, chọn cùng đi với MacNeil, đầu đó ở về phía không đúng với luật pháp. Về phần MacNeil, anh cũng vui vì có bạn đồng hành. Sự hiện diện ở ghế hành khách bên cạnh anh của người phụ nữ nhỏ bé kỳ quặc, mặc trang phục bằng vải tuyết, đã khoe với anh đang sử dụng một đôi giày bện chắc giúp xâm nhập nhà người ta một cách bất hợp pháp, quả là một sự an ủi theo một đường lối khác thường. Sự tiếp xúc giữa người với người. Một giọng nói đủ sức át đi tiếng nói trong đầu anh.

Và bà ấy lại thích nói chuyện. Có lẽ đó là do tình trạng căng thẳng. Một nhu cầu để đánh bật những nỗi lo âu của chính mình.

Lúc này bà ấy đang nói về H5N1. “Tất nhiên, ông đã nghe nói về sự thay đổi kháng nguyên chứ?”, bà ấy đặt câu hỏi như thể đi đâu đó được coi là một chủ đề của các cuộc trò chuyện hàng ngày.

“Không.”

“Đó là cái tên chúng tôi đặt cho sự thay đổi đột ngột và quan trọng diễn ra ở vi-rút cúm A. Điều này không xảy ra thường xuyên, nhưng khi xảy ra, nó sẽ tạo thành một phần nhóm cúm A mới, tạo ra các yếu tố mới gồm kháng nguyên làm ngưng kết hồng cầu của protein trong ống nghiệm và kháng nguyên làm loãng chất nhầy ở đường hô hấp khiến lây nhiễm sang

người. Hầu hết chúng ta có rất ít hoặc không có biện pháp bảo vệ chống lại chúng.”

“Vậy H5N1 có phải là một vi-rút A không?”

“Chính là nó. Và có lẽ nó đã tồn tại trong một thời gian rất lâu, dưới hình thức này hay hình thức khác.”

“Trước khi nó chuyển dịch à?”

“Chính xác. Và khi nó đã chuyển dịch, nó trở nên gây chết chóc, không chỉ cho các giống chim mà cho cả loài người nữa. Tất nhiên, nó vẫn phải tìm ra một cách có hiệu quả để tự truyền nó từ người sang người, trong lúc vẫn giữ được xu hướng nổi bật của nó cho việc giết chết chúng ta. Ông biết đấy, những con vi-rút sẽ tiến hành việc ấy. Đúng là bọn đáng kinh tởm nhỏ bé! Hầu như chúng đã được lập trình sẵn để tìm những cách thiện nghệ nhất nhằm giết chết tất cả những sinh vật khác. Ông biết đấy, một con vi-rút chỉ có một lý do để tồn tại. Sinh sôi nảy nở theo cấp số nhân. Và một khi tiến trình ấy đã bắt đầu, thật là hết sức khó khăn để ngăn chặn.”

“Vậy đi đâu gì đã xảy ra khiến nó truyền từ người sang người một cách hiệu quả như vậy?”

“Ồ! Đó là sự tái tổ hợp. Gần như chắc chắn là vậy.”

“Đi đâu này là gì?”

“Nói một cách đơn giản, một loại vi-rút này gặp một loại vi-rút khác, chúng trao đổi với nhau các vật chất di truyền và tạo ra một loại vi-rút thứ ba một cách có hiệu quả. Hoàn toàn ngẫu nhiên trong việc nó có trở thành một đi đâu gì đó tồi tệ hơn hay không. Một loại quái vật nhỏ của Frankenstein trong thế giới vi-rút.”

“Thế nhưng đó là đi đâu đã xảy ra với bệnh cúm gia cầm à?”

“Ồ, đúng vậy. Trong hành trình của nó, có lẽ H5N1 đã gặp phải một con vi-rút gây cúm cho người ở một trong số những nạn nhân của nó. Chúng kết hợp với nhau, hoán đổi những đi đâu tốt đẹp nhất, hoặc tồi tệ nhất, của từng con trong chúng, rồi tạo ra một tình trạng hơi khó thở rất khó chịu đang giết chết tất cả mọi người.”

Họ lái xe chậm chậm vượt qua chợ hoa ở góc đường Nine Elms và đường Wandsworth. MacNeil trầm ngâm nhìn về phía cửa sông hướng đến Tòa nhà Quốc hội tràn ngập ánh sáng và tòa tháp Big Ben không thể nhìn



lẫn. “Theo như bà biết, có thể thực hiện được điều gì đó như vậy trong phòng thí nghiệm không?”

“Xem nào, tất nhiên.” Tiến sĩ Castelli bắt đầu say mê với chủ đề của mình. “Bằng các thao tác thuộc về di truyền học, người ta có thể dễ dàng tạo ra một phiên bản H5N1 có thể truyền được một cách hiệu quả. Hoán đổi miên liên kết thụ thể của con người từ vi-rút cúm ở người thành ra điểm tựa H5 và người ta sẽ cải thiện đáng kể hiệu quả truyền dẫn. Vài năm gần đây, người ta đã thực hiện điều đó trong các phòng thí nghiệm trên khắp thế giới để cố gắng dự đoán một thực thể H5N1 có thể lây truyền qua người sẽ như thế nào.”

“Để tạo ra một loại vắc-xin.” MacNeil nhớ lại lời vị bác sĩ của Stein-Francks giải thích trên truyền hình sáng hôm qua. Có phải thực sự là mới chỉ hai mươi bốn giờ đồng hồ trước đây? Thực tế còn ít hơn nữa!

“Trừ trường hợp tất cả đều sai và phải bắt đầu lại từ đầu khi sự kiện thật xuất hiện.” Tiến sĩ Castelli ngẩng im lặng trong một lúc, trước khi quay sang phía MacNeil, vẻ tư lự hiện rõ quanh quầng mắt, “Điều gì đã khiến ông hỏi như vậy?”

MacNeil trả lời, “Một cô nghiên cứu sinh ở phòng thí nghiệm đã phân lập được vi-rút cúm trong tủy được phục hồi từ bộ xương của Choy.”

Anh cảm thấy Tiến sĩ Castelli đang chăm chú quan sát mình, “Thế rồi sau đó?” Bà ấy hỏi.

“Xem nào, việc đó không có nhiều ý nghĩa đối với tôi. Nhưng có vẻ cả phòng thí nghiệm đều hào hứng vì đó không phải là H5N1. Hoặc ít nhất thì cũng không phải là phiên bản của nó mà chúng ta biết. Họ nói rằng đó là nhân tạo. Rằng nó đã được con người tạo ra.”

## II

Đi lái xe băng ngang quảng trường, vượt qua Cung điện Westminster và Tòa nhà Quốc hội. Tu viện Westminster ngẩng im lặng nghỉ ngơi ngẫm trong bóng tối mùa đông; trong công viên, những cành cây trơ trụi trụi lá, những bộ khung đen giòn đứng đó chứng kiến một cơn bệnh dịch đường như đã

được Thượng đế gửi đến để trừng phạt Con người vì sự độc ác của hắn. Vì một lý do nào đó, người ta đã phong tỏa cầu Westminster, cho nên Pinkie đang đi về hướng nam để vượt qua sông tại cầu Lambeth. Đi đâu mà, trong mọi trường hợp, sẽ đưa hắn ra gần như đối diện với các phòng thí nghiệm.

Harry bị bịt miệng, đeo mặt nạ và bị trói ở băng ghế sau. Lúc đầu chàng ta đã vật lộn và rên rỉ, nhưng chàng ta đã bỏ cuộc từ lâu; trong suốt mười lăm phút qua, Pinkie đã không nghe thấy nhiều những tiếng rên rỉ từ anh chàng đồng tính này.

Pinkie có cảm giác hưng phấn. Hắn thích cảm giác ấy khi hắn phải ứng biến. Sự ứng biến kiểm tra trí thông minh của hắn. Nó cũng mở rộng tài năng và kinh nghiệm cho hắn. Đó cũng là một thách thức. Hắn đã phát hiện ra một dấu hiệu của sự cuồng loạn ẩn sâu ở đâu đó trong giọng nói của ngài Smith. Một nỗi hoảng sợ dâng cao mà ông ta đang cố gắng che giấu. Nhưng Pinkie vẫn kiểm soát được. Đó chính là lý do để hắn được trả tiền. Để khiến cho công việc được thành tựu. Đừng bao giờ bắt đầu một việc gì mà mình không thể hoàn tất. Mẹ hắn đã nói. Nếu một công việc đáng được thực hiện, công việc đó cũng đáng được thực hiện tốt. Pinkie luôn hoàn thành công việc. Và hắn luôn thực hiện tốt công việc ấy. Hắn khó có thể phải chịu trách nhiệm về những thiếu sót của người khác.

Sự kiện hắn là người giới thiệu Kazinski với ngài Smith ngay từ đầu đã có lời ong tiếng ve trong một thời gian. Có khả năng là ngài Smith sẽ đổ lỗi cho Pinkie về sự thất bại của Kazinski. Nhưng Kazinski đã biến mất, và Pinkie đã nắm lại trách nhiệm. Nay thì dù có bất kỳ chuyện gì xảy ra, hắn cũng sẽ tiếp tục hoàn tất cho đến cùng.

Công viên Tháp Victoria ngăn cách họ với dòng sông ở bên trái, trong khi phòng hòa nhạc St. John nằm ngay bên ngoài quảng trường Smith thì ở bên phải của họ. Pinkie đã có thể nhìn thấy cầu Lambeth bắc qua sông Thames ở ngay phía trước họ tại bùng binh Millbank. Hắn gài số ba cho xe và giảm tốc độ để chuẩn bị rẽ trái rồi vượt qua cầu. Đã có một rào chắn do quân đội lập nên đặt giữa đường. Một vài chiếc xe tải và nửa tiểu đội lính. Pinkie gài số thấp hơn để làm chậm quá trình tiếp cận rào chắn, đem lại cho đơn vị kiểm soát nhiều thời gian hơn để kiểm tra biển đăng ký xe của hắn.

Đôi bàn tay bị buộc chặt bằng dây thừng đột nhiên vòng qua đầu hắn từ phía sau, và hắn nghe thấy tiếng cầu nhàu của Harry khi anh chàng này cố

gắng kéo hẳn thật mạnh ra sau, ghì chặt hẳn vào chỗ tựa đầu của chiếc ghế tài xế. Những sợi thô ráp của sợi dây thừng cứa vào da của Pinkie và hẳn cảm thấy khí quản của mình bị bóp nghẹt. Bằng phản ứng bản năng, chân hẳn đạp mạnh vào cần ga khi hẳn gồng mình lên, khiến chiếc xe loạng choạng lao thật nhanh về phía trước với tốc độ cao. Hẳn vội vàng đưa cả hai tay lên nắm lấy sợi dây và cố gắng làm giảm sức ép đang đè lên cổ họng. Harry húc đầu vào đỉnh đầu hẳn, và hẳn cảm thấy một cơn đau dữ dội như có một thứ gì đó đang khẹp lại quanh hộp sọ của mình. Ánh sáng bùng lên sau cặp mắt của hẳn. Harry rất mạnh mẽ. Anh chàng này sẽ không buông tay.

Bấy giờ Pinkie đã có thể nghe thấy tiếng la hét của binh lính, đến mức át cả tiếng gầm rú của động cơ. Sự hoảng sợ trong giọng nói của họ. Nhưng hẳn hoàn toàn bất lực để làm bất kỳ điều gì trước tình huống này. Hẳn có thể nhìn thấy họ qua kính chắn gió, súng trường giương lên, chĩa thẳng vào chiếc xe, đứng trong tư thế tác chiến và sẵn sàng khai hỏa. Trong khi đó, Harry tiếp tục găm giữ khi siết chặt lấy Pinkie, cảm thấy sự thành công trong việc đánh bại kẻ bắt cóc mình.

Những viên đạn đầu tiên trúng vào khối động cơ. Pinkie biết rằng các binh sĩ đã được hướng dẫn bắn vào khối động cơ của bất kỳ phương tiện nào không chấp hành lệnh dừng lại. Các loạt đạn tiếp theo sẽ bắn thẳng vào kính chắn gió. Hẳn biết hẳn sẽ chết, và hoàn toàn bất lực để làm bất kỳ điều gì trước tình huống này. Nhưng loạt đạn thứ hai đã không bao giờ đến. Hẳn cảm thấy chiếc xe đang lao qua một bên, nhìn thấy những khuôn mặt tái nhợt, đeo mặt nạ vệt qua khi những người lính chạy tán loạn trên mặt đường. Có một âm thanh gậy rợn người của kim loại bị xé ra như giấy khi chiếc xe hơi tông vào một trong những chiếc xe tải trong lúc lướt ngang qua mặt đường. Bàn chân của Pinkie vẫn dẩy mạnh xuống sàn. Chiếc xe còn bị kẹt ở số hai, và động cơ thì kêu lên ầm ầm. Hẳn nhìn thấy ngọn lửa bùng lên từ nắp ca-pô khi chiếc BMW của ngài Smith lao vào lan can, và Harry bay qua chỗ hẳn ngã, vừa vọt trượt qua khỏi đầu hẳn, mặt chàng ta đập vào kính chắn gió trong một chùm bụi nước màu đỏ.

Pinkie ngừng thấy mùi xăng, và sau đó cả thế giới của hẳn chìm trong biển lửa.

### III

Xe của MacNeil đang tiến đến bùng binh ở Cung điện Lambeth thì họ chứng kiến vụ nổ. Ngọn lửa ban đầu vọt lên không trung cao từ ba đến năm thước. MacNeil đạp mạnh vào cần thắng và bắt đầu chú ý đến cây cầu. Họ có thể nhìn thấy một chiếc xe đang nằm vắt vẻo trên lan can. Chiếc xe đã phá hủy một cột đèn, và tất cả các ngọn đèn đều tắt. Nhưng ngọn lửa đã thấp sáng bầu trời đêm và chiếu xuống mặt đường hình bóng của những người lính đang di chuyển trông giống như lũ chuột đang chạy trốn.

“Chết tiệt.” Tiến sĩ Castelli hét lên. “Có ai đó trong xe. Có ai đó còn sống trong chiếc xe ấy!”

MacNeil có thể nhìn thấy một cánh tay lòng thòng phía sau ngọn lửa ở ghế tài xế, ai đó đang cố gắng thoát ra trong tuyệt vọng. Anh nhảy vội ra khỏi xe và nhìn thấy những người lính đang hướng họng súng trường về phía mình. Anh vẫy vẫy tấm thẻ hành sự của mình trong không khí và gào lên át cả tiếng ồn ào của ngọn lửa. “Cảnh sát đây. Có một vị bác sĩ cùng đi với tôi. Có ai bị thương không?”

Một người trong toán lính hét lên “Có hai người trong xe. Nhưng họ đã chết rồi.”

Tuy nhiên MacNeil vẫn có thể nhìn thấy sự chuyển động của ai đó. Anh vội cởi áo khoác rồi choàng nó qua đầu mình và chạy nhanh về phía chiếc xe. Sức nóng của ngọn lửa cực kỳ khắc nghiệt. Anh có thể ngửi thấy mùi áo khoác của mình đang cháy vì lửa. Anh không dám thở, hoặc anh biết mình sẽ làm tổn thương buồng phổi của anh. Anh luồn một bàn tay vào nếp gấp của ống tay áo khoác, sờ soạng tìm tay nắm cửa xe rồi kéo bật ra. Cánh cửa xe gập như rời ra. Anh có thể cảm thấy toàn thân mình đang bốc cháy, quần cháy, giày cháy, tóc cháy. Hình nhân ngổ sau tay lái gập như ngã về phía anh, anh nắm được cánh tay của người ấy rồi lôi mạnh, kéo theo toàn bộ sức nặng vô dụng của người đàn ông ấy ra khỏi chiếc xe.

Bấy giờ anh đã có thể ngửi thấy mùi thịt cháy, và không biết có phải đó là da thịt của mình hay không. Anh ngã xuống lòng đường và lăn ra khỏi làn khói cháy ngùn ngụt, thở hổn hển, một cơn đau buốt nhói ở cả bàn tay và cẳng tay. Hai người lính chạy qua mặt anh và lôi người đàn ông kia ra

khỏi ngọn lửa. “Ôi, Chúa ơi!” anh nghe thấy một người trong đám ấy thở hổn hển, “hãy xem xét ngay tình trạng của anh chàng này.”

Một người khác ném một chiếc áo khoác nặng lên người MacNeil và cuốn anh lại nhiều vòng, những đám khói bốc lên từ quần áo bị cháy xém. Sau đó, anh nghe tiếng của Tiến sĩ Castelli, giọng bà đầy căng thẳng và lo lắng. Bà nghiêng người về phía MacNeil, kiểm tra gương mặt, cánh tay và bàn tay của anh. “Ông điên rồi, thưa ngài MacNeil. Thật là điên rồi. Và rất may mắn là ông chỉ bị phỏng ở cấp độ một.” Bà nhìn lên và hét lớn, “Tôi cần nước, nhanh lên. Và cả dụng cụ băng bó sạch nữa.” Ngay sau đó bà hỏi MacNeil, “Ông thấy đau đến mức nào?”

“Tay của tôi”, anh thở hổn hển. “Đau thấu trời xanh.”

“Cảm ơn.” Vị bác sĩ nhỏ bé cười với anh gần như triu mến. “Nếu nó đau thì tình trạng không đến nỗi tệ.”

“Đối với bác sĩ, nói như vậy thì cũng dễ mà.”

“Ngược lại, có lẽ người đàn ông mà ông đã kéo khỏi xe không còn cảm thấy đau đớn.”

“Y chết rồi à?”

“Chưa! Nhưng cũng sẽ chết thôi. Thưa ngài MacNeil, tôi e rằng toàn thể hành động anh hùng của ngài đã trở thành lãng phí.”

Một người lính chạy lại mang theo nước đựng trong một chiếc can chứa xăng và một hộp sơ cứu màu xanh lá cây. Anh ta thận trọng nhìn vị bác sĩ từ đằng sau chiếc mặt nạ của mình rồi bỏ đi. MacNeil ngẩng thẳng lên khi vị bác sĩ đổ nước lên hai bàn tay dang rộng của anh. Cơn đau giảm ngay tức khắc. Nhưng ngay sau khi bác sĩ ngừng dội nước thì cơn đau cũng lập tức trở lại.

“Thêm nước!” Vị bác sĩ hét lên. Sau đó bà quay lại nói với MacNeil. “Chúng ta cần đặt những vết phỏng như thế này dưới vòi nước đang chảy để ngăn vết phỏng gây thêm bất kỳ tổn thương nào.”

MacNeil nhìn xuống đôi bàn tay của mình. Chúng có màu đỏ tươi. Rồi anh nhìn sang bên kia đường. Những đám mây lớn của khối bọt khí trắng bao trùm chiếc xe khi hai người lính dùng bình cứu hỏa dập lửa. Một số người khác đang giúp đỡ người đàn ông mà anh đã kéo ra khỏi đám cháy để hẳn có thể tiếp tục tồn tại. Họ nửa vác nửa lôi người đàn ông ấy ra phía

sau một trong những chiếc xe tải. Một chiếc radio lách cách ở đâu đó trong đêm, một giọng nói vang lên gọi xe cấp cứu.

Tiến sĩ Castelli đang quăn cảng tay và bàn tay của anh bằng một lớp vải lanh khô mền. Bà nói: “Chỉ để giữ vết bỏng không bị nhiễm trùng. Nhưng anh nên đi điều trị những vết thương này thật đúng mực.” Bà nhìn vào gương mặt MacNeil dưới ánh sáng le lói của chiếc xe gần như đã bị cháy rụi và lắc đầu. “Ông thậm chí còn đốt trụi đôi lông mi của mình. Có thể ông đã kiệt sức, giống như người bạn của ông vậy.”

MacNeil đứng dậy. Lúc này, cơn choáng đang ập đến, và anh cảm thấy đôi chân run run. Anh đề nghị, “Chúng ta hãy xem qua kẻ bị phỏng nặng kia một chút”, thế rồi họ băng qua đường đi về phía sau chiếc xe tải.

Pinkie được đặt nằm trên một chiếc cang bằng vải bạt, cặp mắt lờ ra nhìn trừng trừng lên nóc xe, hơi thở của hắn dồn dập và nghe ùng ục trong khí quản đã bị hư hỏng đến mức không thể chữa trị được bởi sức nóng của ngọn lửa. Mùi thịt cháy, giống như thịt nướng bị quá lửa, gần như áp đảo. Kẻ bị nướng ấy phô bày một sự hiện hình yêu ma méo mó đến mức MacNeil khó có thể tự mình đủ can đảm nhìn kỹ. Phần lớn quần áo của hắn ta đã cháy hết, những thứ còn lại thì dính chặt vào lớp thịt bị cháy rỉ ra những chất lỏng màu đỏ và màu hổ phách. Lưng quần và các phần áo khoác của hắn vẫn còn nguyên, nhờ ở chỗ chúng đã được bảo vệ bởi chiếc ghế tài xế. Vẫn còn một phần của đôi giày và vớ của hắn có thể nhìn thấy giữa lớp muội than của da thịt bị bỏng. Dấu tích còn sót lại của một chiếc vòng cổ bám chặt vào cổ hắn.

Gương mặt của hắn trông thật khủng khiếp: đôi tai bị đốt cháy thành ra những cái bươu teo tóp; mũi của hắn cũng vậy, như một khối u khô khốc, đã cháy thành than; cánh mũi chun lại như một bản giễu nhại kỳ quái của Michael Jackson trong những ngày cuối cùng của người ca sĩ này. Mí mắt đã biến mất, chỉ là chúng đã bị đốt cháy, và cặp mắt luôn chảy nước vàng. Miệng và hai bên má của hắn méo mó một cách đáng sợ, môi co lại sát vào răng về phía nướu trong một khuôn mặt nhăn nhó quái quỷ, như thể hắn đang cười. Mái tóc của hắn chỉ còn là những gốc rạ hoe vàng.

MacNeil cảm thấy buồn nôn. Có lẽ sẽ tử tế hơn nếu để hắn chết trong xe. “Anh ta còn có thể nhìn thấy không?” Anh hỏi vị bác sĩ.

“Có thể, mặc dù thị lực của anh ta sẽ bị suy giảm. Anh ta có thể chỉ còn thấy được màu đen và màu trắng.”

“Nhưng anh ta không cảm thấy đau à?”

“Không.”

“Làm thế nào có thể như vậy được?” MacNeil nói. “Tay tôi vẫn đau thấy ông bà ông vải.”

Tiến sĩ Castelli lắc đầu buồn bã. Bà nói: “Bởi vì anh ta đã bị đốt cháy đến tận lớp mỡ dưới biểu bì. Đó là lớp mỡ nằm dưới da. Nó nằm sâu hơn các thụ thể nhận biết cơn đau, nằm ở lớp hạ bì, lớp mô ngay bên dưới lớp trên cùng. Vì vậy, anh ta không cảm thấy đau đớn. Màu hồ phách vàng vàng mà ông nhìn thấy, đã cháy thành than trong những đốm sáng giòn, giống như... như món kem cháy vậy.”

“Chúa ơi, tiến sĩ...”

“Đó là phần mỡ lộ ra ngoài. Ông có thể thấy những đường viền đỏ chung quanh một số khu vực bị cháy ít hơn. Đó là máu ở phần da còn lại bị đẩy lên do quá trình khô. Nếu có muốn thực hiện bất kỳ điểu gì, trước hết, các bác sĩ phẫu thuật sẽ cần phải cắt bỏ một số lớp bị phỏng trên cùng để cho phép có được sự tuần hoàn máu trong các mô sâu bên dưới. Khi da hoặc những phần còn sót ngụy bột và khô đi, chúng sẽ co lại và làm tắc nghẽn hệ tuần hoàn bên dưới. Cho nên, các bác sĩ phẫu thuật sẽ thực hiện những vết cắt sâu, theo chiều dọc để cho phép tách mô ra và giảm áp lực.” Dừng lại để hít vào một hơi thật sâu, Tiến sĩ Castelli nói tiếp: “Việc cắt bỏ phần mô hoại tử ở những khu vực bị phỏng là dã man. Kẻ bị cháy tội nghiệp sẽ bất tỉnh, nhưng các bác sĩ cầm theo những con dao lạnh thật khổng lồ, cùng với một vài trợ lý luôn sẵn sàng sử dụng dao đốt điện để trợ giúp, sẽ lạng đi những mảng lớn của phần mô bị phỏng, sâu cho đến khi chúng chạm đến một lớp mô lành và chảy máu. Sau đó, các trợ lý nhảy vào và đốt các mạch máu đang chảy để diệt khuẩn. Tôi đã phải hỗ trợ việc đó một lần khi còn ở trường Y.”

“Nhưng tiến sĩ đã nói rằng hắn sẽ không sống sót.”

“Không có một cơ may nào. Cơ thể anh ta liên tục mất chất dịch. Hãy nhìn thẳng vào vấn đề, không còn da để điểu tiết lượng chất dịch mất đi qua lỗ chân lông. Tôi muốn nói là hãy nhìn kỹ anh ta xem. Huyết tương trong người anh ta rỉ ra khắp nơi.”

“Vậy anh ta còn sống được bao lâu nữa?”

“Có được sự đi đầu trị, nếu anh ta may mắn - hoặc không may là tùy thuộc vào cách ông nhìn nhận vấn đề - có thể kéo dài một ngày. Nếu không, anh ta sẽ chết trong vài giờ nữa.”

Họ đi chầm chậm về phía chiếc xe của họ. Ngọn lửa đã tàn, chiếc xe BMW chỉ còn là một bộ xương cháy rụi thành than. Có thể nhìn thấy phần còn lại của nạn nhân thứ hai của vụ cháy, nằm cuộn tròn theo dạng của thai nhi giữa hàng ghế trước. Dòng sông Thames êm đềm chảy dưới chân họ, phản chiếu những ánh đèn của cả thành phố hoang vắng. Thủy triều đã đổi dòng và đang đẩy nước ngược lên từ cửa sông.

Tiến sĩ Castelli nói, “Chúng ta cần phải đi đầu trị những vết bỏng của ông.”

MacNeil vội trả lời. “Tôi sẽ không đến bệnh viện. Người ta không bao giờ biết mình có thể vướng vào chuyện gì.”

“Vậy thì ở đâu?”

“Hãy chờ tôi trở lại để cảnh sát. Chỉ mất vài phút thôi. Ở đây chúng tôi có sẵn dụng cụ sơ cứu.”

## IV

Pink nằm ở phía sau chiếc xe tải, từng lời của vị tiến sĩ nói vẫn vang vang trong đầu hắn. Tại sao các bác sĩ lại luôn nói về các bệnh nhân trước sự hiện diện họ như thể họ không có mặt ở đó? Có lẽ vị bác sĩ này chỉ không màng tới hắn vì coi như hắn đã chết. Nhưng quả thực bà ta không sai. Hắn không cảm thấy đau. Mặc dù bà ta đã nhận định không đúng về thị lực của hắn. Hắn thấy khá rõ. Hắn chỉ cảm thấy lạ là hắn không thể chớp mắt được.

Trên thực tế, cân nhắc về tất cả mọi chuyện, hắn cảm thấy tình trạng không quá tệ. Đi đầu tở tệ nhất là khả năng hô hấp của hắn. Việc thở đối với hắn thật là khó khăn và đau đớn. Hắn đã cố gắng lần lượt cử động cả tay và chân thì thấy tứ chi còn phản ứng tốt. Hắn phải chống chọi với tình trạng căng cứng do cơ bắp bị co rút vì sức nóng. Nhưng hắn vẫn có thể cử động được. Hắn không có ý định để cho các bác sĩ phẫu thuật - bà bác sĩ



này đã gọi nó là gì nhỉ - cắt bỏ mô hoại tử ở vết bỏng. Ý tưởng về việc họ sử dụng những con dao lớn để lạng từng thớ thịt của hắn ra là đi ầu mà hắn không thể nào nghĩ đến.

Hơn nữa, hắn vẫn chưa hoàn thành những gì hắn đã bắt đầu.

Ngồi phía sau chiếc xe tải chính là người lính đã gọi radio cho xe cấp cứu đến ngay để xem hắn thế nào. Chàng thanh niên ấy cúi xuống người hắn, và Pinkie vui mừng vì chiếc mặt nạ đã che giấu được nỗi kinh hoàng của hắn. Hắn đưa tay về phía người lính, và theo phản xạ, người lính vội lùi lại. Pinkie bập bẹ những âm thanh ừng ực từ trong họng và thì thầm, cố gắng tạo ra những lời mà chàng thanh niên kia có thể nghe thấy. Người lính nghiêng người về phía trước, cố gắng nắm bắt những gì hắn nói, và Pinkie nhận thấy những ngón tay của hắn đủ uyển chuyển để rút con dao găm khỏi vỏ bọc được buộc chặt vào thắt lưng của chàng thanh niên.

Hắn bập bẹ gầm gừ thêm một lần nữa, người lính cúi xuống gần hắn hơn; và Pinkie thích thú với việc hắn ghi nhận được thái độ căm phẫn cùng với sự ngạc nhiên hiện ra trong đôi mắt chàng thanh niên khi hắn cầm lưỡi dao găm mà hắn vừa cướp được vào giữa những chiếc xương sườn của cậu ta.

Khi những đồng đội của người lính ấy quay trở lại chiếc xe tải, họ phát hiện anh ta đã chết, khẩu súng trường SA80 của anh ta đã thất lạc, còn Pinkie thì đã biến mất không để lại vết tích ngoại trừ một vài dấu chân cháy đen trên mặt đường.

## CHƯƠNG HAI MƯỜI BA

### I

Tiến sĩ Castelli đã giữ đôi bàn tay và cả hai cánh tay của MacNeil dưới vòi nước chảy gần mười lăm phút, cứ mỗi năm phút lại hỏi thăm xem anh cảm thấy thế nào, và liệu tay anh có bị tê đi hay không. “Tôi không muốn anh bị tê”, bà nói, “vì điểu đó có thể làm tổn thương các mô chung quanh.” Cơn đau đã dịu đi đáng kể, đến mức MacNeil cảm thấy anh có thể chịu đựng mà không bị phân tâm liên tục.

Bấy giờ, tiến sĩ Castelli đã cẩn thận băng bó cẳng tay của MacNeil bằng một miếng băng mới, và dùng xơ vải mịn quấn quanh từng ngón tay của anh để anh vẫn sử dụng được chúng. Bà kết luận, “Chỉ cần thêm một đôi găng tay để bảo vệ lớp băng và thế là ngài thanh tra hình sự lại khỏe khoắn mạnh giỏi như thường.”

Đôi tay đeo găng của MacNeil mang lại cho anh cảm giác thô vụng, nhưng ít nhất bây giờ anh không còn cảm thấy bị mất khả năng vì bỏng nữa. Từ chiếc tủ đựng đồ dùng cá nhân, MacNeil lấy ra chiếc quần jean và chiếc áo khoác mặc trong lúc lao động mà anh vẫn dành riêng để sử dụng những khi phải hoạt động với một vỏ bọc, và một đôi giày Doc Martens. Tiến sĩ Castelli nhìn anh bằng con mắt của người thẩm định. Bà khen, “Xem nào, nếu ngài thanh tra hình sự dự một bữa tiệc hóa trang trong vai cảnh sát chìm, có thể ngài sẽ giành được giải nhất.” Lời khen đó khiến anh mỉm cười, chẳng chấp nhặt gì.

Trung sĩ Hình sự Dawson nói, “Một cách tế nhị để sử dụng hết cái đêm cuối cùng của sếp đấy, Jack ạ. Có phải sếp đang cố tự sát không?”

MacNeil trả lời, “Hãy cứ nghĩ rằng tôi tìm cách tránh cho họ khỏi gặp rắc rối khi phải trả hưu bổng cảnh sát cho tôi.” Thế rồi anh dặn thêm “Hãy xem chú em có thể phát hiện kẻ mà tôi đã kéo từ chiếc xe đó ra là ai hay

không, Rufus à. Chỉ vì một chút quan tâm thôi. Chứ tất nhiên bên quân đội cũng phải thực hiện một loại báo cáo nào đó về vụ này.”

“Chắc chắn rồi.” Viên trung sĩ hình sự nhắc một chiếc điện thoại lên, rồi dừng lại. “Nhân tiện xin báo cáo, về bất động sản ở đường Routh đó. Nó thuộc sở hữu của một công ty có tên là Omega 8. Các nhân viên đại lý thực hiện việc cho thuê có trụ sở tại Clapham. Họ cho biết hiện nay bất động sản đó không được cho thuê. Các chủ sở hữu nói với họ rằng bất động sản đó đã được sử dụng để chứa nhân viên của công ty.”

Tiến sĩ Castelli lên tiếng, “Omega 8 à? Không phải đó là cái tên in trên giấy tiêu đề được thấy tại ngôi nhà ấy chứ?”

Dawson tỏ vẻ ngạc nhiên, “Vậy tiến sĩ đã có mặt tại ngôi nhà ấy à?”

MacNeil nhắc nhở viên trung sĩ, “Hãy nhớ rằng chú em chưa bao giờ được nghe nói về đi đâu ấy, Rufus ạ.”

“Có nghĩa là tôi cần phải hút ráy tai suốt nhiều tuần lễ liên tiếp,” Dawson trả lời và sau đó anh bắt đầu quay số điện thoại.

Phòng hình sự hầu như trống rỗng. Một vài nhân viên đang nói chuyện phiếm trên bàn phím ở cuối phòng. Những bóng đèn huỳnh quang dạng ống mắc trên trần phòng đã bị tắt, trong khi đèn bàn chỉ tỏa ra những quầng ánh sáng trắng ở bàn làm việc nơi còn có người đang làm việc. Một luồng ánh sáng yếu ớt màu vàng cam chiếu khắp văn phòng thực ra chỉ là được hắt vào từ ánh đèn đường ở bên ngoài.

Vị tiến sĩ hỏi Rufus, “Anh có chiếc máy vi tính nào mà tôi có thể sử dụng không?”

“Có chứ.”

“Có lẽ tôi có thể tìm ra được Omega 8 là những ai.”

“Xin bà cứ tự nhiên.” Viên trung sĩ vẫy tay hú họa hướng về khoảng nửa tá những chiếc máy vi tính có nối mạng, và vị nữ tiến sĩ ngẩng xuống trước chiếc máy gần mình nhất.

MacNeil lấy lại được dải giấy in ảnh từ chiếc áo khoác đã bị cháy vì lửa. Lớp nhựa của túi đựng vật chứng đã co lại vì nhiệt, nhưng những bức ảnh vẫn còn nguyên vẹn. Anh cẩn thận trải chúng ra và đặt cả dải giấy ấy lên mặt bàn, dưới ánh sáng chói lòa của chiếc đèn bàn. Choy chăm chăm nhìn anh qua cặp kính có chiếc gọng đỡ mũi nặng nề, một nụ cười nửa miệng đầy căng thẳng bộc lộ thái độ lo lắng của cô bé. Anh chú ý nhìn kỹ

vào cái miệng của cô gái. Tại sao bố mẹ nuôi của cô bé không làm được một điếu gì về cái dị tật bẩm sinh ấy? Anh chắc chắn rằng trong thời đại ngày nay, phẫu thuật thẩm mỹ có thể làm được nhiều điếu để cải thiện dị tật ấy. Anh cảm thấy vô cùng đau buồn trước ánh mắt đăm chiêu của cô bé, như thể cô đang kêu cứu. Ai đó, ở đâu đó, một ngày nào đó, chắc chắn sẽ nhìn thấy bức ảnh này và biết rằng cô ấy cần được giải cứu. Và số phận đã đẩy MacNeil đến chỗ phải nhìn thấy bức ảnh. Nhưng bây giờ đã quá trễ rồi.

Anh vừa định cất những bức ảnh ấy vào ngăn kéo thì có thứ gì đó đập vào mắt buộc anh phải nhìn lại. Đó là bức ảnh đầu tiên trong loạt ảnh, bức ảnh mà cô bé đang nhìn về phía ai đó ngoài ống kính máy ảnh. Có thể là cô bé đang đặt một câu hỏi. Hoặc đang trả lời một người nào đó. Trong mặt cong của cặp thấu kính là hình ảnh phản chiếu của ai đó. Mỗi thấu kính chứa một hình phản chiếu. Được in bóng trên nền ánh sáng từ đằng sau rơi tới.

MacNeil đưa bức ảnh ra ngoài ánh sáng để cố gắng nhìn rõ hơn. Nhưng hình ảnh quá nhỏ. Anh liếc nhìn chung quanh. “Có ai có kính lúp không?” Anh hỏi chung. Không ai có cả.

Dawson vừa gác máy và đi tới. Anh ta báo cáo “Chưa có báo cáo nào của quân đội”, rồi nói tiếp, “Sếp cần kính lúp để làm gì?”

MacNeil cho anh ta xem tấm hình. “Chết tiệt”, Dawson nói. “Đó có phải là cô bé mà sếp tìm thấy trong công viên không?”

MacNeil gật đầu. Rồi dãn dò, “Hãy xem, làm thế nào mà lại có ai đó phản chiếu vào cả hai mắt kính trong cặp kính của cô bé? Đó có thể là ngài Smith của chúng ta. Có thể là kẻ giết người mà chúng ta đang truy tìm.”

Dawson trầm ngâm nhìn bức ảnh. “Tại sao chúng ta không quét tấm ảnh này vào máy tính? Ở đây, chúng ta có một số phần mềm chụp ảnh khá tinh vi. Chúng tôi có thể phóng to, tăng cường độ phân giải.”

“Chú em biết cách sử dụng những thứ đó à?”

“Tất nhiên, thưa sếp.”

MacNeil nhìn nhân viên của mình. “Chú em xem, đó chính là lý do khiến chú em sẽ không bao giờ trở thành một Thanh tra Hình sự, Rufus ạ. Chú em quá nhanh trí.”

Máy quét kêu o... o..., ánh sáng rực rỡ tỏa ra từ chung quanh các cạnh của nắp máy, và sau đó một tập tin kiểu •jpeg xuất hiện trên màn hình máy tính. Dawson lướt chuột về phía thư mục ứng dụng và mở phần mềm chụp ảnh ra. Khi chương trình khởi động, anh kéo trình đơn Tập tin xuống và mở lệnh jpeg trên màn hình nữa.

Đột nhiên bức ảnh chụp khuôn mặt nhỏ bé buồn bã của Choy chiếm gần hết màn hình. Bức ảnh đã được quét ở độ phân giải đầy đủ và rất sắc nét. Dawson đi điều khiển con trỏ để tạo ra một hộp các chấm nhấp nháy chung quanh chiếc thấu kính bên phải trong cặp kính và nhấn phím trở lại. Bây giờ chỉ riêng thấu kính bên phải đã lấp đầy màn hình. Độ nét của hình ảnh đã bị giảm nghiêm trọng, nhưng hình ảnh người đàn ông nghiêng về phía cô bé Choy đã được phóng to lên rất nhiều. Tuy nhiên, nó không đủ rõ ràng để xác định các đặc điểm của người đàn ông ấy. Dawson chọn chỉ riêng hình ảnh của người đàn ông ấy thôi rồi tiếp tục phóng to trở lại. Lần này họ đã có được hình dạng cái đầu của người đàn ông. Nhưng các điểm ảnh quá lớn và cách xa nhau đến nỗi hình dạng ấy vẫn chỉ là một vệt mờ. Dawson giảm độ sáng và tăng độ tương phản, đến lúc ấy, các đặc điểm bắt đầu xuất hiện. Bây giờ họ có thể thấy rằng người đàn ông ấy cũng đang đeo kính. Mái tóc của ông ta có vẻ vàng hoe, hoặc bạc, và được cắt rất ngắn.

Dawson kéo xuống một trình đơn khác và chấp nhận tùy chọn “nâng cao.” Bây giờ phần mềm đang sử dụng đã lấp đầy những khoảng trống bằng cách sao chép các điểm ảnh gần nhất, và đột nhiên có một khuôn mặt đang nhìn lại họ. Chính là khuôn mặt mà Choy đã nhìn thấy trong khoảnh khắc đó, vào cái ngày họ chụp ảnh hộ chiếu cho cô ấy. Người đàn ông ấy trông ở khoảng bốn mươi tuổi. Ông ta có đôi mắt to và đen, bên dưới đôi lông mày đen rậm. Mái tóc hung đỏ của ông ta được cắt theo kiểu đầu đinh, và cặp kính của ông ta có tròng kính hình bầu dục gọng bạc. MacNeil nhìn ông ta và cảm thấy có biết người này. Nhưng lại không có một ý niệm nào rằng ông ta là ai.

“Sếp thấy người này có quen không?” Dawson hỏi.

“Có đấy.”

“Tôi cũng vậy. Thế nhưng, không biết đã trông thấy ở đâu.”

“Tôi cũng vậy.”

Cả hai người đàn ông đều nhìn chằm chằm vào gương mặt ấy. Dawson nói, “Mẹ kiếp, tôi biết gương mặt ấy rồi.”

“Nhất định là các ông có biết. Nó đã xuất hiện trên truyền hình hàng ngày trong thời gian gần đây.” Cả hai người đàn ông đều giật mình trước sự can thiệp bất ngờ của Tiến sĩ Castelli. Bà đứng ngay đằng sau, ở giữa hai người, cùng nhìn vào màn hình. “Mặc dù mặt nạ là một biện pháp thuận tiện khiến người ta tương đối trở thành vô danh.”

“Đó là ai vậy?” MacNeil hỏi.

“Tiến sĩ Roger Blume. Ông ta đứng đầu Lực lượng Đặc nhiệm Đại dịch FluKill của Stein-Francks.”

MacNeil nhìn vào gương mặt ấy một lần nữa và rửa thẩn. Đó là lý do khiến hình ảnh ấy rất quen thuộc. Anh vừa theo dõi ông ta phát biểu trong cuộc họp báo trên truyền hình mới sáng hôm qua. Anh quay lại hỏi Tiến sĩ Castelli. “Bà biết ông ta à?”

“Ồ, vâng. Tôi đã gặp ông ta vài lần trong nhiều năm. Rất hòa nhã, rất quyến rũ, và thực sự là một thứ khá là chết tiệt. Ông ta đứng vào hàng thứ hai trong hệ cấp tôn ti trật tự tại Stein-Francks.”

MacNeil ng ỡ yên cố gắng từng bước chấp nhận sự dính líu đáng buồn của các sự kiện. Blume là ngài Smith. Blume là cha nuôi của Choy. Blume cũng là giám đốc điều hành cấp cao của một công ty dược phẩm đã kiếm được hàng tỷ USD từ đại dịch. “Ồi, Chúa ơi”, anh thì thẩn.

“Nó trở nên tồi tệ hơn”, Tiến sĩ Castelli nói. “Hoặc tốt hơn. Phụ thuộc vào cách các ông nhìn nhận vấn đề. Omega 8 là một phòng thí nghiệm dịch vụ dược phẩm nhỏ ở Sussex. Nó thuộc sở hữu tư nhân cho đến năm ngoái khi nó được Stein-Francks mua lại.”

MacNeil đứng lên và nói với Dawson, “Chú em có thể in ra cho tôi một bản sao của tấm ảnh này được không?” Anh búng ngón tay cái vào tấm ảnh của Blume trên màn hình.

“Bao nhiêu tùy thích, Jack ạ.”

“Nếu chúng ta có thể nhờ người hàng xóm ở Routh Road làm một sự nhận diện xác thực...” Anh quay sang Tiến sĩ Castelli. “Và nếu bà chuẩn bị đến trước vị thẩm phán và nói với ông ấy rằng bà nghĩ Choy là ngu ần gốc của đại dịch, thì chúng tôi có thể nhận được trát để đập nát ngôi nhà đó ra thành từng viên gạch một.”

## II

Amy rẽ trái tại bùng binh ở Cung điện Lambeth, vào đường Lambeth. Cô có thể thấy có những hoạt động trên cầu. Xe quân sự và một nhóm binh sĩ ở bên cạnh một hình thù nào đó trông giống như một chiếc ô tô bị cháy nằm vất vẻo trên lan can. Có một chiếc xe cấp cứu, các nhân viên y tế đứng quanh đó với vẻ nhàn rỗi, và một luồng ánh sáng màu vàng cam nhấp nháy trên một chiếc xe jeep ngụy trang.

Nhưng tâm trí của cô đang đầy ắp những vấn đề. Vấn tập trung vào những sự kiện của cả một đêm đầy những rắc rối của mình, những suy nghĩ ngẫu nhiên cứ lớn vồn trong đầu cô: loại vi-rút biến đổi gen mà Zoe đã tìm thấy trong tủy xương; việc Sam đột ngột từ bỏ cuộc trò chuyện trực tuyến của họ; kẻ đột nhập đã cắt tóc trên đầu Lyn; cuộc gọi từ Tom, sự khăng khăng kỳ lạ của anh đòi cô phải mang đầu và sọ trả lại phòng thí nghiệm. Và MacNeil. Anh đã ở đâu? Tại sao anh không trả lời cuộc gọi của cô?

Cô đi qua lối vào của du khách để đến Trường Fairley House và trung tâm Archbishop Davidson bên cạnh con hẻm dẫn vào Công viên Archbishop. Cô rẽ phải vào Pratt Walk và dừng xe đối diện với các bậc tam cấp dẫn đến phòng thí nghiệm ở 109 đường Lambeth. Chỉ có một vài ngọn đèn cháy sáng trên các cửa sổ trong khu phức hợp bốn tầng lầu này. Phải mất vài phút để cô ra khỏi xe và băng qua đường đến đoạn dốc đôi mà họ đã lắp đặt đặc biệt cho cô. Cửa kính trượt mở vào tiền sảnh. Hành lang vang lên tiếng o... o... của ánh đèn huỳnh quang chói chang và trống trải đến lạ. Không thấy có người ở bàn bảo vệ. Amy băng qua sảnh để đến chỗ đặt thang máy, nhấn nút mở cửa buồng thang máy rồi tự xoay xử để di chuyển vào trong. Mãi cho đến khi quay lại, nhấn nút lên tầng ba, cô mới nhìn thấy hai chân của nhân viên bảo vệ thò ra sau bàn làm việc. Có những vết máu loang lổ khắp mặt sàn gạch. Cô có thể trông thấy bàn tay của anh ta nằm bất động ở phần cuối của một cánh tay vươn qua một vũng chất lỏng màu đỏ. Cô vội vàng tìm cách nhấn nút để dừng thang máy, nhưng đã quá muộn. Các cửa buồng thang máy đã đóng lại, và sau một chuyển động giật lắc, buồng thang máy bắt đầu rần rần đi lên.

Amy cứng người lại vì sợ hãi, hơi thở gấp gáp, dằn dập. Cổ họng cô sưng lên, sự cố gắng đã làm cô nghẹt thở. Làm gì bây giờ? Cô định nhấn

chuông báo động, nhưng nghĩ đến việc có thể bị mắc kẹt trong thang máy giữa các tầng mà chỉ có Chúa mới biết tình trạng ấy sẽ kéo dài bao lâu khiến cô ngẩn ngai. Thế là cô đành phải chờ đợi - trong khoảng thời gian tưởng như là vô tận - cho đến khi buồng thang máy lên đến tầng ba. Cánh cửa buồng thang máy trượt qua một bên để mở ra, và cô có thể nhìn thấy suốt chiều dài của hành lang tối đen. Ánh sáng hắt ra chỗ này chỗ kia theo những phiến mỏng hình kỷ hà từ những cánh cửa mở đến các phòng thí nghiệm và các phòng làm công việc hành chính.

Tiếng rền rĩ của động cơ điện gắn trên chiếc xe lăn của cô có vẻ làm chói tai khi cô tự đẩy mình ra khỏi thang máy và đi vào hành lang. Cô hết sức ngạc nhiên khi thấy rằng ngay lúc cánh cửa buồng thang máy đã đóng lại sau lưng cô thì hành lang còn tối hơn trước. Cô ngồi lại trên chiếc xe lăn một hay hai phút chỉ để lắng nghe. Nhưng không có gì tránh được những tiếng vo ve, rì rầm và gừ gừ của hệ thống sưởi, hệ thống thông gió cùng hệ thống đèn chiếu sáng, những âm thanh mà một tòa nhà luôn tạo ra, mặc dù không bao giờ người ta nghe thấy.

“Xin chào”, cô gọi lên, giọng có vẻ yếu ớt trong bóng tối. “Có ai ở đó không?”

Khi cô di chuyển về phía trước, một vết hoen ố mờ nhạt trên sàn đã thu hút sự chú ý của cô. Cô nghiêng người xuống để nhìn kỹ hơn. Thì ra đó là vết bẩn gây ra bởi một dấu chân đẫm máu. Miệng cô trở nên hoàn toàn khô khốc. Hầu như cô không thể giữ cho lưỡi của mình đừng chạm vào vòm khẩu cái. Cả hai tay cô run rẩy đặt trên bộ điếu khiến khi cô tìm cách đưa mình đi về phía trước.

Cửa phòng làm việc của Tom mở toang. Nhưng nó trống rỗng. Cô cho xe lăn qua một vài cánh cửa khác, tất cả đều đóng kín, trước khi cô đến được phòng thí nghiệm. Một luồng ánh sáng chiếu qua một ô kính trên cánh cửa. Nhưng ô kính ấy quá cao khiến Amy không thể nhìn được vào bên trong. Cô đẩy mạnh để mở hẳn cửa ra rồi lao nhanh chiếc xe lăn về phía trước. Tom đang đứng ở bàn làm việc cách đó không quá sáu mét. Cô chưa bao giờ thấy anh nhợt nhạt như vậy. Và thật khó để xác định xem gương mặt của anh thể hiện những cảm xúc nào. Đầu đó giữa nỗi khiếp nhược hèn hạ và cảm giác tội lỗi không thể chịu đựng nổi. Anh đứng đó hoàn toàn bất động.

“Tom, có chuyện gì vậy?”



Anh liếc nhìn về phía đằng sau của cô, và Amy quay nửa người khi Zoe bị đẩy vào chiếc ghế dài gần nhất, buông ra một tiếng rú đau đớn khi cô trượt chân rồi ngã huỵch xuống sàn.

Một chuyển động khác trong tầm nhìn ngoại vi của cô khiến Amy phải quay hẳn người lại, và trong một phản ứng chắc chắn là hoàn toàn không bao giờ chọn lựa mà cô từng trải qua, một tiếng hét tự bật ra khỏi cổ họng cô làm vang vọng khắp cả phòng thí nghiệm.

Hình bóng tự trình hiện trước mắt cô giống như điếu gì đó còn kinh khủng hơn là một cơn ác mộng. Cô đã từng nhìn thấy những nạn nhân bị bỏng trước đây. Nhưng trầm trọng đến như thế này thì những nạn nhân ấy thường đã chết trên bàn khám nghiệm tử thi. Cặp mắt lờ ra nhìn cô chằm chằm, đôi môi một đằng căng ra đằng khác quăn lại theo một sự bất chước kinh tởm của một nụ cười. Lớp mỡ dưới da bị cháy, bị phơi ra, thường xuyên chảy nước vàng nhỏ thành từng giọt lên sàn nhà. Mùi xộc vào mũi cô lúc này, mùi của thịt đã cháy thành than, thật là kinh tởm, thật là không thể nào chịu đựng nổi. Kẻ bị cháy này ôm trong tay một khẩu súng trường SA80 của Quân đội Anh, di chuyển thật khó khăn vì những bắp thịt đã bị cháy xém ở hai cánh tay và hai cẳng chân của hắn tiếp tục bị co rút thêm. Hắn mới bị bỏng, cô có thể nói chắc như vậy, và có nhiều khả năng là hắn vẫn còn kiệt quệ.

Hơi thở của hắn nghe dờn dập, chỉ là một loạt những lượt bật ra của tiếng khò khè. Hắn bước tới trước để kiểm tra xem cô có giao nộp cái đầu và cái hộp sọ hay không, thế rồi cô dựa hẳn người ra sau chiếc xe lăn của mình, bị tê liệt bởi sự khiếp hãi. Hắn dừng lại, mặt hắn đưa sát vào mặt cô, nhìn chằm chằm thật sâu vào đôi mắt cô. Thật khó tin rằng hắn là con người.

Hắn đứng thẳng dậy và quay về phía Tom, vẫy vẫy khẩu súng trường ở cửa. Tom nhắc những chiếc túi nhựa đựng rác mà Pinkie đã buộc anh phải đổ tất tần tật vào đầy cả bộ xương của đứa trẻ lẫn các mẫu họ đã thu thập được cùng với những xét nghiệm mà họ đã thực hiện.

Zoe đứng dậy và thở hỗn hển hai lần trước khi hít hơi dữ dội, muội than trong không khí đã kích thích các tế bào mẫn cảm trong mũi cô. Pinkie quay lại và bắn ba phát vào ngực cô. Amy giật mình sau mỗi phát súng như thể chính mình bị bắn, nhìn chằm chằm mà không tin được khi cô gái tội nghiệp kia rơi xuống sàn. Chẳng có gì để nghi ngờ rằng cô ấy đã chết.

“Tôi ghét những người hắt hơi”, Pinkie nói. “Chẳng lẽ mẹ cô ấy không bao giờ bảo cô ấy phải biết bịt miệng sao?” Nhưng tất cả những gì mà Amy và Tom nghe được chỉ là một tiếng ọc ọc kỳ lạ phát ra từ đâu đó rất sâu trong cổ họng của hắn.

### III

Xe của Sara Castelli vẫn đậu ở chỗ mà bà đã bỏ nó ở đầu đường Routh. MacNeil tấp vào phía sau chiếc xe ấy, rồi hai người bước ra khỏi xe và đi bộ đến cửa nhà của người hàng xóm. Le Saux vẫn tiếp tục tắt đèn an ninh theo lời khuyên của MacNeil, và họ đến gần cửa trước của nhà ông lão này nhờ vào ánh sáng hắt xuống thành từng mảnh xuyên qua những tán cây từ những ngọn đèn đường ở phía bên kia. MacNeil nhấn chuông nhiều lần và một tiếng còi vang lên ở đâu đó trong nhà. Anh bước lùi vào tầm quan sát của máy quay phim thuộc hệ thống CCTV đặt trên hiên nhà. Sự bực mình của Le Saux là đi đầu dễ hiểu trong giọng nói còn ngái ngủ.

“Lại còn gì nữa đây?”

MacNeil giơ cao bản in mà viên trung sĩ hình sự Dawson đã đưa cho anh. “Cụ có thể thấy rõ tấm hình này không?”

“Được, tôi có thể nhìn thấy nó.”

“Có phải đó là ông Smith, hàng xóm của cụ không?”

Le Saux đáp lại ngay không hề do dự. “Vâng, đúng là ông ta.”

“Cảm ơn, cụ Le Saux.” MacNeil gấp bức ảnh bỏ vào túi và sải bước trở lại con đường dẫn đến cổng trước. Tiến sĩ Castelli vội vàng đuổi theo.

“Vậy bây giờ thì sao, thưa ngài MacNeil?”

“Chúng ta đi đánh thức một vị thẩm phán, và xin tiến sĩ hãy nói tất cả với ông ấy về Choy.”

“Chắc hẳn ông biết tất cả những đi đầu này đang dẫn đến đâu, phải không?”

“Tôi thậm chí còn không muốn nghĩ về nó, thưa tiến sĩ.”

Điệu nhạc *Scotland the Brave* lại vang lên dọc theo đường Routh. MacNeil lén mò tìm điện thoại. Đó là Dawson.

“Jack. Nghĩ rằng sếp muốn biết ngay lập tức. Chiếc xe hơi đó. Chiếc xe mà từ đó sếp đã kéo anh chàng kia ra trên cầu Lambeth... Nó đã được đăng ký chính thức cho Stein-Francks. Người lái xe được chỉ định, một vị Tiến sĩ Roger Blume nào đó.”

MacNeil dừng lại ngay giữa đường, nhìn thẳng vào hư không, như thể anh đã thoáng thấy một thế giới khác, một thứ gì đó vượt ra ngoài thế giới mà chúng ta biết, cảm nhận và nhìn thấy. Tiến sĩ Castelli đột ngột đứng lại bên cạnh anh. “Thanh tra có sao không?”

MacNeil trả lời Dawson, “Người mà tôi đã kéo ra khỏi xe không phải là Blume.”

“Tôi không biết đó là ai. Và bên quân đội cũng vậy. Rõ ràng sau khi sếp đi khỏi, hẳn ta đã giết một người trong toán lính và biến mất cùng một khẩu súng trường.”

“Chúa ơi,” MacNeil thì thầm. Thật khó mà tưởng tượng rằng sinh vật họ đã nhìn thấy nằm ở sau xe tải lại có thể làm được đi đâu như vậy. Nhưng một chiếc xe của Stein-Francks? Dường như đi đâu đó là không thể. “Còn người thứ hai trên chiếc xe ấy thì sao? Họ có biết người đó là ai không?”

“Chẳng có chút manh mối nào.”

Khi họ kết thúc cuộc gọi, MacNeil nhìn chăm chăm vào con đường, chìm trong bối rối. Blume có phải là người thứ hai ngồi trên xe không? Đi đâu đã nhân danh Chúa thực hiện chuyện gì ở đó? Và đi đâu kỳ lạ của số phận nào đã đưa MacNeil đến cầu Lambeth ngay lúc bấy giờ?

Tiến sĩ Castelli vẫn không ngừng quấy rầy anh để biết thông tin. Nhưng hầu như anh cũng không biết phải bắt đầu từ đâu. Anh liếc nhìn màn hình trên điện thoại di động vẫn sáng đèn sau cuộc nói chuyện với Dawson. Màn hình cho biết anh có một tin nhắn. Anh đã hoàn toàn quên mất đi đâu này.

Anh giơ tay ra hiệu cho vị tiến sĩ im lặng. “Xin chờ cho một phút.” Anh bấm số thư thoại của mình. Một giọng nữ được ghi âm sẵn lên tiếng, “Quý khách có một tin nhắn mới. Hôm nay, lúc 2 giờ 5 phút sáng.” Một tiếng bíp, và sau đó là giọng của Amy. Căng thẳng bất thường và run rẩy vì sợ hãi. “*Jack, có ai đó đang trốn trong nhà. Anh về ngay. Em sợ lắm.*”

## CHƯƠNG HAI MƯƠI BỐN

### I

MacNeil lái xe như một kẻ bị ma nhập. Những ánh đèn đường phản chiếu nhanh chóng lướt qua suốt từ đầu tới cuối tấm kính chắn gió của họ như một luồng những cái đầu màu vàng đã lìa khỏi cơ thể. Họ vượt qua khu Kennington Oval và đi về hướng đông bắc dọc theo đường Công viên Kennington. MacNeil đã cố gắng gọi vào số điện thoại của Amy vài lần. Mỗi lần gọi anh chỉ nghe tiếng điện thoại reo. Anh lại giơ tay với lấy chiếc điện thoại, nhưng lần này Tiến sĩ Castelli đã chụp được trước. Bà phân bua, “Tôi cũng có thể gọi cho cô ấy được. Việc này không nằm ngoài khả năng của tôi. Và còn tốt hơn là kết thúc bằng việc quẩn quanh một cây cột đèn.”

Bà bấm số điện thoại của Amy và để nó đổ chuông khoảng ba mươi giây hay hơn. Sau đó bà lắc đầu rồi cúp máy.

MacNeil đã có một thị kiến kinh hoàng về cảnh Amy nằm chết trên sàn căn hộ của cô. Anh biết rõ bọn người này hết sức tàn nhẫn. Tại sao chúng lại không truy lùng cả Amy nữa? Sau hết, chính cô đang giữ chiếc hộp sọ, và cũng chính cô tái dựng chiếc đầu của đứa bé gái đã bị giết. Nhân danh Chúa, tại sao anh đã không mở tin nhắn của cô sớm hơn? Anh biết mình không bao giờ có thể tha thứ cho bản thân nếu có chuyện gì xảy ra với cô. Toàn bộ cuộc đi điều tra này là vì anh. Về nỗi ám ảnh của anh. Về việc anh cần phải loại ra khỏi tâm trí mình những suy nghĩ trước cái chết của đứa con trai. Đi điều đó đã khiến anh mù quáng trước mọi đi điều khác.

Có một rào chắn quân đội tại Elephant and Castle. Chạy chậm lại là chưa đủ để họ kiểm tra số xe của anh. Sau sự kiện trên cầu Lambeth, tất cả các trạm kiểm soát đã được lệnh dừng mọi phương tiện. Một sĩ quan cấp cao bước tới kiểm tra giấy tờ của hai người và đã lấy mất thời gian của

anh về việc này. MacNeil biết rằng thật vô ích khi cố gắng thúc giục anh ta. Anh nắm chặt vô lăng với đôi tay vẫn còn bỏng rát và nghiền chặt hai hàm răng. Sự căng thẳng trong tâm trí của anh còn lớn hơn nỗi đau. Anh có cảm giác như một sợi dây thun bị kéo căng đến mức có thể đứt. Các ngưỡng chịu đựng đang lên dần đến mức gay gắt. Chỉ là vấn đề thời gian trước khi anh bất chấp mọi chuyện.

Cuối cùng, viên sĩ quan cũng bước vài bước rời khỏi chỗ đang đứng rồi ra hiệu cho họ đi tiếp. MacNeil bỏ lại trên đường đi của mình cả vết bánh xe lằn khói khi anh nhấn ga tăng tốc chạy dọc theo đường New Kent đến chỗ giao tiếp với đường Tower Bridge rồi rẽ về phía bắc. Đi thẳng về phía trước, từ xa, họ đã có thể nhìn thấy ánh sáng của chính Cầu Tháp, và Tháp London ở phía xa của dòng sông. MacNeil bẻ lái gấp sang phải, và họ băng qua đường giao nhau vào đường Tooley.

Ở đường Gainsford, anh bỏ xe lại và chạy bộ. Tiến sĩ Castelli đành liêu lĩnh đuổi theo anh. Anh nhập mật mã tiếp nhận tại cổng Butlers and Colonial rồi phóng nhanh qua lớp sỏi rải trước nhà để đến trước cửa căn hộ của Amy. Anh điên cuồng lóng ngóng dùng những ngón tay vụng về còn đang bị băng bó để tra chìa khóa vào ổ khóa. Cánh cửa bật mở, và ngay lập tức anh nhìn thấy buồng thang máy nằm tại chân cầu thang.

Anh đứng đó nhìn vào buồng thang với vẻ nhẹ nhõm xen lẫn sự bối rối. Tiến sĩ Castelli đã đuổi kịp anh ngay tại ngưỡng cửa, vừa thở hổn hển vừa nói, “Kể từ khi về hạng hai trong cuộc chạy đua có còi theo trứng và muông thì tôi chưa bao giờ chạy nhanh như thế này.” Anh nhìn thẳng vào mặt bà tiến sĩ, và bà vội vàng tỏ vẻ biết lỗi, “Tôi biết, tôi xin lỗi. Tôi vẫn nổi tiếng về việc chuyên nói những điếu không thích hợp nhất vào những thời điểm không thích hợp nhất.” Bà nhìn vào chiếc thang máy. “Vậy là cô ấy đã ra ngoài, hả?”

“Nếu buồng thang máy ở chân cầu thang, thì thường là nó có ý nghĩa như vậy. Và cả chiếc xe lăn của cô ấy cũng đã biến mất.” Nhưng anh không chấp nhận đó là sự thật mà không chắc chắn chuyện đó là như vậy. Anh chạy mỗi bước hai bậc thang một theo cầu thang bộ để lên đến chiếu nghỉ đầu tiên. Buồng thang máy kế tiếp đã ở sẵn đó, lặng lẽ chờ dưới chân cầu thang tiếp theo. Anh bắt đầu lục soát từ phòng ngủ của cô, đến phòng tắm, rồi tủ áo khoác, bật tắt cả những ngọn đèn ở những nơi anh đi qua rồi

chạy thẳng lên tầng áp mái. Anh bật tắt cả những ngọn đèn ở đầu bậc thang và làm tràn ngập cả không gian mái bằng ánh sáng chói lọi.

“Amy!” Anh gọi to tên cô, nhưng biết cô sẽ không trả lời. Cô ấy không có ở đây. Anh kiểm tra ban công nhỏ bằng kim loại, nhưng những cửa sổ kiểu Pháp đầu đã khóa lại, và anh có thể thấy rằng không có ai ngoài đó. Thế rồi anh nhận ra rằng chiếc đầu của đĩa trẻ cũng đã biến mất. Tất cả những gì còn lại trên bàn chỉ là những mảnh vụn từ bộ tóc giả màu đen. Khi Tiến sĩ Castelli lên đến chiếu nghỉ trên cùng, MacNeil nói với bà, “Hãy chờ ở đây.”

“Đừng lo”, bà gọi với theo. “Tôi phải mất cả nửa giờ nữa mới kịp hoàn hồn.” Anh đi không đây năm phút, và khi quay lại, trông anh có vẻ lo lắng. “Xe hơi của cô ấy cũng đã biến mất”, anh thông báo. “Cô ấy có một chỗ để xe trong dãy nhà nhiều tầng bên cạnh. Chiếc xe hiện không có ở đó.” Anh nhìn vị tiến sĩ, lúc này bà ấy đã lấy lại được hơi thở đi đầu hòa, mặc dù mặt bà vẫn còn ửng hồng. Bà đang ngửi trước máy tính của Amy. “Nửa đêm như thế này thì cô ấy có thể đi đâu được nhỉ?”

“Có lẽ anh nên xem lại đi đầu này”, Tiến sĩ Castelli nói, và anh băng qua phòng để đứng sau lưng bà nhìn vào màn hình máy tính. Đó là cửa sổ tin nhắn hội thoại của Amy. “Sam là ai?”

“Sam là người đỡ đầu về học thuật của Amy trong một tổ chức chuyên nhận dạng hài cốt người.” Anh đọc phần trao đổi cuối cùng.

*Amy - Nhưng ở đây có điều gì đó kỳ lạ - Zoe cho biết nó không phải là H5N1. Ít nhất, không phải là phiên bản đang gây nên đại dịch...*

*Sam - Làm sao cô ấy biết được điều đó?*

*Amy - Cô ấy cho biết cô đã phục hồi được con vi-rút ấy cùng với việc mã hóa RNA. Điều này vượt qua cả tôi một chút rồi đó, Sam ạ. Một công việc lẽ ra phải được thực hiện ở những nơi hạn chế trong lúc các từ khóa của mã lại không có sẵn ở đây. Dù sao đi nữa, cô ấy cho biết rằng con vi-rút này là đã được biến đổi gen.*

*Amy - Xin chào, Sam, ông còn ở đó không?*

*Sam - Tôi vẫn ở đây mà, Amy.*

*Amy - Vậy thì ông nghĩ gì?*

*Sam - Tôi nghĩ rằng điều đó làm thay đổi mọi chuyện.*

Và sau đó rõ ràng là Sam đã rời khỏi cuộc trò chuyện mà không một lời giải thích. Có một cảm giác bối rối và tổn thương trong lời than van của Amy, *Sam, ông còn ở đó không? Xin chào, Sam! Nói với tôi đi chứ!*

Tiến sĩ Castelli nói, “Đối với tôi, có vẻ như Sam đã quá quan tâm đến cuộc đi điều tra của ông. Và Amy đã nói quá nhiều.”

MacNeil nghiêng người qua vai bà tiến sĩ để lấy con chuột và xem lại toàn bộ những cuộc trò chuyện giữa Sam và Amy trong một ngày. Sam đã liên tục quay lại gặp Amy, hỏi xem cuộc đi điều tra đang diễn ra như thế nào. Có tiến triển mới nào không? Thanh tra hình sự MacNeil có phát hiện được những dấu vết mới nào không? Những câu hỏi về cái đầu, về sự phục hồi của tủy xương. Những cuộc thảo luận về độc chất học, yêu cầu đối với DNA, việc phát hiện ra vi-rút cúm.

“Cô ấy đã nói với hấn ta tất cả mọi thứ...”, MacNeil nói, cùng lúc một màn che nguy hiểm của sự chán nản và tức giận bao trùm tâm trí anh. “... từng chi tiết nhỏ.” Sam đã có thể theo dõi từng bước một toàn thể cuộc đi điều tra của anh. Mỗi khi MacNeil gọi điện cho Amy, cô ấy đều nói cho Sam biết. Không có bất kỳ đi điều gì anh thực hiện mà Sam không biết. Amy đã là một kênh dẫn vô ý thức, một kẻ do thám vô tình bên trong chiến tuyến của anh. Cô ấy tin tưởng Sam về mọi mặt. MacNeil đã phải nén giận và cố suy nghĩ hợp lý. Tại sao không phải là cô ấy? Amy và Sam đã có cả một lịch sử. Họ đã thảo luận với nhau về mọi thứ vào mọi lúc. Họ đã ở cùng một chiến tuyến. Có phải họ là vậy không?

Những suy nghĩ dồn dập đổ vào đầu MacNeil như một đàn chim bò câu vừa bị làm cho kinh động. Vậy Sam là ai? Cái tên từ hư không này lại là một kẻ suốt ngày rình mò anh. Suốt đêm theo dõi anh. Anh phát hiện số địa chỉ của Amy trên thanh công cụ ở chân màn hình.

“Để tôi xem”, anh nói với Tiến sĩ Castelli, và cô rời khỏi chỗ ngồi. Anh nhấp vào số địa chỉ và cửa sổ của nó mở ra trên màn hình trước mặt anh. Anh không hề thắc mắc tại sao xuất hiện đầu tiên lại là địa chỉ của Tom Bennet - địa chỉ cuối cùng cần được tìm kiếm. Anh đang quá vội để tìm hiểu tại sao Amy lại cần phải tìm kiếm địa chỉ ấy. Anh nhấp từ Sam vào cửa sổ tìm kiếm và ngay lập tức phần mềm đã đưa tên cùng với địa chỉ của Sam ra từ cơ sở dữ liệu. Tiến sĩ Samantha Looker, 42A Consort House, St. Davids Square, Island Gardens, Đảo Chó. Anh lẩm bẩm chửi thề.

Tiến sĩ Castelli sẫm soi nhìn vào màn hình. “Vậy thì Sam là một người phụ nữ”, bà nhận định.

Trong đầu của MacNeil, đám b ồ câu bị kinh động lại xuất hiện đông hơn. Giống như một tay thợ săn có súng cố gắng hạ gục một con m ồi, anh cũng đã cố gắng một cách tuyệt vọng để tập trung vào một kẻ duy nhất. Nhưng kẻ đó cứ mất tích. Chẳng có đi ều gì mang lại bất kỳ một ý nghĩa nào. Làm thế nào mà vị tiến sĩ Samantha Looker này lại có thể dính líu được? Và bằng cách nào đó, cả cô ấy nữa cũng vậy.

H ầu như đọc được suy nghĩ của anh, Tiến sĩ Castelli nói, “Tôi đoán ông sẽ phải hỏi người phụ nữ ấy.”

MacNeil nhắc điện thoại của Amy lên khỏi máy tính và gọi số của Sam từ số địa chỉ. Anh đợi một lúc lâu trước khi gác máy vì không có người trả lời ở đ ầu dây bên kia. Anh lắc đ ầu. “Có vẻ như chúng ta sẽ không bao giờ biết.”

“Có lẽ chỉ là người này không trả lời điện thoại. Luôn luôn, chúng ta có thể đến thẳng nhà người phụ nữ ấy.”

“Bà ta sống trên Đảo Chó.”

“Thì sao?”

“Người ta đã không được phép đưa tin về vấn đề này trên báo chí, nhưng đó là một khu vực cấm. Bị cô lập khỏi phần còn lại của thành phố. Một hòn đảo nhỏ của London không có dịch cúm mà những người sống ở đó muốn duy trì tình trạng đó.”

“Nhưng ông là sĩ quan cảnh sát.”

“Tôi có thể là Nữ hoàng và đi ều đó sẽ không có gì khác biệt. Nếu chúng ta cố đến Đảo Chó, họ sẽ bắn chúng ta.”

Vị tiến sĩ nói: “Nghe giống như miền Tây hoang dã chứ không phải là miền Cực Đông của London.” Bà cau mày một một lúc, thế r ồi gương mặt bà ấy sáng lên. “Tôi biết cách để chúng ta có thể có khả năng xoay xử được.”

“Bà sẽ không đi đâu cả”, MacNeil nói. “Đặc biệt là bất cứ nơi nào gần Đảo Chó.”

Tiến sĩ Castelli nhún vai. “Vậy thì ông có thể tự tìm đường đi.” Anh nhìn bà tiến sĩ bằng một cái nhìn dữ tợn, nhưng bà chỉ mỉm cười. “Hãy tin tôi”, bà ấy nói. “Tôi là tiến sĩ.”



Nhưng MacNeil không cười. Samantha Looker cũng là một tiến sĩ vậy. Amy đã tin tưởng bà ta, và bây giờ bà ta đã biến mất. Mà MacNeil cũng không thể nghĩ ra cách nào khác để tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra với bà ta. Anh quay sang Tiến sĩ Castelli. “Thôi được. Nói cho tôi nghe đi.”

## II

**T**rong *Tam O'Shanter*, bài thơ tự sự của Robert Burns - nhà thơ người Scotland, có đoạn thuật lại việc nhân vật nam chính người Scotland có tên được dùng làm tựa đề cho bài thơ ấy đã trông thấy một người phụ nữ trẻ chỉ mặc mỗi một chiếc váy áo suông cắt ngắn ít được sử dụng đang nhảy múa theo giai điệu Quỳ sứ trong sân một ngôi nhà thờ có ma. Hoàn toàn vô tình anh ta kêu lên, “Hoan hô, váy áo suông ngắn”<sup>[4]</sup>, vì thế mà thu hút sự chú ý không mong muốn của đám nam nữ phù thủy. Và cái tên Cutty-sark cũng trở thành tên gọi cho một loại thuyền buồm chuyên chở trà nổi tiếng nhất đã từng miệt mài công việc thương mại của nó trên khắp các vùng đại dương toàn thế giới. Chiếc thuyền buồm chở trà cuối cùng và chạy nhanh nhất trong loại phương tiện vận chuyển này lấy hẳn tên Cutty Sark đã đảm trách phục hồi được vinh quang ngày xưa của nó, hàng năm vẫn đón hàng triệu người thăm viếng. Ngày nay, con tàu được phục chế ấy ngổn trong bóng tối chứa những nguy hiểm tiềm tàng của một ụ đóng tàu trên cạn tại Greenwich, cách nơi ra đời của nó tại Dumbarton trên sông Clyde năm trăm dặm.

MacNeil đã bỏ chiếc xe của mình lại ở đường Greenwich Church rồi cùng Tiến sĩ Castelli vội vã vượt qua dãy những cột buồm cao chót vót của chiếc thuyền buồm buôn trà, băng qua phòng chờ ngoài trời rộng lớn dẫn đến bến tàu Greenwich và tòa tháp tròn xây gạch đỏ đặc biệt phía trên lối vào Đường hầm Greenwich Foot. Chỉ còn cách bốn trăm thước về phía bắc, những ánh đèn trên Đảo Chó phản chiếu khắp vùng nước chảy lờ đờ của dòng sông Thames. Họ có thể nhìn thấy những dãy chung cư nằm dọc bờ kè ở phía xa, những ngọn đèn đường ở Quảng trường St. Davids. Họ đã đến rất gần Đảo Chó. Gần như nằm trong vùng khoảng cách có ảnh hưởng.

Tuy nhiên, đối với MacNeil, khoảng cách đó dường như là không thể vượt qua. Anh biết rằng các tay súng bắn tỉa luôn canh chừng từ các mái nhà. Anh cũng biết, mặc dù chưa có ai bị bắn trong tình trạng cách biệt này, nhưng rủi ro của việc bị bắn là có thật. Và anh không muốn là nạn nhân đầu tiên.

Mái vòm của tòa tháp tròn này được làm bằng kính giống như một nhà kính, và vào ban ngày, ánh sáng chiếu vào trục thang máy cũng như cầu thang xoắn ốc dẫn xuống đường hầm bên dưới. Đêm nay, hàng trăm tấm kính cũng phản chiếu một chút ánh sáng nhỏ bé nào đó ở tận xa thẳm trên bầu trời, còn bên trong hoàn toàn chìm vào bóng tối sâu thẳm. Có hai lối vào nằm cạnh nhau. Một lối đã hoàn toàn bị đóng lại bởi một cánh cửa thép nặng nề sơn đen. Đường đi theo lối bên kia bị chặn lại bởi một cánh cổng thép với một hàng cọc nhọn chạy dọc theo mép cao nhất của cánh cổng. Có một khoảng trống chừng một thước giữa hàng cọc nhọn và thanh rãnh đỡ cổng vòm.

MacNeil thận trọng khảo sát hiện trường. “Giả sử tôi xoay xở để leo qua được cánh cổng rồi tiến vào bên trong mà không hủy hoại phẩm chất đàn ông của mình, thì lấy gì bảo đảm là chúng ta sẽ có thể thoát được ra ngoài ở phía bên kia?”

“Bởi vì chính xác nó là cùng một thứ”, bà tiến sĩ nói. “Chúng giống như những hạt đậu trong cùng một quả đậu. Hai tháp tròn sinh đôi. Phong cách thời Victoria tỏ ra là khá kỹ tính về nhu cầu đối xứng của họ.” Bà dừng lại. “Tuy vậy, nói cho nghiêm túc, tôi nên nói là phong cách thời Edward. Bởi vì đường hầm này đã không mở ra cho đến năm sau khi nữ hoàng Victoria qua đời. Nhưng nó đã được nghĩ ra và chủ yếu được xây dựng dưới triều đại của bà, vì vậy tôi nghĩ rằng chúng ta có thể nói một cách an toàn rằng nó thuộc thời Victoria.”

MacNeil chăm chú nhìn bà tiến sĩ với một cảm giác xen lẫn giữa khâm phục và sự bực mình. “Làm thế quái nào mà bà biết được tất cả những điều này?”

“Ồ, ông biết đấy, khi lần đầu tiên đến London, tôi đã phải thực hiện tất cả các trò du lịch. Đường hầm Greenwich Foot chỉ là một trong những hạng mục thuộc hành trình ấy.”

“Tôi cho rằng bà có thể biết đường hầm này dài bao nhiêu.”

Bà trả lời không do dự, “Ba trăm sáu chục mét. Đường hầm cao gần ba mét và được lót bằng hơn hai trăm nghìn viên gạch. Hãy hỏi tôi những câu khác.”

“Tôi định hỏi bà có thể ngậm miệng lại được hay không, nhưng tôi quá lịch sự.”

MacNeil đỡ lấy cây đèn pin và giúp tiến sĩ có thể đặt được một chân lên mặt nền của hàng cọc nhọn. Để dang chân qua hàng cọc nhọn và đặt được một chân lên phía bên kia, bà phải vén chiếc váy bằng vải tuyết lên làm lộ đôi chân nhỏ rắn chắc. Bà cảnh giác, “Không được nhìn trộm đấy nhé.”

Khi Tiến sĩ Castelli đã hạ được người xuống an toàn thì MacNeil giao lại cho bà ngọn đèn pin xuyên qua hàng song sắt. Anh đu người lên và để dang quăng mình qua đỉnh hàng cọc nhọn để nhảy xuống bên cạnh bà rồi nhận lại ngọn đèn pin. Một bức tường lát gạch màu trắng dẫn sang bên phải của họ, hướng về phía những cánh cửa của chiếc thang nâng đứng im lìm và tối tăm phía sau trục thang bằng kính có chia ô của nó. Phía bên trái họ, những bậc thang bằng thép có tán đỉnh đi theo đường xoắn tròn ốc dẫn xuống một vùng tối tăm tối. Chùm tia sáng của chiếc đèn pin hầu như không xuyên qua được làn không khí ẩm ướt dày đặc, hơi nước đọng lại lơ lửng trong ánh đèn trông như làn khói.

Mùi của đất ẩm và của rỉ sét bốc lên chào đón họ khi họ lần dò đi theo cầu thang bộ uốn quanh vòng ngoài trục thang máy. Nó mang lại cảm giác một cuộc đi xuống bất tận. Càng đi xuống không khí càng trở nên lạnh hơn, hơi thở của họ phả ra thành những đám mây trắng cuồn cuộn ngay trước mặt.

Cuối cùng, ở chân cầu thang, họ rẽ trái vào chính đường hầm đã được gia cố bởi những mặt cắt khổng lồ được bắt vít của thép uốn cong khi nó chìm sâu vào lòng sông. Đường hầm trải dài trong bóng tối dày đặc, những viên gạch trắng ố vàng tạo thành vòm trong khắp đường hầm và phía trên chúng là đường ống rỉ sét chạy trên cao mang theo những đường dây cáp điện dùng cho đèn chiếu sáng đã bị tắt từ nhiều tuần trước.

Họ có thể cảm nhận được độ dốc xuống thoải thoải của đường hầm dưới chân khi nó nghiêng xuống dưới đáy sông. Nước nhỏ xuống từ mái và đọng thành từng vũng dọc theo nền bê-tông. Bước chân và hơi thở của họ vọng lại họ như linh hồn của tất cả những người đã đi trên con đường

này trước đây. Cái lạnh lúc này rất dữ dội, và cảm giác sợ hãi vì ngột ngạt gần như không thể chịu đựng nổi.

“Trời ạ”, Tiến sĩ Castelli thì thầm, “Lúc chúng tôi được hướng dẫn viên du lịch dẫn đi thì có phải như thế này đâu.”

MacNeil hầu như không nghe được tiếng của bà tiến sĩ. Có một đi đâu gì đó về bóng tối và cái lạnh, cùng với cảm giác về dòng sông từ trên cao đang đổ xuống họ, làm tăng cảm giác thất vọng của anh. Bằng cách nào đó, mọi thứ đã vượt khỏi tầm kiểm soát. Anh không còn chỉ huy một cuộc đi đâu tra. Anh đang bị cuốn theo những biến cố. Những sự kiện anh không thể đoán trước cũng như không quản lý được. Và cảm giác thất vọng càng làm tăng cảm giác cấp bách. Anh lao vào chạy trốn.

“Ông làm gì vậy?” Bà tiến sĩ gọi với theo.

“Tôi không có đủ thời gian để đi bộ”, anh ngoái lại trả lời. “Nếu bà không thể theo kịp, hãy quay lại.”

“Tôi sẽ không bao giờ tự thoát ra khỏi đây được đâu”, bà hét lên và anh nghe thấy tiếng đôi giày bện chắc để đi đường trường của bà đập vào bê-tông khi bà đuổi theo anh. Việc anh vẫn giữ chiếc đèn pin của bà có lẽ là một động lực bổ sung.

Khi đến được trục thang máy ở cuối đường hầm, anh đã thở hắt ra. Tiến sĩ Castelli có chậm lại một chút ở phía sau, nhưng anh có thể nghe thấy tiếng bà vẫn chạy theo mình trong bóng tối, và anh không nỡ bỏ rơi bà. Gương mặt bà trôi vào luồng ánh sáng của chiếc đèn pin, ửng hồng và đầm mồ hôi, đôi mắt đen láy của bà thể hiện đi đâu gì đó gần như đau khổ.

“Ông đang cố gắng bỏ rơi tôi, phải vậy không?” Bà thở khó nhọc. Ngã hẳn người xuống, bà đặt hai tay trên đầu gối.

“Tôi làm như vậy là không tốt lắm, có phải không?” Anh bắt đầu lên cầu thang. “Nào.” Anh nghe thấy tiếng rên rỉ của bà khi bà đứng thẳng dậy và hít thở để đuổi theo anh một cách mệt mỏi.

Khi họ lên đến gần đầu cầu thang, ánh sáng từ đèn đường dọc theo vành đai công viên Island Gardens chiếu xuyên qua cổng và rơi vào bóng tối. MacNeil thận trọng tiến đến gần cổng rồi nhìn ra công viên. Cách bãi cỏ chừng hai mươi thước, có một ánh đèn trong quán cà phê Island Gardens. Đó là một tòa nhà gạch nhỏ xíu bên cạnh hàng rào. Vào mùa hè, những người khách quen sẽ ngồi trên sân hiên của quán, nhâm nhi cà phê

cùng những thức uống lạnh và nhìn qua sông Thames về phía Trường Cao đẳng Hải quân Hoàng gia Cỗ ở Greenwich. Lúc này sân hiên vắng tanh, qua cửa sổ MacNeil có thể nhìn thấy bóng dáng một người đàn ông ng ã sụp xuống ghế. Ánh sáng xanh của màn hình tivi le lói trong bóng tối. Anh có thể thấy nòng súng trường hướng lên trần nhà, vũ khí được gác vào tay ghế của người đàn ông đang ng ã trên đó. Rõ ràng, anh ta đã ở đó để canh giữ lối vào đường hầm đi bộ. Và chắc hẳn anh ta đã nghĩ đó là một công việc ng ã mát ăn bát vàng. Bởi vì có kẻ điên nào lại muốn tìm cách xâm nhập hòn đảo qua lối đường hầm này? Và tại sao? MacNeil đặt một ngón tay trở lên môi để cảnh giác bà tiến sĩ giữ im lặng r ã anh quan sát trong vòng vài phút. Người đàn ông ng ã gác vẫn không cử động. Có khả năng là anh ta đã ngủ, nhưng chẳng làm sao nói chắc được cho đến khi họ leo qua cổng và di chuyển đến khoảng trống. Đến lúc ấy thì đã quá muộn. Nhưng MacNeil không thể thấy bất kỳ một giải pháp thay thế nào, và anh cố gắng đánh giá xem, nếu người bảo vệ được cảnh báo về sự hiện diện của họ, anh có thể vượt qua khoảng cách từ tòa tháp tròn này đến quán cà phê nhanh đến mức nào. Anh nghĩ, không đủ nhanh. Nhưng nếu người bảo vệ này thực sự đang ngủ, bấy giờ anh ta sẽ loạng choạng, và chỉ cần thời gian của vài giây để làm cho anh ta hoàn toàn tỉnh táo có thể đã là vừa đủ để MacNeil với tới được anh ta. Chỉ có một cách để tìm hiểu. Anh nhét chiếc đèn pin vào túi và nhanh chóng leo qua cổng. Anh lặng lẽ cúi xuống ở phía xa và nép mình vào bóng tối, lo lắng nhìn về phía quán cà phê. Vẫn không có dấu hiệu của sự cử động. Anh gật đầu ra hiệu cho Tiến sĩ Castelli, bà cố gắng nhắc mình lên đến hàng cọc nhọn. Tại đó bà do dự.

“Tôi không biết mình có thể làm được không”, bà thì thầm.

Anh thở dài và nhìn lên trời. Tại sao anh lại để bà tiến sĩ này thuyết phục đưa bà ấy đi cùng? Anh tiến vào vùng ánh sáng đèn r ã đưa bàn tay về phía bà. “Nào, nắm lấy tay tôi.”

Bà nắm lấy bàn tay của MacNeil khiến anh nhăn mặt vì sức ép đặt vào vết bỏng. Bà dùng sức của MacNeil để giữ vững thân hình của mình khi đứng giang chân qua hàng cọc nhọn, thỉnh thoảng bà mất thăng bằng, ngã nhào về phía trước, âm thanh xé rách của chiếc váy vang lên sau lưng. Bà kêu lên khi MacNeil đỡ lấy và làm giảm sức rơi của bà. Thực ra đó chỉ là một âm thanh nhỏ, không hơn một tiếng thở hỗn hển. Nhưng dường như nó vang lên chung quanh sự im lặng của công viên. MacNeil buông bà ra,

và bà ngã sấp trên đầu gối. Anh quay hẳn người lại đúng lúc để thấy người bảo vệ đang đứng dậy.

“Chết tiệt!” Không có thời gian để suy nghĩ. Không có nơi nào để chạy trốn. MacNeil lao về phía quán cà phê nhanh đến hết mức mà đôi chân của anh có thể khua được, hai nắm tay vung mạnh trong không khí. Anh có thể thấy vẻ hoảng hốt trên gương mặt của gã bảo vệ, còn lò đờ và chưa kịp tỉnh táo khi MacNeil lao về phía hắn. Ở hắn ta cũng có cả sự ngờ ngác nữa. Và những khoảnh khắc bối rối đó cũng đủ để MacNeil có thể vượt qua toàn bộ khoảng cách. Anh bước sang một bên để phá cánh cửa và, với toàn bộ sức nặng, lao thẳng vào gã bảo vệ đang hoang mang. Cả hai người ngã ãm xuống sàn. Chiếc máy truy ền hình xách tay văng đi quay vòng vòng khắp căn phòng giữa những mảnh kính vỡ vụn, âm thanh và ánh sáng đều tắt lạng.

Anh nghe thấy tiếng người đàn ông cầu nhàu khi anh lăn lên đờ được trên người hắn, toàn bộ không khí đầu bị tống ra khỏi phổi trong một hơi thở yếu ớt. Khẩu súng trường của hắn kêu loảng xoảng khi rơi xuống sàn bên cạnh họ. MacNeil nắm lấy cổ áo hắn ta, lật hắn ta nằm ngửa lên rồi đâm cho hắn ta hai cú từ những nắm đấm lớn như những miếng thịt đùi của hãng Belfast. Cú đâm đầu tiên đủ làm rách môi của hắn ta. Cú đâm thứ hai khiến hắn ta bất tỉnh.

MacNeil vẫn cúi rạp người trong tư thế nằm sấp, cố gắng lấy lại hơi thở, hai bàn tay đau nhức bằng như lúc mới bị bỏng. Anh nhìn quanh khi nghe tiếng Tiến sĩ Castelli đến gần. Bà đứng ở ngưỡng cửa đã bị phá vỡ nhìn lại anh.

Bà phàn nàn: “Thế là đã làm hỏng chiếc váy khốn khổ của tôi rồi.” Anh trừng mắt nhìn bà, nhưng bà vẫn b ỉ thêm, “Chắc chắn là ông có thói quen ng ồi trên mình người ta, MacNeil ạ.”

Họ lột áo sơ mi và quần tây của người lính gác rồi xé thành từng đoạn dài để trói và bịt miệng hắn ta. MacNeil nhấc khẩu súng trường lên, rồi họ băng qua công viên để vào đường Saunders Ness. Đường phố vắng tanh, bị soi mói bởi những ngôi nhà li ền kề và những dãy căn hộ; MacNeil cảm thấy bị phơi ra ở đây dưới ánh sáng chói chang của những ngọn đèn đường. Nhưng bất cứ nơi đâu cũng không hề có một chuyển động nào, không có ánh sáng trong bất kỳ ngôi nhà nào. Anh tự hỏi liệu những người

sống ở đây có ngủ ngon hơn không khi biết rằng vẫn có những người đàn ông mang súng ở ngoài đó giúp họ an toàn trước bệnh cúm.

Tại cuối đường, họ vượt qua Cầu lạc bộ Chèo thuyền Poplar rồi quẹo vào đường Ferry.

### III

Từ Quảng trường St. Davids, họ có thể nhìn lại phía bên kia sông, nơi họ đã đến. Các cột buồm và hệ thống dây cột buồm của chiếc thuyền buôn trà Cutty Sark, Trường Cao đẳng Hải quân Hoàng gia Cổ, các căn cầu xếp hàng dọc theo bờ đối diện được đưa vào để xây dựng các căn hộ sang trọng mới nhưng không hoạt động kể từ khi tuyên bố tình trạng khẩn cấp. Trên những dải bùn bên dưới cầu tàu, khung sườn của ba chiếc xe đạp rỉ sét, bị vùi lấp một nửa trong lớp bùn đặc quánh.

Họ tìm thấy Consort House ở góc đông nam của quảng trường và đi theo cầu thang lên tầng cao nhất. Giống như Pinkie đã làm gần hai mươi bốn giờ trước đó, họ tìm thấy số 42A ở cuối hành lang, bên cạnh một cửa sổ nhìn ra sông. Tên của chủ nhân căn hộ được ghi trên tấm biển nhỏ gắn trước cửa. Tiến sĩ Samantha Looker. MacNeil kiểm tra cánh cửa bằng đầu ngón tay và nó tự mở toang ra. Ai đó đã chỉ khé cửa mà không khóa lại. Sảnh tiếp khách ngay phía sau chìm trong bóng tối. MacNeil ra dấu cho Tiến sĩ Castelli rằng cô ấy nên ở nguyên vị trí của mình. Anh ôm khẩu súng ngang ngực và thận trọng di chuyển vào căn hộ. Anh vẫn thiện nghệ đối với các tầm bắn, liên tục bắn trúng mục tiêu mười chín lần trong tổng số hai mươi lần. Nhưng anh chưa bao giờ nổ súng trong cơn tức giận, và chưa bao giờ chĩa súng vào người khác.

Ở phía trước, anh có thể nhìn thấy thảm phòng khách được in hình cửa sổ bởi những ngọn đèn đường. Anh vượt qua một cánh cửa mở để vào một phòng ngủ. Anh nhìn vào. Chiếc giường ngủ không có người. Chẳng có ai đang ngủ trên đó cả. Bên trái anh là cửa phòng tắm và sau đó là cửa vào nhà bếp. Căn hộ ấm áp, nhưng không mang lại cảm giác có người ở. Cho đến

bấy giờ, anh vẫn không tin sẽ tìm thấy người nào trong phòng khách ở cuối hành lang. Tuy nhiên, anh vẫn tiến hành một cách thận trọng.

Khi anh bước vào phòng, có thứ gì đó di chuyển dưới chân anh, và một âm thanh chói tai vang lên trong không khí.

“Chúa ơi!” Anh lảo lẩm r ã nhảy lùi lại và nhìn thấy hình dạng thoáng qua của một thứ gì đó nhỏ và đen kéo thành vệt trên tấm thảm. Anh l ần mò tìm công tắc đèn, và khi làn ánh sáng vàng lạnh lẽo tràn ngập căn phòng, anh nhanh chóng quay vào đó vung khẩu súng trường của mình theo một vòng cung chín mươi độ.

Tiến sĩ Samantha Looker nằm úp mặt ngay trong vũng máu của mình, nơi Pinkie đã bỏ bà ta lại ở đó. Máy tính của bà ấy vẫn đang hoạt động, trình bảo vệ màn hình đưa nó vào một cuộc hành trình lặp lại không ngừng đến các hành tinh trong hệ mặt trời. Một con mèo đen nhỏ với yếm trắng và đi vớ lừ lừ ngó MacNeil từ phía bên kia phòng. Con mèo đứng trên đuôi hoặc chân của nó và quan sát người khách lạ một cách thận trọng.

Anh quay ngoắt lại khi Tiến sĩ Castelli bước vào phòng. “Ôi, lạy Chúa lòng lành”, bà lên tiếng khi nhìn thấy thi thể trên sàn và ngay lập tức quỳ xuống bên cạnh Sam để xem mạch. Bà nhìn lên và lắc đầu. “Lạnh như đá.” Bà sờ vào các cơ trên cánh tay. “Tình trạng co cứng của tử thi đã phát triển đầy đủ. Như vậy, bà ấy đã chết ít nhất mười hai tiếng đ ồng h òr ã.” Tiến sĩ Castelli nhìn lại cái xác. MacNeil cho rằng có lẽ không có sự chênh lệch tuổi tác quá lớn giữa hai vị tiến sĩ này. Họ cũng giống nhau về hình dáng và cả hai đều có mái tóc màu xám cắt ngắn. Có lẽ tất cả những đi ều đó đã cho Tiến sĩ Castelli một ý thức cụ thể hơn về cái chết của chính mình. Bà có vẻ run. Vì lần này đã không có những lời khiếm nhã. Tiến sĩ Castelli nói, “Tôi cho rằng đây chính là Sam.”

“Tôi cho rằng sự việc phải là như vậy.”

“Thế thì ai nói chuyện với Amy cả ngày?”

Nhưng MacNeil chỉ lắc đầu. Có thể là bất kỳ ai. Văn bản trên màn hình. Làm sao người ta có thể biết được? Anh bước qua thi hài và di chuyển con chuột máy tính để xóa trình bảo vệ màn hình. Và ở đó, trên màn hình, chính là hộp thoại mà anh đã thấy trên máy tính của Amy. Tiến sĩ Castelli đứng dậy và xem xét nó.



Bà nói: “Hắn là giống như một cuộc trò chuyện ba chi ầu. Hội đàm trực tuyến. Chỉ có đi ầu, Amy không bao giờ biết có bên thứ ba.” Bà tiếp nhận con chuột từ MacNeil và nhấp đ ể nghiên cứu về những người tham gia. “Nó chỉ cho thấy Sam và Amy. Như vậy, người kia chắc hẳn cũng đã đăng nhập với tên Sam, từ một máy tính khác ở một nơi khác. Amy không hề biết rằng cô ấy không nói chuyện với người cố vấn của mình.”

Con trở vẫn nhấp nháy đ ầu đ ạn ở cuối tin nhắn sau cùng của Amy. *Sam, ông còn ở đó không? Xin chào, Sam! Nói với tôi đi chứ!*

Đó là một ngõ cụt. Theo nghĩa đen. MacNeil nói. “Vì vậy, không có cách nào để biết chắc chắn cô ấy đã nói chuyện với ai.”

“Trừ khi hắn vẫn ở đó.”

MacNeil nhìn bà tiến sĩ, “Ý bà là gì?”

“Coi nào, cuộc trò chuyện vẫn đang mở. Có thể bóng ma ‘Sam’ của chúng ta vẫn đang trực tuyến.”

“Làm sao chúng ta có thể nói đ ược?”

“Hãy hỏi thẳng hắn ta.” Tiến sĩ Castelli nhìn MacNeil, một bên lông mày nhướng lên, và anh hiểu ý vị tiến sĩ. Anh kéo ghế ng ồi xuống trước bàn phím, nhưng nhận ra rằng những ngón tay củ chuối của mình sẽ không bao giờ gõ đ ược chính xác bất kỳ thứ gì.

“Xem nào, tốt hơn, bà nên giúp tôi làm việc này”, anh nói và đứng dậy nhường chỗ cho vị tiến sĩ.

“Vậy tôi sẽ nói gì đây?”

MacNeil đã nghĩ về đi ầu ấy. Amy đã nói chuyện với ai? Theo luận lý thì người đó chỉ có thể là Smith. Và nay họ đã biết Smith chính là Roger Blume. “Xin chào, Tiến sĩ Blume”, anh nói.

Tiến sĩ Castelli nhìn anh, và sau đó bà gật đ ầu hiểu tại sao. Những ngón tay của bà lướt nhanh trên bàn phím.

- *Xin chào, Tiến sĩ Blume.*

Con trở lạng l ẽ nhấp nháy trong một thời gian dài. “Hắn không có ở đó”, MacNeil đưa ra phán đoán của mình. Thế r ồi một âm thanh u...u... cho biết đã có tin nhắn đ ến.

- *Có phải ông MacNeil, cho phép tôi đoán vậy.*

MacNeil cẩn thận lột găng tay và đẩy bác sĩ sang một bên. Anh cần tiếp xúc trực tiếp, bất kể đau đớn thế nào. Anh gõ máy thật cẩn thận.

- Đúng vậy.

- Điều gì khiến ông lâu thế?

- Ông đâu phải là người dễ phát hiện.

- Nhưng bây giờ thì ông đã phát hiện được tôi rồi chứ?

- Amy đang ở đâu?

- À, đi thẳng vào vấn đề rồi đó.

- Vấn đề kết thúc rồi, ông Blume ạ.

- Tình thế vẫn còn có thể thay đổi mà.

- Chúng tôi có được mẫu máu lấy từ ngôi nhà ở đường Routh. Chúng tôi có được một tấm ảnh của ông từ cái bóng phản chiếu trong cặp kính cận thị của Choy từ một trong những tấm ảnh lấy hộ chiếu của đứa bé ấy. Chúng tôi biết rằng Stein-Francks sở hữu ngôi nhà ấy. Và chúng tôi đã có được sự nhận diện bởi một trong những người hàng xóm của ông.

- Còn tôi lại có được tất cả những thứ khác, ông MacNeil ạ. Bộ xương, cái đầu, tủy xương, tất cả các mẫu và những kết quả xét nghiệm. Thiếu những thứ đó, ông chẳng có gì cả.

MacNeil ngẩng đầu nhìn chằm chằm vào màn hình. Nếu điều đó là thật thì Blume nói đúng. Họ đã không còn gì cả. Nếu không có thi hài thì không có án mạng. Chẳng có cách nào để chứng minh bất kỳ điều gì. Và bất kỳ bằng chứng nào họ có thì đều đã được thu thập một cách bất hợp pháp. “Tên khốn tự mãn!” Tiến sĩ Castelli lầm bầm trước máy tính.

- Có chuyện gì vậy, MacNeil? Sao tự nhiên lại im như thóc vậy?

MacNeil nhìn con mèo vẫn đang theo dõi họ từ phía bên kia phòng. Nếu anh và Blume nói chuyện mặt đối mặt, anh có thể đã tìm ra những lời lẽ để quăng vào mặt y. Nhưng bàn phím đã gây khó khăn cho anh.

-Ồ, lại còn một điều nữa. Tôi cũng có được Tom. Và Amy. Vì vậy, có lẽ chúng ta có thể trao đổi với nhau.

- Trao đổi cái gì?

- Bất kỳ bằng chứng còn lại nào mà có thể ông còn đang nắm giữ, để đổi lấy người bạn gái của ông.

Tiến sĩ Castelli nói: “Đừng tin một lời nào về đi ầu đó. Hẳn chỉ là một tên dối trá khốn nạn.”

MacNeil suy nghĩ một lúc trước khi gõ vào máy.

- Ở đâu và khi nào?

- *Con mắt London. Nhưng tốt hơn hết là ông phải nhanh lên, ông MacNeil ạ. Đó là sau năm giờ, và tốt nhất là vấn đề này phải giải quyết xong trước khi lệnh giới nghiêm được dỡ bỏ, và lúc ấy ông chỉ là một công dân bình thường như bao người khác.*

## CHƯƠNG HAI MƯƠI LĂM

on Mặt London là một bánh xe đu quay dành cho những người trưởng thành ở Bờ Nam sông Thames. Giống như bánh xe của một chiếc xe đạp khổng lồ, nó cao một trăm ba mươi lăm mét, bao gồm mười bảy ngàn tấn thép và dây cáp, được chế tạo trong một thời đại lạc quan để kỷ niệm thiên niên kỷ. Hơn ba mươi lăm nghìn kính cũng là các khoang hành khách sẽ quay quanh đường viền ngoài cùng của bánh xe ấy trên các vòng lắp ráp hình tròn khi toàn bộ chiếc bánh xe này quay. Quang cảnh không bị hạn chế của London từ điểm nhìn cao nhất của nó là không có gì sánh kịp. Trước khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, mỗi ngày đều có tới mười lăm nghìn du khách đổ xô đến đây để chen chúc nhau chui vào các lồng kính của nó. Nhưng kể từ khi dịch cúm xuất hiện, toàn khu vực này đã trở nên lạnh lẽo và tĩnh mịch, như một lời nhắc nhở liên tục hàng ngày cho người dân London rằng mọi sự đã thay đổi. Có lẽ không thể đảo ngược được.

Pinkie ngồi trong lồng đi đầu khiến bằng gỗ, giữa những tấm kính vỡ, quan sát kỹ bằng đi đầu khiến đây những nút nhấn sáng đèn xanh xanh đỏ đỏ. Thực sự là bảng đi đầu khiến này hoàn toàn đơn giản. Chẳng có bí ẩn lớn lao nào cả. Phần nào, đó là đi đầu mà người ta thường mơ ước khi còn nhỏ, có được một loại sức mạnh nào đó trong tầm tay. Nhấn nút này để bánh xe khởi động, nhấn nút kia để dừng lại. Nút này mở cửa, nút này khóa lại, mỗi khoang được đi đầu khiến riêng.

Hắn nhìn qua sàn đỡ bộ và khởi hành, thấy Tom và Amy bị nhốt trong lồng kính dành cho họ. Hắn đã ra lệnh cho Tom bế cô vào và đỡ cô lên trên chiếc ghế dài hình bầu dục có lát những thanh gỗ mỏng được đặt giữa chiếc lồng. Bây giờ chiếc lồng ấy là một nhà tù không có song sắt. Chỉ có kính mà thôi. Làm thế nào còn có loại nhà tù nào tở tệ hơn một nhà tù mà người ta luôn luôn có thể nhìn ra bên ngoài? Một nhà tù mà từ đó tự do được nhìn thấy thật rõ rệt, là một lời nhắc nhở thường xuyên về việc người ta đang thiếu tự do?

Pinkie biết rằng hắn không thể nào sống sót trong nhà tù. Tất nhiên, hắn chưa bao giờ bị cáo buộc. Hắn đã giết một người đàn ông để bảo vệ mẹ mình, và trong mọi trường hợp, nhà chức trách cho rằng hắn còn quá nhỏ để có thể chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào về hành động của hắn. Nhưng sau này, khi hắn bắt đầu làm công việc giết người này vì thú vui và tiền bạc, hắn biết rằng nếu bất kỳ khi nào bị bắt thì hắn cũng sẽ phải tự kết liễu đời mình. Hắn không bao giờ có thể bị nhốt trong một không gian chật hẹp như vậy trong nhiều ngày, nhiều tuần, nhiều năm, cửa khóa lại - như điếu vẫn luôn xảy ra ở trong chiếc tủ quần áo ấy dưới cầu thang. Có thể, tình trạng khó thở sẽ nghiền nát hắn.

Ngay lúc này hắn cảm thấy không được khỏe. Chất dịch trong người hắn đang rỉ ra để tích tụ quanh cơ thể hắn trên mặt sàn. Hắn cảm thấy buồn nôn và suy nhược dần. Các cơ bắp của hắn đang co cứng lại như bị chuột rút. Hắn biết có màn hình máy tính đang chiếu ánh sáng vào mặt hắn, và nếu hắn quay sang bên phải, hắn sẽ nhìn thấy hình ảnh của hắn được phản chiếu lên cửa sổ nhìn ra khu vực xếp hàng. Nhưng hắn không muốn nhìn thấy ngay lúc này để biết hắn trông như thế nào. Hắn muốn nhớ lại về bản thân mình như lần cuối cùng hắn nhìn vào gương. Hắn biết mình không đẹp trai - hắn chưa bao giờ nuôi dưỡng những ảo tưởng như vậy - nhưng hắn có những đường nét hòa hợp và mạnh mẽ. Hắn không thể chịu đựng được khi nhìn thấy mình như trong lúc này.

Tiếng òng ọc trong lồng ngực của hắn càng lúc càng nặng nề hơn. Việc hít thở đang trở nên khó khăn hơn. Ngài Smith ở đâu? Lẽ ra ông ta đã phải có mặt ở đây từ lâu như được sắp xếp trong cuộc trao đổi tin nhắn giữa ông ta với hắn trên máy điện thoại của người lính đã chết. Pinkie nhìn ra ngoài cửa sổ. Tất cả những ngôi tháp và ngọn chóp nhọn ngập tràn ánh sáng của Tòa nhà Quốc hội xuyên thủng bầu trời đen ở phía xa của con sông, phản chiếu trong dòng nước đen chầm rãi, lờ đờ. Một tiếng động ở bên trái khiến hắn quay lại; cuối cùng đó chính là ngài Smith đang há hốc miệng đứng ở ngưỡng cửa nhìn hắn, tròn mắt vì kinh hãi. Và Pinkie lại được nhắc nhở về cách hắn nhìn người khác. “Anh - anh là ai vậy?” Ngài Smith nói bằng một giọng ngập ngừng.

Pinkie đã hết sức cố gắng để biến những gì còn sót lại trong miệng hắn thành tên của mình. “Ssspshh... phinkie”, hắn lắp bắp thốt lên.

Ngài Smith há hốc mồm nhìn hấn đây hoài nghi. “Pinkie à?” Pinkie gật đầu. “Ôi Thánh mẫu của Chúa”, ông Smith thì thầm. “Chuyện gì đã xảy ra?”

“Chhh... đụng xe.”

“Chúa ơi!”

Pinkie có thể nhìn thấy trong mắt ông ta rằng ngài Smith biết là hấn sẽ chết. Nhưng hấn đã có mặt ở đây mà, phải thế không? Hấn sẽ hoàn thành công việc. Hấn chưa bao giờ bắt đầu bất cứ việc gì mà hấn không thể hoàn thành. Hấn vớ tay để quăng chiếc túi đen đựng rác qua phòng đi đầu khiến cho người đã thuê hấn làm việc, và ngài Smith nhìn vào bên trong. Pinkie thấy ông ta chùn bước trước mùi bốc ra từ đó. Xương vẫn còn ngấu.

“Tất cả là ở đó à?” Ngài Smith hỏi.

Pinkie gật đầu.

“Tốt. Chú em vẫn còn có thể đi bộ chứ?”

Pinkie lại gật đầu.

“Tôi muốn chú em cùng cô gái ấy lên đến đỉnh bánh xe đu quay này. MacNeil đang trên đường đến. Miễn là cô ấy ở trên đó ngoài tầm với của hấn ta, tôi sẽ có thứ gì đó để mặc cả. Chú em có quyết định làm việc đó không?”

Amy lặng lẽ ngồi trên chiếc ghế dài bằng gỗ có những thanh ván lót, thất vọng nhìn ra dòng sông Thames. Thật khó để tin rằng người đàn ông bị bỏng ấy vẫn còn sống. Cô biết rằng hấn không thể sống sót lâu hơn nữa. Hấn đã mất rất nhiều chất dịch đến mức thật hết sức ngạc nhiên là hấn vẫn còn có thể đứng vững. Cô tự hỏi đi đầu gì có thể thúc đẩy hấn làm những việc hấn đang làm. Chắc chắn là hấn phải biết về mình rằng hấn sắp chết chứ?

Một sự im lặng căng thẳng đã đọng lại giữa cô và Tom. Anh ta đã gọi cuộc điện thoại ấy cho cô trong lúc biết rất rõ rằng cô đang bị nhử vào một cái bẫy. Hãy tin tôi, anh ta đã nói. Và cô đã tin. Chỉ để được đền đáp bằng sự lừa dối và phản bội. Anh ta nói “Tôi không có lựa chọn nào khác. Đó là hoặc cô, hoặc Harry.” “Vì vậy mà anh đã chọn tôi?”

Thế rồi anh ta quay đi, nhận biết tội lỗi theo cách mà anh ta tự ôm lấy. Và không còn gì để nói nữa.

Có tiếng phì... phì... của những chiếc pít-tông khí nén, và phần cuối của khoang hành khách mở tách ra khi những cánh cửa ở phía tầng đổ bộ bị rời ra và trượt khỏi nhau. Tom đứng dậy, nói. “Bây giờ bọn họ có hai người.”

Amy có thể nhìn thấy bóng của hai người đàn ông đang tiến lại gần khoang hành khách nơi họ đang bị nhốt. Người đàn ông bị bóng gần như không thể đi lại được nữa, nhưng hắn vẫn mang theo khẩu súng trường SA80 của mình. Hắn bước vào trong khoang, theo sau là một người đàn ông trông có vẻ quen thuộc. Ông ta không cao. Ông ta để tóc ngắn và có cặp lông mày đậm bất thường. Cặp kính hình bầu dục gọng bạc. Khuôn mặt ông ta hết sức nhợt nhạt, và rõ ràng là ông ta đang căng thẳng.

“Chuyện gì đang xảy ra vậy?” Tom hỏi, và Amy có thể nghe thấy sự sợ hãi khiến giọng nói của anh ta run rẩy.

Người đàn ông đeo kính không thèm biết đến Tom. Ông ta nhìn Amy, và sau đó quay sang người đàn ông bị bóng. “Cái kia ở đâu?”

“Được”, Tom nói. “Thế Harry đâu? Ông đã hứa anh ấy được an toàn.”

Nếu Pinkie có thể mỉm cười, hắn sẽ cười. “Chết rồi”, hắn nói, và hắn không cần đến đôi môi để tạo thành lời. Lời ấy thốt ra từ miệng hắn rõ như ban ngày.

Chỉ có một khoảnh khắc im lặng trước khi một tiếng hú khủng khiếp, hoang dại thoát ra khỏi đôi môi của Tom. Bất thành linh anh ta lao qua khoang hành khách nhắm vào Pinkie. Một luồng lửa ngắn, chói tai từ khẩu súng trường bán tự động quạt một lúc nửa tá viên đạn cắm sâu vào trước ngực của nhà nghiên cứu bệnh học, gần như nhấc bổng anh ta lên khỏi đôi chân. Máu tung tóe văng ra khắp các mặt kính, và Tom rơi xuống sàn với một cái rùng mình cuối cùng. Amy hét lên. Cô không thể tin vào những gì mình đang thấy. Anh ta có thể đã phản bội cô, nhưng cô vẫn yêu anh ta. Người ta không thể xóa sạch mười hai năm bằng một cuộc điện thoại. Và đột nhiên anh ta chết. Không có đường lui. Không nói lời xin lỗi. Không có gì sửa chữa. Người đàn ông bị bóng đã giết chết anh ta trong giây lát. Anh ta đã ra đi mãi mãi. Cuộc sống có thể còn nhiều khó khăn. Nhưng cái chết lại dễ dàng đến mức thật là đáng sợ.

Người đàn ông đeo kính ôm đầu, ấn những ngón tay vào thái dương.

“Vì Chúa, Pinkie! Chú em gần như làm nổ tung tai tôi rồi!” Ngay sau đó ông ta lo lắng liếc nhìn qua sông Thames, có lẽ tự hỏi liệu tiếng súng có được nghe thấy tại bất kỳ trạm kiểm soát nào ở bờ bắc hay không. Nhưng hầu hết âm thanh của loạt đạn ấy đã được nhốt lại bên trong khoang hành khách.

“Ông muốn gì?” Amy hét lên với ông ta.

Người đàn ông quay về phía cô. “Tôi muốn cô câm đi”, hắn ta trả lời thật sững sượng. “Pinkie sẽ đưa cô lên chỗ cao nhất. Tôi cần đến cô như một lá bài thương lượng trong các cuộc thảo luận của tôi với thanh tra MacNeil. Và tôi muốn cô ở ngoài tầm với của hắn. Khi có bất kỳ rắc rối nào thì Pinkie sẽ đẩy cô ra ngoài.”

Amy nhắm mắt lại. Cơ ác mộng đã chỉ tồi tệ hơn. Nếu đi đâu đó có thể xảy ra. Cô sẽ bị mắc kẹt trong cái khoang hành khách này, bên trên mặt đất London một trăm ba mươi lăm mét, với một tên sát nhân mang bệnh tâm thần đã bị bỏng khủng khiếp mà thẩm quyền giải quyết của hắn là sẽ đẩy cô ra ngoài nếu các cuộc đàm phán ở mặt đất đi đến bế tắc. Và cô không thể làm gì được. Tia hy vọng mờ nhạt duy nhất là MacNeil biết cô đang ở đây, và anh đang trên đường đến.

Cô nói với người đàn ông, “Ông định dùng tôi để trao đổi với đi đâu gì?”

“Mọi bằng chứng còn lại có thể cho thấy tôi có dính líu đến cái chết của cô bé Choy.”

Đây là lần đầu tiên mà Amy nghe nói đến tên của cô bé gái tội nghiệp ấy. Cô đã quá quen với việc nghĩ rằng cô bé ấy tên là Lyn, cho nên cô cảm thấy hơi ngỡ ngàng khi biết tên thật của đứa bé. Cô hỏi, “Choy à? Ông đã giết cô bé ấy à?” Người đàn ông không trả lời, và Amy nói tiếp, “MacNeil sẽ không bao giờ đồng ý.”

“Vậy thì tôi cũng sẽ giết hắn ta.”

“Ông sẽ không đủ can đảm để giết một viên cảnh sát đang làm nhiệm vụ.”

“Nếu tôi có thể giết một đứa trẻ mười tuổi rồi lột da thịt ra khỏi bộ xương của nó thì tôi cũng có thể giết một gã cảnh sát.”

Amy lắc đầu, cố gắng ngăn sự run rẩy trong giọng nói của mình, cố gắng tỏ ra bình tĩnh và thách thức khi nỗi sợ hãi đã khiến nội tâm của cô như đông cứng lại. “Có một sự khác biệt lớn.”



“Đó là cái gì?”

“Cô bé mười tuổi không thể đánh trả.” Cô hy vọng cô đã truyền đạt đủ sự khinh miệt mà chính mình cảm nhận được.

Hắn ta quay đi, bước qua xác của Tom và bước ra khỏi tầng đồ bộ. Hắn dừng lại, thế rồi quay qua để hỏi Pinkie. “Có đúng là nút màu xanh lá cây ở bên phải không?”

Pinkie gật đầu. Người đàn ông liền đi đến chòi đi đầu khiến. Sau một lúc, có một sự rung lắc không đáng kể, thế rồi từ từ họ bắt đầu di chuyển. Amy nắm chặt thành ghế của mình và nhìn lên qua mái khoang hành khách. Cô có thể thấy những nan hoa to lớn bắt đầu quay, và một cảm giác kỳ lạ của tình trạng không trọng lượng khi khoang hành khách của họ di chuyển về phía trước, nâng lên cao hơn khi cả guồng máy vận hành, bắt đầu một quá trình từ từ đi lên thật lâu để đến tận chỗ cao nhất của chiếc bánh xe.

## CHƯƠNG HAI MƯƠI SÁU

Có tiếng gọi trong đêm. Họ đã có thể nghe thấy tiếng chân chạy. Những luồng ánh sáng của đèn pin đan chéo nhau chằng chịt trong bóng tối. Không có đường lui.

Vài chiếc xe đã đậu sẵn bên ngoài công viên ở đường Saunders Ness, những chiếc máy nổ đang vận hành, những ngọn đèn pha sáng rực, biến đêm thành ngày. Bằng cách nào đó, gã có nhiệm vụ canh gác ở chân đường hầm đã được tự do, hoặc đã có ai đó đến giải vây cho anh ta, thấy anh ta bị trói và bị bịt miệng. Mức báo động đã được nâng lên. Ai đó đã lên đảo. Người nào đó có thể đang bị cúm. Lúc này MacNeil biết họ sẽ bị bắn ngay tại trận. Sự hoảng sợ là một tác nhân lớn làm lu mờ lý trí.

Anh nắm lấy cổ tay của Tiến sĩ Castelli và hai người chạy ngược lại dọc theo đường Ferry. Đôi giày bện chắc cho việc đi đường trường của bà tiến sĩ kêu lộp bộp vang rền trong màn đêm. Sự phấn khích làm cất lên những tiếng nói đằng sau họ. Một chiếc mô tô rú ga, và họ nghe được tiếng bánh xe nghiền lên mặt đường.

“Bỏ giày đi!”, MacNeil nói với bà. Thế rồi nửa nhảy, nửa chạy, bà gỡ đôi giày ra khỏi chân lần lượt từng chiếc một và ném chúng ra đường. MacNeil kéo lê bà ra khỏi con đường, đi vào một con hẻm nhỏ giữa những ngôi nhà gỗ có mái dốc không gắt lăm. Anh nhìn thấy một tấm bảng chỉ đường. Địa điểm Livingstone. Ở khắp mọi nơi, đèn đã được bật sáng trong các ngôi nhà. Ai đó vừa hét lên, “Có kẻ xâm nhập! Có kẻ xâm nhập!”

MacNeil bắt đầu hoảng sợ. Họ chạy qua những khu vườn nhỏ ngăn nắp phía sau những hàng rào được cắt xén gọn gàng, có nhiều ánh sáng chiếu vào những bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận.

Người nào đó hét lớn, “Chúng kia rồi!” Một tiếng súng vang lên. MacNeil nghe được tiếng viên đạn sạt vào gạch ở đâu đó rất gần.

Người nào khác lại hét tiếp, “Đừng bắn, vì Đức Ki-tô! Chúng ta sẽ bắn lẫn vào nhau.” Giờ đây đã có nhiều tiếng chân chạy hơn trên con đường ngay đằng sau họ.

Hai người chạy được đến cuối con hẻm và rẽ vào một lối đi bộ dẫn ra bờ sông. Lối đi này chỉ dài khoảng ba chục thước. Và bị chặn ở mỗi đầu. Họ đã bị mắc kẹt.

“Bỏ qua cho ngôn ngữ thô tục của tôi”, Tiến sĩ Castelli nói. “Nhưng ôi thôi, mẹ kiếp!”

MacNeil chăm chăm nhìn qua bức tường r ỗ hướng ánh mắt xuống dòng sông. Thủy tri ều đang dâng lên đập vào vài thước đ ầm l ầy và đá, làm vỡ vụn những chiếc đèn ống huỳnh quang mắc dọc mép sông.

Tiến sĩ Castelli nhìn anh r ỗ nói. “Đừng.”

“Không có lựa chọn nào khác đâu”, MacNeil nói với bà ấy. “Nếu họ bắt được chúng ta, họ sẽ bắn chúng ta ngay.”

Tiến sĩ Castelli nhảy xuống trước và lún sâu vào trong bùn đến tận mắt cá chân. MacNeil rơi xuống bên cạnh bà và khụy đ ầu gối xuống. Bùn dưới chân anh hút chặt khiến anh loạng choạng khi đứng thẳng dậy và nắm lấy cánh tay của bà, kéo bà dựa thẳng lưng vào tường.

Cả những tiếng lao xao lẫn những ánh đèn pin tuôn ra dọc theo bờ tường ở ngay phía trên đầu họ. Những chùm ánh sáng trắng lạnh lẽo quét loang loáng qua lớp bùn trước mặt hai người r ỗ biến mất. Có tiếng người kêu lên “Chúng không có ở đây!”, r ỗ có tiếng của những bước chân lập tức lùi lại, chạy ngược con hẻm về phía con đường. “Hãy lục soát trong các khu vườn!”

“Nhanh lên nào”, MacNeil thì thầm, vẫn nắm chặt cổ tay Tiến sĩ Castelli, kéo bà ấy đi theo mình dọc mép tường. Suốt quãng đường, bùn l ầy miễn cưỡng cho phép từng bước chân nhấc lên, việc đi tới thật là khó nhọc. Thế r ỗ họ đến được một nơi có lớp đá nhô lên khiến việc đi đứng trở nên dễ dàng hơn. Bức tường uốn quanh sang bên phải, ngay trên đầu họ là các căn hộ treo lơ lửng trên phần tường chần còn đứng vững được. Lúc ấy đã có hàng chục ngọn đèn từ các cửa sổ chiếu ra khắp mặt nước. Có vẻ như tất cả mọi người ở mũi phía nam này của Đảo Chó đ ầu đã bị đánh thức. Và tham gia vào việc tìm kiếm hai người. Họ hấp tấp leo qua những khối đá nhô lên, những tảng đá cuội và những đ ồ dùng thải bỏ đập d ềnh trôi theo sóng thủy tri ều, rác rưởi của một xã hội không thềm biết đến việc phải tôn trọng môi trường sống, cho đến khi ở ngay phía trước mặt, họ

nhìn thấy được hình dạng tối tăm của bên tàu Felstead cũ trải dài xuống tận mặt nước.

Hai người đến được với sự an toàn của cái bóng đen thẫm mà bến tàu cũ này phủ dọc theo bờ sông, và tìm thấy những bậc thang dẫn lên. Trên chính bến đò này, họ lại cảm thấy bị phơi ra trước sự nguy hiểm. Họ có thể nghe thấy nhiều giọng nói ở đâu đó bên ngoài các khối căn hộ. Các cửa sổ ở khắp mọi nơi vẫn tràn ngập ánh sáng. Ở tận đầu bên kia của bến cảng, có thêm nhiều bậc thang nữa dẫn xuống một cầu tàu nhỏ. Một chiếc thuyền cao tốc cỡ xưa, nhỏ bé, chỉ dành cho hai người, được buộc sẵn ở đó, nhẹ nhàng dập dềnh trên sóng. MacNeil biết ngay đó là cơ hội duy nhất để họ rời khỏi hòn đảo này.

Tiến sĩ Castelli chạy theo anh xuống các bậc thang, rồi MacNeil nhảy xuống chiếc thuyền khiến nó chòng chành một cách nguy hiểm. Anh lập tức tháo gỡ bảng điểu khiển rồi nhìn vào mớ lộn xộn của cả một chùm dây điện đầy màu sắc mà anh vừa bóc trần. Chắc chắn là anh phải biết cách giải quyết công việc này. Nhưng anh luôn luôn đứng về phía đúng của luật pháp. Tuy nhiên, cũng phải có một nguyên lý thích hợp cho công việc này, cho nên anh đã cố gắng lần theo các mối dây để trở ngược lại với ổ khóa khởi động máy.

Tiến sĩ Castelli gạt anh ra khỏi công việc mà anh đang làm. Bà nói, “Này, cứ để đây cho tôi. Phải biết rằng tôi đã đến từ một nơi mà ở đó bọn tôi thường trộm xe để mua vui vào mỗi tối thứ Bảy.”

Bà nhanh chóng thiết lập nguyên lý mạch và tách ra một sợi dây điện màu xanh lá cây rồi kế tiếp là một sợi dây điện màu đỏ, để lộ ra các mối dây có ánh bạc đã bị sòn. Bà chập hai đầu dây điện ấy vào với nhau khiến động cơ của chiếc tàu cao tốc hụp lên rồi tắt ngấm. “Chết tiệt”, bà lầm bầm. Kiểu này thì chẳng cần phải có nhiều cố gắng để toàn thể dân trên đảo nhanh chóng kéo đến bến cảng này.

MacNeil thò tay qua để điểu chỉnh van điểu tiết gió cung cấp cho động cơ. Rồi anh nói, “Hãy thử lại một lần nữa xem.”

Lần này, động cơ khởi động được rồi bắt đầu chạy đều. Tiến sĩ Castelli xoắn các đầu dây của hai sợi dây điện ấy lại một cách thành thạo để thiết lập một sự tiếp xúc thường trực rồi giao cho MacNeil ngửa phía sau bánh lái. Động cơ của chiếc thuyền vẫn ưỡn ỏi nổ rời rạc, MacNeil đẩy nhẹ chiếc

van đi đầu tiết gió trước khi tăng ga. Khói và mùi dầu cặn tràn ngập trong không khí.

“Mở đôi lẹ lên”, MacNeil hét to, ngay lập tức bà tiến sĩ nghiêng người về phía trước để tuột nút thông lỏng của sợi dây chèo cột thuyền ra khỏi đầu chiếc cọc neo bằng gỗ. MacNeil gài số, nắm chặt bánh lái rồi giảm ga. Mũi thuyền đột ngột vọt lên cao khi nước ở đuôi thuyền được quật tung lên thành một luồng bọt trắng; con thuyền loạng choạng quay hướng để ra khỏi vùng bóng tối của bến cảng rồi lao nhanh vào thủy trình chính của dòng sông.

Ở phía sau, họ nghe được những giọng nói đầy giận dữ cất lên, tiếp theo là một vài phát súng. MacNeil cúi xuống theo bản năng, nhìn thấy những chùm bụi nước li li tung lên trắng xóa mặt sông Thames bởi những viên đạn được nhắm bắn về hướng hai người đang chạy trốn. Anh tự hỏi tại sao người dân trên Đảo Chó lại phải lo lắng đến vậy. Nếu như vị tiến sĩ kia và anh có mang theo mầm bệnh cúm thì dù sao lúc này cũng đã là quá muộn.

MacNeil lái thuyền đi theo hình chữ chi để tiến về phía bờ bên kia, ngoài tầm bắn của những khẩu súng trường trên đảo; thế rồi anh quay lại và nói với Tiến sĩ Castelli, “Chúng ta sẽ cho thuyền chạy nhanh hơn để sớm đi hết quãng đường. Có một bến tàu tại Con mắt London.” Bà gật đầu, và khi họ đến bờ nam, anh cho thuyền quay ngược về phía bắc để băng qua dòng nhánh của con sông, giữ khoảng cách với Đảo Chó đang thức giấc vì sợ hãi bên kia mặt nước.

# CHƯƠNG HAI MƯƠI BẢY

## I

Ánh đèn thành phố trải rộng ở phía dưới, cả một mớ hồ lớn không đồng đều của các khu thị tứ lộn xộn chen chúc nhau nối tiếp nhau chung quanh dòng chảy ngoằn ngoèo về phía đông của con sông Thames. Tòa nhà Quốc hội, Tòa nhà Văn phòng Quốc hội được đặt tên là Portcullis gây tranh cãi, tầng bằng bê-tông được biết là trụ sở Bộ Quốc phòng - mà có tới hai phần ba khối lượng của nó chìm trong lòng đất. Xa xa về phía bên phải, ánh đèn của Bệnh viện St. Thomas, và xa hơn nữa là công trường xây dựng trong Công viên Đức Tổng Giám mục, nơi bộ xương của Choy được phát hiện cách đây mới khoảng hai mươi bốn tiếng đồng hồ trước, đặt để sẵn sàng một chuỗi các sự kiện không thể đoán trước dẫn đến đi đầu này. Công trường đã bắt đầu hoạt động trở lại sau một thời gian gián đoạn ngắn ngủi qua đêm, công nhân đi đi lại lại trong công trường như những con kiến màu cam nhỏ bé bên dưới ánh đèn hồ quang. Quá xa để có sự cứu giúp. Ngay cả nếu có ai đó nhìn lên chiếc bánh xe đu quay này, thì nó vẫn không có ánh sáng và di chuyển quá chậm để thu hút sự chú ý.

Amy đã quan sát khoang hành khách ở phía trên trong suốt quá trình nó đi lên cho đến khi nó đến được chỗ cao nhất và bắt đầu rời khỏi vị trí đó rồi lại từ từ lăn xuống. Khoang hành khách có Amy ngồi trong đó lúc này đang tự hào ngự trị trên đỉnh của chiếc bánh xe đu quay khổng lồ này, làn không khí lạnh giá trước bình minh thổi mạnh như quạt quanh những cánh cửa đang mở của nó. Ngọn gió rít lên xuyên qua tất cả các nan hoa, rên rỉ giữa các sợi dây cáp, như thể nó sống động và mang lại tiếng nói cho nỗi sợ hãi của cô.

Với một cú giật nhẹ, chiếc bánh xe đứng sừng lại và khoang hành khách lắc nhẹ theo trục của nó. Họ đã lên cao hết mức có thể lên được.

Amy không thể nhìn thẳng xuống bên dưới. Độ cao ấy khiến cô chóng mặt và buồn nôn. Cô nhìn suốt khoang hành khách hướng về phía Pinkie. Hắn ngã trên sàn, tựa lưng vào vách kính, và có vẻ như chìm vào hôn mê. Nếu có một khoảnh khắc nào đó mà một người có thể lực có thể chế ngự được hắn, thì chính là lúc này. Nhưng Amy bất lực không làm được gì. Và khi khoang hành khách dừng lại, Pinkie dường như hồi sinh. Hắn đứng dậy một cách khó khăn, để lại một vũng huyết thanh trên sàn, và loạng choạng đi ngang qua khoang hành khách để đến bên cửa. Hắn nghiêng người ra và nhìn xuống, và cô nghe thấy hơi thở của hắn lục đục trong đường hô hấp đã bị hủy hoại khi hắn hít thở làn không khí lạnh giá. Hắn quay lại rồi đặt khẩu súng dựa vào tường; sau đó, với rất nhiều khó khăn, hắn bắt đầu kéo lê thi hài của Tom về phía cửa mở.

Phải mất một lúc để Amy nhận ra hắn sẽ làm gì. “Dừng!” Cô la lên. “Xin vui lòng. Anh ta đã chết. Anh ấy xứng đáng được đối xử tốt hơn như vậy.”

Pinkie ngược lên rồi nhìn thẳng vào cặp mắt của Amy trong một thoáng. Có vẻ chúng - đôi mắt của hắn - chứa đựng một nỗi buồn kỳ lạ, long lanh niền u uất. Sau đó hắn quay trở lại với nhiệm vụ của mình, kéo lê cái xác đến gần cửa. Hắn đứng dậy, cố gắng lấy hơi, rồi dùng chân đẩy nhẹ cái xác. Tom lặng lẽ rơi vào màn đêm, đập vào phần nhô ra của bánh xe đu quay, trước khi lăn ra xa để hoàn toàn không còn được nhìn thấy trong bóng tối.

Pinkie lấy lại khẩu súng và đứng thẳng lên dựa lưng vào bức tường kính bên trái cánh cửa. Amy nhìn hắn ta với sự căm ghét và ghê tởm trong lòng. “Tôi mong cho ông thối rữa trong địa ngục.”

Pinkie cố gắng cất tiếng. Nhưng chẳng có lời nào thoát ra, ngoại trừ tiếng lục đục trong cổ họng hắn. Hắn đang nhanh chóng lịm dần.

## II

Họ đang tiến đến Cầu Tháp; Bến tàu Thánh Katharine và khối bê-tông xấu xí là Khách sạn Tháp Thistle ở bên phải của họ. Bên trái của họ là các nhà

kho đã được chuyển đổi công năng của Butler's Wharf. Cách đó không xa là căn hộ của Amy, tối đen và trống trải. Gió mạnh thổi ngược từ cửa sông lên, và dòng chảy của thủy triều đã giúp họ tiến lên phía trước. Đường rẽ nước phía sau con thuyền của họ phát sáng màu xanh lá cây, giống như một luồng nước phun sáng phản chiếu trong nước.

MacNeil cố giữ sự tập trung của mình vào dòng sông phía trước. Lối cũ vào cổng Traitor ở Tháp London đã bị xây gạch đẽ bít đi. Và không có một dấu hiệu nào của sự sống trên con tàu HMS Belfast khi họ cho thuyền chạy chậm lại, ngang qua nơi neo đậu của con tàu cổ này. Một ngàn năm lịch sử chen chúc trên các dải đất dọc bờ sông đều tập trung chung quanh họ. Con tàu cổ Golden Hind, Nhà hát Globe, Nhà thờ St. Paul, và hết cây cầu này đến cây cầu khác bắc qua dòng nước của một con sông đều mang những chứng tích cho mọi thứ, từ việc chặt đầu các vị vua cho đến trận đại hỏa hoạn ở London và những trận không chiến của Đức Quốc xã. Tất cả những nỗ lực của con người, ngu ngốc cảm hứng và sự độc ác, thiên tài và ác quỷ, đã dẫn đến kết cục đáng buồn này. Mọi người thu mình trong nhà, sợ hãi khi đi trên đường phố, co cụm lại với một cuộc sống đầy sợ hãi và ghê tởm bởi một sinh vật đơn bào gây chết chóc.

Anh quay sang Tiến sĩ Castelli. Có lẽ bây giờ đã đến lúc đối đầu với sự thật. Anh hỏi, “Vậy theo bà thì đi đâu gì đã xảy ra với Choy và Blume?”

Bà tiến sĩ lắc đầu. “Ai biết được? Stein-Francks đang theo đuổi một loại vắc xin. Cố gắng dẫn đầu cuộc chơi. Nhưng có rất nhiều công ty khác cũng làm như vậy. Rốt cuộc, bất kỳ ai có thể sản xuất một loại vắc-xin hiệu quả sẽ kiếm được hàng tỷ USD. Ông biết đấy, chỉ riêng EU đã dành hơn một tỷ euro hàng năm để mua vắc-xin và thuốc kháng vi-rút trong trường hợp có đại dịch.” Bà nhìn chăm chăm trên mặt nước. “Nhưng họ chỉ có thể sản xuất vắc-xin trước cuộc chơi bằng cách tạo ra một phiên bản vi-rút nhân tạo có thể truyền dễ dàng từ người sang người. Bằng cách nào đó, thần đèn đã ra khỏi cái chai. Hẳn là Choy đã bị nhiễm bệnh. Chỉ có Chúa mới biết như thế nào. Cô bé đã đi theo trường của mình đến Sprint Water trong kỳ nghỉ tháng Mười và vô tình truyền nó cho hàng trăm người khác.”

Tiến sĩ Castelli hít một hơi thật sâu. “Vấn đề về trẻ em là, chúng chỉ là những chiếc lồng ấp hiệu quả nhất mà người ta có thể có được. Và chúng thật là hữu hiệu trong việc truyền nhiễm. Hầu hết người lớn đều bị lây nhiễm ngay từ trước khi có sự tấn công của các triệu chứng, thế rồi ủ bệnh



trong bốn hoặc năm ngày sau đó. Trẻ em lây nhiễm vi-rút từ sáu ngày trước khi có triệu chứng, cho đến hai mươi một ngày sau đó. Chúng là những trái bom hẹn giờ biết đi. Chúng không hề biết mình đang nhiễm bệnh, nhưng chúng đang truy ền bệnh cho tất cả mọi người mà chúng gặp - khi chúng nói chuyện, ho, hắt hơi. Người ta chạm vào những thứ chúng đã chạm vào và người ta bị nhiễm bệnh. Thời gian ủ bệnh thường từ một đến ba ngày, và tính trung bình thì một người lớn sẽ lây cho hơn một người mà chưa tới hai người. Trẻ em tạo sự lây nhiễm nhanh hơn thế và trong các cộng đồng khép kín, chúng truy ền con vi-rút ấy đi như cháy rừng.”

“Thế thì, một cuộc cắm trại của các trường học với vài nghìn trẻ em khác chỉ có thể là nơi t ối tệ nhất để gửi đến đó một đứa trẻ đã bị nhiễm bệnh?” MacNeil hỏi.

“Nếu ông là một kẻ khủng bố sinh học, ông khó có thể chọn được một kịch bản tốt hơn.”

“Nhưng Stein-Francks đâu có phải là những kẻ khủng bố sinh học.”

“Không, họ chỉ đang cố gắng kiểm tra. Nhưng lần này họ đã thực hiện một vụ giết người lớn lao hơn đi ều họ mong đợi. Hàng triệu người đang chết bởi vì cách này hay cách khác, ở một nơi nào đó trong thời gian sự kiện diễn ra, họ đã mắc kẹt. Và Choy sẽ là bằng chứng sống cho đi ều đó. Tiêu diệt cô bé, người ta tiêu hủy chứng cứ.”

MacNeil buộc mình phải tập trung vào những gì Tiến sĩ Castelli đang nói, để cố gắng theo dõi chuỗi suy luận hợp lý của bà tiến sĩ. “Tôi không hiểu. Chắc chắn cô bé cũng nhiễm cùng một loại vi-rút như những người khác, vì vậy đi ều đó sẽ không chứng minh được đi ều gì.”

“Không. Vi-rút của đứa bé ấy khác, ông MacNeil ạ. Chính ông đã nói với tôi rằng phòng thí nghiệm cho biết phiên bản H5N1 của Choy đã được biến đổi gen.”

“Đúng vậy.”

“Vì vậy, nó khác với con vi-rút đã lây nhiễm cho những người khác.”

“Làm sao có thể như vậy được?”

“Bởi vì nó đột biến.” Tiến sĩ Castelli nhún vai như thể đó là đi ều tự nhiên nhất trên thế giới. Đi ều đó vốn là thế. “Vi-rút cúm thực hiện đột biến vào mọi lúc - chuyển đổi kháng nguyên, phối trí lại, tổ hợp lại. Đó là lý do khiến loại vắc-xin mà Stein-Francks sản xuất không có tác dụng. Tất

nhiên, họ đã biết việc đột biến ở vi-rút là đi đâu không thể tránh, nhưng không nhiều như nó đã xảy ra. Lại nữa, chúng tôi không hề biết rằng loại vi-rút đang giết chết tất cả mọi người hiện nay lại được phát triển từ một thứ gì đó do con người tạo ra.” Bà ngoắc ngoắc một ngón tay về phía MacNeil. “Nhưng đây là vấn đề. Chúng tôi biết rằng Choy đang ở tâm điểm của đại dịch và nếu chúng tôi có thể so sánh vi-rút của cô ấy với vi-rút được sử dụng để sản xuất vắc-xin Stein-Francks, chúng tôi sẽ biết ngay nó đến từ đâu. Tốt như một dấu vân tay. Ông không thấy sao? Đó là lý do khiến họ phải loại bỏ cô ấy.”

Bấy giờ họ trên đường đến Kings Reach, phía trước là Cầu Waterloo, ở bên trái là Trung tâm Bờ Nam. Họ đã có thể nhìn thấy Con mắt London khiến cho các tòa nhà ở phía nam sông nhỏ lại, nhưng lúc này toàn khu vực ấy tối tăm, im lìm và tĩnh lặng, phản chiếu ánh đèn thành phố nhờ có nền trời đen. Chẳng có cách nào để MacNeil biết được rằng Amy đang là một tù nhân ở khoang hành khách trên cùng, được canh giữ ở đó bởi người đàn ông mà anh đã kéo ra từ một chiếc xe đang cháy trên cầu Lambeth hai tiếng đồng hồ trước. Nhưng anh biết chắc rằng một khi chiếc thuyền của anh đi qua Sảnh Lễ hội Hoàng gia, và đi dưới cầu Hungerford, con thuyền sẽ phơi ra trước bất kỳ ai đang quan sát dòng sông từ Con mắt London. Tuy vậy, Blume sẽ không tưởng tượng được rằng họ đến bằng thuyền. Y sẽ ngồi trên tay lái ở phía xa để quan sát con đường. Nếu họ tắt máy thuyền rồi lặng lẽ cập cầu tàu, họ có thể có khả năng bắt được y và bất kỳ kẻ đồng phạm nào mà tất cả đều không ngờ.

Khi con thuyền đi qua bên dưới những chiếc cầu dành cho người đi bộ mới xây treo lơ lửng ở hai bên cầu đường sắt chở các đoàn tàu vào Charing Cross, anh tách hẳn hai đầu dây mà Tiến sĩ Castelli đã nối lại để cho động cơ ngưng hoạt động. Họ lặng lẽ xuất hiện ở con rạch ngắn dẫn vào cầu tàu đối diện trụ sở Bộ Quốc phòng.

Hai lối đi được gia cố bằng các thanh dầm ở hai bên nền của công trình bánh xe đu quay dẫn thẳng đến sân đỗ bộ của Con mắt London. Một chiếc tàu du lịch to lớn được buộc chặt ở đó, nhẹ nhàng dập dềnh trên sóng nước. MacNeil nhìn lên tòa kiến trúc rộng lớn cao vút trước mặt. Chỉ khi người ta đến gần công trình này, toàn bộ quy mô của nó mới thực sự tạo ra tác động. Anh có thể thấy một ánh đèn trong chiếc chòi đi đâu khiến ở bên

kia khu vực lên xuống những khoang hành khách của bánh xe đu quay này, nhưng ở đó không có dấu hiệu của sự sống.

Anh thận trọng lái thuyền cập mạn cầu tàu và nhảy ra để buộc dây dõ vào lan can màu trắng chạy dọc thân thuyền. Con thuyền nhỏ tiếp tục va đập vào mép cầu tàu. Anh quỳ xuống bên cạnh nó. Tiến sĩ Castelli nghĩ rằng anh sẽ giúp bà lên bờ, nhưng thay vào đó, anh thì thầm: “Tôi muốn bà ở lại đây.” Bà định phản đối, nhưng anh đã kịp cắt lời. Anh bảo, “Bọn này là những kẻ giết người. Đừng lộn xộn.”

Bà tỏ vẻ cam chịu và nghiêng người vào thuyền để lấy lại khẩu súng trường mà họ đã thu giữ từ người canh gác trên Đảo Chó. “Vậy thì ông sẽ cần đến khẩu súng này.” Nhưng anh lắc đầu. “Bà giữ lấy nó. Bất kỳ ai đến gần, hãy bắn ngay.”

“Nếu đó là ông thì sao?”

Anh ném cho bà tiến sĩ một ánh nhìn. “Hãy tạo một ngoại lệ.”

“Thôi được!”

Anh nhún mình nhảy qua thành lan can và chạy lúp xúp trên một đoạn đường dốc có mái che để đến lối đi bộ ở đầu cực nam của cầu tàu. Tại đó, anh dừng lại và chăm chú nhìn về phía nền công trình. Bốn chiếc động cơ màu đỏ khổng lồ, mà những bánh xe ròng rọc bằng cao su của chúng hoạt động như những chiếc đai có chấu để làm quay vành bánh xe đu quay lớn, im lìm nằm đó. Ngoài ánh sáng rực rỡ của chiếc bóng đèn trong chòi điểu khiển, vẫn không có dấu hiệu nào của sự sống. MacNeil hiện ra từ bóng tối của đoạn đường dốc nối và cảm thấy dễ bị tấn công bên dưới lớp thủy tinh hữu cơ trong suốt của lối đi bộ khi anh chạy lướt đi thật êm khoảng ba mươi thước để đến bờ kè. Khi đã vượt qua lối đi bộ ấy, anh nhìn lên một cầu thang xoắn ốc dẫn lên vùng bóng tối trên cao, lối vào để bảo dưỡng cho những chiếc động cơ khổng lồ treo bên trên. Phía trước, một cánh cổng hình ống ngăn không cho anh tiến xa hơn. Nó khua lách cách khi anh leo lên rồi tuột xuống phía bên kia.

Những con dốc ngoằn ngoèo dẫn lên đến bộ tiếp nhận hành khách của chiếc bánh xe đu quay - nơi hàng ngàn người từng xếp hàng mỗi ngày để trải nghiệm cảm giác hồi hộp của chuyến đi - trông có vẻ dọa dẫm một cách kỳ lạ trong tình trạng trống vắng của chúng. Anh nghe được tiếng gió reo lên qua các nan hoa được căng ra của bánh xe và làm rung chuyển

những cành cây trơ trụi phía trên phòng chờ ngoài trời. Những sợi dây cáp chắc nặng, có bề dày bằng chân người, sà xuống trên đầu để neo chặt kết cấu vào khối bê-tông. Có một vài gian hàng hình tròn, tất cả đầu đóng cửa. Một quán cà phê sân hiên, hoang vắng chẳng biết tự bao giờ; xa hơn nữa, một công viên vui chơi trông đìu hiu buồn tẻ khi không có tiếng nói của trẻ em đã từng mang lại sự sinh động.

Blume đứng bên một bức tượng được dựng lên để tưởng nhớ Lữ đoàn Quốc tế, những người đã tình nguyện giúp đỡ nhân dân Tây Ban Nha trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít. Những nắm đấm giơ cao, những gương mặt hướng tới thiên đường. Một phần tư quân số của lữ đoàn này đã chết. Y quay lại, kinh ngạc khi nghe giọng nói của MacNeil. “Mày có ba mươi giây để cho tao biết mày đã làm gì với cô ấy trước khi tao bẻ cổ mày ra.”

Sự căng thẳng của y nhường chỗ cho một nụ cười, gần như thoải mái. “Chà, đi đâu đó thật là ngu ngốc đối với ông, ông MacNeil ạ. Bởi vì cô ấy sẽ gãy nhiều hơn cổ nếu có bất kỳ đi đâu gì xảy ra với tôi.”

“Cô ấy đâu?” MacNeil lo lắng. Anh đã tin chắc rằng Blume hoàn toàn đơn độc trước khi tiến hành cuộc gặp gỡ. Còn nữa, mặc dù vậy, tại sao Blume lại tự phơi mình ra như thế này, một mình và không được bảo vệ, trừ khi y cảm thấy tự tin rằng y có lợi thế hơn anh?

Blume ngửa đầu ra sau rồi nhìn lên trời. Y nói, “Cô ấy ở trên đó.” Trong một khoảnh khắc MacNeil không hiểu, cho đến khi anh quay lại và nhìn theo ánh mắt của Blume để nhận ra y đang nói về chiếc bánh xe đu quay. Blume mỉm cười trước sự bối rối của MacNeil. Y bắt đầu đổi giọng, “Ngay ở chỗ cao nhất, chỗ ngắm tốt nhất trong tòa nhà này, hoàn toàn miễn phí. Nhưng đó là đường xuống địa ngục - nếu ông bạn là một kẻ không biết đi đâu.”

MacNeil nhìn y chằm chằm, từng thớ thịt của anh kêu gào anh phải tấn công gã này. Anh đã phải có một cố gắng cao tột của ý chí để tự kiềm chế. Anh hỏi, “Vậy mày muốn gì?”

“Tôi muốn biết ông bạn đã biết những gì, và những người nào khác cũng biết những đi đâu đó.”

Ánh mắt của MacNeil tình cờ nhìn thấy dòng chữ được khắc trên bệ đá cẩm thạch màu đen của bức tượng. *Họ đã đi, bởi vì với ý thức đầy đủ của*

*mình họ không thể nhìn thấy con đường nào khác.* Anh nói, “Tao biết đã có một loại rủi ro nào đó. Rằng Choy đã bị nhiễm vi-rút cúm mà mày đang nghiên cứu. Rằng toàn bộ đại dịch này đang xảy ra bởi vì đã có nhiều người bất cẩn.”

Blume đảo mắt rồi lắc đầu và nói. “Đó có phải là những gì ông bạn nghĩ không? Có thật như vậy không? Độ lượng biết là chừng nào.”

“Ý mày là thế nào?”

“Tôi muốn nói rằng đó không phải là một tai nạn, ông MacNeil ạ. Chúng tôi đã hoàn toàn cố tình gây nhiễm cho cô bé Choy tội nghiệp. Và chúng tôi đã gửi cô ấy đến Sprint Water khi biết - không, phải nói là chúng tôi hy vọng - rằng cô ấy sẽ gây ra đại dịch.”

Bất kỳ đi đâu gì có thể được MacNeil mong đợi để nghe thì đều không phải là đi đâu này. Lời thú nhận đơn giản của Blume khiến cho người ta sững sờ về mức độ của nó. Đến độ MacNeil không thể nghĩ ra đi đâu gì để nói, ngoại trừ, “Sao vậy?”

Blume thở dài. “Đó là một câu chuyện dài và đau đớn, ông MacNeil ạ. Stein-Francks đang trên bờ vực của sự sụp đổ. Một sự sụp đổ thảm khốc. Mà mọi chuyện đã tiến triển rất tốt. Có thể nói, một số tiền nhất định đã được đổi chủ. Một số quan chức tại Tổ chức Y tế Thế giới đã tuyên bố FluKill là loại thuốc được lựa chọn để chống lại đại dịch cúm gia cầm mà mọi người đều dự đoán.” Y mỉm một nụ cười buồn bã. “Đi đâu này đã không làm hài lòng các đối thủ cạnh tranh của chúng tôi tại Roche. Về cơ bản, chúng tôi đã đưa Tamiflu ra khỏi lĩnh vực kinh doanh.” Y khoanh tay trước ngực rồi dựa người vào bức tượng Lữ đoàn Quốc tế. “Tất cả các nước lớn ở phương Tây đã đặt hàng. Và tôi đang nói tới hàng tỷ. Tất nhiên, người ta phải đầu cơ để tích lũy. Và vì vậy chúng tôi đã đầu tư rất nhiều vào sản xuất. Chúng tôi đã phải tăng sản lượng để đáp ứng nhu cầu. Chúng tôi bắt đầu xây dựng một cơ sở sản xuất mới ở Pháp. Chúng tôi đặt tất cả trứng vào một giỏ - hay trong trường hợp này là vào một ổ. Nhưng dường như đó là một đi đâu chắc chắn. Mọi người đều cần có FluKill. Thế rồi... xem nào, thế rồi người Việt Nam, người Campuchia và người Trung Quốc bắt đầu giết hàng triệu con chim. Hàng triệu! Thiệt hại kinh tế là không thể tưởng tượng được. Nhưng họ đã làm đi đâu ấy. Và chỉ trong thời gian của một mùa dịch, mối đe dọa bắt đầu mờ dần. Dịch cúm gia cầm qua đi, những câu chuyện hù dọa bắt đầu biến mất khỏi các cột báo. Ngay cả

WHO cũng bị phân tâm bởi các vấn đề khác. Và các chính phủ trên toàn thế giới đột nhiên quyết định rằng họ có những ưu tiên khác đối với số tiền mà họ đã dành cho FluKill. Các đơn đặt hàng đã bị hủy. Những hứa hẹn đặt hàng khác không bao giờ thành hiện thực. Stein-Francks hầu như hoàn toàn kiệt quệ, ông MacNeil ạ. Ồ, chúng tôi vẫn còn nhiều tiền. Vấn đề là, tiền đã nằm ở tất cả những chỗ trật lất. Hầu hết là ở một sản phẩm mà chẳng còn ai muốn mua nữa.”

Sự hiểu biết bắt đầu hé mở trong tâm trí của MacNeil, giống như sương bắt đầu tan vào một sớm mùa thu. Anh bình luận, “Như vậy, vì không có thị trường cho thuốc của mày, mày đã quyết định tạo ra một thị trường.”

Blume chậm rãi gật đầu. “Thế là hầu như tổng kết hết những điểm chính yếu rồi. Chúng tôi biết rằng chúng tôi đang chơi với lửa, nhưng thực sự chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi có thể kiểm soát được tình hình. Hãy sản xuất một phiên bản của H5N1 có thể lây lan dễ dàng giữa người với người, rồi sau đó sản xuất vắc-xin để ngăn họ mắc bệnh. Tất nhiên, không phải trước khi tất cả các đơn đặt hàng FluKill đó đã được thực hiện. Đương nhiên, chúng tôi biết vi-rút sẽ đột biến. Nhưng chúng tôi hình dung rằng gần như chắc chắn nó sẽ vẫn nằm trong phạm vi của vắc-xin. Tôi e rằng đó chính là nơi mà mọi chuyện trở nên sai lầm.”

Y nhìn MacNeil, và người Scotland to lớn này thấy được nỗi ân hận trong ánh mắt của y. Nhưng MacNeil biết rằng đó không phải là nỗi ân hận cho tất cả những sinh mạng đã mất. Blume chỉ hối tiếc rằng mọi chuyện đã “trở nên sai lầm” vì cùng những lý do thương mại đơn giản đã thúc đẩy y ngay từ đầu. MacNeil nói “Hàng triệu người sẽ chết. Cũng cả hàng triệu người đã chết.”

Blume nói ra điếu bực tức của y. “Đi đâu đó có mang lại sự khác biệt nào không? Một mạng sống, một triệu, mười triệu. Đó chỉ là vấn đề về mức độ.”

MacNeil nhẹ nhàng phản bác “Mày nói đúng. Nhưng chỉ vì cuộc sống của mỗi cá nhân là quan trọng. Và khi cuộc sống đó chính là của mày hoặc của ai đó gần gũi với mày, thì đó lại là chuyện cá nhân.”

“Chính xác.”

“Giống như việc mất đi một đứa con trai.”

Blume nhìn anh, và lần đầu tiên lòng tự tin của y bị dao động rõ rệt. “Tôi xin lỗi về điều đó”, y nói.

“Không, mày không xin lỗi như thế được. Mày đã giết thằng bé. Cụ thể như là mày đã cầm lấy khẩu súng và bắn một viên đạn vào đầu đứa bé. Cũng cụ thể như mày đã giết cô gái Trung Quốc nhỏ bé đó rồi róc da róc thịt của cô ấy. Đứa con gái của chính mày!”

Blume chu mỏ thở ra với thái độ khinh khỉnh. “Con bé ấy không phải là con gái tôi. Ngay cả con gái nuôi của tôi cũng không. Giấy tờ của cô ấy sẽ cho ông bạn biết rằng cô ấy đã được ông bà Walter Smith nhận nuôi, bất kể họ có thể là ai. Trong thực tế, chúng tôi đã mua cô ấy. Trên thị trường quốc tế. Thật ngạc nhiên khi con người có thể được mua với giá rẻ như vậy trong thời đại ngày nay. Theo nghĩa đen. Và những đứa trẻ bị biến dạng như vậy, xem nào, chúng chỉ có giá trị tính theo tiền xu.”

MacNeil hình dung cái đầu mà Amy đã tạo ra từ hộp sọ của đứa trẻ, và tự hỏi cô bé ấy đã từng biết đến những nỗi thống khổ nào. Bị bố mẹ đẻ vứt bỏ, bị mua bán, bị buôn lậu qua biên giới. Chỉ có Chúa mới biết cô đã phải chịu đựng những sự đối xử như thế nào dưới bàn tay của những người đàn ông và đàn bà đã bóc lột cô một cách tàn nhẫn. Thế rồi, đột nhiên, cô bé thấy mình đang sống ở một vùng ngoại ô giàu có của London, đang theo học tại một trường học địa phương, được gửi đến Sprint Water trong một kỳ nghỉ. Chắc hẳn cô ấy vẫn nghĩ rằng mình đã chết và lên thiên đường. Nhưng thực sự chỉ để bị lây nhiễm bởi một loại bệnh cúm chết người, và khi căn bệnh ấy thất bại trong việc giết được cô bé, thì cô đã bị giết hại bởi chính những người mà có lẽ cô bé đã tin tưởng.

“Cô ấy được cho là đã chết vì bệnh cúm”, Blume nói, “và đã được hỏa táng cùng với tất cả những người khác. Làm thế nào để ai đó trong chúng tôi có thể dự đoán rằng cô ấy sẽ sống sót sau đó? Chúng tôi không đủ khả năng để giữ cô ấy bên cạnh, như một bằng chứng sống cho những gì chúng tôi đã thực hiện. Nhất là đối với người phụ nữ thuộc Cơ quan Bảo vệ Sức khỏe kia không ngờ dò dẫm.”

MacNeil nói “Mày không phải là con người.” Anh tiến lên một bước về phía y; ngay lập tức Blume rút ra từ túi áo khoác một khẩu súng lục. Y run rẩy chĩa khẩu súng vào viên cảnh sát. “Điều đó chỉ là sai sót không đáng kể”, y nói. “Như vậy, sẽ không có bất kỳ thương lượng nào với ông, có phải vậy không, ông bạn MacNeil.”

MacNeil cảm thấy đôi môi mình đang run lên vì tức giận. “Không. Không thương lượng gì cả.”

“Vậy thì tôi đành phải giết ông bạn thôi.”

“Đúng vậy, tôi đoán chính là tên khốn này.” Một chuyển động trong tầm nhìn ngoại vi của anh khiến anh liếc mắt sang bên phải khi hình dáng nhỏ bé của Tiến sĩ Castelli kiên quyết bước ra từ phía sau bức tượng rồi vung báng súng trường lên đập vào đầu Blume. Cú đánh khiến y bị một đòn bầm tím ngay thái dương, quăng y nằm dài trên mặt đất. Khẩu súng vắng khỏi tay y rơi vào khoảng đất có rải sỏi làm vang lên những tiếng loẹt xoẹt.

Bà quát lên, “Đồ đê tiện đáng khinh! Mày đã giết tất cả những người này chỉ vì tiền! Tao không thể tin rằng mày đã làm điếu đó. Mày... mày đã đem đứa trẻ đó gửi bọn tao, chỉ để lây nhiễm cho bọn tao với mưu đồ để bại nhục nhã của mày, như một thiên sứ nhỏ bé đáng thương của thần chết. Mày... mày...” Bà không còn lời nào để thể hiện sự tức giận của mình; thay vào đó, bà lóng ngóng kẹp khẩu súng trường dưới vai rồi gắng sức vung về phía thẳng mũi súng vào người Blume. Tên chủ mưu này chống một khuỷu tay gượng đứng lên rồi giơ một tay ra đỡ như thể điếu đó có thể bảo vệ y trước viên đạn. “Không, đừng”, y gào lên.

Ngay lúc ấy, MacNeil bước vào, đẩy nòng súng lên trời rồi giành lấy khẩu súng từ tay Tiến sĩ Castelli. Bà này nổi giận, “Ông không muốn giết thằng khốn này à?” Không thể tưởng tượng được rằng trong một tầm vóc nhỏ bé và mảnh mai như vậy mà sự tức giận và phẫn nộ lại sục sôi đến như vậy. “Chính thằng khốn này đã giết con trai của ông.”

Nhưng MacNeil chỉ lắc đầu. Anh bình tĩnh nói, “Tôi không muốn trả thù. Điếu tôi muốn là công lý. Tôi muốn y phải đối mặt với những hậu quả về hành động của y. Tôi muốn đương sự phải đối mặt trước một bồi thẩm đoàn của những người đồng cấp của đương sự, trước phán quyết của nhân tính. Tôi muốn y dành phần đời tàn tạ còn lại của y trong nhà tù ở một nơi nào đó, để mỗi giờ mỗi ngày y đều phải suy ngẫm về sự thiếu nhân tính của mình.”

Tiến sĩ Castelli hít một hơi thật sâu và nhăn mặt thể hiện sự bất bình. “Dù sao thì tôi cũng không thể nào tru diệt được cái thứ trời đánh thánh vật này.”



MacNeil ôn tồn góp ý, “Sẽ tốt hơn nếu bà theo đuổi sự an toàn.”

Một phát súng vang lên, thế rồi MacNeil nghe thấy Tiến sĩ Castelli thở hổn hển. Anh nhanh chóng quay mình lại, thấy Blume vẫn còn lê lét trên mặt đất. Nhưng y đã thu hồi được khẩu súng và nhả đạn. Lúc này y hướng nòng súng về phía MacNeil và bóp cò một lần nữa. Không có chuyện gì xảy ra. Y thử lại một lần nữa. Vẫn không có gì. Y ném khẩu súng đi, loạng choạng đứng dậy và bắt đầu chạy thật nhanh về phía chiếc bánh xe đu quay.

Tiến sĩ Castelli ngã ra sau dựa người vào bức tượng rồi nặng nề ngã xuống. Bàn tay phải của bà vung ra ôm lấy bên trái ngực, máu rỉ ra qua các ngón tay. Bà kêu lên, “Tôi bị bắn”, choáng váng vì sự việc xảy ra quá đơn giản.

MacNeil quỳ xuống bên cạnh bà. “Tôi có thể làm gì?”

“Hãy đuổi theo tên khốn ấy.”

“Tôi không thể để mặc bà trong tình trạng này được.”

Bà nói: “Viên đạn không vào tim, nếu không, tôi đã chết mất rồi. Và tôi vẫn đang thở, vì vậy tôi nghĩ nó cũng không phạm vào phổi. Hãy đi đi!”

MacNeil không cần thêm lời thúc giục. Anh quay người chạy theo Blume. Sau cùng, anh vẫn còn có trách nhiệm với Amy. Và có lẽ cô ấy không ở một mình trên đó, trong cái khoang hành khách ấy.

Nhưng khi đến gần bánh xe đu quay, anh nhận ra mình đã mất dấu Blume. Anh chạy lên đoạn đường dốc đến phòng đi ô tô khiễn. Phòng đi ô tô khiễn vắng lặng. Thế rồi âm thanh lạch cạch của tiếng chân dẫm trên kim loại thu hút ánh mắt của anh về phía cặp cầu thang xoắn ốc bên cạnh chiếc động cơ khổng lồ ở phía đông bắc của công trình Con mắt London. Blume đang chạy theo đường thang xoắn ốc bên trái, hướng ra vành ngoài của bánh xe đu quay, bắt buộc phải bước những bước ngắn mà nguy hiểm. MacNeil đã bám sát được y. Nhưng khi còn đang ở trên đường xoắn ốc, Blume đã chuyển sang chiếc thang tròn chạy quanh đường viền ngoài của bánh xe. MacNeil ngược nhìn y, đầy ngờ vực. Gã này đã mất trí. Rõ ràng, y nghĩ rằng mình có thể leo hết đoạn đường lên đỉnh của bánh xe để đến được khoang hành khách nơi Amy đang bị giam giữ. MacNeil không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đuổi theo y, cho dù anh thích hay không.

Trên đỉnh của chiếc thang xoắn ốc, anh ngoảnh lại nhìn xuống và thấy Tiến sĩ Castelli đang ở đoạn đường dốc bên dưới. Bà đang bám chặt vào lan can và ngược lên nhìn anh chăm chăm. Anh hét to về phía bà ấy “Hãy xem liệu bà có thể bắt đầu việc này được hay không!” Rồi anh quay lại và đu mình vào đường cong bên trong của chiếc thang. Anh ngửa đầu ra sau và nhìn lên. Blume đã ở phía trên anh chừng trên hai chục mét, bò từ bậc thang này sang bậc thang khác như một kẻ bị ma ám. MacNeil bắt đầu leo lên, đôi tay đau nhói vì bong bên dưới lớp băng.

Anh biết chẳng có ích gì khi cố gắng rút ngắn khoảng cách với Blume quá nhanh. Anh phải tiến lên thật vững vàng, từng nấc một, bước này theo sau bước kia. Đừng nhìn xuống. Nhưng ngay khi ý nghĩ đó lọt vào đầu, anh lại nhìn xuống. Dường như anh đã vượt được một chặng đường dài không thể tin được trong một thời gian rất ngắn. Anh có cảm tưởng quả tim đã choán hết chỗ trong lồng ngực đến nỗi anh sắp nghẹt thở. Anh bị trượt chân và suýt ngã. Nỗi sợ hãi đã khiến anh suy nhược. Nhìn lên đi; anh tự nhủ. Và khi nhìn lên, anh thấy Blume đã di chuyển từ bên trong chiếc thang ra bên ngoài, như vậy y sẽ ở bên trên chiếc thang khi nó uốn vòng quanh chỗ cao nhất của chiếc bánh xe đu quay. MacNeil bước dồn chân.

Lúc này gió đang giật dữ dội trên chiếc áo khoác anh mặc trên người, reo lên giữa những nan hoa chung quanh anh. Bởi những cơn đau bị thiêu đốt, anh cảm thấy hai bàn tay bắt đầu tê cóng vì lạnh. Chiếc thang đã đến chỗ người leo lên phải nghiêng về phía sau. Thời điểm để chuyển hướng. Anh xoay người để nắm bắt được một bậc thang bên ngoài rồi dò dẫm tìm chỗ đặt chân với đôi giày Doc Martens đang mang hoàn toàn không thích hợp trong hoàn cảnh này. Tình trạng hầu như không còn chút sức lực nào trong hai cánh tay của mình khiến anh kinh hoảng. Và trong một vài khoảnh khắc anh chỉ bám được vào mép ngoài cùng của bánh xe đu quay, thành phố nghiêng đi theo một góc kỳ lạ ở dưới kia. Anh có thể nhìn thấy bốn cột ống khói cao đang phun ra chất liệu phế bỏ thuộc con người từ Trạm điện lực Battersea cũ. *Tôi Nghĩ được thì Tôi Làm được. Chào mừng Đến với Thế hệ Ý tưởng.* Dường như việc anh chạy xe ngang qua những bức tranh cổ động mang những khẩu hiệu ấy để tìm một gã tên là Kazinski đã trôi qua từ rất lâu.

Xa xa về phía bên trái, vượt qua Bệnh viện St. Thomas, là công trường xây dựng nơi bắt đầu tất cả những chuyện này. Giờ này sáng hôm qua, anh còn có một giấc mơ về việc tìm cách trốn công tác, nằm ngủ trên một chiếc giường đơn ở Islington - chiếc giường quá ngắn so với thân hình cao một mét chín mươi ba phân của mình. Giờ này sáng hôm qua, Sean vẫn còn sống. Cứ buông bỏ đi thì thật dễ dàng biết bao. Cứ việc trôi dạt vào màn đêm, và đặt một dấu chấm hết cho tất cả những việc này. Trong cái chết, đời sống mới dễ dàng làm sao. Đó là một ý niệm đầy quyến rũ. Nó đơn giản hơn anh, cảm dỗ anh. Cho đến khi anh nghĩ đến Amy.

Anh nghiêng chặt hàm răng và lại bắt đầu leo lên, càng lúc càng cao, đi theo đường cong bên ngoài của bánh xe khi nó uốn cong để lên đến đỉnh. Vào lúc này, anh đã phải nép mình lại ở trên đấy, tìm cách đối phó với tình thế để giữ gìn sự sống quý giá này khi cơn gió vẫn cố gắng hết sức để giật mạnh anh ra khỏi chỗ ấy. Anh nhìn lên và thấy khoang hành khách cao nhất đã gần như ở ngay trên đầu mình. Anh đã có thể nhìn thấy hai hình nhân đang chuyển động bên trong, và tiếng thì thầm hết sức mờ hồ của một hình bóng ở đâu đó ngay giữa khoang. Cái bóng đó có thể là Amy, nhưng anh không chắc. Đi đâu chắc chắn mà anh biết là Blume đã được an toàn ở bên trong, còn anh ở ngoài này, phải phơi mình trước đêm tối trong tình trạng thật kinh hoàng, cách mặt nước lạnh như băng của sông Thames khoảng một trăm ba chục mét ở bên dưới. Chỉ thêm vài bậc thang nữa là anh ở ngay bên dưới lồng kính cao nhất này, ở chỗ họ không thể nhìn thấy anh. Anh bám vào phần nhô ra được cấu tạo bởi những vật liệu hình ống rỗng vươn cổ ra nhìn để tìm một con đường đi lên. Các cánh cửa của khoang hành khách tách ra làm đôi và trượt qua hai bên. Anh có thể đu mình lên phần cánh cửa bên trái và bám lấy gờ cửa hẹp mà họ dùng để lên xuống khoang tàu.

Anh thu mình ở đó, trong bóng tối của chiếc khoang hành khách, bị vùi dập thô bạo bởi gió vẫn lồng lộng thổi, phải nhắm mắt và tìm cách thu hết mọi can đảm lại. Nếu phải thất bại thì anh đã thất bại. Anh nghĩ đến dòng chữ được khắc ở bức tượng bên dưới. Họ đã đi, vì với ý thức đầy đủ của mình, họ không thể nhìn thấy con đường nào khác. Anh đã có ý thức đầy đủ. Đã đến lúc lên đường.

Gần như đúng lúc anh nhảy lên để chụp lấy thanh chắn chạy bằng khí nén dùng để điều khiển cánh cửa thì toàn thể bánh xe đu quay rung lên bần bật

và bắt đầu chuyển động. Tiến sĩ Castelli đã tìm ra các biện pháp kiểm soát. Nhưng đi đâu đó chỉ đủ để bà đưa ra một phán đoán sai, và MacNeil đã bám huyệt cái thanh chắn ấy. Bàn tay bị băng bó của anh chụp vào khoảng không và anh cảm thấy mình đang nghiêng về phía sau một cách hết sức bất thường. Bên dưới, thành phố nghiêng ngả và anh nhìn thấy dòng sông lệch đi chín mươi độ.

Hai khuỷu tay của anh bị kẹt vào bệ đón khách, và anh nhận ra mình bị treo ở đấy, mặt ngang với sàn khoang, nhìn vào bên trong lồng kính. Lúc nào cũng sẵn sàng bị trôi tuột đi, không thể bám chặt lại được, hai chân đạp vào khoảng không, biết mình sắp rơi xuống.

Hầu như anh không nghe thấy tiếng hét của Amy.

### III

Pinkie đã hết sức ngạc nhiên khi thấy ngài Smith đang loạng choạng leo lên đỉnh của chiếc bánh xe đu quay này và đang vươn một bàn tay ra trong cố gắng để bám được vào khoang hành khách. Hắn luôn biết rằng ngài Smith là kẻ bị ám ảnh, chỉ không biết là bị ám ảnh bởi một loại ma quỷ nào, nhưng đây dường như là một kỳ tích phi thường, ngay cả đối với hắn.

Thế rồi đến lượt MacNeil xuất hiện, tất cả đám người trong khoang tàu đều nhìn thấy anh. Chiếc áo khoác của anh bay phấp phật trong gió, gương mặt khắc lên của anh tái nhợt và thể hiện sự sợ hãi. Chẳng biết làm sao mà trông anh có vẻ rất mỏng manh, một người đàn ông to lớn, mạnh mẽ đến như vậy.

Nhưng đối với Pinkie, chẳng còn đi đâu gì là quan trọng nữa. Công việc đã hoàn thành. Đối với hắn, đây là lúc cho thấy rằng hắn đã làm đúng mọi cam kết. Hắn cảm thấy yếu và lả người đi, có phần mê sảng. Và hắn lại còn ngạc nhiên hơn khi thấy thân hình to lớn của MacNeil đột nhiên nhảy ngang qua khoảng trống tìm cách bám vào lồng kính rồi ngã ra xa, chỉ để va vào cái gờ nhỏ bên ngoài, hai tay quờ quạng cố gắng nắm lấy cái gì đó mà không nắm được.

Hắn nghe thấy ngài Smith hét lên lời chế nhạo rồi bước ra cửa. Ngài đá vào mặt MacNeil và sau đó dẫm chân lên đôi tay bị băng bó của anh này. Pinkie nhìn đôi bàn tay ấy, những mảnh băng rách nát quấn quanh những vết bỏng đau đớn. Và lần đầu tiên đến với hắn ý nghĩ về việc chính MacNeil đã lao qua ngọn lửa để kéo hắn ra khỏi chiếc xe đang bốc cháy.

“Đừng làm vậy”, hắn nói với ngài Smith. Nhưng âm thanh duy nhất phát ra là một tiếng thở thì thào, bị bóp nghẹt. “Thật không công bằng”, hắn giải thích. Nhưng ngài Smith không nghe; “Dừng lại!” Hắn gầm lên. Một tiếng ùng ục đáng sợ. Ngài Smith nghe được rồi. Ngài quay lại đúng lúc Pinkie nâng khẩu súng trường SA80 lên.

“Pinkie, chú em muốn làm gì vậy?”

Những viên đạn còn lại trong băng đạn đã đẩy ngài Smith ra khỏi cửa, và ngài bay vút lên như một trong những vị thần bảo hộ cho sự chết chóc của chính mình vào trong màn đêm.

MacNeil đang yếu dần đi. Anh không thể chịu đựng được lâu hơn nữa. Pinkie nghe thấy tiếng nức nở của Amy vì thất vọng và bất lực. Thật đáng xấu hổ, hắn nghĩ. Hắn bỏ khẩu súng trường xuống rồi loạng choạng đi ra cửa. Hắn nhìn vào cặp mắt của MacNeil. Hắn thấy được nỗi sợ hãi của anh. Đồng thời hắn cũng cảm nhận được rằng chính cuộc sống của hắn đang dần trôi đi. Hắn quỳ xuống. “Tôi xin lỗi”, hắn thì thào, và có ý như vậy. Nhưng biết rằng sẽ không ai nghe thấy hắn nói gì.

Ngay khi MacNeil trôi tuột xuống thì Pinkie kịp thời chộp được anh. Và bây giờ Pinkie đã nắm giữ anh, cuộc sống của anh thực sự nằm trong tay Pinkie. Có lẽ họ nên cùng đi với nhau. Hoặc một sinh mạng sẽ được cứu bởi bàn tay của người đàn ông đã chết này; cuối cùng, sẽ mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của chính hắn, đi đâu mà cuộc sống ấy luôn thiếu?

MacNeil nhắm nghiền đôi mắt. Anh không hiểu gì về đi đâu này. Nhưng chẳng vấn đề nào anh có thể nghĩ ra lại là vấn đề đáng đặt thành câu hỏi khi người ta sắp chết. Anh biết rằng đây chính là cái gã mà anh đã kéo ra khỏi chiếc xe đang bốc cháy trên cầu Lambeth. Và hắn chẳng có lý do gì để biết ơn anh, bởi chính vì vậy mà hắn đã bị xử tội khi đã trải qua những đi đâu chắc hẳn phải là những giờ địa ngục ở chốn trần gian. Anh bị treo ở đó ngay cuối một cánh tay đã cháy thành than và không ngớt chảy nước vàng, và khi nhìn vào cặp mắt của người đàn ông đó, anh có cảm tưởng đang nhìn vào vực thẳm. Một sự trống rỗng khổng lồ, sự trống rỗng của

bất kỳ thứ gì. Một bàn tay khác nắm lấy cổ áo anh và kéo lên. Một nỗ lực siêu phàm. Hai chân gồng lên chống vào mỗi bên mép của khuôn cửa. Một tiếng thở dài thật sâu nghe khùng khục phát ra từ những lá phổi đã bị đốt cháy. MacNeil đã bám được một chỗ để bấu tay vào mép khuôn cửa, thế rồi đặt được một đầu gối vào gờ cửa, và anh ngã vào bên trong, nằm vật ra sông soài trên mặt sàn, hoàn toàn kiệt sức.

Anh lăn tròn trên sàn đưa mắt tìm kiếm người đã cứu mạng sống của mình. Nhưng không còn ai ở đó cả. Hắn đã đi mất, vào một nơi ở đâu đó trong vực thẳm vốn chính là linh hồn của hắn.

MacNeil quay lại để nhìn thấy Amy tội nghiệp nước mắt đang chảy dài trên gương mặt; anh cố gắng gượng đứng dậy trên đôi chân mềm như bún. Thế rồi anh ngã thụp xuống bên cạnh cô trên chiếc ghế dài và ôm lấy cô bằng cả hai cánh tay.

Ở phía xa, những tia sáng đầu tiên le lói trên bầu trời mùa đông phản chiếu toàn bộ vùng thượng lưu của con sông từ phía đông lên; lần đầu tiên MacNeil cảm thấy nhột nhột ở sống mũi và có gì vương vương trong cổ họng.

## LỜI CẢM ƠN

Tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả những người đã hào phóng dành thời gian và kiến thức chuyên môn của họ trong quá trình nghiên cứu của tôi cho tiểu thuyết *Phong tỏa*. Đặc biệt, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đến nhà nghiên cứu bệnh học Steven C. Campman, MD, Chuyên viên Pháp y, San Diego, California; Joe Cummins, Giáo sư Danh dự Di truyền học, Đại học Western Ontario; Tiến sĩ A.W. (Freddy) Martin (CRFP), Nguyên Chủ tịch Hiệp hội Bác sĩ Nha khoa Pháp y Anh Quốc; Trung sĩ Hình sự George Murray, thuộc Sở Cảnh sát miền Bắc; Ông bà Graham và Fiona Kane về việc cho phép tôi mô phỏng ngôi nhà của họ; và Alison Campbell Jensen về quê và đình hương.

[1] Lý do tồn tại.

[2] Tête-à-tête: đối mặt với nhau.

[3] Trình độ O tương đương hoàn tất học trình Trung học đệ nhất cấp, Trung học cơ sở hay cấp II ở Việt Nam.

[4] Nguyên văn: Weel done, Cutty-sark.



# TABLE OF CONTENTS

Start

LỜI NÓI ĐẦU

Dẫn truyện

Chương một

Chương hai

Chương ba

Chương bốn

Chương năm

Chương sáu

Chương bảy

Chương tám

Chương chín

Chương mười

Chương mười một

Chương mười hai

Chương mười ba

Chương mười bốn

Chương mười lăm

Chương mười sáu

Chương mười bảy

Chương mười tám

Chương mười chín

Chương hai mươi

Chương hai mươi một

Chương hai mươi hai

Chương hai mươi ba

Chương hai mươi bốn

Chương hai mươi lăm

Chương hai mươi sáu

Chương hai mươi bảy

## LỜI CẢM ƠN